

ALVIN
TOFFLER

LÀN SÓNG THỨ BA

THE THIRD WAVE



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LẦN SỐNG THỨ BA

*Do điều kiện không liên hệ được với dịch giả.
Nhà xuất bản Thanh Niên thành thật xin lỗi,
kính mời dịch giả liên hệ với NXB để nhận nhuận bút.*

ALVIN TOFFLER

LÀN SÓNG THỨ BA

NGƯỜI DỊCH: NGUYỄN VĂN TRUNG
(SÁCH THAM KHẢO)

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bạn đọc đã có dịp biết đến Alvin Toffler - nhà văn, nhà tương lai học qua cuốn "Thăng trầm quyền lực".

Làn sóng thứ ba là cuốn thứ hai trong bộ sách nổi tiếng của Alvin Toffler. Cùng với "Cú sốc tương lai" và "Thăng trầm quyền lực", bộ sách này đã đưa tác giả lên vị trí nhà văn, nhà tương lai học nổi tiếng trong những năm gần đây.

Làn sóng thứ ba nhằm lý giải những biến đổi sâu rộng đang diễn ra trên khắp thế giới, trong mọi lĩnh vực, từ đời sống kinh tế, xã hội đến gia đình, tình yêu và hạnh phúc của mỗi cá nhân.

Làn sóng thứ ba chỉ rõ những biến đổi mang tính cách mạng trong khoa học - kỹ thuật và xã hội hiện đại, ảnh hưởng của nó trong việc xây dựng tương lai. Đây là cuốn sách có tầm tổng hợp quy mô lớn, miêu tả nền văn minh cũ và phác họa hình ảnh một nền văn minh tương lai. Vi tính, thông tin và khoa sinh hóa là những cơ sở của nền kinh tế tương lai mà Làn sóng thứ ba đã đề cập tới.

Khi đọc Làn sóng thứ ba, chúng tôi hy vọng các bạn sẽ tìm thấy nhiều điều thú vị. Và như chính tác giả của cuốn sách này đã nói: Làn sóng thứ ba cùng một

lúc sẽ cung cấp những câu trả lời và sẽ đặt những câu hỏi mới.

Tuy vậy trong cuốn sách này, tác giả muốn tìm cách cắt nghĩa về bản chất của các quá trình phát triển thế giới và cuộc sống của con người theo cách riêng của mình trên cơ sở những lý luận chung về chủ nghĩa Mác-Lênin về sự phát triển.

Nhưng về mặt tư liệu, cuốn sách có thể cung cấp những hiểu biết bổ ích nhất định về cuộc sống sinh động trong thế giới ngày nay.

Với mong muốn được cung cấp thông tin đa dạng, về thế giới đang có nhiều biến động, Nhà xuất bản Thanh Niên cho xuất bản cuốn này để bạn đọc tham khảo, nghiên cứu và rút ra những kết luận khoa học cần thiết theo hướng đổi mới mà Đảng ta đã vạch ra.

Chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các bạn.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN.

LỜI NÓI ĐẦU

Các tên khủng bố chơi trò chơi chết người: con tin, những tin đồn đại về một cuộc chiến tranh thế giới thứ III, các sứ quán bị đốt cháy và những nhóm quân thiện chiến có mặt ở nhiều nơi - thật là ghê rợn khi nhìn vào những dòng đầu tờ báo. Giá vàng - máy dự báo nhảy cảm về sự sợ hãi - phá tất cả các kỷ lục. Các nhà băng run sợ. Lạm phát hoành hành thoát ra khỏi sự kiểm soát. Các Chính phủ trên thế giới bị tê liệt hoặc hành động khờ dại.

Đối diện với tất cả những điều này, một nhóm hợp xướng ở Cassandras (Kátxơndờrốt) gào lên bản nhạc ngày tận thế. Những người hay ví von cách ngôn thì nói thế giới “trở thành điên loạn”, còn các chuyên gia lại nói về những khuynh hướng đưa đến thảm họa.

Cuốn sách này trình bày một quan điểm hoàn toàn khác. Nó cho rằng thế giới không trở thành điên loạn và dưới những biến cố dường như vô nghĩa, đã xuất hiện mô hình đầy hy vọng và rất kỳ lạ.

“Làn sóng thứ ba” dành cho những người trong thế giới ngày nay, đang tạo ra một môi trường mới và kỳ lạ để làm việc, chơi, cưới hỏi, nuôi con cái hoặc về hưu. Trong bối cảnh đầy hoang mang này, các nhà kinh doanh chống đỡ những

luồng kinh tế bất ổn định, các nhà chính trị thấy uy tín của họ lên xuống thất thường, các trường đại học, bệnh viện và các cơ quan khác đang chống chọi với lạm phát một cách tuyệt vọng. Các hệ thống giá trị vỡ ra từng mảnh và tan rã, trong khi những giá trị về gia đình, nhà thờ và Nhà nước hầu như bị đảo lộn.

Nếu nhìn vào những thay đổi dữ dội này, chúng ta có thể xem chúng như những bằng chứng biệt lập về sự không ổn định, sự tan vỡ và thảm họa. Thế nhưng nếu chúng ta nhìn sâu hơn, một số sự việc trở nên rõ ràng.

Nhiều sự thay đổi ngày nay không độc lập với nhau, chúng cũng không phải là ngẫu nhiên. Ví dụ, hạt nhân gia đình bị phá vỡ, khủng hoảng năng lượng thế giới, sự phát triển các loại giáo phái và tivi cáp, sự khủng hoảng về thời gian nhàn rỗi và về chương trình phúc lợi phụ, sự xuất hiện các phong trào ly khai từ Québec (Québec) đến Corsica (Kotxika), tất cả dường như là những biến cố biệt lập. Thế nhưng chính sự ngược lại mới là đúng. Những việc này cũng như nhiều biến cố và khuynh hướng khác dường như không liên quan với nhau, song lại chính là liên quan với nhau. Thực vậy, chúng là các bộ phận của một hiện tượng lớn hơn nhiều: sự diệt vong của hệ thống công nghiệp qui mô lớn để xuất hiện một nền văn minh mới.

Chừng nào mà chúng ta nghĩ về chúng như là những biến cố biệt lập và không nắm được ý nghĩa lớn này thì chúng ta không thể thiết kế được cách đối phó có hiệu quả. Sai lầm đó dẫn đến: đối với cá

nhân, những quyết định cá nhân của chúng ta vẫn còn là thiếu mục đích hoặc tự huỷ diệt; đối với Nhà nước, chúng ta sẽ bị rơi vào những cuộc khủng hoảng và mất phương hướng.

Thiếu những chuẩn mực có hệ thống để có thể hiểu được sự xung đột của các lực lượng trong thế giới ngày nay, chúng ta giống như những thuyền viên trên một con tàu bị kẹt trong một cơn bão và cố gắng lái thuyền giữa những núi đá ngầm nguy hiểm mà không có la bàn hoặc bản đồ. Trong một nền văn hoá chìm trong các số liệu chi tiết và phân tích tinh vi, sự tổng hợp không chỉ là có ích mà còn là cốt yếu.

Do đó, Làn sóng thứ ba là một cuốn sách về sự tổng hợp quy mô lớn. Nó miêu tả nền văn minh cũ mà chúng ta đã lớn lên, và phác hoạ hình ảnh một nền văn minh mới mà chúng ta đang sống.

Nền văn minh mới này rất cách mạng, nó thách đố tất cả những gì chúng ta cho là đúng trong quá khứ, những cách suy nghĩ cũ, những công thức cũ, giáo điều ý thức hệ, v.v... Thế giới đang nhanh chóng thay đổi từ sự va chạm của những giá trị và công nghiệp mới, những mối quan hệ chính trị mới, những lối sống và cách thông tin mới; đang đòi hỏi những tư tưởng và sự tương tự mới, những cách phân loại và những khái niệm mới. Chúng ta không thể đưa thế giới phôi thai của ngày mai và vào thế giới truyền thống của ngày qua.

Như thế, khi sự miêu tả nền văn minh mới kỳ lạ này mở ra trên các trang sách sắp đến, chúng ta sẽ thấy lý do thách đố sự bi quan đang thắng thế

hiện nay. Nỗi thất vọng đã thống trị nền văn hoá trong hơn một thập kỷ. Làn sóng thứ ba kết luận rằng sự thất vọng không chỉ là tội ác mà còn là không có lý do xác đáng.

Ngày nay không cần thiết phải nói tỷ mỉ về những mối nguy hiểm thật sự đang đe dọa chúng ta, từ sự huỷ diệt nguyên tử và tai hoạ sinh thái đến sự cuồng tín chủng tộc hoặc bạo động khu vực. Chiến tranh, thất bại kinh tế, thảm hoạ công nghiệp quy mô lớn - tất cả đều có thể làm thay đổi lịch sử một cách thê thảm.

Tuy nhiên, khi phát hiện nhiều mối quan hệ mới đang nảy sinh, từ việc thay đổi các dạng năng lượng và các hình thức mới về cuộc sống gia đình, đến các phương pháp sản xuất tiên tiến và phong trào tự cứu giúp nhau, chúng ta đột nhiên thấy rằng chính những điều kiện gây ra các mối nguy hiểm to lớn lại đang mở ra những tiềm lực mới kỳ diệu.

Làn sóng thứ ba chỉ cho chúng ta thấy những tiềm lực mới này. Nó cho rằng chính trong sự tàn phá và suy tàn, chúng ta có thể tìm thấy những bằng chứng rõ ràng về sự hồi sinh và sức sống. Và còn cho thấy với sự thông minh và một ít may mắn thì nền văn minh mới xuất hiện có thể là lành mạnh, hợp lý, hợp với khuôn phép và dân chủ hơn bất kỳ nền văn minh nào mà chúng ta đã biết. Nếu những lý luận của cuốn sách này là chính xác thì có những lý do xác đáng để lạc quan, ngay cả nếu những năm quá độ sắp đến dường như sẽ là đầy giông tố và khủng hoảng.

Trong những năm vừa qua, khi tôi viết cuốn

Làn sóng thứ ba nhiều độc giả hỏi tôi cuốn sách này khác với cuốn trước, Cú sốc tương lai những gì? Tôi có thể trả lời các bạn Làn sóng thứ ba cơ bản khác với Cú sốc tương lai cả về hình thức và trọng tâm. Nó nói về khoảng thời gian rộng hơn cả quá khứ cũng như là tương lai. Nó có cấu trúc khác. Trong khi Cú sốc tương lai đề nghị một số thay đổi phải được thực hiện, và nhấn mạnh cái giá thay đổi về cá nhân và xã hội thì Làn sóng thứ ba nói tới những khó khăn về thích nghi và nhấn mạnh đến cái giá phải trả vì đã không nhanh chóng thay đổi.

Hơn thế nữa, trong cuốn sách trước, khi tôi viết về Sự đến sớm của tương lai, tôi đã không phác họa xã hội mới của ngày mai theo cách có hệ thống hoặc dễ hiểu. Trọng tâm của cuốn sách đó là quá trình thay đổi chứ không phải hướng thay đổi. Trong cuốn sách này, lăng kính bị đảo ngược. Tôi tập trung ít hơn về sự gia tốc, nhưng nhiều hơn về nơi mà thay đổi sẽ đưa chúng ta đến. Do đó, hai cuốn sách này bổ sung cho nhau. Hai cuốn khác nhau nhưng lại làm rõ cho nhau.

Trong cố gắng tổng hợp qui mô lớn, rất cần thiết phải đơn giản hoá, tổng quát hoá và cô đọng. Do đó cuốn sách này chia văn minh làm 3 phần: Làn sóng thứ nhất với giai đoạn nông nghiệp, Làn sóng thứ hai với giai đoạn công nghiệp, Làn sóng thứ ba vừa mới bắt đầu.

Văn minh nông nghiệp gồm nhiều nền văn hoá khác nhau, và hệ thống công nghiệp qui mô lớn đi qua nhiều giai đoạn phát triển liên tiếp nhau. Người ta có thể chia quá khứ (và tương lai)

thành 12 hoặc 38 hoặc 157 phần. Nhưng nếu làm thế, chúng ta không thể nhìn thấy sự phân chia chủ yếu, trong các nhóm lộn xộn những phân chia thứ yếu. Đôi khi trong cuốn sách tôi nói nền văn minh Làn sóng thứ nhất hoặc Làn sóng thứ hai đã làm này làm nọ. Dĩ nhiên, tôi biết và độc giả biết rằng các nền văn minh không làm gì cả, chính con người làm. Nhưng gán cho văn minh làm này làm nọ sẽ đỡ tốn lời giải thích và thời gian.

Tương tự như thế, các độc giả thông minh chẳng có ai biết hoặc có thể biết tương lai. Khi tôi nói việc gì đó sẽ xảy ra, tôi giả thiết là độc giả hiểu được điều cần nói. Nếu không thì tôi làm cuốn sách nặng nề thêm vì những lời rào đón. Các nhà dự báo xã hội luôn luôn bị ràng buộc về giá trị và khoa học, dù họ có dùng nhiều số liệu máy vi tính như thế nào đi nữa. Làn sóng thứ ba không phải là sự dự báo khách quan, và nó không có kỳ vọng được chứng minh bằng khoa học. Tuy nhiên, nói điều này không có nghĩa là những tư tưởng trong cuốn sách này là kỳ quái hoặc không hệ thống. Công việc này được dựa trên nhiều bằng chứng và trên cái có thể được gọi là mô hình bán hệ thống của văn minh và mối quan hệ của chúng ta với nó.

Làn sóng thứ ba miêu tả nền văn minh công nghiệp đang chết theo nghĩa của "lĩnh vực công nghiệp", "lĩnh vực xã hội", "lĩnh vực tin tức" và "lĩnh vực quyền lực", và sau đó được sắp xếp để chỉ cho thấy làm thế nào mỗi phạm vi đó đang chịu sự thay đổi cách mạng trong thế giới ngày nay. Nó cố gắng chỉ cho biết những mối quan hệ giữa những

phạm vi trên với nhau, cũng như là với “phạm vi sinh học” và “phạm vi tâm lý”, cấu trúc của những mối quan hệ tâm lý và cá nhân, mà thông qua đó những thay đổi trong thế giới bên ngoài ảnh hưởng tới cuộc sống riêng tư nhất của chúng ta.

Lần sóng thứ ba cho rằng, một nền văn minh cũng sử dụng một số qui trình nguyên tắc nhất định, và nó phát triển khái niệm “siêu ý thức hệ” để giải thích thực tế. Một khi chúng ta hiểu được làm thế nào những phần này, quy trình này và nguyên tắc này có liên quan lẫn nhau, và làm thế nào chúng biến đổi lẫn nhau, phác hoạ ra những luồng thay đổi mạnh mẽ, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về lần sóng thay đổi khổng lồ đang ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta ngày nay.

Phép ẩn dụ lớn nhất của cuốn sách này là các lần sóng thay đổi đang va chạm. Hình ảnh này không phải là mới. Do đó, không phải phép ẩn dụ lần sóng là mới mà là sự áp dụng của nó cho việc dịch chuyển văn minh ngày nay. Sự áp dụng này cho thấy rất có ích. Khái niệm lần sóng không chỉ là một công cụ cho việc tổ chức khối tin tức khác nhau khổng lồ, mà nó còn giúp chúng ta thấy được thực chất của sự thay đổi trên bề mặt. Khi chúng ta áp dụng phép ẩn dụ sóng, những gì lẫn lộn mờ hồ trở thành rõ ràng. Một khi tôi bắt đầu nghĩ về các lần sóng thay đổi, va chạm và chồng lên nhau, gây ra xung đột và căng thẳng xung quanh chúng ta, thì điều đó tự nó cũng làm thay đổi nhận thức của tôi về sự thay đổi. Trong bất kỳ lĩnh vực nào, từ giáo dục và sức khoẻ đến công nghiệp, từ cuộc sống cá

nhân đến chính trị, có thể phân biệt những đổi mới chỉ là hàng mỹ phẩm hoặc sự nổi rộng của quá khứ công nghiệp với những đổi mới thật sự cách mạng.

Tuy nhiên ngay cả phép ẩn dụ mạnh nhất cũng chỉ có thể cho được một phần sự thật. Không có phép ẩn dụ nào có thể nói được toàn bộ các mặt, và do đó chỉ riêng tương lai không thì không nói lên được vấn đề gì nếu không có hiện tại. Khi tôi còn là một môn đồ Mácxít trước năm 20 tuổi, nghĩa là cách đây chỉ hơn 1/4 thế kỷ, cũng như nhiều thanh niên khác, tôi nghĩ rằng tôi có tất cả các câu trả lời. Sau đó tôi nhận thấy ngay rằng những câu trả lời của tôi chỉ là một phần, một mặt và lỗi thời. Hơn thế nữa, tôi đã rất cảm kích về việc biết được rằng câu hỏi đúng là quan trọng hơn câu trả lời đúng cho câu hỏi sai.

Tôi hy vọng rằng Làn sóng thứ ba cùng một lúc cung cấp những câu trả lời và hỏi những câu hỏi mới.

Phải thừa nhận rằng không có nhận thức nào là hoàn hảo cả, không có phép ẩn dụ nào là toàn vẹn cả, tự nó là nhân đạo hoá. Nó chống lại sự cuồng tín. Ngay cả nó thừa nhận đối phương có phần đúng và tự nó có phần sai. Khả năng này đặc biệt hiện diện trong sự tổng hợp qui mô lớn.

Dù chúng ta có biết hay không, hầu hết chúng ta ngày nay đã tham gia vào việc chống hoặc tạo ra nền văn minh mới. Tôi hy vọng Làn sóng thứ ba sẽ giúp mỗi người chúng ta chọn lựa.

Tác Giả

Chương một

SỰ VA CHẠM CỦA CÁC LÀN SÓNG

SIÊU ĐẤU TRANH

Một nền văn minh mới đang nổi lên trong cuộc sống của chúng ta, và những người mù quáng khắp nơi đang cố gắng ngăn cản nó. Nền văn minh mới này mang theo kiểu gia đình mới, những thay đổi trong cách làm việc, yêu thương và sống, một nền kinh tế mới, những xung đột chính trị mới và những nhận thức mới. Một phần của nền văn minh mới, giờ đây đã thể hiện. Hàng triệu người đã điều chỉnh cuộc sống của họ theo những nhịp điệu mới. Một số người thì khiếp sợ tương lai, đã thực hiện chuyến đi vô ích và tuyệt vọng trở lại quá khứ và đang cố gắng tìm lại thế giới đang chết đã sinh ra họ.

Ánh bình minh của nền văn minh mới là sự kiện bùng nổ có tầm quan trọng nhất. Đó là biến cố trung tâm, là chìa khoá có thể hiểu được những năm sắp đến. Đó là biến cố sâu sắc như của Làn sóng thứ nhất về thay đổi 10.000 năm trước khi có phát minh về nông nghiệp, hoặc như của Làn sóng thứ hai đang đánh dấu bởi cuộc cách mạng công nghiệp. Chúng ta là con cái của sự biến đổi sắp đến

- Làn sóng thứ ba.

Chúng ta đã cố gắng tìm từ ngữ để diễn tả đầy đủ sức mạnh và tầm vóc của sự thay đổi phi thường này. Một số đã nói về Thời đại vũ trụ, Thời đại tin tức, Kỷ nguyên điện tử, Làng toàn cầu, Thời đại công nghiệp điện tử, Xã hội hậu công nghiệp, Cách mạng khoa học công nghiệp. Còn tôi đã viết nhiều về "Xã hội siêu công nghiệp". Thế nhưng tất cả các từ ngữ trên, kể cả của tôi, đều không đủ để diễn tả sự thay đổi.

Nhân loại đang đứng trước một bước nhảy kỳ diệu, với sự biến đổi xã hội sâu sắc nhất và với sự cấu trúc lại rất sáng tạo của mọi thời đại. Chúng ta đã bận rộn xây dựng một nền văn minh mới từ thấp lên cao mà không biết rõ chúng ta đang làm việc đó. Đây là ý nghĩa của Làn sóng thứ ba.

Cho đến bây giờ nhân loại đã trải qua hai làn sóng thay đổi vĩ đại, mỗi làn sóng đã xoá đi hết các nền văn hoá lạc hậu trước đó để thay bằng nền văn minh mới mà những người trước đó không thể nào nhận thức nổi. Làn sóng thứ nhất - cách mạng nông nghiệp, cần hàng nghìn năm mới hình thành. Làn sóng thứ hai - cuộc cách mạng công nghiệp, chỉ cần 300 năm. Ngày nay lịch sử còn nhanh hơn, dường như Làn sóng thứ ba sẽ tràn qua lịch sử và diễn ra trong vòng vài thập kỷ. Do đó, trong quãng đời của mình, chúng ta sẽ được chứng kiến tác động đầy đủ của Làn sóng thứ ba làm ảnh hưởng đến tất cả mọi người. Nó thách thức mọi quan hệ quyền lực cũ, những ưu tiên và đặc quyền của các nhóm thượng lưu ngày nay, và tạo ra cái nền cho

những cuộc đấu tranh quyền lực then chốt của ngày mai. Nền văn minh mới này phủ nhận hầu hết văn minh công nghiệp truyền thống. Đồng thời cùng một lúc, nó vừa là công nghiệp cao, vừa chống lại công nghiệp quy mô lớn.

Làn sóng thứ ba mang theo một kiểu sống mới dựa trên những nguồn năng lượng tái sinh đa dạng, trên những phương thức sản xuất sẽ làm cho những dây chuyền sản xuất trở thành lỗi thời, trên những gia đình mới không có hạt nhân, trên những thể chế mới có thể gọi là “nhà tranh điện tử”, và trên những trường học, công ty bị thay đổi cơ bản của tương lai. Nền văn minh mới đem lại cho chúng ta một bộ luật mới về cách xử thế và đưa chúng ta vượt qua sự tiêu chuẩn hoá, sự đơn điệu hoá, tập quyền hoá, và vượt qua sự tập trung về năng lượng, tiền bạc và quyền lực. Nền văn minh mới này sẽ gạt bỏ hệ thống quan liêu, hạ bớt vai trò quốc gia - Nhà nước, và làm tăng những nền kinh tế bán tự trị trong một thế giới hậu đế quốc. Nó đòi hỏi các Chính phủ đơn giản hơn, hiệu quả hơn, dân chủ hơn bất kỳ Chính phủ nào chúng ta biết từ trước đến nay. Đó là một nền văn minh với quan điểm thế giới rõ ràng riêng biệt, với những cách riêng, nó đối phó với thời gian, không gian, lôgic và nguyên nhân. Nền văn minh Làn sóng thứ ba bắt đầu hàn gắn mối bất hoà giữa người sản xuất và người tiêu thụ, làm nổi lên nền kinh tế “sản- tiêu” của ngày mai. Đây có thể là nền văn minh nhân đạo thật sự đầu tiên của lịch sử.

Hai hình ảnh dường như tương phản nhau về tương lai đang thu hút sự chú ý của mọi người. Hầu hết họ cho rằng thế giới mà họ biết sẽ kéo dài vô tận. Họ thấy khó mà tưởng tượng một cách sống khác. Dĩ nhiên họ thừa nhận mọi việc đang thay đổi. Nhưng họ cho rằng những thay đổi ngày nay, bằng cách nào đấy sẽ bỏ qua họ và chẳng có gì lay chuyển nổi nền tảng kinh tế gia đình và cấu trúc chính trị. Họ hy vọng một cách đáng tin cậy rằng, tương lai sẽ tiếp tục theo hiện tại.

Những biến cố gần đây đã tác động mạnh đến hình ảnh tin cậy này của tương lai, đó là khi những tin về khủng hoảng xuất hiện trên các dòng đầu tờ báo, khi giá dầu tăng vọt và lạm phát hoành hành, khi khủng bố tràn lan và các Chính phủ dường như bất lực không thể ngăn chặn được nó. Một số lớn người được cung cấp đều đặn những tin tức xấu, phim ảnh thảm họa, các câu chuyện tận thế của kinh thánh và các bối cảnh ác mộng do các nhà tư tưởng có uy tín phát ra, thì họ kết luận rằng xã hội ngày nay không thể tiến vào tương lai vì không có tương lai. Trái đất đang tiến về nạn đại hồng thủy cuối cùng.

Bề ngoài thì hai viễn cảnh về tương lai này dường như rất khác nhau. Thế nhưng cả hai đều tạo ra những hậu quả tâm lý và chính trị tương tự. Vì cả hai đưa đến sự tê liệt về trí tưởng tượng và ý chí. Cuốn sách này dựa trên cái mà tôi gọi là "tiền đề cách mạng". Nó cho rằng mặc dù những

thập kỷ sắp đến đây biến động, rối loạn, bạo động lan tràn, song chúng ta sẽ không tự huỷ diệt mình. Cuốn sách còn cho thấy những thay đổi đang xuất hiện là không lộn xộn hoặc ngẫu nhiên, chúng tạo thành một mô hình có thể được nhận thức rõ ràng. Đồng thời nó giả thiết rằng những thay đổi này là tích lũy, nghĩa là cộng thêm vào sự biến đổi khổng lồ trong cuộc sống, làm việc, chơi, suy nghĩ, và rằng một tương lai lành mạnh mà chúng ta mong muốn là có thể đến. Tóm lại, những gì theo sau tiến đề này là một cách mạng tổng thể, một bước nhảy lượng tử trong lịch sử.

Nói cách khác, cuốn sách này cho rằng chúng ta là thế hệ cuối cùng của một nền văn minh cũ và là thế hệ đầu tiên của nền văn minh mới, và rằng hầu hết sự nhầm lẫn, sự khổ não, và sự mất phương hướng cá nhân của chúng ta đều xuất phát từ chính những mâu thuẫn trong bản thân chúng ta và trong thể chế chính trị của chúng ta, giữa văn minh Làn sóng thứ hai đang chết và văn minh Làn sóng thứ ba đang nổi lên.

ĐẦU NGỌN SÓNG

Một cách tiếp cận vấn đề mới có thể được gọi là phân tích “mặt sóng” xã hội. Nó nhìn lịch sử như là sự nối tiếp nhau các cuộn sóng của sự thay đổi, và đặt câu hỏi: mỗi ngọn sóng đang mang chúng ta đi đâu? Nó hướng sự chú ý của chúng ta vào những gián đoạn của lịch sử, nó phát hiện những sáng

kiến và điểm ngắt nhiều hơn là vào những liên tục của lịch sử: nó phát hiện những thay đổi then chốt khi chúng xuất hiện, để chúng ta có thể tác động đến chúng.

Bắt đầu với tư tưởng rất đơn giản rằng sự đi lên của nông nghiệp là bước ngoặt đầu tiên trong phát triển xã hội nhân loại, và rằng cuộc cách mạng công nghiệp là sự chọc thủng vĩ đại thứ hai, nó nhìn mỗi sự việc trên không phải là một biến cố riêng rẽ và một lần, mà là một lần sóng thay đổi di chuyển theo một tốc độ nào đó.

Trước Làn sóng thứ nhất về thay đổi, hầu hết nhân loại sống trong các nhóm nhỏ du mục và sống bằng câu cá, săn bắn, hoặc chăn giữ súc vật. Vào một thời điểm nào đấy chừng 10.000 năm trước đây, cuộc cách mạng nông nghiệp bắt đầu, và dần dần nó ảnh hưởng cả hành tinh, đi qua làng mạc, nơi định cư, đất canh tác và đem theo một cách sống mới.

Làn sóng thứ nhất chưa bị kiệt lực vào cuối thế kỷ XVII, khi đó cuộc cách mạng công nghiệp bùng nổ ở châu Âu và mở ra một làn sóng vĩ đại thứ hai về thay đổi của hành tinh. Quy trình mới này – công nghiệp hóa – bắt đầu di chuyển nhanh hơn đi qua các quốc gia và lục địa. Như thế hai quy trình này thay đổi rõ ràng và riêng biệt đã cuộn qua trái đất cùng một lúc với những tốc độ khác nhau.

Ngày nay Làn sóng thứ nhất hầu như đã lắng xuống. Chỉ còn một số bộ lạc nhỏ ở Nam Mỹ, Papua Tân Guineav.v... vẫn còn sống bằng nông

nghiệp. Nhưng sức mạnh của Làn sóng thứ nhất về cơ bản đã tiêu tan.

Chỉ trong vòng một hai thế kỷ, Làn sóng thứ hai đã cách mạng hóa cuộc sống ở châu Âu, Bắc Mỹ và một số nơi khác trên trái đất. Và hiện nay vẫn đang tiếp tục phát triển ở những nước nông nghiệp có nền công nghiệp lạc hậu. Động lượng của công nghiệp hóa vẫn còn mạnh. Làn sóng thứ hai chưa sử dụng hết năng lượng của nó.

Nhưng ngay cả quy trình trên đang diễn ra, một quy trình khác quan trọng hơn đã bắt đầu. Vì khi chiều hướng hệ thống công nghiệp quy mô lớn đạt đến đỉnh cao trong những thập kỷ sau Thế chiến II, Làn sóng thứ ba chưa được biết nhiều đã bắt đầu nổi lên và biến đổi mọi thứ nó đụng đến. Do đó, nhiều nước cảm thấy bị cùng tác động bởi 2 hoặc 3 làn sóng thay đổi khác nhau và với sức mạnh đẳng sau chúng khác nhau.

Vì mục đích của cuốn sách này, chúng ta chia kỷ nguyên Làn sóng thứ nhất từ khoảng năm 8.000 trước CN và thống trị không có đối thủ đến năm 1650 - 1750 sau CN. Từ đây Làn sóng thứ nhất mất động lượng khi Làn sóng thứ hai dấy lên. Văn minh công nghiệp, sản phẩm của Làn sóng thứ hai, đã thống trị hành tinh cho đến khi nó đạt đến đỉnh của nó. Bước ngoặt lịch sử sau cùng này đã xảy ra ở Mỹ trong thập kỷ bắt đầu từ năm 1955, thập kỷ lần đầu tiên số lượng người làm việc văn phòng và người làm dịch vụ vượt hơn số lượng công nhân. Cũng thập kỷ này đã thấy việc đưa vào sử dụng rộng rãi máy tính, máy bay vận tải phản lực,

thuốc ngừa thai, và nhiều phát minh có tác động cao. Từ đây Làn sóng thứ ba đã đến các nước công nghiệp khác như Anh, Pháp, Thụy Điển, Đức, Nhật với thời gian khác nhau.

LÀN SÓNG CỦA TƯƠNG LAI

Một làn sóng thay đổi chiếm ưu thế trong bất kỳ xã hội nào, dạng phát triển tương lai là tương đối dễ dàng phát hiện. Các nhà văn, nghệ sĩ, nhà báo và những người khác phát hiện ra “Làn sóng tương lai”. Vào thế kỷ XIX ở châu Âu, nhiều nhà tư tưởng, kinh doanh, chính trị và người dân thường đã nắm bắt được hình ảnh chính xác và rõ ràng về tương lai. Họ ý thức được rằng, lịch sử đang tiến về hướng hệ thống công nghiệp quy mô lớn chiến thắng nông nghiệp, và họ thấy trước với độ chính xác cao nhiều thay đổi mà Làn sóng thứ hai sẽ mang đến: công nghiệp cao, thành phố lớn hơn, giao thông nhanh hơn, giáo dục đại chúng v.v...

Tâm nhìn này đã có ảnh hưởng chính trị trực tiếp. Các đảng phái và các phong trào chính trị cố tạo ra thế đứng vững chắc trong tương lai. Những thế lực quyền lợi nông nghiệp tiến công nghiệp tổ chức hành động chống lại “công nghiệp”, chống lại “đại kinh doanh”, chống lại “các công đoàn”, chống lại các “thành phố đầy tội lỗi”. Các tổ chức công đoàn và quản lý nắm lấy việc kiểm soát những đòn bẩy của xã hội công nghiệp. Các nhóm dân tộc thiểu số xác định quyền của họ trong thế giới công

22

ng nghiệp, đòi hỏi quyền được có việc làm, quyền được giữ chức vụ trong công ty, quyền được nhà ở thành phố, quyền được hưởng lương cao hơn, quyền được giáo dục đại chúng v.v...

Tầm nhìn công nghiệp này cũng có những hậu quả tâm lý quan trọng. Người ta có thể chống đối, hoặc có thể tham gia vào các cuộc xung đột. Các thời kỳ suy thoái và thăng tiến có thể phá vỡ cuộc đời của họ. Nói chung, hình ảnh phân chia của một tương lai công nghiệp có khuynh hướng xác định những khả năng lựa chọn khác nhau cho cá nhân, họ không phải chỉ ý thức họ là ai hoặc họ là gì mà còn là họ trở thành gì.

Trái lại, khi xã hội bị hai hoặc nhiều làn sóng thay đổi khổng lồ tấn công, và không có làn sóng nào thắng thế, thì hình ảnh của tương lai bị rạn nứt. Vô cùng khó khăn lựa ý nghĩa của sự thay đổi và xung đột đang nảy sinh ra. Sự va chạm của các mặt sóng tạo ra một đại dương nổi sóng, đầy những dòng đụng nhau, các cơn gió lốc, và các vùng nước xoáy đang che đậy những xu hướng lịch sử quan trọng hơn và sâu đậm hơn.

Trong nước Mỹ ngày nay cũng như ở nhiều nước khác, sự va chạm của các Làn sóng thứ hai và thứ ba tạo ra những căng thẳng xã hội, những xung đột nguy hiểm và những mặt sóng chính trị mới kỳ lạ chia cắt sự phân chia về giai cấp, chủng tộc, giới tính và đảng phái. Sự va chạm này sinh ra một mớ hỗn độn về từ ngữ chính trị truyền thống và làm cho khó phân biệt người cấp tiến với người phản động, bạn với thù. Tất cả những phân cực và

liên minh cũ bị phá vỡ. Mặc dù có sự khác nhau, các công đoàn và các ông chủ liên kết để chống lại các nhà môi trường học. Những người da đen và Do Thái, đã có một thời liên kết nhau để chống lại sự kỳ thị, hay lại trở thành kẻ thù.

Trong nhiều nước, giai cấp lao động một thời ủng hộ những chính sách tiến bộ như phân phối lại thu nhập, bây giờ thường nắm giữ những vị trí phản động đối với quyền phụ nữ, bộ luật gia đình, cư trú, chế độ thuế quan. Cảnh khuynh tả truyền thống thường là thích tập quyền, chủ nghĩa dân tộc cao và chống lại các nhà môi trường học. Cùng lúc đó chúng ta cũng thấy các nhà chính trị có thái độ bảo thủ đối với kinh tế nhưng lại có thái độ phóng khoáng đối với nghệ thuật, quyền phụ nữ hoặc kiểm soát sinh thái. Không trách mọi người nhầm lẫn và không đoán nổi nhận thức của họ.

Phương tiện thông tin đại chúng truyền đi vô tận về cải tiến kỹ thuật, sự đảo ngược, biến cố kỳ lạ, ám sát, bắt cóc, phóng tàu vũ trụ, Chính phủ sụp đổ, cảm tử quân đột kích, bê bối... tất cả dường như không liên quan với nhau.

Sự rời rạc rõ ràng của đời sống chính trị được phản ánh trong sự tan rã cá tính. Các nhà chữa bệnh bằng tâm lý và các nhà truyền bá Ấn Độ giáo làm ăn phát đạt, người ta lang thang vô mục đích trong số phép chữa bệnh đang cạnh tranh nhau. Họ lên vào các giáo phái để tự làm tin rằng thực tế là vô lý, không lành mạnh, hoặc không có ý nghĩa.

Một sự hiểu biết về xung đột được sinh ra bởi các mặt sóng va chạm nhau này sẽ cho chúng ta không chỉ một hình ảnh rõ ràng hơn về các tương lai khác nhau mà còn về các lực lượng xã hội và chính trị tác động lên chúng ta. Nó cũng giúp chúng ta thấy rõ hơn vai trò của mình trong lịch sử. Những dòng xuyên nhau tạo ra bởi những làn sóng thay đổi này được phản ánh trong công việc của chúng ta, trong cuộc sống gia đình của chúng ta, trong thái độ tình yêu của chúng ta và trong đạo đức cá nhân của chúng ta. Nó xuất hiện trong cách sống của chúng ta.

NHỮNG CON BỌ VÀNG VÀ KẺ SÁT NHÂN

Sự xung đột giữa các nhóm Làn sóng thứ hai và thứ ba là sự căng thẳng chính trị trọng tâm đang đi tắt qua xã hội chúng ta ngày nay. Dù các đảng phái chính trị và các nhà chính trị nói gì đi nữa, việc đấu tranh nội bộ không gì khác hơn là sự cãi vã nhau, tranh giành phần hơn của hệ thống công nghiệp đang suy tàn.

Vấn đề chính trị cơ bản hơn không phải là việc ai kiểm soát những ngày cuối cùng của xã hội công nghiệp mà là việc ai sẽ định hình nền văn minh mới. Trong khi các cuộc giao tranh chính trị nhỏ diễn ra nhanh chóng làm kiệt sức năng lượng và sự chú ý của chúng ta, một trận chiến sâu hơn nhiều đã xảy ra phía dưới bề mặt. Một bên là những người ủng hộ quá khứ công nghiệp, bên kia là hàng triệu người thừa nhận rằng những vấn đề

khẩn cấp nhất của thế giới như thực phẩm, năng lượng, kiểm soát chạy đua vũ trang, dân số, nghèo đói, tài nguyên, sinh thái, khí hậu vấn đề người già, sự sụp đổ cộng đồng thành phố, tăng lương cho công nhân, tất cả những cái đó từ lâu không còn được giải quyết trong khuôn khổ của trật tự công nghiệp nữa. Sự xung đột này là cuộc "siêu đấu tranh" cho ngày mai.

Cuộc đối đầu này giữa những người ủng hộ Làn sóng thứ hai và những người của Làn sóng thứ ba đã diễn ra giống như dòng điện chạy qua đời sống chính trị của mỗi quốc gia. Ngay cả trong những nước không phải là nước công nghiệp, tất cả những đường ranh giới chiến đấu cũ đã bị vẽ lại khi Làn sóng thứ ba đến, cuộc đấu tranh của các quyền lợi nông nghiệp, thường là phong kiến, chống lại việc công nghiệp hóa dù là tư bản hay xã hội chủ nghĩa đều tiến hành theo chiều hướng mới, theo sự lỗi thời sắp đến của hệ thống công nghiệp quy mô lớn. Vì nên văn minh Làn sóng thứ ba đang xuất hiện, sự công nghiệp hóa nhanh ẩn ngấm việc giải phóng khỏi chủ nghĩa thực dân mới và nghèo đói, hoặc nó sẽ đảm bảo sự phục thuộc thường xuyên?

Một khi chúng ta nhận thức được rằng cuộc đấu tranh quyết liệt đang diễn ra giữa những người tìm cách bảo vệ hệ thống công nghiệp quy mô lớn và những người tìm cách thay thế nó, thì chúng ta mới có chìa khóa để hiểu được thế giới. Và quan trọng hơn nữa là chúng ta xác lập được chính sách cho một quốc gia, chiến lược cho một công ty,

và mục đích cuộc sống cho chính bản thân mình. Như vậy chúng ta có một công cụ mới cho việc thay đổi thế giới. Để sử dụng công cụ này, chúng ta phải phân biệt rõ ràng những thay đổi nào kéo dài nền văn minh công nghiệp cũ và những thay đổi ta phải hiểu cả cái cũ lẫn cái mới, hệ thống công nghiệp Làn sóng thứ hai trong đó chúng ta được sinh ra và nền văn minh Làn sóng thứ ba mà chúng ta và con cái chúng ta sẽ sống.

Chương hai

LÀN SÓNG THỨ HAI

KIẾN TRÚC CỦA VĂN MINH

Trong thời gian dài của nền văn minh Làn sóng thứ nhất, nhân loại có thể được chia làm hai - nguyên thủy và văn minh. Những người được gọi là nguyên thủy sống thành bộ lạc hoặc thành bầy đàn và sinh sống bằng săn bắn, câu cá, hoặc hái lượm, họ là những người bị cuộc cách mạng nông nghiệp bỏ qua.

Ngược lại, trong thế giới được gọi là văn minh thì con người sống bám vào đất. Vì bất kỳ nơi nào mà nông nghiệp nảy sinh ra, thì nền văn minh bám rễ. Từ Trung Quốc và Ấn Độ đến Bénin và Mêhicô, ở Hy Lạp và La Mã, các nền văn minh nổi lên và sụp đổ, chiến đấu và hợp nhất lại trong sự hỗn hợp đầy mâu sắc và vô tận.

Tuy nhiên, ở dưới những điểm khác nhau của các nền văn minh đó thì đất đai là cơ sở của kinh tế, đời sống, văn hóa, cấu trúc gia đình và chính trị. Đời sống được tổ chức xung quanh làng mạc. Sự phân chia lao động đơn giản chiếm ưu thế và một số đẳng cấp, giai cấp đã được xác định rõ ràng. Quyền lực độc đoán một cách cứng nhắc. Nền kinh

tế bị phân quyền để mỗi cộng đồng tự sản xuất hầu hết những nhu cầu riêng của họ.

Trong thời gian thống trị của Làn sóng thứ nhất, đôi khi có những dấu hiệu báo về những việc sắp xảy ra. Đã có những nhà máy sản xuất hàng loạt ở Hy Lạp và La Mã cổ đại song chưa phát triển. Mỏ dầu được khoan ở các đảo Hy Lạp vào năm 400 (trước CN) và ở Miến Điện vào năm 100 (sau CN). Hệ thống quan liêu rộng lớn phát triển ở Babilôn và ở Ai Cập. Các thành phố rộng lớn mọc lên ở châu Á và Nam Mỹ. Đã có tiền và hối đoái. Các con đường thương mại đi chéo nhau qua sa mạc, đại dương và đồi núi. Các công ty và quốc gia phối thai đã hiện hữu.

Thế nhưng chẳng có nơi nào được gọi là văn minh công nghiệp. Những cái nhìn thoáng qua trên về tương lai chỉ là những trường hợp kỳ quặc của lịch sử, bị phân tán ở những nơi khác nhau và vào những thời điểm khác nhau. Chúng chưa bao giờ được tập hợp trong một hệ thống chặt chẽ. Do đó, cho đến năm 1650 – 1750 chúng ta mới có thể nói về một thế giới Làn sóng thứ hai. Mặc dù có cả thời đại nguyên thủy và dấu hiệu tương lai công nghiệp, văn minh công nghiệp thống trị hành tinh và dường như sẽ kéo dài mãi mãi.

Đó là thế giới mà trong đó cuộc cách mạng công nghiệp nổ ra, thúc đẩy Làn sóng thứ hai và tạo ra một nền văn minh kỳ lạ, dữ dội và đầy sinh lực. Hệ thống công nghiệp quy mô lớn còn nhiều hơn chứ không phải chỉ là các cột ống khói và dây chuyền sản xuất. Nó là một hệ thống xã hội

phong phú và nhiều vẻ liên quan đến mỗi lĩnh vực của đời sống con người và công phá mọi điểm đặc trưng của Làn sóng thứ nhất. Nó sản xuất những nhà máy khổng lồ, máy cày trên nông trại, máy đánh chữ trong văn phòng, tủ lạnh trong nhà bếp, báo chí hàng ngày, phim ảnh, tàu điện ngầm, máy bay DC-3. Nó cho chúng ta trường phái lập thể và nhạc 12 âm, đình công ngòi, thuốc vitamin, tuổi thọ kéo dài. Nó phổ thông hóa đồng hồ đeo tay và thùng phiếu. Quan trọng hơn, nó nối tất cả những việc đó lại với nhau để hình thành một hệ thống xã hội rộng lớn, cố kết và mạnh nhất mà thế giới chưa bao giờ được biết: nền văn minh Làn sóng thứ hai.

GIẢI PHÁP DỮ DỘI

Khi Làn sóng thứ hai đi qua các xã hội khác nhau, nó gây ra một cuộc chiến tranh kéo dài dầm máu giữa những người bảo vệ quá khứ nông nghiệp và những người ủng hộ tương lai công nghiệp. Những lực lượng của Làn sóng thứ nhất và thứ hai va chạm đối đầu, bỏ qua – nhưng thường là sát hại – những người “nguyên thủy” gặp trên đường đi của chúng.

Ở Mỹ, sự va chạm này bắt đầu với cuộc nội chiến năm 1861. Cuộc nội chiến không chỉ đánh nhau về vấn đề đạo đức đối với chế độ nô lệ hoặc những vấn đề kinh tế. Nó đánh nhau trên một vấn đề lớn hơn nhiều: lực địa mới giàu có này sẽ do các địa chủ hoặc các nhà công nghiệp cai trị? Do lực lượng của Làn sóng thứ nhất hoặc thứ hai cai trị? Xã

hội Mỹ tương lai là cơ bản nông nghiệp hay công nghiệp? Khi Bắc quân chiến thắng, hột sức sắc đã được ném. Từ lúc đấy trở đi, trong kinh tế, chính trị, đời sống xã hội và văn hóa, nông nghiệp thoái lui, công nghiệp có ưu thế. Làn sóng thứ nhất tàn tạ khi Làn sóng thứ hai âm ỉ đi vào.

Sự va chạm về các nền văn minh cũng nổ ra khắp nơi. Ở Nhật chế độ quân chủ Minh Trị bắt đầu vào năm 1868 đã đưa nước Nhật vào cuộc đấu tranh giữa quá khứ nông nghiệp và tương lai công nghiệp. Việc huỷ bỏ chế độ phong kiến năm 1876, cuộc nổi loạn của nhóm Satsuma năm 1877, việc chấp nhận hiến pháp kiểu phương Tây năm 1889 - tất cả phản ánh sự va chạm của Làn sóng thứ nhất và thứ hai ở Nhật, đó là những bước đi trên con đường dẫn đến nước Nhật trở thành cường quốc công nghiệp hàng đầu.

Ở nước Nga, sự va chạm giữa các lực lượng Làn sóng thứ nhất và thứ hai cũng nổ ra. Cuộc cách mạng năm 1917 là bản dịch của Nga về cuộc nội chiến Mỹ. Nó được chiến đấu không phải chủ yếu cho chủ nghĩa cộng sản, mà là cho vấn đề công nghiệp. Khi những người Bôn-sê-vích quét sạch những dấu vết cuối cùng của chế độ nông nô và nền quân chủ phong kiến, họ đẩy nông nghiệp ra phía sau và tăng tốc hệ thống công nghiệp quy mô lớn. Họ trở thành Đảng của Làn sóng thứ hai.

Từ nước này sang nước khác, sự xung đột giữa các quyền lợi của Làn sóng thứ nhất và Làn sóng thứ hai nổ ra khắp nơi, dẫn đến khủng hoảng và biến động chính trị, đình công, nổi loạn, đảo chính và chiến tranh. Tuy nhiên đến giữa thế kỷ

XX, các lực lượng của Làn sóng thứ nhất bị bẻ gãy và nền văn minh Làn sóng thứ hai thống trị trên khắp cả trái đất.

Ngày nay vành đai công nghiệp bao quanh địa cầu từ vĩ tuyến 20 đến vĩ tuyến 65 của bán cầu Bắc. Ở Bắc Mỹ, chừng 250 triệu người sống theo cách sống công nghiệp. Ở Tây Âu, từ các nước Bắc Âu xuống tận Ý, chừng 1/4 tỉ người khác sống dưới hệ thống công nghiệp quy mô lớn. Các nước Đông Âu và một phần phía Tây Liên Xô⁽¹⁾ có chừng 1/4 tỉ người khác sống trong xã hội công nghiệp. Sau cùng, chúng ta đến các vùng công nghiệp châu Á gồm Nhật, Hồng Kông, Xingapo, Đài Loan, Ôxtrâylia, Tân Tây Lan, một phần Nam Triều Tiên và Trung Quốc lục địa, nghĩa là chừng 1/4 tỉ người nữa là những người công nghiệp. Tổng cộng, văn minh công nghiệp bao gồm chừng 1 tỉ người, nghĩa là 1/4 dân số thế giới.

Mặc dù có những khác nhau về ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử và chính trị, song tất cả các xã hội Làn sóng thứ hai này có chung những nét đặc trưng tương tự.

ÁC QUY SỐNG

Điều kiện tiên quyết của bất kỳ nền văn minh nào, cũ hoặc mới, là năng lượng. Các xã hội Làn sóng thứ nhất lấy năng lượng từ các “ác quy sống” như con người và thú vật, hoặc từ mặt trời, gió và nước.

(1) Liên Xô trước đây - (BT)

Cho đến cuộc cách mạng Pháp, châu Âu lấy năng lượng từ khoảng chừng 1/4 triệu con ngựa và 24 triệu con bò. Tất cả xã hội Làn sóng thứ nhất khai thác các nguồn năng lượng có thể phục hồi lại như rừng, gió, nước. Ngay cả thú vật và con người đã là “những nô lệ năng lượng” có thể được thay thế.

Ngược lại, tất cả các xã hội Làn sóng thứ hai lấy năng lượng từ than đá, khí và dầu, nghĩa là từ các nguồn nhiên liệu không thay thế được ở dưới đất. Sự thay đổi vị trí cách mạng này có nghĩa là lần đầu tiên một nền văn minh ăn vào vốn thiên nhiên chứ không phải chỉ sống nhờ vào lợi ích mà thiên nhiên cung cấp. Việc lấy nguồn tài nguyên năng lượng dự trữ của trái đất làm tăng nhanh sự phát triển kinh tế. Và từ ngày đó cho đến bây giờ, bất kỳ nơi nào mà Làn sóng thứ hai đi qua, các quốc gia xây dựng các cấu trúc kinh tế và công nghiệp trên điều kiện là các nguồn nhiên liệu rẻ dưới đất có sẵn vô tận. Cả trong các xã hội công nghiệp tư bản và cộng sản, từ Đông sang Tây, sự thay thế vị trí này rất rõ ràng – từ năng lượng phân tán sang tập trung, từ năng lượng khôi phục được sang không khôi phục được, từ nhiều nguồn nhiên liệu khác nhau sang một ít nguồn nhiên liệu. Các nguồn nhiên liệu dưới đất tạo thành cơ sở năng lượng của tất cả xã hội Làn sóng thứ hai.

DẠ CON CÔNG NGHỆ

Bước nhảy đến một hệ thống năng lượng mới đi song hành với sự tiến bộ khổng lồ trong công

nghệ. Làn sóng thứ hai đẩy công nghệ đến một mức hoàn toàn mới. Nền văn minh công nghiệp đã cho công nghệ những bộ phận giác quan, tạo ra các máy có thể nghe, nhìn, sờ với độ chính xác cao hơn con người. Nó đã cho công nghệ một cái dạ con, bằng việc tạo ra các máy thiết kế các máy khác, nghĩa là máy công cụ. Quan trọng hơn là nó gộp các máy lại với nhau trong hệ thống liên kết để tạo ra nhà máy và sau cùng là dây chuyền sản xuất trong nhà máy.

Trên cơ sở công nghệ này, một loạt ngành công nghiệp xuất hiện cho nền văn minh Làn sóng thứ hai dấu ấn xác nhận của nó. Đầu tiên có than đá, dệt, đường sắt, sau đó là thép, ô tô, nhôm, hóa chất và hàng tiêu dùng. Các thành phố nhà máy khổng lồ cũng mọc lên. Từ những trung tâm công nghiệp này đã đổ ra hàng triệu các sản phẩm giống nhau như áo, giày, xe ô tô, đồng hồ, đồ chơi, xà phòng, kem gội đầu, máy ảnh, súng máy và động cơ điện. Công nghệ mới do hệ thống năng lượng mới cung cấp lực để mở cửa cho việc sản xuất hàng loạt.

NGÔI CHÙA ĐỎ SON

Tuy nhiên, sản xuất hàng loạt sẽ vô nghĩa nếu không có những thay đổi trong hệ thống phân phối. Trong các xã hội Làn sóng thứ nhất, hàng hóa thường được làm bằng phương pháp thủ công. Sản phẩm được tạo ra mỗi lần một chiếc theo yêu cầu của khách hàng. Việc phân phối cũng giống

như thế.

Ở phương Tây, các nhà buôn đã mở các công ty thương mại phức tạp theo những kế hoạch của trật tự phong kiến cũ. Những công ty này đã mở các con đường buôn bán khắp thế giới bằng các đoàn tàu thuỷ và các đoàn lạc đà. Tuy nhiên, hầu hết các sản phẩm này được bán trong các cửa hàng nhỏ hoặc do người bán hàng rong mang về nông thôn. Các phương tiện thông tin thăm hỏi và giao thông thô sơ đã giới hạn mạnh mẽ thị trường.

Lần sống thứ hai đã thay đổi hệ thống phân phối này một cách cơ bản. Đường sắt, đường cao tốc và các kênh đường thuỷ đã mở rộng các vùng xa thành thị, và với hệ thống công nghiệp quy mô lớn là các cửa hàng bách hóa đầu tiên. Mạng lưới phức tạp những người bán buôn, bán sỉ, môi giới, đại diện người sản xuất mọc ra khắp nơi, và năm 1871 GiócgiơHâyton, cửa hàng đầu tiên ở Newyork được sơn màu đỏ son và có chỗ thu tiền hình dạng giống như ngôi chùa Trung Quốc, đã tạo ra hệ thống cửa hàng dây xích khổng lồ đầu tiên của thế giới.

Sự phân phối cho từng khách hàng nhường chỗ cho sự phân phối và bán buôn đại chúng, và cách phân phối này trở thành thường xuyên và chủ yếu của tất cả các xã hội công nghiệp giống như một cái máy.

Do đó nếu chúng ta gộp những thay đổi này lại với nhau, thì những gì mà chúng ta thấy là một sự biến đổi của cái có thể được gọi là “môi trường công nghệ”. Tất cả các xã hội – nguyên thuỷ, nông nghiệp,

công nghiệp – sử dụng năng lượng, chúng làm ra đồ vật, và phân phối đồ vật. Hệ thống năng lượng, hệ thống sản xuất, và hệ thống phân phối là các bộ phận có liên quan với nhau của một hệ thống lớn hơn. Hệ thống này là “môi trường công nghệ”, và nó có một dạng đặc trưng vào mỗi giai đoạn phát triển xã hội.

Khi Làn sóng thứ hai quét sạch hành tinh bằng “môi trường công nghệ” thì nông nghiệp được “môi trường công nghệ” thay thế: năng lượng được đưa thẳng vào hệ thống sản xuất hàng loạt, và hệ thống phân phối đại chúng được phát triển cao.

GIA ĐÌNH ĐƯỢC TỔ CHỨC HỢP LÝ

“Môi trường công nghệ” Làn sóng thứ hai này cũng cần một “môi trường xã hội” cách mạng tương ứng với nó. Nó cần những hình thức cơ bản mới về tổ chức xã hội.

Trước cuộc cách mạng công nghiệp, người ta có khuynh hướng sống trong một ngôi nhà lớn và nhiều thế hệ khác nhau. Tất cả đều làm việc trong một đơn vị sản xuất kinh tế. Gia đình là bất động và cắm sâu vào đất đai.

Khi Làn sóng thứ hai bắt đầu quét qua các xã hội Làn sóng thứ nhất, các gia đình cảm thấy sự căng thẳng về thay đổi. Trong mỗi gia đình, sự va chạm của làn sóng biến thành sự xung đột, tấn công vào quyền lực phụ hệ, thay đổi các mối quan

hệ giữa con cái và cha mẹ, thay đổi những khái niệm mới về sở hữu. Khi sản xuất kinh tế thay đổi vị trí từ cánh đồng đến nhà máy, gia đình không còn là đơn vị sản xuất nữa. Để giải phóng người làm việc cho nhà máy, những nhiệm vụ chính của gia đình được chia ra thành các thiết chế mới chuyên môn hóa. Giáo dục trẻ em được chuyển giao cho trường học. Chăm sóc người già được chuyển giao cho các nhà dưỡng lão hoặc các viện lão niên. Xã hội mới yêu cầu sự cơ động, nó cần người công nhân bám sát công việc.

Cấu trúc gia đình bắt đầu thay đổi dần dần và khó khăn. Dưới tác động của kinh tế, việc di dân đến thành phố ngày càng nhiều, các gia đình bị xé nhỏ ra, nhưng cơ động hơn, và phù hợp hơn với những nhu cầu của môi trường công nghệ mới. Cái được gọi là gia đình mà hạt nhân gồm cha, mẹ và con cái, ngoài ra không có người thân, trở thành mô hình hiện đại, chuẩn mực được xã hội chấp nhận trong tất cả các xã hội công nghiệp, dù là tư bản hay cộng sản.

CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY CHE ĐẬY

Nếu chuẩn bị trước thế hệ trẻ cho hệ thống công nghiệp thì điều đó rất thuận lợi cho vấn đề kỹ thuật công nghiệp sau này. Vậy cấu trúc trọng tâm của tất cả xã hội Làn sóng thứ hai là giáo dục đại chúng.

Xây dựng trên mô hình nhà máy, giáo dục đại chúng bao gồm dạy đọc, viết và số học cơ bản, một

ít về lịch sử và những môn khác. Đây là chương trình giảng dạy công khai. Nhưng còn một chương trình giảng dạy khác vô hình hoặc “chương trình giảng dạy che đậy” cũng rất cơ bản. Nó gồm 3 môn học: một về tính đúng giờ, một về sự tuân lệnh, và một về công việc lặp đi lặp lại. Lao động nhà máy đòi hỏi công nhân làm việc đúng giờ, tuân lệnh cấp lãnh đạo vô điều kiện, và thực hiện những động tác lặp đi lặp lại dù ở bên cổ máy hoặc ở văn phòng.

Như thế từ giữa thế kỷ XIX trở đi, trẻ con đi học vào lứa tuổi càng ngày càng trẻ hơn, năm học càng ngày càng dài hơn, và số năm đi học bắt buộc càng tăng lên. Giáo dục đại chúng rõ ràng là một bước tiến nhân đạo hóa. Tuy nhiên các trường học Làn sóng thứ hai biến các thế hệ thanh niên thành lực lượng lao động tập thể và dễ bảo theo kiểu được nền công nghiệp điện cơ và dây chuyền sản xuất đòi hỏi.

Gộp cả gia đình hạt nhân và trường học kiểu nhà máy lại với nhau tạo thành một bộ phận của hệ thống hợp nhất để chuẩn bị thành viên cho những vai trò trong xã hội công nghiệp. Về phương diện này thì các xã hội Làn sóng thứ hai, tư bản hay cộng sản, Bắc hoặc Nam, tất cả đều giống nhau.

SINH VẬT BẤT TỬ

Trong tất cả các xã hội Làn sóng thứ hai, một thể chế thứ ba xuất hiện để mở rộng sự kiểm soát xã hội đối với hai thể chế trên. Đó là sự phát minh ra công ty. Trước đó, các xí nghiệp kinh doanh tiêu

biểu đều do một cá nhân, một gia đình hoặc do một hội làm chủ. Các công ty đã xuất hiện nhưng vô cùng hiếm.

Các công nghệ Làn sóng thứ hai đòi hỏi vốn góp lớn mà một cá nhân hoặc một nhóm nhỏ không thể nào cung cấp nổi. Người ta không thể mạo hiểm đầu tư toàn bộ tài sản của họ vào kinh doanh. Để khuyến khích họ khái niệm về nguy cơ giới hạn được giới thiệu. Nếu một công ty bị phá sản, người đầu tư chỉ mất một số tiền đầu tư và không mất gì thêm. Sáng kiến này mở rộng các nguồn đầu tư.

Hơn thế nữa, công ty được xem là một "sinh vật bất tử", nghĩa là nó có thể sống lâu hơn những người đầu tư đầu tiên của nó. Điều này có nghĩa là nó có thể làm những kế hoạch dài hạn và thực hiện những đề án lớn hơn.

Gia đình hạt nhân, trường học kiểu nhà máy và công ty khổng lồ trở thành các thiết chế xã hội, xác định đặc điểm của tất cả các xã hội Làn sóng thứ hai. Mỗi thiết chế then chốt của Làn sóng thứ hai chế ngự một giai đoạn trong lối sống.

NHÀ MÁY ÂM NHẠC

Xung quanh ba thiết chế cốt lõi là một loạt những tổ chức khác: Các bộ của Chính phủ, các câu lạc bộ thể thao, nhà thờ, phòng thương mại, công đoàn, tổ chức nghề nghiệp, đảng phái chính trị, thư viện, hiệp hội chủng tộc, các nhóm tiêu khiển, và hàng ngàn tổ chức khác theo liền ngay

sau Làn sóng thứ hai, tạo ra một hệ thống sinh thái tổ chức phức tạp với mỗi nhóm phục vụ, phối hợp hoặc đối trọng nhóm khác. Các nhà phát minh xã hội tin tưởng rằng nhà máy là mô hình hiệu quả và tiến bộ nhất cho sản xuất, nên họ cố gắng áp dụng nguyên tắc của nhà máy vào tất cả các tổ chức khác. Trường học, bệnh viện, nhà tù, hệ thống hành chính Nhà nước và những tổ chức khác dựa vào các đặc tính của nhà máy – sự phân chia lao động, cấu trúc cấp bậc, và sự thiếu cá tính con người.

Ngay cả trong nghệ thuật chúng ta cũng thấy một số nguyên tắc nhà máy. Thay vì làm việc cho một ông chủ như trong nền văn minh công nghiệp, các nhạc sĩ, nghệ sĩ, người soạn nhạc và nhà văn bị ném vào thị trường. Càng ngày họ càng trở thành “sản phẩm” cho những người tiêu thụ vô danh. Và khi sự thay đổi vị trí này xảy ra trong mỗi nước Làn sóng thứ hai thì chính cấu trúc về sản xuất nghệ thuật cũng thay đổi.

Âm nhạc cung cấp một ví dụ rõ ràng. Khi Làn sóng thứ hai đến, các đại sảnh hòa nhạc bắt đầu hiện ra ở Luân Đôn, Viên, Pari... Cùng với chúng là chỗ bán vé và các ông bầu. Càng nhiều vé được bán, các ông bầu càng được nhiều tiền. Do đó ngày càng có nhiều ghế được thêm vào. Đến lượt các đại sảnh lớn cần âm thanh mạnh hơn. Kết quả là sự thay đổi vị trí từ nhạc thính phòng sang nhạc giao hưởng. Càng ngày càng có nhiều âm cụ và nhạc công được đưa thêm vào để sản xuất âm lượng cần thiết. Kết quả là dàn nhạc âm hưởng

hiện đại.

Ngay cả dàn nhạc giao hưởng cũng được tổ chức theo kiểu nhà máy. Các nhạc công được chia thành phòng ban (khu vực đạo cụ), mỗi phòng đóng góp cho đầu ra toàn bộ (âm nhạc), mỗi phòng được phối hợp bởi một người quản lý (nhạc trưởng). Thiết chế sản phẩm của nó cho thị trường đại chúng. Nhà máy âm nhạc đã được sinh ra.

TRẦN BẢO TUYẾT BẢO CHÍ

Tất cả các nhóm người, từ thời kỳ nguyên thủy cho đến nay, phụ thuộc vào thông tin mặt-đối-mặt, người-đối-người. Nhưng các hệ thống đều có nhu cầu gửi tin tức qua cả thời gian và không gian. Trong nền văn minh Làn sóng thứ nhất, tất cả các phương tiện thông tin liên lạc thô sơ được dành riêng cho những người giàu và những người có quyền lực. Người dân thường không thể nào có được những phương tiện đó.

Làn sóng thứ hai đã nghiền nát sự độc quyền thông tin trên. Vì công nghệ và sản xuất hàng loạt của Làn sóng thứ hai đòi hỏi sự di chuyển ào ạt tin tức mà các hệ thống thô sơ cũ không thể nào đáp ứng được nữa. Tin tức cần thiết cho sản xuất kinh tế trong các xã hội nguyên thủy và Làn sóng thứ nhất là tương đối đơn giản. Hầu hết nó theo dạng lời nói hoặc động tác. Ngược lại, các nền kinh tế Làn sóng thứ hai yêu cầu sự phối hợp chặt chẽ về công việc được thực hiện ở nhiều địa điểm. Không phải chỉ nguyên liệu mà còn là số lượng

lớn tin tức phải được sản xuất và phân phối cẩn thận.

Vì lý do này, khi Làn sóng thứ hai có được trọng lực, các nước này chạy đua xây dựng hệ thống bưu điện để cung cấp các kênh mở rộng đầu tiên cho thông tin kỹ nguyên công nghiệp. Sự đẩy lên trong thông tin bưu điện đi cùng với cách mạng công nghiệp cho thấy khối lượng tin tức thật sự bắt đầu chảy theo Làn sóng thứ hai. Sau đó điện thoại và điện báo được phát minh để chia xẻ gánh nặng thông tin.

Tất cả những hệ thống trên chỉ chuyển tin từ một người phát đến một người nhận. Nhưng xã hội đang phát triển sản xuất hàng loạt và tiêu thụ hàng loạt cũng cần những cách phát thông tin đại chúng, nghĩa là thông tin từ một người phát đến nhiều người nhận cùng một lúc. Xã hội Làn sóng thứ hai cần phương tiện mạnh để phát cùng một thông tin đến nhiều người ngay tức thì, rẻ, nhanh và tin cậy được.

Bưu điện có thể mang cùng một thông tin đến hàng triệu người, nhưng không nhanh. Điện thoại chuyển thông tin nhanh, nhưng không cho hàng triệu người cùng một lúc. Khe hở này do phương tiện thông tin đại chúng lấp chỗ trống.

Ngày nay, báo và tạp chí lưu hành đại chúng trở thành một bộ phận trong cuộc sống hàng ngày của mỗi quốc gia công nghiệp đến nỗi đó là điều tất nhiên. Trong thông tin đại chúng, từ báo chí và radio đến phim ảnh và ti vi, chúng ta lại thấy sự hiện thân của nguyên lý cơ bản của nhà máy. Tất

cả đều in những thông tin giống nhau để dùng trong hàng triệu ngôi nhà. Các “sự kiện” được sản xuất đại chúng như sản phẩm được sản xuất hàng loạt, chảy ra từ một số nhà máy hình ảnh hàng triệu người tiêu thụ.

Như thế trong các xã hội công nghiệp dù là tư bản hay cộng sản, một môi trường khác đã nổi lên, đó là môi trường tin tức nghĩa là các kênh thông tin thông qua đó thông tin cá nhân và đại chúng có thể được phân phối cũng hiệu quả giống như hàng hóa hoặc nguyên liệu. Môi trường tin tức này gắn với phục vụ môi trường công nghệ, môi trường xã hội để giúp hợp nhất sản xuất kinh tế. Mỗi môi trường này thực hiện một nhiệm vụ then chốt trong một hệ thống lớn hơn, và không thể hiện hữu nếu không có những môi trường khác. Môi trường công nghệ sản xuất và phân phối sự thịnh vượng, môi trường xã hội phân phối vai trò cho cá nhân trong hệ thống. Và môi trường tin tức phân phối tin tức cần thiết để làm cho toàn bộ hệ thống làm việc. Cùng với nhau chúng tạo thành kiến trúc cơ sở của xã hội.

Chúng ta thấy phác họa ở đây là cấu trúc chung của tất cả các quốc gia Làn sóng thứ hai, dù có sự khác nhau về văn hóa và khí hậu, dù có sự khác nhau về chủng tộc và tôn giáo, dù có sự khác nhau về cái mà họ gọi là tư bản hay cộng sản.

Ngày nay văn minh công nghiệp đối với chúng ta dường như ít không tưởng hơn – thực vậy, nếu nó xuất hiện là áp lực, âm đạm, bấp bênh

về sinh thái, thiên về chiến tranh, ức chế về tâm lý – chúng ta cần phải hiểu tại sao. Chúng ta sẽ có thể trả lời được câu hỏi này nếu chúng ta xem xét mũi nhọn khổng lồ chia rẽ tâm lý Làn sóng thứ hai thành hai bộ phận đang đánh nhau.

Chương ba

MŨI NHỌN VÔ HÌNH

Giống như phản ứng dây chuyền hạt nhân, Làn sóng thứ hai chia đời sống chúng ta làm hai lĩnh vực mà cho đến bây giờ đã là một. Để làm việc đó, nó hướng mũi nhọn vô hình vào nền kinh tế của chúng ta, vào tâm lý của chúng ta, và ngay cả vào thú vui bản thân của chúng ta.

Một mặt, cuộc cách mạng công nghiệp đã tạo ra một hệ thống xã hội hợp nhất tuyệt diệu với những nền công nghệ đặc biệt của riêng nó, những thể chế xã hội của riêng nó, và những kênh tin tức của riêng nó. Thế nhưng mặt khác, nó xé tan tính đồng nhất cơ bản của xã hội, tạo ra một cách sống đầy căng thẳng kinh tế, xung đột xã hội, và sự khó chịu tâm lý. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được làm thế nào mũi nhọn vô hình này đã định hình đời sống của chúng ta qua suốt kỷ nguyên Làn sóng thứ hai, thì chúng ta mới có thể đánh giá được tác động đầy đủ của Làn sóng thứ ba đang bắt đầu định hình lại chúng ta ngày nay.

Mỗi nửa của đời sống con người mà Làn sóng thứ hai chia riêng ra là sản xuất và tiêu thụ. Chúng ta đã quen nghĩ về chúng ta như là người sản xuất hoặc người tiêu thụ. Điều này không phải bao giờ

cũng đúng. Trước khi có cuộc cách mạng công nghiệp, tất cả thực phẩm, hàng hóa và dịch vụ do nhân loại sản xuất đã được chính những người sản xuất, gia đình họ, hoặc nhóm nhỏ lãnh đạo tiêu thụ.

Trong hầu hết các xã hội nông nghiệp, đại đa số nhân dân là nông dân sống tập trung trong những cộng đồng nhỏ và bán cô lập. Họ sống nhờ thức ăn hàng ngày chỉ đủ để cho họ sống và làm cho các ông chủ của họ vui vẻ. Thiếu những phương tiện chứa và bảo quản thực phẩm lâu dài, đường sá để chuyên chở sản phẩm đến những thị trường xa còn khó khăn, họ biết rằng bất kỳ sự gia tăng đầu ra nào cũng sẽ bị các ông chủ nô lệ hoặc các chúa phong kiến tịch thu, họ cũng không có bất kỳ sự khích lệ nào để cải tiến công nghệ hoặc làm tăng sản xuất.

Tuy vậy vẫn có một số nhà buôn dùng cảm mang hàng hóa hàng nghìn dặm bằng lạc đà, xe đẩy hoặc tàu thủy. Song, tất cả nền thương nghiệp này chỉ đại diện cho một yếu tố nhỏ trong lịch sử, so với quy mô sản xuất để tự dùng ngay bởi những nô lệ hoặc nông nô nông nghiệp.

Chúng ta sẽ hiểu được Làn sóng thứ ba nếu chúng ta nhận thức về kinh tế Làn sóng thứ nhất gồm hai khu vực trước khi có cuộc cách mạng công nghiệp. Ở khu vực A, người ta sản xuất cho việc sử dụng riêng của họ. Ở khu vực B, họ sản xuất để buôn bán hoặc trao đổi. Khu vực A rất lớn, khu vực B rất bé. Do đó trong cuộc sống của hầu hết mọi người, sản xuất và tiêu thụ hòa nhập lại với nhau thành một chức năng. Sự hợp nhất này đến mức

những người Hy Lạp, La Mã và châu Âu Trung cổ không phân biệt được giữa hai điều trên. Họ không có ngay cả danh từ người tiêu thụ. Trong suốt kỷ nguyên Làn sóng thứ nhất, chỉ một số nhỏ phụ thuộc vào thị trường, hầu hết sống ngoài thị trường.

Làn sóng thứ hai thay đổi dữ dội tình hình này. Lần đầu tiên trong lịch sử nó tạo ra một tình hình mới với hàng loạt thực phẩm, hàng hóa và dịch vụ được dùng để bán, hoặc trao đổi. Nó hầu như tước hết hàng hóa được sản xuất đến người tiêu thụ, và tạo ra một nền văn minh mà trong đó không còn có ai có thể tự cung cấp. Mỗi người hầu như hoàn toàn phụ thuộc vào thực phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ sản xuất bởi người khác.

Nói tóm lại, hệ thống công nghiệp quy mô lớn phá vỡ sự hợp nhất của sản xuất và tiêu thụ, chia tách người sản xuất và người tiêu thụ. Nền kinh tế hợp nhất của Làn sóng thứ nhất được biến đổi thành nền kinh tế tách ra của Làn sóng thứ hai.

Ý NGHĨA CỦA THỊ TRƯỜNG

Những hậu quả của sự phân đôi này là trọng yếu. Ngay bây giờ chúng ta còn hiểu chúng rất ít. Đầu tiên, nơi họp chợ một thời là hiện tượng thứ yếu và ngoại biên, trở thành chính cơn lốc của cuộc sống. Kinh tế trở thành “thị trường hóa”. Và điều này xảy ra cho cả các nền kinh tế công nghiệp tư bản và xã hội chủ nghĩa.

Các nhà kinh tế phương Tây có khuynh

hướng nghĩ về thị trường như là một sự việc trong cuộc sống đơn thuần tư bản và thường sử dụng từ ngữ này giống như nó cùng nghĩa với “kinh tế lợi nhuận”. Thế nhưng từ những gì chúng ta biết về lịch sử, sự trao đổi đã xuất hiện sớm hơn, và độc lập với lợi nhuận. Vì thị trường không gì khác hơn là một mạng lưới trao đổi, một tổng đài thông qua đó mà hàng hóa và dịch vụ, giống như tin tức, được truyền đến nơi có nhu cầu. Nó vốn không chỉ thuộc về tư bản, một tổng đài như thế là thiết yếu cho cả xã hội công nghiệp xã hội chủ nghĩa cũng như là cho hệ thống công nghiệp quy mô lớn có động cơ lợi nhuận.

Nói tóm lại, bất kỳ nơi nào bị Làn sóng thứ hai tấn công và mục đích sản xuất thay đổi vị trí từ sử dụng sang trao đổi, đã có một cơ chế mà thông qua đó trao đổi có thể được tổ chức. Đã có thị trường, nhưng thị trường không phải là thụ động. Hầu hết mọi người bị hút vào hệ thống tiền tệ. Những giá trị thương mại trở thành trung tâm, sự phát triển kinh tế trở thành mục tiêu chủ yếu của các Chính phủ dù là tư bản hay xã hội chủ nghĩa. Vì thị trường đã là một thể chế có xu hướng phát triển và tăng cường. Cũng giống như sự phân chia lao động trước đó đã khuyến khích kinh doanh vào vị trí hàng đầu, bây giờ chính sự hiện hữu của thị trường khuyến khích sự phân chia lao động nhiều hơn và dẫn đến sức sản xuất tăng rõ rệt. Một quy trình tự khuếch đại đã được làm cho chuyển động. Sự phát triển bùng nổ này của thị trường đóng góp vào việc

tăng nhanh mức sống mà thế giới chưa bao giờ được biết.

Tuy nhiên trong lĩnh vực chính trị, các Chính phủ Liên xô thứ hai thấy họ bị dày vò bởi một loại xung đột mới sinh ra từ việc chia tách giữa sản xuất và tiêu thụ. Sự nhấn mạnh mác-xít về đấu tranh giai cấp che khuất một cách có hệ thống sự xung đột lớn hơn và sâu đậm hơn đã nảy sinh giữa những nhu cầu của người sản xuất (cả người lao động và người quản lý) về lương, lợi nhuận và phúc lợi cao hơn, và sự đòi hỏi ngược lại của người tiêu thụ (gồm cả chính những người trên) về giá cả thấp, sự dao động của chính sách kinh tế đu đưa trên điểm tựa này.

Không phải chỉ lĩnh vực chính trị mà cả lĩnh vực văn hóa cũng bị định hình bởi sự phân tách này, vì nó cũng được sinh ra trong nền văn minh chỉ coi trọng đồng tiền, tham lam, thương mại hóa và vụ lợi nhất trong lịch sử. Không phải là người mác - xít mới đồng ý với lời tố cáo nổi tiếng trong bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* rằng xã hội mới không để lại giữa người và người một mối quan hệ nào khác, ngoài mối lợi lạnh lùng và lối "tra tiền ngay" không tình không nghĩa⁽¹⁾. Những mối quan hệ cá nhân, những mối ràng buộc gia đình, tình yêu, tình bạn, mối quan hệ láng giềng và cộng đồng, tất cả bị nhuộm máu những quan hệ tiền nong đơn thuần.

⁽¹⁾ C. Mác - Ph. Ăngghen: *Tuyển tập*, tập 1. NXB Sự Thật, Hà Nội, 1980 tr 543 - 544.

Mác đúng trong việc nhận ra sự làm mất tính người trong các mối quan hệ giữa cá nhân, tuy nhiên Mác không đúng trong việc gán điều đó cho chủ nghĩa tư bản. Dĩ nhiên ông đã viết điều đó vào thời điểm khi xã hội công nghiệp mà ông có thể quan sát là chủ nghĩa tư bản sung sức. Ngày nay, sau hơn nửa thế kỷ kinh nghiệm với các xã hội công nghiệp dựa trên chủ nghĩa xã hội, hoặc ít nhất là chủ nghĩa xã hội Nhà nước, chúng ta biết rằng tính háms lợi, lòng tham lợi nhuận, và việc làm giảm mối quan hệ con người theo nghĩa kinh tế lạnh lùng không còn là độc quyền của hệ thống lợi nhuận.

Vì sự say mê tiền bạc, hàng hóa, và đồ vật là sự phản chiếu không phải của chủ nghĩa tư bản hoặc chủ nghĩa xã hội, mà là của hệ thống công nghiệp quy mô lớn. Đó là sự phản chiếu của vai trò trung tâm của thị trường trong tất cả xã hội mà trong đó sản xuất bị tách ra khỏi tiêu thụ, mà trong đó mỗi người phụ thuộc vào thị trường để thỏa mãn nhu cầu cuộc sống chứ không phải phụ thuộc vào kỹ năng sản xuất của họ.

Trong một xã hội, dù cơ cấu chính trị như thế nào đi nữa, không phải chỉ có sản phẩm được mua, bán, trao đổi, mà còn có cả lao động, tư tưởng, nghệ thuật và tâm hồn. Người đại lý mua hàng phương Tây bỏ vào túi số tiền hoa hồng bất hợp pháp không khác gì với người chủ bút Liên Xô nhận tiền của các tác giả muốn tác phẩm của mình được in, hoặc người thợ ống nước đòi chai vodka để làm công việc anh ta đã được trả tiền để làm việc đó. Các

nhà nghệ sĩ Pháp, Anh hoặc Mỹ viết hoặc vẽ chỉ vì tiền không khác gì với các nhà văn viết tiểu thuyết, họa sĩ hoặc nhà soạn kịch Ba Lan, Tiệp Khắc và Liên Xô bán sự tự do sáng tạo của họ lấy những món tiền thù lao kinh tế như tiền thưởng, nhà ở nông thôn, xe ô tô mới hoặc hàng hóa hiếm.

Sự tham nhũng như thế vốn thuộc về việc tách sản xuất ra khỏi tiêu thụ. Chính nhu cầu vì một thị trường để nối liền người tiêu thụ và người sản xuất, để chuyển hàng hóa từ người sản xuất đến người tiêu thụ, đặt những người kiểm soát thị trường vào vị trí quyền lực bất thường, dù là tu từ học gì đi nữa, họ sử dụng để biện minh cho quyền lực đó.

Tách sản xuất ra khỏi tiêu thụ trở thành một tính chất xác định đặc điểm của tất cả các xã hội công nghiệp hay nói một cách khác là của Làn sóng thứ hai, đặc điểm này ảnh hưởng đến tâm lý của chúng ta. Sự phân tách giữa 2 nhiệm vụ này – người sản xuất và người tiêu thụ – tạo ra đồng thời cùng một lúc cả tính hai mặt. Cũng cùng một người mà (ở vị trí người sản xuất) được dạy bởi gia đình, trường học và ông chủ là phải làm theo sự ban thưởng, có kỷ luật, sự kiểm soát, kiểm chế, vâng lời, phải là đồng đội, và đồng thời được dạy bảo (ở vị trí người tiêu thụ) là phải tìm kiếm sự ban thưởng, phải theo chủ nghĩa khoái lạc hơn là tính toán, phải rời bỏ kỷ luật, theo đuổi thú vui cá nhân - nói tóm lại, phải là người hoàn toàn khác. Đặc biệt ở phương Tây, sức mạnh quảng cáo nhằm vào người tiêu thụ, thúc giục họ mượn tiền, mua khi bốc đồng “mua bây

giờ, trả sau” và khi làm như thế là thực hiện công việc yêu nước bằng cách giữ cho bánh xe Lính tể quay.

SỰ CHIA TÁCH GIỚI TÍNH

Trong xã hội Làn sóng thứ hai, mũi nhọn khổng lồ đã chia tách người sản xuất ra khỏi người tiêu thụ đồng thời cũng chia tách công việc thành hai loại. Điều này đã có một tác động lớn vào cuộc sống gia đình, vai trò giới tính, và vào cuộc sống nội tâm của chúng ta.

Một trong những công thức giới tính trong xã hội công nghiệp định nghĩa đàn ông như là “khách quan” trong định hướng, và phụ nữ là “chủ quan”.

Trong các xã hội Làn sóng thứ nhất, hầu hết công việc được thực hiện ở ngoài đồng hoặc ở nhà, với toàn bộ gia đình như là một đơn vị kinh tế và với hầu hết sản phẩm làm ra được sử dụng trong làng hoặc ở thôn trang. Đời sống công việc và đời sống gia đình hòa với nhau. Và vì mỗi làng hoàn toàn tự cung cấp, sự thành công của công dân ở làng này độc lập với những gì xảy ra ở làng khác. Ngay cả trong một đơn vị sản xuất, hầu hết mọi người làm việc độc lập với nhau, họ có thể thay đổi công việc do thời tiết, bệnh tật hoặc chọn lựa đòi hỏi. Sự phân chia lao động tiền công nghiệp rất đơn giản. Do đó, công việc trong các xã hội nông nghiệp Làn sóng thứ nhất có đặc tính là mức độ phụ thuộc lẫn nhau thấp.

Làn sóng thứ hai di chuyển công việc từ ngoài

đồng và nhà vào nhà máy, và đưa mức độ phụ thuộc lẫn nhau cao hơn vào đời sống. Công việc bấy giờ đòi hỏi sự cố gắng tập thể, sự phân chia lao động, sự phối hợp, sự hợp nhất của nhiều kỹ năng khác nhau. Thành công của nó phụ thuộc vào sự phối hợp có kế hoạch của hàng nghìn người làm việc ở những địa điểm khác nhau, thậm chí nhiều người trong họ không hề biết lẫn nhau. Nhà máy cán thép hoặc nhà máy làm kính giao hàng không đúng hạn cho nhà máy ô tô có thể ảnh hưởng nặng nề đến toàn bộ một công nghệ hoặc kinh tế một vùng.

Sự va chạm của công việc phụ thuộc lẫn nhau thấp và cao đã sinh ra xung đột nặng nề về nhiệm vụ, trách nhiệm, và thưởng công. Ví dụ các ông chủ nhà máy trước đây than phiền rằng công nhân của họ là vô trách nhiệm, như họ không quan tâm đến năng suất nhà máy, khi cần đến thì họ đi câu cá, đi chơi, đua ngựa hoặc say mê. Thực vậy, hầu hết công nhân công nghiệp trước đây là nông dân đã quen với phụ thuộc lẫn nhau thấp, và không hiểu được nhiệm vụ của họ trong toàn bộ quy trình sản xuất hoặc sự thất bại, sự hoạt động không tốt đôi khi xảy ra do việc "thiếu trách nhiệm" của họ. Hơn thế nữa, hầu hết họ được trả lương không đáng kể nên họ không quan tâm gì đến công việc.

Trong sự xung đột giữa 2 hệ thống làm việc này, dạng làm việc mới dường như đã chiến thắng. Ngày càng sản xuất càng được chuyển vào nhà máy hoặc văn phòng nhiều hơn. Nông thôn bị tước mất dân số. Hàng triệu công nhân trở thành bộ

phận của các mạng lưới phụ thuộc chặt chẽ lẫn nhau trong công việc. Làn sóng thứ hai đã che khuất dạng lạc hậu cũ của Làn sóng thứ nhất. Chiến thắng của sự phụ thuộc lẫn nhau đối với sự tự cung tự cấp không bao giờ trọn vẹn đầy đủ. Ở một nơi dạng làm việc cũ vẫn ngoan cố được suy trì. Nơi đấy chính là nhà.

Mỗi gia đình là một đơn vị phân quyền gắn liền với việc tái suất sinh học, nuôi dạy trẻ con, và truyền bá văn hóa. Nếu một gia đình thất bại một trong các việc trên thì nó không ảnh hưởng gì đến công việc của nhà bên cạnh. Nói một cách khác, công việc trong nhà vẫn là hoạt động phụ thuộc lẫn nhau thấp. Người nội trợ tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ kinh tế quan trọng. Họ "sản xuất", nhưng họ sản xuất cho khu vực A, nghĩa là chỉ để sử dụng trong gia đình chứ không cho thị trường.

Khi người chồng đi làm việc kinh tế trực tiếp, người vợ thường ở nhà làm những công việc kinh tế gián tiếp. Người chồng chịu trách nhiệm dạng công việc tiến bộ hơn, người vợ lo dạng công việc cũ hơn và lạc hậu hơn. Người chồng đi vào tương lai, người vợ lại với quá khứ.

Sự phân chia này tạo ra sự chia tách trong cá tính và cuộc sống bên trong. Tính chất tập thể của nhà máy và văn phòng, nhu cầu về sự phối hợp và sự hợp nhất đã đưa đến những phân tích khác nhau và các mối quan hệ khách quan. Đàn ông được chuẩn bị từ nhỏ cho vai trò của họ trong nhà máy, nơi mà họ sẽ đi vào trong một thế giới của các

sự phụ thuộc lẫn nhau, được khuyến khích trở thành “khách quan”. Phụ nữ được chuẩn bị ngay từ lúc mới sinh nhiệm vụ sản xuất nòi giống, nuôi con, công việc nhà cửa cực nhọc vv.... Điều đó đã thực hiện đến một mức độ đáng kể trong việc cô lập với xã hội, được dạy bảo là phải “chủ quan”, nghĩa là không có khả năng về loại tư tưởng hợp lý và phân tích được giả thiết là đi cùng với sự khách quan.

Không ngạc nhiên khi thấy phụ nữ rời bỏ sự phụ thuộc vào người chồng dần thân vào sản xuất, thường bị tố cáo là mất tính đàn bà, là trở thành lạnh lùng cứng rắn và khách quan.

Sự khác nhau giới tính và công thức hóa vai trò giới tính lại nặng nề thêm bằng việc xác định nhầm lẫn dần ông với sản xuất và phụ nữ với tiêu thụ, mặc dù đàn ông cũng tiêu thụ và phụ nữ cũng sản xuất. Nói tóm lại, cuộc chiến đấu về giới tính có thể xuất phát từ xung đột giữa hai kiểu làm việc, và trên đó là sự tách biệt giữa tiêu thụ và sản xuất. Kinh tế bị chia tách cũng làm nặng thêm sự chia tách giới tính.

Những gì chúng ta đã thấy là mũi nhọn vô hình đã chia tách người sản xuất ra khỏi tiêu thụ, một số thay đổi sâu đậm đi theo việc đó. Một thị trường phải được thành lập hoặc phát triển để nối cả hai lại với nhau, những xung đột mới về chính trị và xã hội nổi lên, vai trò giới tính mới được định nghĩa. Tất cả các xã hội Làn sóng thứ hai phải hoạt động theo một cách tương tự như nhau, chúng phải thoả mãn một số yêu cầu cơ bản. Dù mục tiêu

của sản xuất là lợi nhuận hay không, dù “phương tiện sản xuất” là của tập thể hay tư nhân, dù thị trường là “tự do” hay “được lập kế hoạch”, dù biệt ngữ là tư bản hay xã hội chủ nghĩa, tất cả không có gì khác nhau. Chừng nào mà sản xuất có mục đích để trao đổi, chứ không phải để sử dụng, chừng nào mà sản xuất phải chảy qua thị trường, một số nguyên tắc của Luân sóng thứ hai phải được tuân theo.

Chương bốn

MỞ TUNG LUẬT LỆ

Mỗi nền văn minh đều có luật lệ riêng, nghĩa là các điều lệ và nguyên tắc áp dụng cho tất cả mọi hoạt động giống như sự thiết kế lặp đi lặp lại. Khi hệ thống công nghiệp quy mô lớn ngự trị trên hành tinh, thì luật lệ riêng của nó bộc lộ rõ ràng. Nó gồm một bộ 6 nguyên tắc liên quan với nhau điều khiển cách xử thế của hàng triệu người. Những nguyên tắc này phát triển từ việc tách riêng sản xuất và tiêu thụ, đã ảnh hưởng tới mỗi lĩnh vực của cuộc sống từ giới tính và thể thao đến công việc và chiến tranh.

TIÊU CHUẨN HÓA

Nguyên tắc quen thuộc nhất của Làn sóng thứ hai là sự tiêu chuẩn hóa. Mọi người biết rằng các xã hội công nghiệp sản xuất hàng triệu sản phẩm như nhau. Tuy nhiên ít người để ý rằng một khi thị trường trở thành quan trọng, chúng ta còn làm nhiều hơn chứ không phải chỉ tiêu chuẩn hóa lon nước ngọt Coca Cola, bóng đèn, trục truyền lực xe ô tô. Chúng ta đã áp dụng cùng nguyên tắc cho nhiều việc khác. Trong số những người đầu tiên

nắm được quan trọng của ư tưởng này là Thêodo Vail – người thành lập công ty điện thoại và điện báo Mỹ (ATT), và Frêdêzic Taylo – người sáng lập ra dây chuyền sản xuất nổi tiếng.

Trong các xã hội Làn sóng thứ hai, những thủ tục thuê người và công việc được tiêu chuẩn hóa tăng nhiều. Những cách kiểm tra tiêu chuẩn hóa được sử dụng để nhận biết và loại bỏ những người không phù hợp, đặc biệt các công việc của Nhà nước. Thang lương được tiêu chuẩn hóa trong toàn bộ công nghiệp cùng với phúc lợi, giờ ăn trưa, ngày nghỉ và thủ tục ma chay cuối đời. Để chuẩn bị cho thanh niên vào thị trường việc làm, các nhà giáo thiết kế những chương trình giảng dạy phổ thông. Việc lên lớp, thủ tục nhập học, và các điều lệ tốt nghiệp đều được tiêu chuẩn hóa.

Trong lúc đó phương tiện thông tin đại chúng phổ biến hình ảnh tiêu chuẩn hóa, để hàng triệu người đọc cùng mục quảng cáo, cùng tin tức, cùng các truyện ngắn. Việc Chính phủ coi thường những ngôn ngữ thiểu số, cùng với ảnh hưởng của thông tin đại chúng, đã đưa đến sự biến mất dần các tiếng địa phương hoặc cả một ngôn ngữ. Tiếng Anh, Mỹ, Pháp và Nga “phổ thông” đã thay thế những ngôn ngữ “không phổ thông”. Các vùng khác nhau của một nước trở nên giống nhau, cũng có những trạm bán xăng, những bảng quảng cáo, và những ngôi nhà mọc lên khắp nơi. Nguyên tắc tiêu chuẩn hóa trùm mọi lĩnh vực của cuộc sống hàng ngày.

Nền văn minh công nghiệp đòi hỏi các số đo được tiêu chuẩn hóa. Các tiêu chuẩn thống nhất

được truyền bá trên khắp thế giới bởi Làn sóng thứ hai. Hơn thế nữa, nếu sản xuất hàng loạt đòi hỏi sự tiêu chuẩn hóa về máy móc, sản phẩm và quy trình, thì thị trường luôn luôn phát triển cũng đòi hỏi sự tiêu chuẩn hóa tương ứng về tiền bạc, và ngay cả giá cả. Các quốc gia công nghiệp hóa dần dần huỷ bỏ tất cả các loại tiền tệ không thuộc Chính phủ và áp đặt một loại tiền tệ tiêu chuẩn độc nhất ở nước họ.

Mặc dù có những bất đồng, song các nhà tư tưởng tiến bộ Làn sóng thứ hai nhất trí rằng sự tiêu chuẩn hóa đã có hiệu quả. Do đó ở nhiều lĩnh vực, Làn sóng thứ hai đã san phẳng những sự khác nhau thông qua việc áp dụng liên tục nguyên tắc tiêu chuẩn hóa.

CHUYÊN MÔN HÓA

Một nguyên tắc lớn thứ hai đi qua tất cả các xã hội Làn sóng thứ hai là chuyên môn hóa. Vì Làn sóng thứ hai càng loại bỏ sự đa dạng trong ngôn ngữ, giải trí, và lối sống bao nhiêu, thì nó càng cần sự đa dạng trong môi trường công việc bấy nhiêu. Bằng việc gia tăng sự phân chia lao động, Làn sóng thứ hai thay thế người nông dân đa năng tùy tiện thành một chuyên viên ngành hẹp và người công nhân chỉ làm việc độc nhất một nhiệm vụ kiểu Taylo. Những người phê bình hệ thống công nghiệp quy mô lớn cho rằng lao động chuyên môn hóa cao lập đi lập lại dần dần làm mất tính người của công nhân. Thế nhưng, công việc chuyên môn hóa không

đòi hỏi cả con người mà chỉ cần một phần của con người. Không có bằng chứng sau sắc nào cho thấy chuyên môn hóa quá cao làm cho trở thành hung ác.

Sự chuyên môn hóa mà nhiều người gán cho chủ nghĩa tư bản cũng đã trở thành một đặc tính của chủ nghĩa xã hội. Vì sự chuyên môn hóa cao về lao động là chung cho tất cả các xã hội Làn sóng thứ hai có nguồn gốc trong việc tách sản xuất ra khỏi tiêu thụ. Liên Xô, Ba Lan, Đông Đức hoặc Hungari không thể vận hành nhà máy của họ nếu không có sự chuyên môn hóa tỉ mỉ giống như Nhật hoặc Hoa Kỳ - Bộ Lao động Hoa Kỳ năm 1977 công bố một danh mục về 20.000 công việc khác nhau có thể xác định được.

Hơn thế nữa, trong các quốc gia công nghiệp tư bản cũng như xã hội chủ nghĩa, việc chuyên môn hoá làm tăng xu hướng trở thành nhà nghề hóa. Để có cơ hội đưa đến cho một nhóm các chuyên gia độc quyền hóa kiến thức bí truyền và không cho những người nhập môn vào lĩnh vực của họ, thì các nghiệp vụ nổi lên. Khi Làn sóng thứ hai tràn tới, thị trường xen vào giữa người nắm kiến thức và khách hàng, chia rõ ràng họ ra thành người sản xuất và tiêu thụ. Vậy là, y tế trong các xã hội Làn sóng thứ hai được xem như là sản phẩm được cung cấp bởi bác sĩ và hệ thống dịch vụ y tế chứ không phải là kết quả của sự chăm sóc thông minh của bệnh nhân. Giáo dục được "sản xuất" bởi thầy giáo và được "tiêu thụ" bởi học sinh.

Tất cả các loại nghề nghiệp từ nhân viên thư viện đến người bán hàng bắt đầu hò hét đòi hỏi

quyền được gọi là những nghiệp vụ và quyền được đặt ra các tiêu chuẩn, giá cả, và điều kiện gia nhập vào chuyên môn của họ. Trong các xã hội Làn sóng thứ hai, ngay cả sự khích động chính trị cũng được nhận thức như là một nghề nghiệp. Lênin cho rằng quần chúng không thể tiến hành cách mạng nếu không có sự giúp đỡ của các nhà cách mạng chuyên nghiệp. Ông khẳng định cần một tổ chức của những người cách mạng chuyên nghiệp mà thành viên là những người mà nghề nghiệp của họ là nghề cách mạng.

Trong số những người cộng sản, tư bản, quản trị, nhà giáo, thầy tu, và chính trị, Làn sóng thứ hai đã tạo ra một tâm tính chung và sự hướng về việc phân chia lao động tinh tế hơn bao giờ hết. *Nhà tiêu chuẩn hóa vĩ đại đi song hành với nhà chuyên môn hóa vĩ đại.*

ĐỒNG BỘ HÓA

Sự phân chia giữa sản xuất và tiêu thụ cũng đưa đến sự thay đổi trong cái cách mà những người Làn sóng thứ hai nhận thức về thời gian. Trong hệ thống phụ thuộc thị trường, dù đó là thị trường tự do hoặc người lập kế hoạch, thời gian là tiền bạc. Máy móc đắt tiền không thể được phép nằm không, và chúng được vận hành theo nhịp điệu riêng của chúng. Điều này sinh ra nguyên tắc thứ ba của văn minh công nghiệp: sự đồng bộ hóa.

Ngay cả trong những xã hội xưa kia, công việc phải được tổ chức cẩn thận theo thời gian. Các

chiến sĩ phải làm việc nhất trí để bẫy nạn nhân của họ. Ngư dân phải phối hợp những cố gắng của họ trong việc chèo thuyền và kéo lưới. Cho đến khi Làn sóng thứ hai đưa máy móc vào, hầu hết sự đồng bộ hóa như thế về cố gắng đã là hữu cơ và tự nhiên. Nó theo nhịp điệu các mùa và theo các quy trình sinh học, theo trái đất quay và theo nhịp đập của quả tim. Ngược lại, các xã hội Làn sóng thứ hai đi theo nhịp đập của máy tính.

Khi sản xuất nhà máy phát triển, giá thành máy móc cao và sự phụ thuộc lẫn nhau chặt chẽ về lao động đòi hỏi sự đồng bộ hóa tinh vi hơn, nếu một nhóm công nhân trong một nhà máy hoàn thành chậm trễ một nhiệm vụ, thì những nhóm khác trên dây chuyền cũng chậm trễ theo. Như thế, sự đúng giờ, mà không bao giờ quan trọng trong các cộng đồng nông nghiệp, trở thành sự cần thiết của xã hội công nghiệp.

Trẻ em trong các nền văn hóa công nghiệp được dạy từ nhỏ về cách tính giờ. Học sinh vào lớp khi chuông reo để sau này chúng bắt đầu làm việc ở nhà máy hoặc văn phòng khi có còi hú. Công việc nhiều khi được chính xác đến từng giây. "Từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều" tạo thành một cái khung thời gian cho hàng triệu công nhân. Không phải chỉ có đời sống làm việc mới bị đồng bộ hóa. Trong tất cả xã hội Làn sóng thứ hai, dù làm việc để có lợi nhuận hoặc làm chính trị, cuộc sống xã hội cũng phải tuân theo thời gian và thích nghi với những yêu cầu của máy móc. Một số giờ được xếp đặt cho giải trí. Ngày nghỉ phép, nghỉ lễ, hoặc nghỉ giải lao

xen kẽ với thời gian làm việc.

Trẻ em bắt đầu và kết thúc năm học theo thời gian thống nhất. Bệnh viện đánh thức tất cả bệnh nhân để cùng ăn sáng một lúc. Hệ thống giao thông bố trí chéo nhau trong giờ cao điểm. Chương trình giải trí trên ti vi được sắp xếp trong các khung giờ đặc biệt. Mỗi công việc kinh doanh đều có giờ hoặc mùa cao điểm, được đồng bộ với giờ hoặc mùa của nơi cung cấp và nơi phân phối.

Những người tham gia công việc Làn sóng thứ hai, hầu hết là đàn ông, họ trở thành thuộc gần như hoàn toàn vào thời gian. Ngược lại, một số người chống lại hệ thống thời gian công nghiệp. Phụ nữ gắn với công việc nội trợ, không phụ thuộc lẫn nhau, họ làm việc theo nhịp điệu cơ khí. Cũng cùng lý do như thế mà người thành phố thường xem những người ở nông thôn là chậm và không đáng tin cậy.

Một khi Làn sóng thứ hai trở thành ưu thế thì cuộc sống thường ngày bị khóa vào hệ thống nhịp điệu công nghiệp. Ở Mỹ, Liên Xô, Xingapo, Thụy Điển, Pháp, Đan Mạch, Đức, Nhật v.v... Các gia đình có cùng thời gian biểu về làm việc và sinh hoạt.

TẬP TRUNG HÓA

Thị trường tăng lên đã sinh ra một quy tắc khác của nền văn minh Làn sóng thứ hai - nguyên tắc tập trung hóa.

Các xã hội Làn sóng thứ nhất sống nhờ vào các nguồn năng lượng phân tán khắp nơi. Các xã

hội Làn sóng thứ hai trở thành phụ thuộc hầu như hoàn toàn vào các mỏ nhiên liệu tập trung. Nó cũng tập trung dân số lấy từ các vùng nông thôn vào các trung tâm thành phố khổng lồ. Nó cũng tập trung công việc. Công việc của các xã hội Làn sóng thứ nhất được tiến hành khắp nơi trong nhà, trong làng, trên cánh đồng, còn hầu hết công việc của xã hội Làn sóng thứ hai được tập trung ở các nhà máy trong đó hàng ngàn người lao động làm việc dưới cùng một mái nhà.

Không phải chỉ có năng lượng và công việc bị tập trung. Trước cuộc cách mạng công nghiệp, người nghèo ở nhà hoặc ở với người thân, tội phạm bị phạt hoặc bị trục xuất từ nơi định cư này sang nơi định cư khác, những người tâm thần bị giữ ở nhà. Tất cả những nhóm này bị phân tán khắp cả cộng đồng. Hệ thống công nghiệp quy mô lớn cách mạng hóa tình hình. Tội phạm bị tập trung ở nhà tù, người bệnh tâm thần bị tập trung ở nhà thương điên, trẻ con tập trung ở trường học, giống như công nhân tập trung ở nhà máy.

Sự tập trung hóa cũng xảy ra ở nguồn vốn, các công ty khổng lồ được sinh ra và sau đó là các tờ rơi hoặc tư bản độc quyền. Đến giữa năm 1960, ở Mỹ có 3 công ty lớn sản xuất 94% số xe ô tô, ở Đức có 4 công ty sản xuất 91% số xe ô tô, ở Pháp có 4 công ty sản xuất 100% số xe ô tô, ở Ý có 1 công ty sản xuất 90% số xe ô tô...

Các nhà quản lý xã hội chủ nghĩa cũng tin rằng sự tập trung sản xuất là có hiệu quả. Thực vậy, các nhà tư tưởng mác - xít cho rằng sự tập

trung cao về công nghiệp trong các quốc gia tư bản là bước cần thiết trước khi tập trung toàn bộ tối hậu về công nghiệp dưới sự bảo trợ của Nhà nước. Lênin đã nói về việc biến tất cả công dân thành công nhân và người làm việc của một “xí nghiệp” khổng lồ - toàn bộ Nhà nước.

Dù là trong năng lượng, dân số, công việc, giáo dục, hoặc trong tổ chức kinh tế, nguyên tắc tập trung của nền văn minh Làn sóng thứ hai khác sâu sự khác nhau về ý thức hệ giữa Moscow và phương Tây.

TỐI ĐA HÓA

Trong tất cả các xã hội Làn sóng thứ hai, sự tách rời giữa sản xuất và tiêu thụ cũng tạo ra sự say mê quy mô to lớn và phát triển. Nếu việc kéo dài giờ chạy máy trong xí nghiệp làm giảm giá thành sản xuất, thì sự tăng quy mô cũng tạo ra sự tiết kiệm trong những hoạt động khác. “To lớn” trở thành đồng nghĩa với “hiệu quả” và sự tối đa hoá trở thành nguyên tắc then chốt thứ năm.

Các thành phố và quốc gia lấy làm kiêu hãnh có những tòa nhà chọc trời, các đập nước to lớn... Hơn thế nữa, vì sự to lớn là kết quả của việc phát triển nên hầu hết các Chính phủ công nghiệp, các công ty, và những tổ chức khác theo đuổi điên cuồng lý tưởng phát triển.

Không phải chỉ riêng nước Mỹ là mê say sự to lớn. Ở Pháp, năm 1963, 1.400 xí nghiệp chỉ là 0.0025% tổng số các công ty đã thuê 38% lực lượng

lao động. Các Chính phủ ở Đức, Anh và các nước khác đã khuyến khích sự hòa nhập để tạo các công ty lớn hơn, trong niềm tin là với quy mô lớn sẽ giúp họ cạnh tranh các công ty khổng lồ của Mỹ.

Sự tối đa hóa quy mô không phải là sự phản ánh tối đa hóa lợi nhuận. Lênin cho rằng các xí nghiệp, tồi tệ, xanhđica khổng lồ phải đưa phương pháp sản xuất hàng loạt đến mức cao của sự phát triển. Chỉ lệnh kinh tế đầu tiên của ông sau cách mạng Xô viết là tổ chức nền kinh tế Nga vào trong một số ít càng tốt các đơn vị lớn nhất có thể được. Xtalin đẩy mạnh hơn việc tổ chức sản xuất, theo quy mô tối đa và xây dựng những đề án mới rộng lớn – khu công nghiệp liên hợp thép ở Magnitogorsk, một khu khác ở Zaporozhstal, nhà máy nấu chảy đồng ở Balkhash, nhà máy nông cụ ở Khackop và Xtalingrat. Ông ta hỏi một nhà máy Mỹ lớn như thế nào và ra lệnh xây dựng một nhà máy còn lớn hơn.

Sự yêu thích “to lớn” còn phản ánh trong việc tập hợp của nhiều loại khác nhau về số liệu vào một công cụ thống kê được biết là tổng sản phẩm thu nhập quốc dân (GNP). GNP đo “quy mô” của một nền kinh tế bằng cách tổng cộng giá trị hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra. Công cụ này của các nhà kinh tế Luân sóng thứ hai có nhiều nhược điểm. Từ quan điểm của GNP, đầu ra bất kể là gì dù đó là thực phẩm, giáo dục, y tế, hoặc đạn dược. Việc thuê người xây dựng nhà hoặc phá nhà đều được cộng vào GNP. Vì nó chỉ đo hoạt động thị trường hoặc hối đoái, nên GNP loại bỏ toàn bộ lĩnh vực sống còn của

nền kinh tế dựa trên sự sản xuất không được trả lương như nuôi dạy trẻ con hoặc nội trợ.

Bất chấp những nhược điểm này, các Chính phủ Làn sóng thứ hai trên thế giới vẫn tiếp tục chạy đua mù quáng để tăng GNP với bất cứ giá nào, tối đa hóa sự “phát triển” ngay cả với cái giá thảm họa về sinh thái và xã hội. Nguyên tắc mê say cái lớn ăn sâu vào tâm tính công nghiệp đến mức dường như chẳng có gì có lý hơn.

TẬP QUYỀN HÓA

Sau cùng, tất cả các quốc gia công nghiệp phát triển tập quyền thành một nghệ thuật. Tất cả những xã hội phức tạp đòi hỏi một sự hỗn hợp các hoạt động tập quyền và phân quyền. Nhưng sự thay đổi vị trí từ một nền kinh tế Làn sóng thứ nhất cơ bản là phân quyền, với mỗi địa phương chịu trách nhiệm sản xuất nhu cầu riêng, đến những nền kinh tế quốc gia hợp nhất của Làn sóng thứ hai đưa đến những phương pháp hoàn toàn mới để tập trung quyền lực. Những phương pháp này bắt đầu hoạt động ở cấp công ty, xí nghiệp đến toàn bộ nền kinh tế.

Ví dụ đường sắt trở thành một mô hình cho các tổ chức lớn và quản lý tập quyền được xem như là một công ty tiên tiến và phức tạp trong tất cả các quốc gia Làn sóng thứ hai.

Làn sóng thứ hai cũng khuyến khích tập quyền trong chính trị. Ví dụ Hiến pháp nước Mỹ cho thấy một Chính phủ trung ương mạnh là thiết

yếu không chỉ cho các chính sách đối ngoại và quân sự, mà còn cho sự phát triển kinh tế. Sức ép tập trung quyền lực không phải chỉ riêng cho nước Mỹ, các nước Thụy Điển, Nhật, Anh hoặc Pháp đều tập quyền còn mạnh hơn cả Mỹ.

Sự tập quyền chính trị cũng thấy ở các nước công nghiệp mác - xít. Năm 1850 Mác kêu gọi tập trung quyền lực quyết định vào tay Nhà nước. Ăngghen tán công liên bang phân quyền như là “một bước lùi khổng lồ”. Sau đó những người Xô viết nóng ruột gia tăng công nghiệp hóa, đã tiến hành xây dựng cấu trúc kinh tế và chính trị tập quyền cao nhất, ngay cả những quyết định sản xuất nhỏ nhất cũng phụ thuộc vào sự kiểm soát của các nhà lập kế hoạch trung ương.

Sự tập quyền dần dần của một nền kinh tế một thời đã phân quyền là thêm vào một phát minh quan trọng mà tên của nó rõ mục đích: Ngân hàng trung ương. Tiền chảy qua mỗi động mạch trong các xã hội Làn sóng thứ hai, cả tư bản chủ nghĩa, cả xã hội chủ nghĩa. Cả hai đều cần, và do đó đã tạo ra, một trạm bơm tiền tập quyền. Ngân hàng trung ương và Chính phủ tập quyền song hành với nhau. Tập quyền hóa là một nguyên tắc ưu thế khác của văn minh Làn sóng thứ hai.

Chương năm

CÁC NHÀ CHUYÊN MÔN CỦA QUYỀN LỰC

Câu hỏi “Ai điều hành công việc?” là một câu hỏi tiêu biểu của Làn sóng thứ hai. Vì trước khi có cuộc cách mạng công nghiệp, chẳng có lý do gì để đặt câu hỏi đó. Dù bị cai trị bởi vua, chúa, lãnh chúa, thiên hoàng hoặc các ông thánh, người dân không quan tâm gì về việc ai nắm quyền lực trên họ. Người nông dân rách rưới nhìn lên từ cánh đồng, thấy toà lâu đài hoặc chủng viện hiện ra lơ lửng trong cảnh rực rỡ ở chân trời. Họ không cần nhà khoa học chính trị hoặc nhà bình luận báo chí để giải điều bí ẩn của quyền lực. Tất cả mọi người đều biết ai đang chịu trách nhiệm.

Bất kỳ nơi nào Làn sóng thứ hai đi qua, một loại quyền lực mới xuất hiện, khuếch tán và vô hình. Những người đang cầm quyền trở thành đồng nghĩa với “họ”. “Họ” là ai?

NHỮNG NGƯỜI PHỐI HỢP

Hệ thống công nghiệp quy mô lớn phân hóa xã hội thành hàng nghìn bộ phận khớp với nhau - nhà máy, nhà thờ, trường học, công đoàn, nhà tù, bệnh viện v.v... Nó đập tan ranh giới mệnh lệnh

giữa nhà thờ, Nhà nước và cá nhân. Nó chia kiến thức thành những chuyên ngành khác nhau, chia công việc thành nghề nghiệp khác nhau và biến gia đình thành những đơn vị nhỏ hơn. Nói tóm lại, nó làm đảo lộn cuộc sống và văn hóa cộng đồng.

Ai đó phải sắp xếp lại dưới một dạng khác.

Điều này đã làm nảy sinh ra nhiều loại chuyên gia mới mà công việc cơ bản là hợp nhất. Họ tự gọi là uỷ viên ban quản trị, người nắm quyền hành chính - uỷ viên nhân dân, người điều phối - Tổng thống, Phó Tổng thống, công chức hoặc người quản lý, họ có mặt trong kinh doanh, trong Chính phủ, trong các cấp xã hội. Và họ chứng minh là cần thiết. Họ là những người hợp nhất.

Họ xác định chức năng và bố trí công việc. Họ quyết định ai được thưởng gì. Họ lập kế hoạch, đặt tiêu chuẩn, và cho hoặc từ chối không cho giấy uỷ nhiệm. Họ kết hợp sản xuất, phân phối, chuyên chở và thông tin. Họ đặt điều lệ để các tổ chức tác động lẫn nhau. Nói tóm lại, họ lấp các phần của xã hội lại với nhau. Không có họ thì hệ thống Làn sóng thứ hai không thể hoạt động được.

Mặc cho rằng ai nắm quyền sở hữu công cụ và công nghệ - phương tiện sản xuất - thì người đó kiểm soát xã hội. Ông lý luận rằng, vì công việc phụ thuộc lẫn nhau, công nhân có thể phá vỡ sản xuất và chiếm lấy phương tiện sản xuất từ các ông chủ của họ. Một khi họ sở hữu phương tiện sản xuất, họ sẽ cai trị xã hội.

Thế nhưng lịch sử đã diễn ra khác. Vì chính sự phụ thuộc lẫn nhau này đã tạo ra lực đòn bẩy lớn

hơn cho một nhóm mới - những người hợp nhất hệ thống. Cuối cùng thì chẳng phải ông chủ cũng chẳng phải công nhân nắm quyền. Trong các quốc gia tư bản cũng như xã hội chủ nghĩa, chính những người hợp nhất nhảy lên chớp bu. Không phải sở hữu "phương tiện sản xuất" là có quyền lực, mà chính việc kiểm soát "phương tiện hợp nhất" là có quyền lực.

Trong kinh doanh, những người hợp nhất đầu tiên là những người sở hữu nhà máy, những người thầu khoán kinh doanh, những ông chủ máy cán và những người sản xuất gang thép. Ông chủ cùng với một số ít người giúp việc là đủ có thể phối hợp lao động của một số lớn người làm công và hợp nhất nhà máy vào nền kinh tế lớn hơn.

Trong thời đó, ông chủ và người hợp nhất là một và như nhau, do đó không có gì ngạc nhiên khi Mác đã lẫn lộn người này với người khác và đã nhấn mạnh về sở hữu. Tuy nhiên, khi sản xuất trở nên phức tạp hơn và sự phân chia lao động chuyên môn hóa hơn, nền kinh doanh chứng kiến sự tăng nhanh ghê gớm các uỷ viên ban quản trị và các chuyên gia nằm giữa ông chủ và công nhân. Công việc bàn giấy phát triển nhanh. Và sau đó, trong các công ty lớn, không ai, kể cả ông chủ lẫn người có cổ phần nhiều nhất, có thể hiểu được toàn bộ hoạt động của công ty. Những quyết định của ông chủ được định hình và được kiểm soát bởi các chuyên gia được đưa vào để phối hợp hệ thống. Như thế xuất hiện một loại chuyên gia quản trị mà quyền lực của họ không dựa vào sự kiểm soát quy trình

hợp nhất.

Khi người quản lý tăng thêm quyền lực thì người giữ cổ phần ít quan trọng hơn. Khi các công ty phát triển lớn hơn, các ông chủ bán cho các nhóm cổ đông phân tán lớn hơn, ít người biết rõ về những hoạt động hiện nay của kinh doanh. Do đó các cổ đông phải dựa vào những người quản lý được thuê làm việc không phải chỉ để điều hành công việc hàng ngày của công ty mà còn phải lập những mục tiêu và chiến lược dài hạn. Hội đồng quản trị, theo lý thuyết là đại diện cho các ông chủ, họ trở nên xa cách và không biết gì về những hoạt động mà đáng lẽ họ phải chỉ đạo. Và càng ngày càng có nhiều đầu tư riêng không phải từ cá nhân mà từ các tổ chức như quỹ trợ cấp, quỹ tương trợ, phòng tờ rút của ngân hàng, "các ông chủ" hiện nay của công nghệ càng không kiểm soát gì được.

Các chính sách kinh doanh được lập ra bởi các nhà quản lý do công ty thuê hoặc các nhà quản lý tiền tệ đầu tư tiền của người khác, chứ không phải được lập ra bởi các "ông chủ" hoặc bởi các công nhân. Các nhà hợp nhất chịu trách nhiệm. Tất cả những điều đó cũng đã xảy ra ở các nước xã hội chủ nghĩa.

GUỒNG MÁY HỢP NHẤT

Hợp nhất một việc kinh doanh, hoặc một nền công nghệ chỉ là một phần nhỏ của những gì cần phải làm. Xã hội công nghiệp hiện đại làm phát triển một loạt các tổ chức, từ công đoàn lao động và

hiệp hội thương mại đến nhà thờ, trường học, trạm xá và các nhóm tiêu khiển, tất cả đều phải làm việc trong khuôn khổ của những điều lệ. Luật pháp được cần đến. Song trước hết, môi trường tín tức, môi trường xã hội, và môi trường công nghệ phải được đưa vào cùng hàng với nhau.

Từ nhu cầu hợp nhất của văn minh, Làn sóng thứ hai đòi hỏi một người phối hợp lớn nhất của tất cả - guồng máy hợp nhất của hệ thống: bộ máy Chính phủ đồ sộ. Chính xu hướng mãnh liệt của hệ thống về sự hợp nhất giải thích sự tăng liên tục của guồng máy Chính phủ trong mỗi xã hội Làn sóng thứ hai.

Các nhà mị dân chính trị luôn luôn nói đến một bộ máy Chính phủ gọn nhẹ. Thế nhưng một khi cầm quyền, chính các nhà lãnh đạo đó thay vì thu nhỏ bộ máy của Chính phủ, họ đã bành trướng bộ máy đó. Sự mâu thuẫn giữa lời nói sáo và cuộc sống thực có thể hiểu được nếu chúng ta thừa nhận rằng mục đích tối cao của các Chính phủ Làn sóng thứ hai phải xây dựng và duy trì văn minh công nghiệp. Tất cả những mâu thuẫn nhỏ hầu như không tồn tại khi đứng trước nhiệm vụ đó. Các đảng phái và các nhà chính trị có thể cãi nhau ầm ĩ về những vấn đề khác, nhưng đối với vấn đề trên thì họ luôn luôn nhất trí ngầm với nhau. Và Chính phủ với bộ máy đồ sộ là một phần của chương trình không nói ra của họ, vì các xã hội công nghiệp phụ thuộc vào Chính phủ để thực hiện những nhiệm vụ hợp nhất thiết yếu.

Những nhà chủ trương thị trường tự do lý

luận rằng Chính phủ can thiệp vào kinh doanh. Nhưng nếu chỉ để riêng cho các xí nghiệp tư thì sự công nghiệp hóa sẽ chậm hơn nhiều, nếu không muốn nói là chẳng bao giờ có công nghiệp hóa gì cả. Các Chính phủ đẩy nhanh sự phát triển đường sắt. Họ xây dựng hải cảng, đường sá, kênh đào và đường cao tốc. Họ vận hành phát thanh. Họ viết các bộ luật thương mại và thị trường. Họ sử dụng áp lực chính sách đối ngoại và huỷ bỏ thuế hải quan để giúp công nghiệp. Họ đưa nông dân ra khỏi nông thôn để đưa vào tăng cường lực lượng lao động công nghiệp. Họ trợ cấp năng lượng và công nghệ tiên tiến. Ở hàng ngàn lĩnh vực như thế, các Chính phủ chịu trách nhiệm hợp nhất mà những tổ chức khác không thể thực hiện được.

Chính phủ là người làm tăng tốc độ vĩ đại. Vì quyền lực cưỡng bức và thu nhập về thuế của nó, nó có thể làm những việc mà xí nghiệp tư không thể đảm nhiệm. Các Chính phủ có thể đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa bằng cách xóa bỏ những kẻ hở của hệ thống trước khi các công ty tư có thể làm được điều đó. Các Chính phủ có thể thực hiện sự "hợp nhất trước kỳ hạn".

Bằng việc thiết lập những hệ thống giáo dục đại chúng, các Chính phủ không chỉ giúp đào tạo thanh niên cho tương lai của họ trong lực lượng lao động công nghiệp (và do đó trợ cấp công nghiệp) mà còn khuyến khích sự phát triển dạng gia đình hạt nhân. Bằng việc cởi bỏ cho các gia đình khỏi nhiệm vụ giáo dục và những nhiệm vụ truyền thống khác, các Chính phủ đẩy mạnh sự thích nghi

của cấu trúc gia đình theo nhu cầu của hệ thống nhà máy. Do đó, ở những lĩnh vực khác nhau, các Chính phủ điều hòa tính phức tạp của nền văn minh Làn sóng thứ hai.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi sự hợp nhất trở thành quan trọng thì cả bản chất và hình thức Chính phủ cũng thay đổi. Ví dụ tổng thống và thủ tướng tự họ cho họ là người quản lý chứ không phải là nhà lãnh đạo chính trị và xã hội sáng tạo. Trong cá tính và thái độ, họ giống như những người điều hành công ty lớn hoặc xí nghiệp sản xuất.

Do đó trong các xã hội công nghiệp tư bản cũng như xã hội chủ nghĩa, cùng một mô hình đã xuất hiện các công ty lớn hoặc các tổ chức sản xuất lớn và một bộ máy Chính phủ khổng lồ. Và thay vì công nhân nắm giữ phương tiện sản xuất như Mác đã tiên đoán, hoặc các nhà tư bản nắm giữ quyền lực, một lực lượng hoàn toàn mới đã nảy sinh ra để thách đố cả hai. Các nhà chuyên môn của quyền lực đã nắm giữ “phương tiện hợp nhất” và với nó họ kiểm soát kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Các nhà hợp nhất cai trị các xã hội Làn sóng thứ hai.

KIM TỰ THÁP QUYỀN LỰC

Những nhà chuyên môn của quyền lực tự họ tổ chức bộ máy theo cấp bậc các nhóm ưu tú và nhóm ưu tú cấp dưới. Mỗi nền công nghiệp và các ngành của Chính phủ lại đẻ ra các cơ quan riêng của họ.

Thể thao, tôn giáo, giáo dục... mỗi ngành đều có kim tự tháp quyền lực riêng của họ. Các cơ sở khoa học, các cơ sở quốc phòng, các cơ sở văn hóa được thành lập. Quyền lực trong văn minh Làn sóng thứ hai được chia ra thành hàng trăm, hàng ngàn các nhóm ưu tú được chuyên môn hóa như thế.

Các nhóm ưu tú được chuyên môn hóa này được hợp nhất vào nhóm ưu tú tổng thể mà thành viên nằm ở tất cả các chuyên ngành. Ví dụ, ở Liên Xô và các nước Đông Âu, Đảng Cộng sản có các đảng viên trong tất cả các lĩnh vực từ hàng không đến âm nhạc và nhà máy sản xuất thép. Các đảng viên cộng sản phục vụ như là hệ thống thông tin mật quan trọng đưa thông tin từ nhóm này sang nhóm khác. Vì họ có tất cả tin tức nên họ có quyền hành rất lớn để điều hành các nhóm ưu tú cấp dưới. Trong các nước tư bản, các nhà kinh doanh tiên tiến và luật sư phục vụ tương tự theo một cách ít chính thức hơn. Do đó, những gì chúng ta thấy trong tất cả các quốc gia Làn sóng thứ hai là các nhóm được chuyên môn hóa của các nhà hợp nhất, công chức hoặc uỷ viên quản trị, và họ lại hợp nhất bởi các nhà hợp nhất tổng thể.

NHÓM SIÊU ƯU TÚ

Ở cấp cao hơn, sự hợp nhất đã được áp đặt bởi nhóm "siêu ưu tú" chịu trách nhiệm phân phối đầu tư. Dù ở trong tài chính hoặc công nghệ, dù ở Lầu Năm Góc hoặc ở bộ máy uỷ ban kế hoạch Xô Viết,

những người phân phối đầu tư trong xã hội công nghiệp đặt ra những giới hạn mà trong đó những người hợp nhất tự do buộc phải thực hiện. Một khi quyết định đầu tư quy mô lớn đã được đưa ra, nó sẽ giới hạn những sự chọn lựa tương lai. Và khi được đặt vào vị trí, vốn chủ yếu này xác định các thông số mà trong đó các nhà quản lý hoặc hợp nhất tương lai bị hạn chế. Những nhóm ra quyết định vô hình này kiểm soát đòn bẩy đầu tư đã thành lập nhóm siêu ưu tú trong các xã hội công nghiệp.

Do đó trong xã hội Làn sóng thứ hai, một kiến trúc song song của các nhóm ưu tú đã nổi lên. Và hệ thống cấp bậc quyền lực bí mật này lại được sinh ra sau mỗi khủng hoảng hoặc biến động chính trị. Tên, khẩu hiệu, tên đảng, và ứng cử viên có thể thay đổi, cách mạng có thể đến và đi. Những khuôn mặt mới có thể xuất hiện sau các bàn làm việc cũ. Nhưng kiến trúc quyền lực cơ bản vẫn giữ nguyên.

Nhiều lần trong 300 năm vừa qua, từ nước này sang nước khác, những người nổi loạn và các nhà cải cách đã cố gắng phá vỡ bức tường quyền lực, để xây dựng mới dựa trên sự công bằng xã hội và bình đẳng chính trị. Thỉnh thoảng những phong trào như thế đã chiếm được cảm tình của hàng triệu người với những lời hứa hẹn tự do. Các nhà cách mạng đôi khi lật đổ được chế độ.

Thế nhưng sau mỗi lần như thế, kết quả cuối cùng vẫn giống nhau. Các nhà nổi loạn lại tạo ra dưới lá cờ riêng của họ, một cấu trúc tương tự về các nhóm ưu tú cấp dưới, nhóm ưu tú và nhóm siêu ưu tú. Vì cấu trúc hợp nhất này, mà các chuyên

viên quyền lực cũng cần thiết cho nền văn minh Làn sóng thứ hai giống như nhà máy, nhiên liệu hoặc gia đình hạt nhân. Hệ thống công nghiệp quy mô lớn và nền dân chủ hoàn toàn mà nó hứa hẹn thực tế là không dung hợp được với nhau.

Các quốc gia công nghiệp có thể bị bắt buộc đi từ thị trường tự do sang lập kế hoạch trung ương do hành động cách mạng hoặc do gì khác. Họ có thể đi từ tư bản sang xã hội chủ nghĩa hoặc ngược lại. Nhưng giống như tấm da báo, họ không thể thay đổi màu da. Họ không thể hoạt động nếu không có hệ thống cấp bậc các nhà hợp nhất hùng mạnh.

Ngày nay, khi Làn sóng thứ ba về, thay đổi bắt đầu đánh mạnh vào thành trì quyền lực quản lý này, những vết rạn nứt đầu tiên đang xuất hiện trong hệ thống quyền lực.

Chương sáu

BẢN KẾ HOẠCH BÍ MẬT

Người Pháp không thể hiểu được cách người Mỹ bầu Tổng thống. Ngược lại, người Mỹ thấy khó hiểu cách người Pháp chọn lãnh đạo của họ. Họ lại càng hiểu ít hơn những cuộc bầu cử tẻ nhạt của người Anh, cách người Đức quan niệm tự do cho tất cả hai tá đảng phái, hệ thống bầu cử ưu đãi của người Úc hoặc hệ thống xoay vòng và đàm phán trong số các phe phái của người Nhật. Tất cả những hệ thống chính trị này dường như khác nhau kinh khủng. Ngay cả các cuộc bầu cử một đảng hoặc bầu một cách hình thức khó hiểu hơn ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Khi thuộc về vấn đề chính trị, không quốc gia công nghiệp nào lại giống quốc gia công nghiệp nào.

Thế nhưng khi chúng ta gạt bỏ bức màn che cục bộ, chúng ta sẽ phát hiện ra những sự tương đương nằm dưới bề mặt khác nhau. Thực vậy, chúng giống nhau đến mức như là các hệ thống chính trị của các quốc gia Làn sóng thứ hai được xây dựng từ cùng một bản kế hoạch bí mật.

Khi các nhà cách mạng Làn sóng thứ hai đạt được mục đích lật đổ các nhóm ưu tú Làn sóng thứ nhất ở Pháp, Mỹ, Nga, Nhật và các quốc gia khác

thì họ đứng trước nhu cầu phải viết hiến pháp, thành lập Chính phủ mới, và thiết kế các thể chế chính trị mới từ con số không. Trong niềm phấn khởi, họ tranh luận cho tính chất đại diện. Ai sẽ đại diện cho ai? Nhân dân có cần bảo các đại biểu được bầu phải làm như thế nào không, hay là các đại biểu bầu gì tùy họ? Các nhiệm kỳ dài hay ngắn? Đảng phái có vai trò gì?

Trong mỗi nước, mỗi cấu trúc chính trị mới được hình thành từ những xung đột và tranh luận này. Tìm hiểu kỹ những cấu trúc này ta sẽ thấy chúng được xây dựng trên sự tổng hợp của những cái được cho là đúng của Làn sóng thứ nhất và những tư tưởng mới hơn do ảnh hưởng của thời đại công nghiệp.

Sau mấy ngàn năm nông nghiệp, các nhà sáng lập hệ thống chính trị Làn sóng thứ hai khó tưởng tượng một nền kinh tế chỉ dựa vào lao động, vốn, năng lượng và nguyên liệu, chứ không dựa vào đất đai. Đất đai luôn luôn đã là trung tâm của cuộc sống. Do đó không có gì đáng ngạc nhiên khi địa lý gắn sâu vào các hệ thống bầu cử khác nhau. Các thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ ở Mỹ, các dân biểu ở Anh và các nước công nghiệp khác được bầu không phải là đại diện của một số giai cấp xã hội hoặc nghề nghiệp, chủng tộc, giới tính, mà là đại diện của số dân cư của một vùng đất.

Ngoài ra, vì những người Làn sóng thứ nhất thường sống một nơi suốt đời, nên trong điều lệ bầu cử, ngay cho cả ngày nay, có quy định nơi thường trú của cử tri. Nhịp điệu cuộc sống Làn

sống thứ nhất chậm nên các cơ quan đại biểu “không phải vội vàng”, nghĩa là có thời gian để suy nghĩ sâu về các vấn đề. Hầu hết nhân dân Lào sống thứ nhất là mù chữ và dốt nát, nên các đại biểu, đặc biệt là giai cấp có học thức, được cho là có quyết định thông minh hơn đại bộ phận cử tri.

Nhưng ngay cả khi họ áp dụng những điều trên của Lào sống thứ nhất vào thể chế chính trị của chúng ta, các nhà cách mạng Lào sống thứ hai cũng đưa mắt nhìn về tương lai. Do đó kiến trúc mà họ xây dựng phản ánh một số khái niệm công nghệ mới nhất.

SAY MÊ CƠ KHÍ

Các nhà kinh doanh, các nhà trí thức và các nhà chính trị của thời kỳ đầu công nghiệp hầu như bị máy móc thôi miên. Họ bị mê hoặc bởi động cơ hơi nước, đồng hồ, máy dệt, máy bơm và pittông và họ xây dựng những sự tương tự vô tận dựa trên những công nghệ cơ khí đơn giản đương thời.

Những từ ngữ chính trị họ dùng lúc đó phản ánh các bộ phận máy móc cơ khí, như nền kinh tế là một hệ thống mà “hệ thống đó giống như một cái máy”, như nhu cầu “mô hình hóa” lại “hệ thống” chính trị, như thay đổi “cấu trúc” của quyền lực chính trị, như chọn công chức thông qua “sự lựa chọn liên tục”, như “guồng máy Chính phủ”, như một Chính phủ hoàng gia phải “đảm bảo sự hoạt động đồng bộ của các bộ phận khác nhau của chủ nghĩa tư bản, Lenin đã diễn tả Nhà nước không

khác gì là một bộ máy được nhà tư bản sử dụng để đàn áp công nhân v.v...

Say sưa với những tư tưởng cơ khí, sùng bái sức mạnh và hiệu quả của máy móc, các nhà sáng lập cách mạng của xã hội Làn sóng thứ hai, dù là tư bản hay xã hội chủ nghĩa, đã phát minh ra những thể chế có nhiều đặc tính của các máy móc công nghiệp.

BỘ LẮP RÁP ĐẠI BIỂU

Những cấu trúc họ tạo ra dựa trên khái niệm cơ bản về sự đại diện. Trong mỗi nước họ sử dụng một số thành phần tiêu chuẩn, những thành phần này làm thành cái được gọi là bộ lắp ráp đại biểu phổ thông.

Các thành phần là:

1. Cá nhân có quyền bỏ phiếu.
2. Đảng phái cần lá phiếu.
3. Ứng cử viên trúng cử được gọi là "đại biểu".
4. Lập pháp (Nghị viện, Quốc hội, Hội đồng) mà trong đó các đại biểu được "sản xuất" luật bằng bỏ phiếu.
5. Hành pháp (Tổng thống, Thủ tướng, Bí thư Đảng) cung cấp nguyên liệu vào bộ máy làm luật dưới dạng chính sách, và sau đó củng cố luật được ban hành.

Các phần của bộ lắp ráp này được tổng hợp và vận dụng bằng nhiều cách khác nhau ở những nước khác nhau. Có một số nước chỉ những người trên 21 tuổi mới được quyền đi bỏ phiếu, có nước

82

chỉ đàn ông da trắng mới có quyền bầu cử, có nước toàn bộ quy trình do một nhà độc tài điều khiển, ở một nước khác các viên chức trúng cử có quyền lực đáng kể. Nước này có 2 đảng, nước khác đa đảng, có nước chỉ có một đảng. Tuy nhiên, mô hình lịch sử là rõ ràng. Các phần có thể bị sửa đổi, nhưng cùng bộ lắp ráp cơ bản này được dùng để xây dựng bộ máy chính trị chính thức trong tất cả các quốc gia công nghiệp.

Giống như nhà máy là biểu tượng toàn bộ môi trường công nghệ công nghiệp, Chính phủ đại nghị trở thành biểu tượng của mỗi quốc gia "tiên tiến". Thực vậy, ngay cả nhiều quốc gia không công nghiệp - dưới áp lực của thực dân hoặc bằng sự bắt chước mù quáng - chạy đua thiết lập cùng những cơ chế chính trị và sử dụng cùng bộ lắp ráp đại biểu phổ thông.

NHÀ MÁY LUẬT TOÀN CẦU

Các "bộ máy dân chủ" không phải chỉ giới hạn ở cấp quốc gia, chúng còn được thiết lập ở cấp tiểu bang, tỉnh, huyện, thị trấn và làng. Chỉ trong các nước Làn sóng thứ hai, hiện nay có khoảng chừng hơn 100.000 bộ máy đại diện này đang sản xuất luật, sắc lệnh, quy định và điều lệ.

Theo lý thuyết, giống như mỗi cá nhân và mỗi lá phiếu là một đơn vị nguyên tử và riêng biệt, mỗi đơn vị chính trị - quốc gia, tỉnh và địa phương - cũng được xem như là riêng biệt, là nguyên tử. Mỗi đơn vị có quyền pháp lý riêng, quyền lực riêng,

quyền lợi và nhiệm vụ riêng. Các đơn vị nối với nhau bằng hệ thống cấp bậc, từ trên xuống dưới, từ quốc gia xuống địa phương. Nhưng khi hệ thống công nghiệp quy mô lớn đạt đến đỉnh cao của nó, và nền kinh tế càng ngày càng được hợp nhất, những quyết định từ các đơn vị chính trị này đã gây ra hậu quả ngoài quyền pháp lý của nó, do đó làm cho các cơ quan chính trị khác phải phản ứng.

Một quyết định của Quốc hội Nhật đối với công nghiệp dệt của Nhật có thể ảnh hưởng việc làm ở Nam Bắc Carôlaina (Mỹ) và dịch vụ phúc lợi ở thành phố Sicagô. Quốc hội Mỹ bỏ phiếu thêm côta cho nhập xe ô tô nước ngoài có thể tạo thêm việc làm ở Nagôya hoặc Turin. Đến giữa thế kỷ XX, 10.000 cấp thẩm quyền chính trị bề ngoài có vẻ như có chủ quyền hoặc độc lập với nhau, lại đang liên kết với nhau thông qua mạng lưới kinh tế, thông qua du lịch, di dân và thông tin, và do đó các đơn vị đó liên tục tác động lẫn nhau.

Hàng ngàn đơn vị trên được thiết kế từ bộ lắp ráp đại biểu đã thành lập một siêu guồng máy vô hình: nhà máy luật toàn cầu.

NGHI LỄ LÀM YÊN TÂM

Được sinh ra từ những niềm mơ ước của các nhà cách mạng Làn sóng thứ hai, Chính phủ đại nghị là một sự tiến bộ tuyệt vời so với những hệ thống quyền hành trước đây, đó là sự chiến thắng công nghiệp bằng cách riêng của nó chứ không phải chỉ là máy hơi nước hoặc máy bay.

Chính phủ đại nghị tạo ra được sự kế tục theo thứ tự mà không cần đến các triều đại cha truyền con nối. Nó đã mở ra những con đường nối tiếp giữa trên và dưới trong xã hội. Nó cũng cấp một phạm vi hoạt động cho các nhóm khác nhau có thể hòa giải một cách hòa bình với nhau.

Được trang bị với tư tưởng mỗi người một lá phiếu và luật đa số, nó giúp cho người nghèo và người không có thế lực đòi được quyền lợi từ những nhà chuyên môn của quyền lực, là những người đang điều hành guồng máy hợp nhất của xã hội. Vì những lý do này, sự phát triển về Chính phủ đại nghị là một sự đột phá của nhân loại trong lịch sử.

Dù được xác định ngay từ đầu, nhưng nhân dân không bao giờ có quyền được kiểm soát cả. Cũng không có nơi nào trên thế giới thay đổi được cấu trúc quyền lực trong các quốc gia công nghiệp gồm các nhóm ưu tú cấp dưới, các nhóm ưu tú và các nhóm siêu ưu tú. Thực vậy, thay vì làm yếu đi sự điều khiển của các nhóm ưu tú quản lý, guồng máy đại nghị chính thức trở thành một trong những phương tiện then chốt của sự hợp nhất mà nhờ đó các nhóm ưu tú mới duy trì được quyền lực.

Bầu cử thực hiện một nhiệm vụ văn hóa cho các nhóm ưu tú, cho dù trong bầu cử ai thắng cũng được. Chính ngay trong khái niệm tất cả mọi người đều được đi bầu, bầu cử đã ấp ủ ảo tưởng về sự công bằng. Bầu cử đã tạo ra nghi lễ làm cho yên tâm, truyền đạt cho mọi người tư tưởng rằng sự lựa chọn đã được thực hiện một cách hệ thống, với

sự đúng mực giống như cái máy, và do đó là hợp lý. Bầu cử làm nhân dân yên tâm rằng họ vẫn có quyền kiểm soát thông qua việc họ có thể bầu hoặc không bầu lãnh đạo. Cả trong các nước tư bản và xã hội chủ nghĩa, những đảm bảo nghi lễ này cho thấy quan trọng hơn kết quả bầu cử.

Các nhóm ưu tú hợp nhất đã chương trình hóa các bộ máy chính trị khác nhau cho từng nơi, kiểm soát số đảng phái hoặc thao túng kết quả bầu cử. Thế nhưng nghi lễ bầu cử được áp dụng khắp nơi. Việc các cuộc bầu cử ở Liên Xô và Đông Âu sản xuất các con số ảo thuật 99% cho thấy rằng nhu cầu làm yên tâm vẫn cần thiết cho các xã hội, xã hội chủ nghĩa giống như trong thế giới tự do. Bầu cử đã huỷ bỏ được sự phản đối của người dân.

Hơn thế nữa, mặc dù có những cố gắng của các nhà cải cách và cấp tiến dân chủ, các nhóm ưu tú hợp nhất hầu như vẫn duy trì sự kiểm soát thường xuyên hệ thống Chính phủ đại nghị. Nhiều lý thuyết đã được đưa ra để giải thích tại sao. Nhưng hầu hết các nhà lý thuyết này xem thường tính chất cơ khí của hệ thống.

Nếu chúng ta nhìn các hệ thống chính trị Làn sóng thứ hai dưới con mắt của một hệ kỹ sư chứ không phải của một nhà khoa học chính trị, chúng ta nhận ra ngay một sự việc then chốt không được chú ý.

Các kỹ sư công nghiệp thường xuyên phân biệt giữa hai loại máy khác nhau: Một loại máy chạy gián đoạn được biết dưới cái tên máy “xử lý từng đợt” và một loại máy chạy không dừng được

biết dưới cái tên máy “chạy liên tục”. Ví dụ loại máy thứ nhất là máy dập dấu, công nhân đưa đến từng đợt các tấm kim loại và cho vào máy để dập dấu từng tấm hoặc vài tấm một lần. Khi hết một đợt, máy dừng lại cho đến khi đợt mới được mang đến. Và ví dụ về loại máy thứ hai là hệ thống lọc dầu, máy một khi đã được khởi động thì chạy không ngừng 24 giờ một ngày.

Nếu chúng ta nhìn nhà máy luật toàn cầu với các cuộc bầu cử gián đoạn, chúng ta thấy nó giống như máy xử lý cổ điển. Nhân dân được cho phép chọn các ứng cử viên vào thời gian quy định, sau đó “guồng máy dân chủ” ngừng chạy.

Ngược lại với guồng máy trên là dòng ảnh hưởng liên tục từ các nhóm quyền lợi có tổ chức; nhóm gây áp lực, nhóm những người vận động ở hành lang của các công ty, các cơ quan Chính phủ, các bộ nhằm gây ảnh hưởng đến quá trình quyết định dù là Washington hay ở Moscow. Các nhóm ưu tú tạo ra guồng máy chạy liên tục có thể lực làm việc song song với guồng máy dân chủ từng đợt. Chỉ khi nào chúng ta nhìn thấy hai guồng máy này cạnh tranh nhau thì chúng ta mới hiểu được làm thế nào quyền lực Nhà nước tác động trên nhà máy luật toàn cầu.

Chừng nào mà vẫn còn trò chơi đại nghị, thì nhân dân chỉ có những cơ hội gián đoạn thông qua bầu cử để biểu lộ sự ủng hộ hoặc không ủng hộ Chính phủ và những hoạt động của Chính phủ. Ngược lại, các nhà chuyên môn của quyền lực ảnh hưởng liên tục đến hoạt động đó.

Khi công nhân đấu tranh để được quyền tổ chức công đoàn, họ bị khủng bố, bị ngược đãi, bị cảnh sát đánh đập, vì họ là những người ngoài cuộc, không có đại diện trong hệ thống. Một khi công đoàn được thành lập, họ sinh ra một nhóm hợp nhất mới mà những thành viên thay vì đại diện cho công nhân lại đi làm trung gian để điều đình giữa họ và các nhóm ưu tú trong kinh doanh và trong Chính phủ. Các nhà lãnh đạo công đoàn ở Liên Xô và các nước Đông Âu chẳng qua là các nhà chuyên môn của quyền lực.

Theo lý thuyết, muốn được bầu trở lại thì các đại biểu phải trung thực và phải tiếp tục phát ngôn cho những người họ đại diện. Tuy nhiên không có nơi nào ngăn cả việc thu nạp các đại biểu vào bộ máy quyền lực.

Nói tóm lại, trong hệ thống này, Chính phủ đại nghị là phần chính trị tương đương một nhà máy. Thực vậy, đó đã là nhà máy sản xuất những quyết định hợp nhất tập thể. Cũng giống như các nhà máy, nó được quản lý từ trên. Và cũng giống như hầu hết các nhà máy, nó đang trở thành lỗi thời, một nạn nhân của Làn sóng thứ ba.

Chương bảy

SỰ DIỄN CUỒNG CỦA CÁC QUỐC GIA

Trong một thế giới với phong trào các quốc gia đang chiến đấu giành quyền lực, với chừng 152 quốc gia là thành viên của Liên Hiệp Quốc, thì việc cho các hòn đảo với dân số chừng vài nghìn người trở thành độc lập đã buộc chúng ta phải xem lại chính khái niệm về tính chất quốc gia. 6.500 người ở hòn đảo Abaco trong vùng Bahams mặc dù được các nhà kinh doanh tài trợ, có thể tạo thành một quốc gia không? Nếu Singapo với dân 2,3 triệu người là một quốc gia thì tại sao thành phố New York với dân số 8 triệu người lại không trở thành một quốc gia? Nếu quận Bờ rú klin có máy bay ném bom thì nó có trở thành một quốc gia không? Nghe thì rất vô lý, nhưng những câu hỏi như thế sẽ có ý nghĩa mỗi khi Làn sóng thứ ba tấn công ngay chính những cơ sở của nền văn minh Làn sóng thứ hai. Vì một trong những cơ sở này đã và đang là quốc gia - Nhà nước.

THAY NGỰA

Trước khi Làn sóng thứ hai tràn qua châu Âu, hầu hết các vùng trên thế giới chưa được lập thành quốc gia, nhưng được tổ chức thành một mớ

hỗn độn như bộ lạc, thị tộc, công quốc, lãnh địa, vương quốc, và những đơn vị địa phương khác. Biên giới không rõ ràng. Quyền lực của Nhà nước chưa được tiêu chuẩn hóa. Sự kiểm soát chính trị chưa được thống nhất. Một cá nhân có ruộng đất ở một vài nơi có thể phải nộp thuế cho vài lãnh chúa. Vôn-te tóm tắt tình hình như sau: khi đi khắp châu Âu, ông ta phải thay đổi luật lệ giống như thay ngựa. Sự thay đổi ngựa thường xuyên phản ánh phương tiện giao thông và thông tin thô sơ, từ đó có thể suy ra rằng ở những nơi xa thì vương quốc mạnh nhất cũng không thể áp đặt sự kiểm soát có hiệu quả được. Càng xa thủ đô bao nhiêu thì quyền lực Nhà nước càng yếu bấy nhiêu.

Nếu không có sự hợp nhất chính trị thì không có sự hợp nhất kinh tế. Các nền công nghệ mới, đòi hỏi đầu tư lớn của Làn sóng thứ hai và chỉ có thể được hoàn vốn dần nếu chúng sản xuất hàng hóa cho thị trường lớn hơn thị trường địa phương. Nhưng làm thế nào các nhà kinh doanh có thể mua bán trên một lãnh thổ rộng lớn nếu họ ở vào trạng thái rối rắm về thuế má, điều lệ lao động, tiền bạc khác nhau? Muốn cho các nền công nghệ mới có lợi, các nền kinh tế địa phương phải được nhập vào một nền kinh tế quốc gia thống nhất. Điều này có nghĩa là cần có sự phân bố lao động quốc gia và thị trường quốc gia cho hàng hóa và vốn. Đến lượt những điều đó yêu cầu sự củng cố chính trị quốc gia. Nói đơn giản là sự phát triển của kinh tế Làn sóng thứ hai đòi hỏi phải có một chế độ chính trị Làn sóng thứ hai thích ứng.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi các xã hội Làn sóng thứ hai bắt đầu xây dựng nền kinh tế quốc gia. Với công nghệ dựa vào hơi nước, than đá và điện, người sản xuất có thể làm quần áo ở nơi này, đồng hồ ở nơi kia, hoặc hàng vải ở nơi khác để sản xuất số lượng nhiều hơn khả năng tiêu thụ của thị trường địa phương. Họ cũng cần nguyên liệu từ xa. Người công nhân nhà máy cũng bị ảnh hưởng bởi các biến cố tài chính xảy ra cách đây hàng nghìn dặm, công việc phụ thuộc vào thị trường xa cách.

Do đó dần dần những chân trời tâm lý cũng phát triển. Phương tiện thông tin đại chúng mới đã tăng số lượng tin tức và hình ảnh từ những nơi rất xa. Dưới tác động của những thay đổi này, chủ nghĩa địa phương bị mờ dần. Ý thức quốc gia trở dậy. Mở đầu là các cuộc cách mạng Mỹ và Pháp, tiếp đó đến cuối thế kỷ XIX, Làn sóng của chủ nghĩa quốc gia đã tràn qua các nước đang công nghiệp hóa của thế giới như Đức, Ý, Tây Ban Nha, Hungari. Các nhà thơ ca ngợi tinh thần quốc gia, các nhà lịch sử phát hiện các anh hùng, các nhà soạn nhạc viết bài các bài ca ngợi tính chất quốc gia mà văn học dân gian chưa từng biết đến. Tất cả đều xảy ra đúng vào lúc sự công nghiệp hoá đang cần điều đó.

Một khi chúng ta hiểu được nhu cầu hợp nhất, thì ý nghĩa Nhà nước quốc gia trở thành rõ ràng. Những gì mà chúng ta gọi là một quốc gia hiện đại là một hiện tượng của Làn sóng thứ hai - một quyền lực chính trị hợp nhất trộn với một nền

kinh tế hợp nhất. Nghĩa là một hệ thống chính trị thống nhất cùng với một nền kinh tế thống nhất đã tạo ra quốc gia hiện đại.

Những cuộc nổi dậy dân tộc chủ nghĩa được cuộc cách mạng công nghiệp khơi động ở Mỹ, Pháp, Đức... có thể được xem như là những cố gắng nhằm đưa sự hợp nhất chính trị lên ngang tầm với sự hợp nhất kinh tế theo sau Làn sóng thứ hai. Và chính những cố gắng này đã dẫn đến việc phân chia thế giới thành nhiều đơn vị quốc gia riêng biệt.

ĐÌNH ĐÓNG ĐƯỜNG RAY BẰNG VÀNG

Khi mỗi Chính phủ tìm cách mở rộng thị trường và quyền lực chính trị của họ, họ đã gặp phải những hạn chế về ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, địa lý và chiến lược. Phương tiện giao thông, thông tin, nguồn năng lượng, và sức sản xuất của nền công nghệ, tất cả đều giới hạn khu vực mà một cấu trúc chính trị có thể cai trị được. Sự phức tạp của các thủ tục thanh toán, kiểm soát ngân sách và phương pháp quản lý cũng xác định sự hợp nhất chính trị có vươn xa đến đâu.

Mặc dù có những giới hạn này, song các nhóm ưu tú hợp nhất, công ty và Chính phủ vẫn tìm cách bành trướng. Lãnh thổ do họ kiểm soát càng rộng bao nhiêu, và thị trường kinh tế càng lớn bao nhiêu thì sự giàu có và quyền lực của họ càng nhiều bấy nhiêu. Khi mỗi quốc gia mở rộng biên giới chính trị và kinh tế của nó đến mức tối đa không phải nó chỉ va vào những giới hạn đó mà

còn va phải các quốc gia cạnh tranh. Để phá vỡ những biên giới này, các nhóm ưu tú hợp nhất đã sử dụng nền công nghệ tiên tiến. Ví dụ họ lao vào cuộc chạy đua của thế kỷ XIX là xây dựng hệ thống đường sắt. Chỉ trong vòng 3 thập kỷ kể từ năm 1825, đường sắt đã đóng đường ray bằng vàng được đóng xuống để nối toàn bộ hệ thống đường sắt, thì nó đã mở rộng sự kiểm soát của Chính phủ liên bang khắp cả nước Mỹ.

Do đó những gì mà người ta thấy là sự trỗi dậy của một thực thể mới đầy quyền lực: quốc gia. Từ đó bản đồ thế giới bị chia thành những mảnh rõ ràng, không chồng lên nhau với các màu đỏ, hồng, da cam, vàng, xanh, và hệ thống Nhà nước – quốc gia là một trong những cấu trúc then chốt của nền văn minh Làn sóng thứ hai.

Nằm phía dưới tổ chức quốc gia là mệnh lệnh quen thuộc của hệ thống công nghiệp quy mô lớn: Cuộc chạy đua cho sự hợp nhất. Nhưng cuộc chạy đua cho sự hợp nhất này không chấm dứt ở biên giới của mỗi Nhà nước – quốc gia. Vì tất cả sức mạnh của nó, nền văn minh công nghiệp không thể được nuôi dưỡng từ khoảng hư vô. Nó không thể nào tồn tại trừ phi nó hợp nhất toàn bộ thế giới vào một hệ thống tiền tệ và kiểm soát hệ thống đó vì quyền lực riêng của nó.

Chương tám

CUỘC CHẠY ĐUA ĐẾN QUỐC

Không có nền văn minh được lan truyền mà không có xung đột. Nền văn minh Làn sóng thứ hai tấn công ào ạt thế giới Làn sóng thứ nhất, đã chiến thắng và áp đặt ý chí của nó lên hàng triệu, sau cùng là hàng tỉ con người.

Trước làn sóng thứ hai, từ thế kỷ XVI, các nhà cai trị châu Âu đã bắt đầu xây dựng đế quốc thực dân rộng rãi. Các nhà linh mục, những người Tây Ban Nha đi chinh phục, các nhà thám hiểm người Anh, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Ý, Pháp tỏa đi khắp nơi trên trái đất, bắt thổ dân làm nô lệ hoặc tiêu diệt cả một dân tộc, kiểm soát những vùng đất bao la, và gửi chiến lợi phẩm về cho đế chế của họ.

Tuy nhiên so với những gì tiếp sau đây thì tất cả những việc đó không có ý nghĩa.

Vì châu báu mà những người thám hiểm và những người đi chinh phục gửi về nhà là những thứ ăn cướp. Châu báu này tài trợ chiến tranh và sự giàu có cá nhân, nhưng không giúp gì cho nền kinh tế cơ bản tự cung tự cấp của nhà nước thực dân. Kết quả của việc đi xâm chiếm nước ngoài chỉ làm giàu giai cấp thống trị và thành phố chứ

không giúp gì cho đại bộ phận người dân bình thường như là nông dân. Trong nghĩa này, chủ nghĩa đế quốc Làn sóng thứ nhất vẫn là tầm thường, chưa hợp nhất vào kinh tế.

Làn sóng thứ hai biến đổi trò ăn cắp vặt quy mô nhỏ này thành kinh doanh lớn. Nó biến đổi chủ nghĩa đế quốc tầm thường thành chủ nghĩa đế quốc lớn.

Chủ nghĩa đế quốc mới không phải mang về vài hòm vàng bạc châu báu mà nó đưa về hết đoàn tàu này đến đoàn tàu khác đầy ắp khoáng sản. Nó lấy nguyên liệu từ các nước thuộc địa, xử lý chế biến và đưa trở lại nước thuộc địa dưới dạng hàng hóa thành phẩm để thu được lợi nhuận khổng lồ. Nói tóm lại, đây là chủ nghĩa đế quốc hợp nhất vào cấu trúc kinh tế cơ bản của quốc gia công nghiệp mà hàng triệu công nhân phụ thuộc vào nó.

Không chỉ có làm việc. Ngoài nguyên liệu ra, châu Âu cũng cần số lượng thực phẩm ngày càng tăng. Khi các quốc gia Làn sóng thứ hai chuyển sang sản xuất, khi chuyển lao động nông nghiệp vào trong nhà máy, họ bắt buộc phải nhập khẩu nhiều loại thực phẩm từ nước ngoài – bò, cừu, lúa mì, cà phê, trà, đường, từ Ấn Độ, Trung Quốc, châu Phi và Trung Mỹ, Nam Mỹ.

Và khi sản xuất hàng loạt được đẩy mạnh, các nhà công nghiệp mới cần thị trường lớn hơn và những nơi mới để đầu tư. Việc đó còn nhằm giải quyết tư tưởng cho các nhà lãnh đạo châu Âu bị ám ảnh bởi sự sợ hãi là nếu sự phát triển thuộc địa dừng lại, nạn thất nghiệp có thể đưa đến cuộc cách

mạng vũ trang ở các nước châu Âu.

Tuy nhiên, thực chất của chủ nghĩa đế quốc lớn còn nhiều vấn đề khác chứ không phải chỉ riêng vấn đề kinh tế. Chiến lược, tôn giáo, lý tưởng và mạo hiểm đều có phần của riêng nó, sự phân biệt chủng tộc cũng có phần của nó với tư tưởng về sự ưu việt của dân da trắng hoặc dân châu Âu. Nhiều người nhìn thấy sự chinh phục đế quốc như là một trách nhiệm thần thánh. Câu nói của Kipling “gánh nặng của người da trắng” đã tổng kết sự nhiệt tình của các nhà truyền giáo châu Âu truyền bá đạo công giáo và “sự văn minh”, dĩ nhiên là văn minh Làn sóng thứ nhất như là lạc hậu và kém phát triển. Những người nông dân, đặc biệt là dân da màu, bị xem như là trẻ con, họ là lừa đảo và bất lương, họ là thụ động, họ không làm cuộc sống có giá trị.

Những thái độ như thế giúp cho các lực lượng Làn sóng thứ hai biện minh cho sự huỷ diệt của họ đối với những ai dám đứng trên đường đi của họ. Đằng sau những thái độ kỳ thị chủng tộc là những lời bào chữa tôn giáo khi người Anh, Pháp, Đức, Hà Lan và những người khác gieo rắc đau khổ khắp thế giới, đó là một thực tế không thể chối cãi được. Nền văn minh Làn sóng thứ hai không thể hiện diện độc lập. Nó rất cần những nguồn tài nguyên bên ngoài. Và cái nó cần nhất là một thị trường thế giới hợp nhất mà thông qua đó nó hút những nguồn tài nguyên đó.

MÁY BƠM XĂNG DẦU TRONG KHU VƯỜN

Việc xúc tiến một thị trường thế giới hợp nhất dựa trên tư tưởng rằng: sự phân chia lao động cũng phải áp dụng cho quốc gia giống như đã áp dụng cho công nhân nhà máy. Như thế việc “phân chia lao động quốc tế” chỉ định những nhiệm vụ đặc biệt cho các quốc gia khác nhau sẽ làm giàu tất cả các nước.

Lòng tin này biến thành giáo điều cho các thế hệ tiếp theo và vẫn còn được áp dụng cho đến ngày nay. Giống như sự phân chia lao động trong bất kỳ nền kinh tế nào đã tạo ra nhu cầu hợp nhất và do đó đã sinh ra nhóm ưu tú hợp nhất, sự phân chia lao động quốc tế cũng đòi hỏi sự hợp nhất trên quy mô toàn cầu và cũng sinh ra nhóm ưu tú toàn cầu, nghĩa là một nhóm nhỏ các quốc gia Làn sóng thứ hai thống trị toàn thế giới.

Thành công của sự tiến triển tạo ra một thị trường thế giới hợp nhất có thể được thấy trong sự phát triển vô cùng to lớn về thương mại thế giới một khi Làn sóng thứ hai tràn qua châu Âu. Từ năm 1875 đến năm 1914, trị giá thương mại thế giới tăng gấp 50 lần, từ 700 triệu đô la lên đến 40 tỉ đôla. Những mối lợi của thương mại toàn cầu này đã ít nhiều đổ đều nhau cho tất cả các nước châu Âu. Thực vậy, niềm tin rằng chuyên môn hóa làm lợi cho tất cả mọi người được dựa trên khả năng tưởng tượng về sự cạnh tranh hợp lý. Nó giả định việc sử dụng hoàn toàn hiệu quả về lao động và tài nguyên, giả định những giao dịch không bị các lực lượng chính trị và quân sự hăm dọa và

những giao dịch mở rộng ít hay nhiều phù hợp với những người trao đổi. Nói tóm lại, lý thuyết không xem thường điều gì cả trừ thực tế.

Trong thực tế, các cuộc đàm phán giữa những người buôn bán thuộc Làn sóng thứ hai và những người thuộc Làn sóng thứ nhất về đường, đồng, ca cao hoặc những tài nguyên khác thường là hoàn toàn không cân xứng. Phía bên này bàn đàm phán là những người kinh doanh Mỹ hoặc châu Âu rất giỏi về hệ thống tiền tệ, được sự ủng hộ của các công ty khổng lồ, của hệ thống ngân hàng rộng lớn, của công nghệ tiên tiến, và của các Chính phủ quốc gia mạnh. Phía bên kia bàn đàm phán là lãnh chúa địa phương hoặc tù trưởng bộ lạc thường không hiểu biết gì về hệ thống tiền tệ, và nền kinh tế dựa trên nền nông nghiệp quy mô nhỏ hoặc tiểu thủ công nghiệp làng mạc. Ở một phía là đại diện của một nền văn minh cơ khí tiên tiến, xa lạ, hiếu chiến, tin tưởng vào sự "ưu việt" riêng của họ và sẵn sàng sử dụng lưỡi lê hoặc súng máy để chứng minh điều đó. Phía bên kia là đại diện của các bộ lạc nhỏ tiền quốc gia được trang bị với cung tên và giáo mác.

Thường thì các vị cai trị địa phương bị người phương Tây mua đứt bằng hối lộ để đổi lấy lực lượng lao động địa phương. Một khi đã chiếm xong thuộc địa, cường quốc đế quốc áp đặt giá cả nguyên liệu có ích cho các nhà kinh doanh của họ và dựng những chướng ngại nhằm ngăn cách các nhà thương mại của các nước cạnh tranh làm tăng giá lên. Do đó không có gì đáng ngạc nhiên khi thế giới công nghiệp có thể có được nguyên liệu hoặc

các nguồn năng lượng với giá thị trường rất thấp.

Ngoài ra, giá cả thường được áp đặt có lợi cho người mua theo cái có thể được gọi là “Luật của giá đầu tiên”. Các nước Làn sóng thứ hai cần những loại nguyên liệu có thể chẳng có giá trị gì đối với các nước Làn sóng thứ nhất có chúng. Người nông dân châu Phi chẳng có nhu cầu gì về crôm. Các lãnh chúa Ả rập chẳng dùng đến vàng đen nằm dưới đất sa mạc của họ.

Nơi nào mà một loại hàng hóa chưa hề được trao đổi buôn bán bao giờ thì giá đặt ra trong lần giao dịch đầu tiên rất quan trọng. Giá này thường được đặt theo sức mạnh quân sự hoặc chính trị chứ không theo các nhân tố kinh tế như giá thành, lợi nhuận hoặc cạnh tranh. Và giá đầu tiên này một khi đã được thiết lập ở mức thấp sẽ kéo những giá khác thấp theo.

Ngay sau khi nguyên liệu này được chở về các quốc gia công nghiệp và được chế biến thành sản phẩm, giá đầu tiên rất thấp được hạn định tại chỗ. Do đó, dù có biện bạch thế nào chẳng nữa, có những lời ba hoa giọng đế quốc che giấu sự thật thế nào đi chăng nữa thì sự thật vẫn là các nước Làn sóng thứ hai được lợi rất nhiều nhờ cái gọi là “sự cạnh tranh không hoàn toàn”.

ĐỒN ĐIỆN MACGARIN

Để luồng khoáng sản và nguyên liệu từ thế giới Làn sóng thứ nhất vào thế giới Làn sóng thứ hai dễ dàng hơn, các cường quốc công nghiệp đã có

gắng phát triển và hợp nhất thị trường thế giới. Khi thương mại vượt qua các biên giới quốc gia, mỗi thị trường quốc gia trở thành một bộ phận của thị trường lục địa lớn hơn và là một bộ phận của hệ thống hối đoái thống nhất, được dự kiến bởi các nhóm ưu tú hợp nhất đang điều hành nền văn minh Làn sóng thứ hai. Một hệ thống tiền tệ độc nhất sẽ được sử dụng khắp thế giới.

Thế giới Làn sóng thứ hai xem phần còn lại của thế giới như là nguồn bơm dầu xăng, vườn hoa, mỏ, đá quý và thị trường lao động rẻ, họ đã đưa những thay đổi sâu đậm vào cuộc sống xã hội của dân cư thế giới không công nghiệp. Các nền văn hóa đã tồn tại hàng nghìn năm theo cách tự cung tự cấp, sản xuất nguồn thực phẩm cho riêng họ, đã bị thu hút vào hệ thống thương mại thế giới dù muốn hay không và bị bắt buộc phải buôn bán hoặc bị tiêu diệt. Lập tức mức sống ở Bolivia hoặc ở Malaixia bị gắn với nhu cầu kinh tế công nghiệp của đất nước cách xa mình nửa vòng trái đất chỉ vì những mỏ thiếc và đồn điền cao su ở đó là người cung cấp thức ăn cho cái mồm công nghiệp phàm ăn.

Thực phẩm dùng trong nhà máy Macgarin là một ví dụ điển hình. Macgarin đầu tiên được chế tạo ở châu Âu bằng những vật liệu tại địa phương. Tuy nhiên do việc sử dụng Macgarin quá nhiều nên những vật liệu đó cũng không đủ. Năm 1907, các nhà nghiên cứu phát hiện ra rằng Macgarin có thể được chế tạo từ dừa và dầu hạt cọ. Kết quả của sự phát hiện này là sự biến động cách sống ở Tây

châu Phi. Việc sản xuất quy mô lớn dầu cọ để chế tạo Macgarin dùng làm thực phẩm cho các công dân công nghiệp châu Âu và Mỹ đã phá huỷ hệ thống xã hội phức tạp của những người châu Phi không công nghiệp. Những đồn điền khổng lồ được thiết lập ở Cônggô, Nigiêria, Camorun, và ở bờ biển Ngà. Phương Tây có được Macgarin. Và người châu Phi trở thành bán nô lệ trên các đồn điền rộng lớn. Cao su là một ví dụ khác.

Một khi bị tách ra khỏi sự tự cung tự cấp và bị buộc phải sản xuất cho tiền bạc và trao đổi, một khi được khuyến khích hoặc bị ép phải tổ chức lại cấu trúc xã hội chung quanh việc khai thác mỏ hoặc trồng trọt ở các đồn điền, dân cư Làn sóng thứ nhất bị đặt vào sự phụ thuộc kinh tế của một thị trường mà họ không có tí ảnh hưởng nào. Những kẻ thống trị họ bị mua chuộc, văn hóa của họ bị làm trò cười, ngôn ngữ thì bị tàn lụi. Hơn thế nữa, các đế quốc thực dân tạo ra một cách sâu đậm mặc cảm tự ti ở nhân dân các nước thuộc địa, tâm lý này cho đến nay vẫn là một trở ngại cho sự phát triển kinh tế và xã hội. Chủ nghĩa đế quốc lớn hơn đã thưởng công rất hậu hĩ cho các nước trong thế giới Làn sóng thứ hai. Chính sự khai thác các thuộc địa và nền thương mại phát triển đã làm cho các gia đình châu Âu giàu có đến mức chưa từng thấy. Có gốc rễ trong chính cấu trúc của nền kinh tế Làn sóng thứ hai và được nuôi dưỡng bằng nhu cầu tìm tài nguyên, chủ nghĩa đế quốc đi khắp cả hành tinh.

Năm 1492 khi Colombo đặt chân lên châu

Mỹ, người châu Âu chỉ kiểm soát 9% trái đất. Năm 1801 họ cai trị 1/3 trái đất. Năm 1880 họ cai trị 2/3 trái đất. Và năm 1935 người châu Âu kiểm soát về chính trị 85% mặt đất và 70% dân số thế giới. Giống như xã hội Làn sóng thứ hai, thế giới bị chia thành người hợp nhất và người bị hợp nhất.

HỢP NHẤT THEO KIỂU MỸ

Không phải tất cả những quốc gia hợp nhất đều bằng nhau. Các quốc gia Làn sóng thứ hai tiến hành một cuộc chiến đấu ngày càng đẫm máu để giành kiểm soát hệ thống kinh tế thế giới. Sự thống trị của Anh và Pháp bị sức mạnh công nghệ Đức thách đố trong Thế chiến I, sự tàn phá của chiến tranh, chu kỳ lạm phát và suy thoái theo sau đó, cuộc cách mạng Nga, tất cả đều gây chấn động cho thị trường thế giới công nghiệp.

Những biến động này đã làm chậm lại tốc độ phát triển thương mại thế giới, và khối lượng hàng hóa buôn bán bị giảm xuống khắp thế giới mặc dù có thêm nhiều nước gia nhập vào hệ thống thương mại. Thế chiến II làm chậm thêm sự phát triển thị trường thế giới hợp nhất. Cuối thế chiến II, Tây Âu nằm trong đống tro tàn. Nước Đức bị biến thành đất mặt trăng. Liên Xô bị thiệt hại khủng khiếp về người và của. Nền công nghiệp Nhật bị tan nát. Trong các cường quốc công nghiệp thì chỉ còn Mỹ không bị thiệt hại về kinh tế. Trong các năm 1946-1950 nền kinh tế thế giới bị rối loạn đến mức ngoại thương xuống đáy thấp nhất kể từ năm 1913.

Hơn thế nữa, chính sự suy yếu của các cường quốc châu Âu bị chiến tranh tàn phá đã khuyến khích các thuộc địa đòi độc lập chính trị. Gandhi, Hồ Chí Minh, Jomo Kenyatta và những người chống thực dân khác đã tiến hành chiến dịch để đánh đuổi thực dân.

Nhưng trước khi chiến tranh chấm dứt, dường như toàn bộ nền kinh tế công nghiệp thế giới phải được tổ chức lại, trên một cơ sở mới sau chiến tranh. Hai quốc gia lãnh trách nhiệm tổ chức lại và hợp nhất lại hệ thống Làn sóng thứ hai là Mỹ và Liên Xô.

Cho đến lúc đấy, nước Mỹ chỉ giữ một vai trò giới hạn trong chiến dịch đế quốc lớn. Trong việc mở rộng biên giới, nó đã huỷ diệt dân da đỏ và đưa họ vào các vùng dành riêng cho người da đỏ. Ở Mêhicô, Cuba, Puerto Rico và Philippin, người Mỹ đã bắt chước các chiến thuật đế quốc của người Anh, Pháp hoặc người Đức. Ở Nam Mỹ cho đến đầu thế kỷ này, chính sách ngoại giao đô la của Mỹ đã giúp cho Công ty Hoa quả Liên hợp (United Fruit) và những hàng hóa khác. Tuy nhiên, so với châu Âu, nước Mỹ còn là non trẻ trong cuộc thập tự chinh đế quốc lớn.

Ngược lại, sau Thế chiến II, nước Mỹ trở thành quốc gia chủ nợ chính trên thế giới. Nó còn nền công nghệ tiên tiến nhất, cấu trúc chính trị ổn định nhất, và một cơ hội quý giá tiến vào các chỗ trống do các đấu thủ kiệt lực buộc phải rút bỏ khỏi các thuộc địa.

Ngay từ đầu năm 1941, các nhà chiến lược tài

chính Mỹ đã bắt đầu lập kế hoạch cho sự hợp nhất hậu chiến của nền kinh tế thế giới theo đường lối có lợi ích cho Mỹ. Tại hội nghị Bờ-rét-ton Vút (Bretton Woods) năm 1944 dưới sự chỉ đạo của Mỹ, 44 nước đồng ý thành lập lại cấu trúc hợp nhất then chốt - Quỹ tiền tệ thế giới (IMF) và Ngân hàng thế giới.

IMF bắt buộc các quốc gia thành viên ổn định tiền tệ của họ theo đô la Mỹ hoặc theo vàng (năm 1948, Mỹ sở hữu 72% toàn bộ số vàng dự trữ của thế giới). Như thế IMF đã ấn định các mối quan hệ cơ bản của các loại tiền tệ chính trên thế giới.

Trong khi đó, Ngân hàng thế giới đầu tiên được thành lập để cung cấp quỹ tái xây dựng hậu chiến cho các nước châu Âu, và dần dần bắt đầu cũng cho các nước không công nghiệp vay vốn. Những món tiền cho vay này có mục đích giúp xây dựng đường sá, hải cảng và các loại "cấu trúc hạ tầng" khác nhằm làm dễ dàng việc di chuyển nguyên liệu và xuất khẩu nông nghiệp đến các nước Làn sóng thứ hai.

Ngay sau đó một tổ chức thứ ba được đưa vào hệ thống: Hiệp định chung về thuế quan và buôn bán (GATT). Hiệp định này do Mỹ đề xướng nhằm mục đích tự do hóa thương mại, đã gây khó khăn cho các nước nghèo, trình độ công nghiệp thấp không thể bảo vệ các nền công nghiệp non nớt bé nhỏ của mình.

Ba cơ quan này gắn chặt với nhau bằng điều luật cấm Ngân hàng thế giới cho bất kỳ nước nào không chịu gia nhập vào IMF hoặc không chịu tuân

theo GATT vay tiền. Hệ thống này gây khó khăn cho con nợ của Mỹ muốn giảm nghĩa vụ của họ bằng sự hoạt động tiền tệ và hải quan. Nó tăng cường cạnh tranh của công nghiệp Mỹ trong các thị trường thế giới. Và nó cho các cường quốc của công nghiệp đặc biệt là Mỹ, một ảnh hưởng mạnh về việc lập kế hoạch kinh tế trong nhiều nước Làn sóng thứ nhất, ngay cả sau khi họ đã giành được độc lập. Ba cơ quan này hình thành một cấu trúc hợp nhất cho thương mại thế giới. Và từ năm 1944 đến đầu năm 1970, Mỹ cơ bản thống trị hệ thống này. Trong số các quốc gia, nó hợp nhất những nước hợp nhất.

SỰ HỢP TÁC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Tuy nhiên, sự lãnh đạo của Mỹ trong thế giới Làn sóng thứ hai ngày càng bị thách thức do sự hùng mạnh của Liên Xô. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đóng vai như là đồng minh chống đế quốc của nhân dân thuộc địa trên thế giới. Năm 1916, một năm trước khi cầm quyền, Lenin đã viết một bài tấn công dữ dội các quốc gia tư bản vì các chính sách thực dân của họ. Cuốn sách Chủ nghĩa đế quốc của ông đã trở thành một trong những cuốn sách có ảnh hưởng nhất của thế kỷ và vẫn còn định hình tư tưởng của hàng trăm triệu người trên thế giới.

Nhưng Lenin thấy chủ nghĩa đế quốc như là một hiện tượng đơn thuần tư bản chủ nghĩa. Ông nhấn mạnh, các quốc gia tư bản đàn áp và thực dân hóa các quốc gia khác không vì sự chọn lựa mà

vì sự cần thiết. Mác đã đưa ra một quy luật cơ hồ không thay đổi được, cho rằng lợi nhuận trong các nền kinh tế tư bản cho thấy một khuynh hướng chung, không cưỡng lại được là sẽ suy thoái theo thời gian. Lênin cho rằng vì điều này nên các nước tư bản ở giai đoạn cuối cùng sẽ bị bắt buộc tìm kiếm “siêu lợi nhuận” ở nước ngoài để cân bằng lợi nhuận mất đi trong nước. Ông lý luận rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội mới giải phóng nhân dân thuộc địa khỏi áp bức và khốn khổ, vì chủ nghĩa xã hội không có động lực gắn liền với sự bóc lột kinh tế.

Các nước công nghiệp xã hội chủ nghĩa cũng đã là một bộ phận của hệ thống tiền tệ thế giới. Họ cũng đã đặt nền kinh tế của họ trên sự phân tách sản xuất ra khỏi tiêu thụ. Họ cũng đã cần một thị trường để nối người sản xuất với người tiêu thụ. Họ cũng đã cần nguyên liệu ở nước ngoài để nuôi dưỡng máy công nghiệp của họ. Và vì những lý do này, họ cũng cần một hệ thống kinh tế thế giới hợp nhất mà thông qua đó để có được những thứ cần dùng và bán sản phẩm của họ ra nước ngoài.

Chính vào lúc tấn công chủ nghĩa đế quốc, Lênin đã nói về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là không phải chỉ đưa các quốc gia lại gần nhau hơn mà còn hợp nhất họ. Năm 1920, Lênin đã xem việc kéo các quốc gia lại với nhau như là quá trình khách quan mà cuối cùng sẽ đưa đến việc tạo ra một nền kinh tế thế giới độc nhất, do một kế hoạch điều hòa. Có lẽ điều này là viễn cảnh công nghiệp tối hậu.

Các nước công nghiệp xã hội chủ nghĩa cũng

cần những tài nguyên giống như các nước tư bản. Họ cũng cần bông, cà phê, niken, đường, lúa mì, và những hàng hóa khác để nuôi các nhà máy đang tăng nhanh và dân cư trong các thành phố của họ. Liên Xô đã và đang có những nguồn dự trữ lớn về tài nguyên thiên nhiên. Nhưng Mỹ cũng có như thế, và điều đó không ngăn cản cả hai nước tìm cách mua từ các nước khác với giá rẻ nhất có thể.

Ngay từ đầu, Liên Xô là một bộ phận của hệ thống tiền tệ thế giới. Bất kỳ quốc gia nhập hệ thống này đều bị cột chặt ngay vào những định nghĩa truyền thống, hiệu suất và sức sản xuất. Nó bị buộc phải chấp nhận những khái niệm kinh tế truyền thống, những quy định, phương pháp thanh toán và đơn vị tiền tệ.

Các nhà quản lý về kinh tế xã hội chủ nghĩa, cũng giống như đồng nghiệp tư bản của họ, đã tính giá thành sản xuất nguyên liệu so với giá thành mua nguyên liệu. Họ đối diện trực tiếp với quyết định "làm hoặc mua" mà các công ty tư bản phải đối phó hàng ngày. Và hầu như ngay lập tức rõ ràng là mua một số nguyên liệu trên thị trường thế giới sẽ rẻ hơn là sản xuất trong nước.

Một khi đã có quyết định, các nhân viên mua hàng Liên Xô tỏa ra khắp thế giới và mua với giá đã được những người buôn bán để quốc định ra từ trước. Nếu làm khác đi sẽ làm chậm lại quy trình công nghiệp hóa của nó.

Liên Xô cũng áp dụng những chính sách tạo sự cân bằng về chiến lược. Sau Thế chiến II, họ giúp thành lập hoặc duy trì các chế độ "đồng minh"

ở Đông Âu.

Trong khi người Mỹ thành lập cấu trúc IMF - GATT - Ngân hàng thế giới, người Liên Xô hướng theo mơ ước của Lênin về một hệ thống kinh tế thế giới hợp nhất bằng việc thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (COMECON).

Nói tóm lại, vào chính lúc Mỹ lãnh trách nhiệm lãnh đạo các nước công nghiệp tư bản và xây dựng cơ chế riêng của họ để hợp nhất hệ thống kinh tế thế giới sau Thế chiến II, thì Liên Xô cũng đã xây dựng tổ chức tương ứng của hệ thống này trong phần thế giới của các nước trong phe Xã hội chủ nghĩa.

Chương chín

THỰC TẾ CÔNG NGHIỆP

Va chạm với nền văn minh Làn sóng thứ nhất, Làn sóng thứ hai đã tạo ra không phải chỉ một thực tế mới cho hàng triệu người mà còn là một cách suy nghĩ mới về thực tế. Va chạm với những giá trị, những khái niệm, những huyền thoại và đạo đức của xã hội nông nghiệp, Làn sóng thứ hai đã định nghĩa lại về Thượng đế, về công lý, về tình yêu, về quyền lực, về vẻ đẹp. Nó đã khuấy động những tư tưởng mới, những thái độ mới v.v... Nó phá vỡ và thay thế những nhận thức cũ về thời gian, không gian, lý do và nguyên nhân. Một quan điểm thế giới chặt chẽ không phải chỉ giải thích mà còn biện hộ cho thực tế Làn sóng thứ hai. Quan điểm thế giới này của xã hội công nghiệp chưa có tên. Có thể gọi là “thực tế công nghiệp”.

Thực tế công nghiệp là một hệ thống các tư tưởng và nhận thức mà trẻ em của hệ thống công nghiệp quy mô lớn được dạy để hiểu thế giới của chúng. Nó gồm một số tiền đề được sử dụng bởi nền văn minh Làn sóng thứ hai, bởi các nhà khoa học, các nhà lãnh đạo kinh doanh, các nhà chính khách, các nhà triết học và các nhà tuyên truyền.

Dường như có hai luồng ý thức đang xung đột. Đến giữa thế kỷ XIX, mỗi quốc gia đang công nghiệp hóa đã xác định rõ ràng cánh tả và cánh hữu, chủ nghĩa cá nhân và xí nghiệp tự do với chủ nghĩa tập thể và chủ nghĩa xã hội. Cuộc chiến đấu về ý thức hệ này, đầu tiên giới hạn trong các quốc gia đang công nghiệp hóa, sau đó lan tràn khắp cả trên thế giới. Với cuộc cách mạng Nga năm 1917 và với bộ máy tuyên truyền khắp thế giới, cuộc đấu tranh ý thức hệ càng ngày càng mãnh liệt hơn. Vào cuối Thế chiến II, Mỹ và Liên Xô đã cố gắng hợp nhất thị trường thế giới theo ý đồ riêng của họ, mỗi bên đã tiêu những khoản tiền lớn để truyền bá học thuyết của họ hướng về dân cư không công nghiệp của thế giới. Một bên là các chế độ chuyên chế, bên kia là các chế độ được gọi là dân chủ tự do. Súng đạn và bom sấn sàng tiếp tục công việc khi các cuộc tranh luận logic chấm dứt. Từ sau cuộc xung đột lớn giữa Thiên chúa và Tin lành trong thời kỳ Phục Hưng, ít có học thuyết nào được vạch ra rõ ràng giữa hai phe thần học như thế.

Trong sự cuồng nhiệt của cuộc chiến tranh ý thức hệ này, điều ít được chú ý là trong khi mỗi bên khuếch trương một "ý thức hệ" khác nhau, cả hai đều tuyên truyền cùng một "siêu ý thức hệ". Những kết luận của họ, chương trình kinh tế của họ và giáo điều chính trị của họ – cơ bản khác biệt, nhưng nhiều nhận thức khởi điểm là giống nhau. Giống như Tin lành và Công giáo giải thích kinh Phúc âm khác nhau, thế nhưng cả hai đều giảng

đạo chúa cứu thế, mác - xít và chống mác - xít cũng thế, tư bản và chống tư bản cũng thế, người Mỹ và người Nga tiến về châu Phi, châu Á, và châu Mỹ La tinh - tức là các vùng không công nghiệp của thế giới - cả hai đều mang cùng một bộ tiền đề cơ bản. Cả hai đều truyền bá tính ưu việt của hệ thống công nghiệp quy mô lớn cho tất cả những nền văn minh khác. Cả hai đều là một tín đồ nồng nhiệt của thực tế công nghiệp.

NGUYÊN TẮC TIẾN BỘ

Quan điểm thế giới họ phổ biến dựa trên ba đức tin sâu đậm về “thực tế công nghiệp”, ba luồng tư tưởng đã gắn các quốc gia Làn sóng thứ hai lại với nhau và làm chúng khác biệt với những nước còn lại của thế giới.

Đức tin đầu tiên có liên quan đến thiên nhiên. Trong khi các nhà xã hội chủ nghĩa và tư bản có thể không đồng ý với nhau về nhiều việc khác, song cả hai có cùng cách nhìn về thiên nhiên. Vì đối với cả hai, thiên nhiên là một đối tượng đang chờ được khai thác.

Các nhà công nghiệp tư bản Làn sóng thứ hai đục khoét tài nguyên thiên nhiên với một quy mô lớn, bơm một khối lượng khổng lồ thuốc độc vào không khí, phá rừng cả một vùng vì lợi nhuận, mà không nghĩ gì về hiệu ứng phụ hoặc hậu quả lâu dài. Tư tưởng cho rằng thiên nhiên cần được khai thác đã hợp lý hóa những hành động thiển cận và ích kỷ của họ.

Không phải chỉ riêng các nhà công nghiệp tư bản hành động như vậy. Mặc dù cho rằng lợi nhuận là nguồn gốc của tất cả tội ác, song các nhà công nghiệp hóa mác - xít cũng vẫn hành động một cách tương tự ở bất kỳ nơi nào họ cầm quyền. Thực vậy, họ đề xướng xung đột với thiên nhiên ngay trong kinh thánh của họ. Các nhà mác - xít vẽ cảnh người nguyên thủy không phải sống chung hài hòa với thiên nhiên mà là tiến hành chiến đấu sống còn chống lại thiên nhiên. Với xã hội giai cấp, cuộc chiến đấu của “con người chống lại thiên nhiên” bị biến đổi thành cuộc chiến đấu của “con người chống lại con người”. Mục tiêu của xã hội không giai cấp của cộng sản sẽ giúp con người trở lại cuộc chiến đấu của “con người chống lại thiên nhiên”.

Cả hai phía ý thức hệ, có thể thấy cùng hình ảnh nhân loại đối đầu với thiên nhiên và đang chế ngự nó. Hình ảnh này là thành phần then chốt của thực tế công nghiệp, siêu ý thức hệ mà cả người mác - xít và chống mác - xít đều có cùng nhận thức.

Đức tin thứ hai có quan hệ qua lại với đức tin trên đã đưa lý luận một bước xa hơn. Nhân loại không phải chỉ gắn với thiên nhiên, họ còn là đỉnh cao nhất của một quá trình tiến hoá dài. Những lý thuyết tiến hóa trước đây đã có, nhưng chính Đácuy-n (Darwin) vào giữa thế kỷ XIX đã cung cấp nền tảng khoa học cho quan điểm này. Ông ta nói về sự chọn lọc tự nhiên của thiên nhiên loại bỏ những dạng sống yếu và không có khả năng. Những loài tồn tại là những loài thích ứng nhất.

Đacuyn chủ yếu chỉ quan tâm đến tiến hóa sinh học, nhưng tư tưởng của ông ta có ngụ ý chính trị và xã hội rõ ràng nên những người khác nhanh chóng nhận thấy điều đó. Những người theo học thuyết Đacuyn xã hội lý luận rằng nguyên tắc chọn lọc tự nhiên cũng áp dụng cho xã hội, và như thế những người giàu nhất và mạnh nhất là những người phù hợp nhất và xứng đáng nhất. Từ đó cũng có thể suy ra là cả xã hội cũng tiến hóa theo quy luật chọn lọc. Theo lý luận này, hệ thống công nghiệp quy mô lớn là giai đoạn tiến hóa cao hơn các nền văn hóa không công nghiệp bao quanh. Nền văn minh Làn sóng thứ hai là cao hơn tất cả.

Trong khi Mác phê phán kịch liệt chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, ông đã đồng tình với quan điểm rằng hệ thống công nghiệp quy mô lớn là dạng tiên tiến nhất của xã hội, đó là giai đoạn mà tất cả các xã hội khác lần lượt phải tiến đến.

Đức tin thứ ba về thực tế công nghiệp đã liên kết thiên nhiên với tiến hóa lại với nhau, đó là nguyên tắc tiến bộ, tức là tư tưởng cho rằng lịch sử phải đi về hướng một cuộc sống tốt hơn cho nhân loại. Lainis Togot, Côngđocxê, Kăng, Kant, Lơsing, Giôn StuaMin, Hê gen, Mác, Đác Uyn và vô số những nhà tư tưởng khác đã tranh luận về vấn đề tiến bộ thật sự có tránh được không hoặc tiến bộ cần bàn tay giúp đỡ của nhân loại, về những gì sẽ tạo thành một cuộc sống tốt hơn, về tiến bộ sẽ hoặc có thể tiếp tục đến vô tận hay không. Thế nhưng tất cả đều nhất trí rằng xã hội

sẽ ngày càng tiến bộ.

Các nhà vô thần và các nhà tín ngưỡng, sinh viên và giáo sư, nhà chính trị và nhà khoa học thuyết giáo niềm tin mới. Nhà kinh doanh và uỷ viên nhân dân báo trước rằng mỗi nhà máy mới, mỗi sản phẩm mới, mỗi căn nhà mới, mỗi đường cao tốc mới, hoặc mỗi con đê mới là bằng chứng của sự tiến bộ không gì cản được đi từ xấu đến tốt hoặc từ tốt đến tốt hơn. Nhà thơ, nhà soạn kịch và nhà họa sĩ cho tiến bộ là điều tất nhiên. Sự tiến bộ biện minh cho việc làm thiên nhiên xuống cấp và việc chinh phục các nền văn minh "ít tiến bộ hơn". Đối với Mác, những mục tiêu tư hữu của tiến bộ chỉ tạo ra chủ nghĩa tư bản và mầm mống sự huỷ diệt của nó. Nhưng biến cố này tự nó là một phần của lịch sử lâu dài đưa nhân loại tiến về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, và một chủ nghĩa khác còn tốt hơn.

Do đó thông qua nền văn minh Làn sóng thứ hai, ba khái niệm then chốt – cuộc chiến tranh với thiên nhiên, sự quan trọng về tiến hóa, và nguyên tắc tiến bộ đã cung cấp cơ sở cho những người của hệ thống công nghiệp quy mô lớn giải thích và biện hộ nó trước thế giới.

PHẦN MỀM CỦA THỜI GIAN

Ở một chương trước đã nói về sự phát triển của xã hội công nghiệp phụ thuộc vào sự đồng bộ của hoạt động con người với nhịp điệu máy móc. Đồng bộ hóa là một trong những nguyên tắc chỉ

đạo của nền văn minh Làn sóng thứ hai. Tuy nhiên để dẫn đến sự nhận thức thời gian nhằm thực hiện sự đồng bộ những nhận thức cơ bản của con người về thời gian phải được biến đổi. Phải cần đến khái niệm một “phần thời gian”.

Dân cư nông nghiệp cần biết khi nào gieo cấy và khi nào gặt hái, đã phát triển phép đo thời gian dài rất chính xác. Nhưng bởi vì họ không cần sự đồng bộ chặt chẽ về lao động con người nên nông dân ít phát triển những đơn vị đo chính xác về khoảng thời gian ngắn. Tương tự như thế, bởi vì ít có sự trao đổi giữa các cộng đồng hoặc làng xã với nhau, và vì công việc không yêu cầu chuyển đó, nên đơn vị thời gian thay đổi từ địa phương này sang địa phương khác, từ mùa này sang mùa khác.

Ngược lại, các xã hội công nghiệp cần đơn vị thời gian cực kỳ chính xác như giờ, phút, giây. Và những đơn vị này phải được tiêu chuẩn hóa, toàn bộ thế giới được chia thành vùng múi giờ. Hơn thế nữa, nền văn minh Làn sóng thứ hai đã làm thời gian thành tuyến tính. Việc nhận thức thời gian là tuyến tính ăn sâu vào tư tưởng của chúng ta đến mức không thể hiểu khác được. Thế nhưng nhiều xã hội tiền công nghiệp, và một số xã hội Làn sóng thứ nhất ngày nay, xem thời gian như là vòng tròn chứ không phải là đường thẳng.

Khi Làn sóng thứ hai chiếm lĩnh thế giới thì thời gian tuyến tính chiến thắng. Thời gian tuyến tính trở thành quan điểm ưu thế trong mỗi xã hội công nghiệp, dù Đông hay Tây. Thời gian được xem

như là một con đường cao tốc trải ra từ quá khứ xa xôi đến ngày nay và đi về tương lai, và sự nhận thức về thời gian này, mặc dù xa lạ đối với hàng tỉ người sống vào thời đại trước nên văn minh công nghiệp, đã trở thành cơ sở cho việc lập kế hoạch kinh tế, khoa học, và chính trị.

KẾT HỢP KHÔNG GIAN THÀNH ĐƠN VỊ

Những người tiền sử sống cuộc đời du mục nên họ cần khoảng không gian rộng rãi. Ngược lại nên văn minh Làn sóng thứ nhất định cư con người tại một nơi, nên nông nghiệp đã tạo ra một nền văn minh không gian giới hạn. Con bầy công nghiệp lại tạo ra một nền văn hóa không gian rộng rãi, nhưng lần này trên quy mô cả hành tinh. Hàng hóa không gian tư tưởng được di chuyển hàng nghìn dặm và một số lớn dân cư phải chuyển đi nơi khác tìm việc làm. Sản xuất thay vì phân tán trên các cánh đồng thì bây giờ tập trung ở thành phố.

Sự biến đổi đó đòi hỏi một sự phối hợp phức tạp giữa thành phố và nông thôn. Như thế thực phẩm, năng lượng, con người và nguyên liệu chảy vào thành phố, trong khi hàng hóa, thời trang, tư tưởng và những quyết định tài chính từ thành phố chảy ra. Cả hai luồng chảy được hợp nhất và phối hợp cẩn thận theo thời gian và không gian. Do sự phân chia lao động tỉ mỉ nên nền văn minh Làn sóng thứ hai đòi hỏi nhiều loại không gian đặc trưng hơn.

Các kiến trúc sư phải tạo ra văn phòng, nhà

ngân hàng, đồn cảnh sát, nhà máy, nhà ga, cửa hàng bách hóa, nhà tù, rạp hát... Những loại không gian khác nhau này phải được phối hợp với nhau theo chức năng hết sức lôgic. Sự phối hợp các khoảng không gian đặc trưng, cần thiết để đưa đúng người đến đúng chỗ vào đúng thời điểm, là sự tương đương không gian của sự đồng bộ hóa thời gian. Thực vậy đó là sự đồng bộ hóa không gian. Cả thời gian và không gian đều phải được cấu trúc cẩn thận nếu xã hội công nghiệp muốn hoạt động.

Từ đó, sự đo lường không gian cũng được chính xác hóa như đo lường thời gian. Bản đồ đủ loại, đủ kiểu phải chính xác hơn, chi tiết hơn, và được tiêu chuẩn hóa. Nhận thức của chúng ta và kinh nghiệm của chúng ta về không gian cũng đi qua quy trình tuyến tính hóa song hành với sự tuyến tính hóa thời gian. Trong tất cả các xã hội công nghiệp, tư bản hoặc xã hội chủ nghĩa, Đông hoặc Tây, sự chuyên môn hóa về khoảng không gian kiến trúc, bản đồ chi tiết, các đơn vị đo lường chính xác và trên tất cả là con đường thẳng, đã trở thành một hằng số văn hóa, một hằng số rất cơ bản cho thực tế công nghiệp mới.

CHUYỆN VỞ VẦN CỦA THỰC TẾ

Nền văn minh Làn sóng thứ hai không phải chỉ xây dựng những hình ảnh mới về thời gian và không gian, sử dụng chúng để định hình cách sống hàng ngày, nó còn xây dựng câu trả lời riêng cho

câu hỏi muôn thuở: vũ trụ từ đâu ra? Mỗi nền văn hóa đều phát minh những huyền thoại riêng để cố gắng trả lời câu hỏi đó. Đối với một số nền văn hóa, vũ trụ được tưởng tượng như là một thể thống nhất đang cuộn xoáy dữ dội. Đối với một số nền văn hóa khác, vũ trụ là sự phân chia thành phân tử.

Chỉ cho đến khi có nền văn minh Làn sóng thứ hai thì thuyết nguyên tử trở thành tư tưởng thống trị các dòng tư tưởng giao nhau để cách mạng hóa khái niệm của chúng ta về vật chất. Từ đây, thuyết nguyên tử triết học cùng tiến bước với thuyết nguyên tử vật lý. Mỗi nền văn minh mới đều lấy tư tưởng của quá khứ và định hình lại trong cái cách mà nó giúp hiểu được mối quan hệ với thế giới. Đối với xã hội công nghiệp cũng thế, một xã hội đang tiến về sự sản xuất hàng loạt của các thành phẩm máy móc được lắp ráp với nhau bằng nhiều thành phần riêng biệt, nên tư tưởng của một vũ trụ tập hợp gồm nhiều thành phần riêng biệt là cần thiết cho nền văn minh Làn sóng thứ hai.

Đã có những lý do chính trị và xã hội cho sự chấp nhận về mô hình nguyên tử của thực tế. Chủ nghĩa tư bản công nghiệp cần cơ sở hợp lý cho chủ nghĩa cá nhân. Việc xuất hiện của giai cấp thương mại đòi hỏi sự tự do buôn bán và phát triển thị trường của họ, đã làm xuất hiện một khái niệm mới về cá nhân – con người như là nguyên tử, không giảm được, không phá vỡ được, phân tử cơ bản của xã hội.

Lý thuyết nguyên tử cũng xuất phát trong chính trị với lá phiếu bầu cử trở thành phân tử cơ bản. Nó lại xuất hiện trong khái niệm về quan hệ quốc tế gồm các đơn vị độc lập, không thâm nhập được, không phụ thuộc được gọi là quốc gia. Thuyết nguyên tử đi qua tất cả mọi lĩnh vực của cuộc sống.

Chương mười

ĐOẠN CUỐI: CƠN LŨ ĐỘT NGỘT

Một bí mật vẫn giữ nguyên. Hệ thống công nghiệp quy mô lớn là một cơn lũ đột ngột trong lịch sử, ba thế kỷ ngắn ngủi trong một khoảng thời gian vô tận. Cái gì đã gây ra cuộc cách mạng công nghiệp? Cái gì đã đưa Làn sóng thứ hai tràn khắp trái đất?

Việc tìm lý do cho cuộc cách mạng công nghiệp không thực hiện được. Vì không có lý do nào là độc nhất hoặc có ưu thế cả. Tự công nghệ không phải là lực kéo trong lịch sử. Cũng không phải là tư tưởng hoặc giá trị. Mà cũng chẳng phải là đấu tranh giai cấp. Và cũng chẳng phải là những thay đổi sinh thái, khuynh hướng nhân khẩu học, hoặc phát minh thông tin. Tự nền kinh tế cũng không giải thích được biến cố lịch sử này hoặc biến cố khác. Không có “biến cố độc lập” để các biến cố khác phụ thuộc vào. Chỉ có những biến số có liên quan qua lại với độ phức tạp bao la.

Đối diện với những biến số đó và việc không thể hiểu được tất cả những hành động qua lại của chúng, cách tốt nhất chúng ta có thể làm là phát hiện những cái có liên quan đến mục đích của chúng ta và nhận biết những lệch lạc nằm trong sự chọn lựa đó. Trong tinh thần này, rõ ràng có nhiều dòng

chảy tạo thành nền văn minh Làn sóng thứ hai, song một số có hậu quả rõ ràng hơn như sự phân chia giữa người sản xuất và người tiêu thụ, và sự phát triển kỳ lạ của thị trường dù là tư bản hay xã hội chủ nghĩa.

Sự phân chia giữa người sản xuất và người tiêu thụ theo thời gian, theo không gian, theo khoảng cách xã hội và tâm lý càng lớn thì thị trường với độ phức tạp của nó, với những giá trị của nó, với những nhận thức ẩn ngấm của nó, thống trị thực tế xã hội càng nhiều. Mũi nhọn vô hình này đã tạo ra toàn bộ hệ thống tiền tệ hiện đại với các cơ sở ngân hàng trung ương, với thị trường chứng khoán, với thương nghiệp thế giới, với các nhà kế hoạch quan liêu, với tinh thần chỉ quan tâm về chất lượng và tính toán, với sự thiên về vật chất, với những biện pháp thành công hạn hẹp, với hệ thống tiền thưởng cứng nhắc và với bộ máy kế toán mạnh – tất cả những điều đó được đánh giá thấp về ý nghĩa văn hóa. Từ sự phân hóa, chuyên môn hóa, đồng bộ hóa và tập quyền hóa. Cũng từ sự phân chia đó đã sinh ra những khác nhau về vai trò giới tính và tính khí.

Nền văn minh Làn sóng thứ hai không chỉ thay đổi công nghệ, thiên nhiên và văn hóa, nó còn thay đổi cả cá tính, giúp tạo ra một đặc tính xã hội mới. Con người công nghiệp khác với tổ tiên của họ. Họ là ông chủ của “nô lệ năng lượng”. Họ sống hầu hết cuộc đời của họ trong môi trường kiểu nhà máy, tiếp xúc với máy móc và tổ chức đã làm cá nhân trở thành nhỏ bé. Họ biết sự tồn tại của họ phụ thuộc

vào tiền bạc. Họ được nuôi dưỡng trong một gia đình hạt nhân và đi học ở trường kiểu nhà máy. Họ nắm được những hình ảnh cơ bản về thế giới nhờ các phương tiện thông tin đại chúng. Họ làm việc trong các công ty lớn hoặc cơ quan Nhà nước. Họ xác định họ thuộc về quốc gia và không thuộc về làng mạc hoặc thành phố. Họ thấy họ đứng đối diện với thiên nhiên bằng việc khai thác thiên nhiên trong công việc hàng ngày của họ. Họ biết họ là một bộ phận của những hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội rộng lớn và phụ thuộc lẫn nhau mà các đường ranh giới của chúng chìm trong độ phức tạp vượt quá sự hiểu biết của họ.

Đối diện với thực tế này, họ chống đối nhưng không có kết quả. Họ chiến đấu để kiếm sống. Họ học chơi những trò chơi do xã hội yêu cầu, phù hợp với những vai trò được chỉ định của họ, thường thì họ ghét chúng và cảm thấy họ là nạn nhân của chính hệ thống đã cải thiện mức sống của họ. Họ cảm thấy thời gian tuyến tính đã tàn nhẫn đưa họ tiến về tương lai với ngôi mộ đang chờ họ. Và khi họ tiến về cái chết thì họ biết rằng trái đất và mỗi cá nhân chỉ là một bộ phận của một guồng máy vũ trụ khổng lồ mà sự chuyển động là đều đặn và không dừng.

Con người công nghiệp sống trong môi trường mà tổ tiên xa xưa của họ không hề biết đến. Tiếng còi nhà máy thay cho tiếng gáy của con gà trống. Ánh sáng đèn điện thay cho mặt trăng. Hình ảnh trái đất nhìn từ vũ trụ, hình ảnh núi non xuất hiện trên màn ảnh, dạng các vi sinh vật được nhìn thấy

nhờ các kính hiển vi cực mạnh. Cơ thể con người thay đổi, thái độ con người đối với cơ thể cũng thay đổi v.v...

Đứng trước những thay đổi cả về tâm lý, chính trị và xã hội - thật là khó đánh giá. Chúng ta đánh giá toàn bộ nền văn minh bằng tiêu chuẩn nào? Nó cung cấp cho dân cư sống trong nền văn minh bằng mức sống như thế nào? Những người sống ngoài nền văn minh sống như thế nào? Sự tác động của nó lên môi trường sinh học như thế nào? Nghệ thuật của nó hay, đẹp như thế nào? Tuổi thọ dân cư của nó được kéo dài bao lâu?...

Trong giới hạn của nó, mặc dù có những cuộc suy thoái kinh tế và sự phí phạm đáng kinh tởm về mạng sống con người, nền văn minh Làn sóng thứ hai rõ ràng cải thiện mức sống vật chất của mỗi con người bình thường. Và tất cả những câu hỏi trên đều có thể được trả lời cùng một cách. Nền văn minh Làn sóng thứ hai rõ ràng đã cải thiện tất cả.

Tuy nhiên mặt trái của vấn đề cũng hiện diện. Trong khi nền văn minh Làn sóng thứ hai đã cải thiện mức sống con người, nó cũng gây ra những hậu quả dữ dội cho môi trường sinh học của trái đất như ô nhiễm sinh thái, sử dụng cạn kiệt các nguồn tài nguyên, làm nhiễm độc đại dương.v.v... Mặt trái khác của nền văn minh là chủ nghĩa đế quốc và hậu quả của nó đã nói ở các chương trước.

Khi chọn lựa sự đánh giá hiện tại chưa rõ ràng, cần phải hiểu rằng trò chơi công nghiệp đã

chấm dứt, sức mạnh của Làn sóng thứ hai đang suy yếu khắp nơi khi Làn sóng thay đổi tiếp theo bắt đầu. Hai sự thay đổi làm cho việc tiếp tục bình thường của nền văn minh công nghiệp không còn có thể nữa.

Đầu tiên, chúng ta đã đạt đến điểm ngoặt trong cuộc chiến tranh chống lại thiên nhiên. Môi trường sinh học không thể còn tha thứ cho cuộc tấn công công nghiệp. Thứ hai, chúng ta không thể dựa mãi vào nguồn năng lượng không tái sinh được, mà bây giờ đó là nguồn cung cấp chính cho sự phát triển công nghiệp.

Những sự việc này không có nghĩa là sự chấm dứt xã hội công nghiệp, hoặc năng lượng bị hết. Nhưng nó có nghĩa là tất cả những tiến bộ mới sẽ phải được định hình bởi những giới hạn môi trường mới. Nó cũng có nghĩa là cho đến khi những nguồn năng lượng mới được thay thế, các quốc gia công nghiệp phải chịu sự rút bỏ dần các nguồn năng lượng cũ, và sự tìm kiếm các nguồn năng lượng mới tự nó đang làm gia tăng sự biến đổi chính trị và xã hội. Một điều rõ ràng là: chúng ta đang ở thời kỳ cuối của năng lượng rẻ. Nền văn minh Làn sóng thứ hai đã và đang mất một trong những nguồn trợ cấp cơ bản nhất của nó.

Từ đó một nguồn trợ cấp khác cũng bị rút bỏ: nguyên liệu rẻ. Với sự chấm dứt của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc mới, các quốc gia công nghệ cao hoặc phải tìm nguồn thay thế mới hoặc năng lượng mới trong nước, mua lẫn nhau và dần dần nổi lỏng mối quan hệ kinh tế với các quốc

gia không công nghiệp, hoặc họ sẽ tiếp tục mua từ các quốc gia không công nghiệp nhưng dưới những điều khoản thương mại mới. Trong cả hai trường hợp thì giá cả sẽ tăng lên đáng kể, và toàn bộ cơ sở của nền văn minh sẽ bị biến đổi theo cơ sở năng lượng của nó.

Những áp lực bên ngoài này vào xã hội công nghiệp được hỗ trợ bằng những áp lực phân hóa bên trong hệ thống. Con người và hệ thống bị căng thẳng đến tột đỉnh. Các hệ thống của Làn sóng thứ hai đang bị khủng hoảng. Khủng hoảng trong hệ thống phúc lợi, trong hệ thống bưu điện, trong hệ thống tài chính quốc tế, trong hệ thống Nhà nước - quốc gia, và cả trong hệ thống giá trị Làn sóng thứ hai.

Ngay cả hệ thống vai trò mà nền văn minh công nghiệp đã xác lập cũng bị khủng hoảng. Điều này chúng ta thấy trong cuộc đấu tranh đòi định nghĩa lại vai trò giới tính. Trong phong trào phụ nữ, trong sự phát triển mốt, chúng ta thấy sự mờ nhạt về giới tính truyền thống. Những ranh giới vai trò nghề nghiệp cũng đang mờ nhạt. Y tá và bệnh nhân đang xác định lại vai trò của họ đối với bác sĩ. Cảnh sát và thầy giáo đang phá vỡ vai trò được chỉ định của họ và đang tiến hành đình công bất hợp pháp. Công nhân ngày càng đòi hỏi quyền được tham gia quản lý. Và sự phá sản về cấu trúc vai trò này mà xã hội công nghiệp đã dựa vào là vô cùng cách mạng, hơn cả những cuộc biểu tình chính trị công khai.

Sau cùng, sự tụ hội của những áp lực - việc

mất những nguồn tài trợ then chốt, hoạt động kém của những hệ thống phục vụ đời sống của xã hội, sự phá vỡ cấu trúc vai trò - tất cả đều sinh ra khủng hoảng cho cấu trúc cơ bản và mỏng manh nhất: cá tính. Sự sụp đổ của nền văn minh Làn sóng thứ hai đã và đang tạo ra bệnh dịch về khủng hoảng cá tính.

Ngày nay chúng ta thấy hàng triệu người đang tìm một cách tuyệt vọng về chính cái bóng của họ, đang ngấu ngiến phim ảnh, kịch, tiểu thuyết... là những thứ hứa hẹn sẽ giúp họ xác định được cá tính bị mất của họ. Nạn nhân của khủng hoảng cá tính lao vào việc chữa bệnh tập thể, huyền bí. Họ muốn nhanh chóng rời khỏi cuộc sống của họ hiện nay và nhảy vào cuộc sống mới để trở thành cái mà họ không thể trở thành. Họ muốn thay đổi công việc, bạn trăm năm, vai trò và trách nhiệm.

Tất cả những điều đó có thể hiểu được nếu chúng ta nắm được sự kiện thiết yếu là xã hội công nghiệp đang chết, và chúng ta có thể bắt đầu tìm các dấu hiệu thay đổi cho những gì thực sự là mới, những gì không phải là công nghiệp nữa. Chúng ta có thể nhận ra đó là Làn sóng thứ ba.

Chương mười một

LÀN SÓNG THỨ BA

SỰ TỔNG HỢP MỚI

Nhà máy. Hoan hô nhà máy! Ngày nay, ngay cả khi những nhà máy mới đang được xây dựng, nền văn minh biến nhà máy thành nhà thờ đang chết. Và nơi nào đó ngày nay, một số thanh niên đang vượt qua đêm tối để tiến vào tâm nền văn minh Làn sóng thứ ba. Từ nay trở đi, nhiệm vụ của chúng ta là đi cùng với họ để tìm kiếm cho ngày mai. Nếu chúng ta đuổi kịp họ ở nơi đến, chúng ta sẽ đến đâu? Ở bộ phóng đưa con người vào vũ trụ? Ở phòng thí nghiệm đại dương học? ở các gia đình trong cộng đồng? Ở những nơi đang làm việc về trí tuệ nhân đạo? Ở các giáo phái? Có phải họ đang sống trong sự đơn giản tự nguyện? Có phải họ đang leo lên thang của công ty? Có phải họ đang kiếm súng để trở thành những tên khủng bố? Tương lai được rèn luyện ở đâu? Nếu chúng ta lập kế hoạch một cuộc viễn chinh tương tự vào tương lai, chúng ta chuẩn bị bản đồ của chúng ta như thế nào? Rất dễ nói tương lai bắt đầu từ hiện tại. Nhưng hiện tại nào? Hiện tại của chúng ta đầy nghịch lý.

Trẻ em của chúng ta quá thạo về ma túy, giới tính hoặc phóng tàu vũ trụ, một số biết rõ về máy tính còn hơn cha mẹ chúng. Thế nhưng điểm kiểm tra giáo dục rất thấp. Tỷ lệ ly dị tiếp tục tăng và tỉ lệ tái hôn nhân cũng tăng. Phong trào chống lại phụ nữ nổi lên đúng lúc quyền phụ nữ được công nhận.

Căn bệnh lam phát khó chữa bám chặt tất cả các quốc gia Làn sóng thứ hai, thất nghiệp tiếp tục tăng lên, những điều đó mâu thuẫn với lý thuyết cổ điển của chúng ta. Nhưng cũng chính vào cùng thời kỳ đó bất chấp logic cung và cầu, hàng triệu người đang đòi hỏi không phải chỉ việc làm mà còn phải là việc làm sáng tạo, tâm lý thoải mái hoặc có trách nhiệm với xã hội. Những mâu thuẫn kinh tế đang tăng theo cấp số nhân.

Trong khi đó trên khắp thế giới, các phong trào dân tộc chủ nghĩa đang chiếm ưu thế vào đúng lúc Nhà nước – quốc gia đang bị tấn công dữ dội vì quyền lợi của học thuyết toàn cầu.

Đứng trước những mâu thuẫn như thế, chúng ta thấy khuynh hướng phát triển và khuynh hướng ngược lại như thế nào? Không ai có câu trả lời hoàn toàn đúng đối với câu hỏi đó. Mặc dù với tất cả các kết quả của máy tính, sơ đồ, mô hình toán học của các nhà nghiên cứu tương lai học, những cố gắng của chúng ta nhìn vào tương lai vẫn nguyên là một nghệ thuật hơn là một khoa học. Việc nghiên cứu có hệ thống có thể dạy chúng ta được nhiều. Nhưng cuối cùng chúng ta phải nắm lấy chứ không phải gạt bỏ sự nghịch lý và sự mâu thuẫn, sự linh cảm, sự tưởng tượng và sự tổng hợp

táo bạo.

Nhiều người, gồm cả các nhà tương lai học nhận thức về ngày mai như là sự kéo dài của ngày nay, họ quên rằng những khuynh hướng không phải chỉ tiếp tục theo một đường thẳng. Chúng đạt đến những điểm đỉnh và tại đấy chúng nổ bùng thành những hiện tượng mới. Chúng đảo ngược hướng. Chúng dừng lại và bắt đầu. Bởi vì những gì đang xảy ra bây giờ, hoặc đã và đang xảy ra từ 300 năm nay, không có gì đảm bảo là chúng sẽ tiếp tục theo đường thẳng. Tiếp tục xem xét những mâu thuẫn, những xung đột, những chuyển hướng và những bước ngoặt đó chúng ta sẽ thấy tương lai là sự ngạc nhiên liên tục.

Quan trọng hơn, chúng ta sẽ tìm ra những sự liên kết ẩn ngấm trong số các biến cố mà trên bề mặt chúng dường như không liên quan với nhau. Chẳng đúng tí nào khi dự báo tương lai của bán dẫn hoặc năng lượng, hoặc tương lai của gia đình nếu dự báo dựa trên tiền đề là những việc khác không thay đổi. Vì không có gì là không đổi cả. Tương lai luôn thay đổi chứ không cứng nhắc. Nó được xây dựng từ những quyết định hay thay đổi hàng ngày của chúng ta, và mỗi biến cố đều ảnh hưởng tới tất cả những biến cố khác.

Nền văn minh Làn sóng thứ hai đào tạo chúng ta có khả năng phân tích vấn đề chứ không phải tổng hợp vấn đề. Đây là một trong những lý do tại sao hình ảnh của chúng ta về tương lai rất rời rạc ngẫu nhiên và sai lầm. Công việc của chúng ta ở đây sẽ là suy nghĩ của một nhà tổng quát hóa chứ

không phải như một nhà chuyên môn. Ngày nay, tôi tin rằng chúng ta đang đứng cạnh thời đại tổng hợp mới. Trong tất cả những lĩnh vực tri thức, từ khoa học ứng dụng đến xã hội học, tâm lý học và kinh tế học chính trị - đặc biệt là kinh tế học chính trị - chúng ta dường như thấy sự quay lại của tư tưởng quy mô lớn, của lý thuyết tổng quát. Vì nếu tiếp tục phân tích không có bối cảnh, đo lường tinh vi hơn các vấn đề sẽ làm chúng ta biết càng ít đi.

Do đó chúng ta phải nhìn các dòng thay đổi đang lay động cuộc sống của chúng ta, phải phát hiện các mối liên kết bí mật đang nối chúng lại với nhau, vì tất cả những cái đó đang dồn về một cái vô cùng lớn: Làn sóng thứ ba.

Chương mười hai

NHỮNG ĐỈNH CAO ĐIỀU KHIỂN

Ngày 6-8-1960, Trưởng ban quản trị Công ty Dầu Exxon ra một quyết định mà các nhà sử học tương lai có thể chọn là biểu tượng cho sự chấm dứt kỷ nguyên Làn sóng thứ hai. Ông ta đã quyết định cắt bớt thuế mà báo chí phương Tây không được biết, đã tác động như một cú sét đánh vào các Chính phủ của các nước sản xuất dầu, vì hầu như tất cả thu nhập của họ phụ thuộc vào việc các công ty dầu trả cho họ.

Trong vài ngày, những công ty dầu khác đều theo gương của Exxon. Một tháng sau đó vào ngày 9-9, các nước bán dầu họp tại Baghdad và thành lập một tổ chức OPEC. Trong 13 năm tiếp theo, không ai nói gì đến tổ chức đó, cho đến năm 1973, khi cuộc chiến tranh Yom Kippur nổ ra, và OPEC bước ra khỏi bóng tối, bịt nguồn cung cấp dầu thô cho thế giới. OPEC đã làm toàn bộ nền kinh tế Làn sóng thứ hai lâm vào khủng hoảng.

MẶT TRỜI VÀ NHỮNG NGUỒN NĂNG LƯỢNG KHÁC

Theo sau cuộc khủng hoảng năng lượng là hàng đống đề án, đề nghị, tranh luận và phản biện

làm cho các Chính phủ cũng như người dân thường nhầm lẫn cả. Một cách để hiểu vấn đề là nhìn xa hơn những công nghệ, chính sách và nguyên tắc mà những thế lực dựa vào. Qua đó chúng ta thấy một số đề nghị được thiết kế để duy trì hoặc mở rộng cơ sở năng lượng Lò sòng thứ hai, trong khi những đề nghị khác dựa trên những nguyên tắc mới.

Cơ sở năng lượng Lò sòng thứ hai dựa trên tiền đề về sự không khôi phục được, nó lấy từ các mỏ có thể cạn và tập trung cao nó dựa vào các nền công nghệ đắt, và nó không đa dạng, phụ thuộc vào một số phương pháp và nguồn tài nguyên. Đây là những đặc tính chính của cơ sở năng lượng của tất cả các quốc gia Lò sòng thứ hai trong suốt thế kỷ công nghiệp.

Câu hỏi lớn là bất kỳ cơ sở năng lượng nào được thiết kế cho xã hội công nghiệp và dựa trên tiền đề những cơ sở Lò sòng thứ hai có thể tồn tại không. Trong suốt nửa thế kỷ qua, hai phần ba nguồn cung cấp năng lượng cho toàn thế giới là dầu và khí. Tất cả mọi người đều đồng ý rằng sự phụ thuộc này vào nguồn nhiên liệu mỏ không thể tiếp tục đến vô tận dù có thêm những mỏ dầu mới được phát hiện. Một điều vô cùng rõ ràng: không ai có thể bơm khí và dầu trở lại vào trái đất để làm đầy lại các nguồn mỏ. Điều đó có nghĩa là kỷ nguyên dầu khí đang chấm dứt.

Trong khi đó than đá đã và đang cung cấp một phần ba năng lượng còn lại của thế giới, đến lúc nào đó cũng sẽ hết. Việc sử dụng ào ạt than đá

sẽ gây ra ô nhiễm không khí, ảnh hưởng đến khí hậu. Than đá không thể thay thế cho những nguồn nhiên liệu mà máy móc đang dùng dầu và khí hiện nay. Kế hoạch làm thành khí hóa và chất lỏng than đá cho thấy không thực dụng và quá tốn kém.

Năng lượng nguyên tử đã tạo ra những vấn đề to lớn trong giai đoạn phát triển hiện nay. Các lò hạt nhân dựa vào uranium, chất này cũng là nhiên liệu kiệt cạn và đặt ra những sự nguy hiểm về an toàn rất đắt giá, ví dụ rác nguyên tử giải quyết như thế nào? Chưa kể đến chất uranium rất đắt, nguy hiểm, mức độ nguy hiểm càng tăng khi có chiến tranh nguyên tử xảy ra hoặc các nhóm khủng bố chiếm các nhà máy điện nguyên tử.

Tất cả điều đó không có nghĩa là chúng ta phải quay trở lại thời kỳ Trung cổ, hoặc sự tiến bộ kinh tế không thực hiện được. Nhưng nó có nghĩa là chúng ta đã đạt đến ranh giới phát triển mới và phải bắt đầu đường khác. Điều đó có nghĩa là cơ sở năng lượng Làn sóng thứ hai là không thể biện hộ được.

Có những nguồn năng lượng mới đã và đang trong thời kỳ nghiên cứu, và áp dụng như năng lượng mặt trời, năng lượng nhiệt địa, năng lượng nóng v.v...

Trong khi hầu hết những nền công nghệ này vẫn còn ở trong giai đoạn đầu phát triển, nhiều cái sẽ không thực hiện được, một số mới bắt đầu áp dụng trong thương mại, một số khác sẽ đưa vào sử dụng trong vài thập kỷ sắp đến. Quan trọng nhất là một khi chúng ta bắt đầu kết hợp những nền

công nghệ mới này với nhau, chúng ta sẽ làm gia tăng đáng kể việc xây dựng cơ sở năng lượng Làn sóng thứ ba.

Cơ sở này sẽ có nhiều đặc tính khác biệt rõ ràng với những đặc tính của giai đoạn Làn sóng thứ hai. Vì các nguồn của nó khôi phục lại được, chứ không phải cạn kiệt. Thay vì phụ thuộc vào các nguồn tập trung, nó lấy từ các nguồn phân tán. Thay vì phụ thuộc nặng nề vào các công nghệ tập trung, nó sẽ tổng hợp sản xuất năng lượng tập trung và phân tán. Thay vì phụ thuộc vào một số ít nguồn nguy hiểm, nó sẽ lấy từ các nguồn đa dạng khác nhau. Chính sự đa dạng này sẽ làm ít phí phạm hơn bằng cách cho phép chúng ta phối hợp loại và chất lượng của năng lượng được sản xuất cho các nhu cầu thay đổi ngày càng tăng.

Nói tóm lại, chúng ta có thể thấy những nét chính của cơ sở năng lượng dựa trên những nguyên tắc đối nghịch với những nguyên tắc đã có trong ba trăm năm qua. Cũng rõ ràng là cơ sở năng lượng Làn sóng thứ ba này sẽ không phải thành hiện thực ngay, nó sẽ trải qua đấu tranh dữ dội. Đã có nhiều tranh luận về các vấn đề đó, thế nhưng vấn đề không phải là cơ sở năng lượng Làn sóng thứ hai có bị vứt bỏ không, mà là nó sẽ bị thay thế sớm nhất vào lúc nào.

NHỮNG CÔNG CỤ CỦA NGÀY MAI

Than đá, đường sắt, dệt, thép, ô tô, cao su, máy công cụ là những nền công nghiệp cổ điển của

Làn sóng thứ hai. Dựa trên những nguyên tắc cơ điện đơn giản, chúng sử dụng năng lượng cao, gây ra sự phí phạm và ô nhiễm lớn, và chúng có đặc tính là giờ chạy máy dài, yêu cầu kỹ năng thấp, công việc lặp đi lặp lại, hàng hóa sản xuất hàng loạt, và kiểm soát được tập trung nặng nề.

Từ giữa những năm 1950, rõ ràng các nền công nghiệp này đang bước lùi và suy yếu trong các quốc gia công nghiệp. Khi những nền công nghiệp cổ truyền này bắt đầu được chuyển giao cho các quốc gia được gọi là “đang phát triển”, nơi mà lao động rẻ hơn và công nghệ ít tiên tiến hơn, ảnh hưởng xã hội của chúng cũng bắt đầu giảm đi và các nền công nghiệp mới đang chiếm lấy chỗ của chúng.

Những nền công nghiệp mới này khác biệt rõ ràng với các nền công nghiệp trước đó ở nhiều điểm: chúng không phải là loại điện cơ và không còn dựa trên khoa học cổ điển của kỷ nguyên Làn sóng thứ hai. Chúng là sự tổng hợp của các ngành khoa học khác nhau vừa mới xuất hiện trong vòng 25 năm trở lại đây: điện tử lượng tử, tin học, sinh học phân tử, đại dương học, kỹ thuật hạt nhân, sinh thái học và khoa học vũ trụ. Từ những khoa học mới này và từ những khả năng phát triển của chúng ta mà những nền công nghiệp mới xuất hiện: máy tính và xử lý số liệu, kỹ thuật không gian, hóa dầu phức tạp, bán dẫn, thông tin cao cấp v.v...

Vào cuối Thế chiến II, Chính phủ Công đảng của Anh nói về việc phải nắm giữ “những đỉnh cao điều khiển” công nghiệp và đã làm như thế. Nhưng

những đỉnh cao điều khiển mà họ quốc hữu hóa chẳng qua là than đá, đường sắt và thép, chính là những nền công nghiệp bị cuộc cách mạng công nghệ bỏ qua: đó là những đỉnh cao điều khiển của ngày hôm qua.

Các vùng đất hoặc các lĩnh vực kinh tế dựa trên các nền công nghiệp Làn sóng thứ ba đang phát triển mạnh, những nơi nào hoặc lĩnh vực kinh tế nào dựa vào công nghiệp Làn sóng thứ hai thì suy tàn. Nhưng sự chuyển giao bắt đầu một cách khó khăn. Ngày nay nhiều Chính phủ đang tìm cách đẩy nhanh sự thay đổi vị trí cấu trúc này trong khi làm giảm bớt những đau khổ của sự chuyển tiếp.

Hiện nay có 4 ngành công nghiệp mới đang phát triển mạnh và có thể trở thành các ngành công nghiệp xương sống của kỷ nguyên Làn sóng thứ ba, và từ sự phát triển của chúng tạo thành những thay đổi vị trí trong kinh tế, chính trị và xã hội. Đó là ngành điện tử, máy tính, các thông tin quang học và ngành vật lý chất rắn. Đặc tính này của cuộc cách mạng điện tử cho thấy rằng một trong những chiến lược bảo tồn mạnh nhất cho các nền kinh tế công nghệ cao với năng lượng hiếm chỉ có thể là sự thay thế các nền công nghiệp Làn sóng thứ hai với năng lượng phong phú bằng các nền công nghiệp Làn sóng thứ ba năng lượng thấp.

MÁY MỘC TRONG VŨ TRỤ

Công nghiệp vũ trụ là nhóm thứ hai của môi trường công nghệ đang nổi lên. Việc phóng tàu con

thoi có tác động rất lớn mà hiện nay chưa thể đánh giá hết những hiệu quả của nó: Những ngành sau đây có thể đi theo tàu con thoi vào vũ trụ như luyện kim, trạm vũ trụ, bán dẫn, thuốc men, lade, dây quang dẫn, thành phố vũ trụ... Tất cả những điều đó không còn là khoa học viễn tưởng nữa mà đã trở thành sự thật.

Sự tổng hợp của ngành điện tử tiên tiến và chương trình vũ trụ đã đưa những khả năng sản xuất ở trái đất ra ngoài vũ trụ và điều đó đẩy môi trường công nghệ đến một giai đoạn mới không còn bị giới hạn bởi những vấn đề Làn sóng thứ hai nữa.

ĐI VÀO ĐẠI DƯƠNG

Đại dương học là nhóm thứ ba của môi trường công nghệ. Đại dương cung cấp nguồn thực phẩm rất lớn về các loại thực vật và sinh vật dưới biển. Ngoài nguồn dầu mỏ dưới biển, đại dương còn chứa một loạt khoáng sản mỏ như đồng, kẽm, thiếc, bạc, vàng, platin, phốt phát... Ngoài ra có thể chế tạo các loại thuốc từ những sản phẩm dưới đáy đại dương như thuốc chống nấm, thuốc giảm đau, thuốc cầm máu.... đến việc xây dựng các thành phố nổi ngoài biển.

CÔNG NGHIỆP GEN

Công nghiệp gen là nhóm thứ tư của môi trường công nghệ. Vấn đề dùng kỹ thuật gen thay đổi nòi giống đang còn là vấn đề tranh cãi.

Nhưng việc áp dụng sinh học hiện đại để làm giảm hoặc bỏ hẳn dầu mỡ trong việc sản xuất plattíc, phân bón, quần áo, sơn, chất diệt côn trùng và hàng nghìn sản phẩm khác đã và đang được thực hiện. Ngoài ra có thể sử dụng vi khuẩn để biến đổi ánh nắng mặt trời thành năng lượng điện hóa, hay còn được biết dưới cái tên “tế bào mặt trời sinh học”.

Giống như Làn sóng thứ hai kết hợp than đá, điện, và đường sắt để sản xuất ô tô và hàng ngàn sản phẩm biến đổi cuộc sống khác, tác động thực của những thay đổi mới sẽ không được cảm thấy cho đến khi chúng ta đạt đến giai đoạn kết hợp những nền công nghệ mới – máy tính, điện tử, vật liệu mới từ không gian, đại dương học, gen – và tất cả những cái đó sẽ tạo ra một cơ sở năng lượng mới. Kết hợp những thành phần này lại với nhau sẽ đưa đến vô số cải tiến chưa được thấy trong lịch sử nhân loại. Chúng ta đang xây dựng một môi trường công nghệ mới cho văn minh Làn sóng thứ ba.

NHỮNG NGƯỜI CHỐNG ĐỐI CÔNG NGHỆ

Câu hỏi cơ bản đối với các nền công nghiệp mới trong 300 năm vừa qua ở cả các quốc gia tư bản và xã hội chủ nghĩa là rất đơn giản: chúng đóng góp cho lợi ích kinh tế hay cho sức mạnh quân sự? Tiêu chuẩn này từ lâu không còn đầy đủ nữa. Những nền công nghiệp mới phải vượt qua những cuộc kiểm tra về sinh thái, xã hội, kinh tế

và chiến lược.

Những thảm họa công nghệ xảy ra trong những năm gần đây đều gắn với công nghệ Làn sóng thứ hai, chứ không phải với công nghệ Làn sóng thứ ba. Lý do là rất rõ ràng: công nghệ Làn sóng thứ ba chưa được triển khai trên quy mô lớn. Nhiều công nghệ vẫn còn đang ở thời kỳ phôi thai. Tuy nhiên, chúng ta đã có thể thoảng thấy những mối nguy hiểm về khói điện tử, rối loạn tin tức, chiến tranh vũ trụ, rò rỉ gen, thay đổi khí hậu, và cái có thể được gọi là “cuộc chiến tranh sinh thái học”. Ví dụ như gây ra động đất điều khiển từ xa. Và những mối nguy hiểm khác gắn liền với sự phát triển về cơ sở công nghệ mới.

Trong những trường hợp như thế, không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy có sự chống đối công khai ồ ạt đối với nền công nghiệp mới những năm vừa qua. Thời kỳ đầu của Làn sóng thứ hai cũng đã chịu cảnh công nghệ mới bị ngăn cản. Những người làm việc mù chữ, nghèo đói và tuyệt vọng đã thấy máy móc hăm dọa sự sống còn của cá nhân họ.

Sự chống đối này đối với nền công nghệ mới thì khác. Nó liên quan đến một số đông người nghèo khổ cũng không mù chữ, họ cũng không chống công nghệ, cũng không chống lại sự phát triển kinh tế, nhưng họ thấy trong sức đẩy công nghệ không kiểm soát được một mối thảm họa cho họ và cho sự sống còn của toàn cầu. Họ gồm hàng ngàn người được đào tạo bằng khoa học như kỹ sư hạt nhân, nhà hóa sinh, nhà vật lý, bác sĩ, nhà gen học, cũng như hàng triệu người dân thường khác.

Họ được tổ chức chặt chẽ, ra báo riêng của họ. Họ kiện cáo, biểu tình và tuần hành.

Họ thừa nhận rằng chúng ta có quá nhiều khả năng công nghệ mà chúng ta không thể nào cấp vốn, phát triển hoặc áp dụng tất cả chúng. Do đó họ lý luận rằng cần phải chọn lọc cẩn thận các công nghệ để phục vụ các mục tiêu của chúng ta. Họ đòi hỏi các nền công nghệ mới phải được thiết kế để cung cấp công việc cho con người, không gây ô nhiễm, bảo vệ sinh thái môi trường, và sản xuất để cho cá nhân hoặc địa phương sử dụng chứ không phải cho cả nước hoặc cả thế giới.

Họ thấy khó chịu trước vấn đề không cân bằng chủng tộc quá rõ ràng của khoa học và công nghệ trên thế giới: chỉ 3% số các nhà khoa học trên thế giới là từ các nước chiếm 75% số dân thế giới. Họ ủng hộ việc cần chú ý công nghệ cho các nước nghèo và cần phải chia sẻ các nguồn tài nguyên về không gian và vũ trụ cho các nước nghèo. Họ đề nghị di chuyển từng bước từ hệ thống sản xuất gây ra ô nhiễm và phí phạm tài nguyên của kỷ nguyên Làn sóng thứ hai đến một hệ thống trao đổi chất sẽ loại bỏ sự phung phí và ô nhiễm, nghĩa là đầu ra của một công nghệ này trở thành đầu vào của một công nghệ khác.

Những người chống đối công nghệ, dù họ có thừa nhận hay không, thì họ cũng là người hoạt động cho Làn sóng thứ ba. Họ sẽ không biến mất mà tăng theo cấp số nhân trong những năm sắp đến. Vì họ là một bộ phận trên con đường tiên tiến đến giai đoạn mới của nền văn minh sắp đến

giống như việc phóng tàu con thoi, máy tính kỳ diệu, phát minh sinh học, hoặc khai thác đáy đại dương.

Tóm lại, những công nghệ mới cùng cơ sở năng lượng mới sẽ nâng lên một mức mới toàn bộ văn minh của chúng ta, và chúng ta sẽ tạo thành “những đỉnh cao điều khiển” của ngày mai.

Chương mười ba

PHI ĐẠI CHÚNG HÓA THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Điện viên là một trong những phép ẩn dụ mạnh nhất của thời đại chúng ta. Không có hình ảnh nào gây được sự tưởng tượng thành công như thế. Hàng trăm phim ca ngợi điện viên 007 và những đồng nghiệp tương tự ti vi và sách bỏ túi tạo ra những hình ảnh điện viên táo bạo, lãng mạn, phi luân lý và vĩ đại hơn cuộc sống. Trong khi đó các Chính phủ tiêu hàng tỉ đô la cho hoạt động gián điệp. Điện viên của KGB, CIA và của các cơ quan tình báo khác qua lại từ nước này sang nước khác. Ở Moscow, các nhà báo phương Tây bị tố cáo là hoạt động tình báo. Ở Bonn, các thủ tướng đổ vì gián điệp thâm nhập vào các bộ của họ. Ở Washington, các nhà điều tra của quốc hội đồng thời đưa ra những hành động xấu của các điện viên Mỹ và Triều Tiên, trong khi đó trên bầu trời đầy các vệ tinh do thám chụp ảnh từng mét đất.

Điện viên không phải là mới trong lịch sử. Thế nhưng tại sao vào đúng thời điểm này thì chủ đề do thám lại chiếm lĩnh tưởng tượng của mọi người, thay thế hình ảnh thám tử tư, cảnh sát và cao bồi. Chúng ta có thể nhận thấy ngay sự khác nhau quan trọng giữa gián điệp và các anh hùng

phiêu lưu khác: Trong khi cảnh sát và cao bồi tưởng tượng dựa vào khẩu súng lục, thì điệp viên tưởng tượng được trang bị với công nghệ mới và kỳ lạ như máy nghe trộm điện tử, ngân hàng máy tính, máy quay phim hồng ngoại, xe ô tô biết bay hoặc biết bơi, máy bay trực thăng, tàu ngầm một người, tia sáng chết người...

Có một lý do sâu sắc đối với sự nổi tiếng của điệp viên. Cao bồi, cảnh sát, thám tử tư phiêu lưu và mạo hiểm chỉ theo đuổi những mục tiêu như đồng cỏ cho trâu bò, tiền bạc, bắt kẻ gian. Còn công việc của điệp viên là tin tức, và tin tức có thể là công việc quan trọng nhất và phát triển nhanh nhất của thế giới. Điệp viên là biểu tượng sống của cuộc cách mạng đang quét qua môi trường tin tức.

NHÀ KHO HÌNH ẢNH

Trong khi thay đổi vị trí của môi trường tin tức Làn sóng thứ hai sang Làn sóng thứ ba, chúng ta đang biến đổi tâm lý của chính mình. Mỗi người chúng ta đang tạo ra trong bộ não một mô hình tinh thần của thực tế, một nhà kho hình ảnh. Một số hình ảnh này lại là thị giác, thính giác hoặc xúc giác, một số là “tri giác” một số khác “liên hợp” mà nó xác định mối quan hệ, giống như hai chữ “mẹ” và “con”, một số là đơn giản, số khác là phức tạp. Và nhận thức, giống như ý kiến “lạm phát do việc tăng lương gây ra”. Tất cả những hình ảnh như thế thêm vào hình ảnh của chúng ta về thế giới, nghĩa là đặt chúng ta theo thời gian, không gian và các

mối quan hệ xung quanh chúng ta.

Những hình ảnh này không phải đến từ hư vô. Chúng được tạo thành từ những tín hiệu hoặc tin tức từ môi trường vào đến chúng ta. Và khi môi trường của chúng ta thay đổi, tin tức xung quanh chúng ta cũng thay đổi.

Trước khi có thông tin đại chúng, một đứa trẻ ở Làn sóng thứ nhất lớn lên trong một làng thay đổi chậm đã xây dựng một mô hình thực tế từ những hình ảnh nhận được ở một số ít người như thầy giáo, linh mục, xã trưởng và gia đình. Điều này có nghĩa những hình ảnh thế giới của một đứa trẻ làng quê là vô cùng hẹp. Tin tức mà nó nhận được rất dư thừa ít nhất theo hai nguồn: chúng đến dưới dạng nói mồm đầy sự ngắt quãng và lặp đi lặp lại, hoặc từ dạng các dây tư tưởng nối liền nhau được củng cố bằng những người đưa tin khác nhau. Sự nhất trí với cộng đồng, và áp lực mạnh phải tuân theo tác động lên đứa trẻ ngay từ lúc mới sinh lại còn làm hẹp hơn khoảng cách chấp nhận hình ảnh và thái độ.

Làn sóng thứ hai làm tăng số nguồn mà cá nhân có thể nhận được hình ảnh về thực tế. Đứa trẻ không phải chỉ nhận tin tức từ thiên nhiên hoặc con người, mà còn nhận tin tức từ báo chí, tạp chí, radiô, tivi... nhà thờ, Nhà nước, gia đình và trường học tiếp tục nói giống nhau để củng cố lẫn nhau. Thông tin đại chúng trở thành một cái loa khổng lồ. Và sức mạnh của chúng được sử dụng vượt qua những ranh giới đất nước, chủng tộc, ngôn ngữ để tiêu chuẩn hóa hình ảnh đang chảy

vào dòng tinh thần của xã hội.

Một số hình ảnh thị giác được phổ biến rộng rãi và ăn sâu vào bộ nhớ của hàng triệu người đến nỗi chúng được biến đổi thành hình tượng. Hình ảnh sản xuất từ trung tâm này, được thông tin đại chúng hơn vào “bộ não đại chúng”, đã giúp việc tiêu chuẩn hóa cách sống được đòi hỏi bởi hệ thống sản xuất công nghiệp.

Ngày nay Làn sóng thứ ba đang thay đổi quyết liệt tất cả những điều đó. Khi thay đổi tăng tốc trong xã hội thì nó áp đặt một sự tăng tốc song hành trong chúng ta. Tin tức mới đến với chúng ta và chúng ta bị buộc phải xem xét lại liên tục hồ sơ hình ảnh của chúng ta với tốc độ ngày càng nhanh hơn. Những hình ảnh cũ dựa trên thực tế và chúng ta cảm thấy không đủ khả năng thích ứng.

Việc xử lý hình ảnh gia tăng trong chúng ta có nghĩa là những hình ảnh trở nên ngày càng tạm thời hơn. Tư tưởng, lòng tin và thái độ được bắn vào nhận thức, bị thách đố, nhanh chóng bị phai mờ và đi vào hư vô. Lý thuyết khoa học và tâm lý học bị vứt bỏ và được thay thế hàng ngày. Các ý thức hệ bị đổ gẫy. Những khẩu hiệu đạo đức và chính trị mâu thuẫn tấn công chúng ta.

Làn sóng thứ ba không chỉ gia tăng dòng tin tức, nó còn biến đổi cấu trúc tin tức mà những hành động hàng ngày của chúng ta phụ thuộc vào nó.

THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG BỊ PHI ĐẠI CHÚNG HÓA

Thông tin đại chúng ngày càng phát triển

manh trong suốt kỷ nguyên Làn sóng thứ hai. Ngày nay một thay đổi kỳ lạ đang xảy ra. Khi Làn sóng thứ ba xuất hiện, thông tin đại chúng thay vì phát triển ảnh hưởng lại bị suy yếu đi. Chúng bị đẩy lùi trên nhiều mặt cùng một lúc bởi cái mà tôi gọi là “thông tin đại chúng bị phi đại chúng hóa”.

Báo chí cung cấp ví dụ thứ nhất. Ở Mỹ, số độc giả giảm từ 69% năm 1972 xuống 62% năm 1977. Ở Anh, từ năm 1970 đến 1977, mặc dù dân số Mỹ tăng 14 triệu người, nhưng số độc giả của 25 tờ tạp chí giảm đi 4 triệu người. Tất cả báo chí và tạp chí đó không phải do ti vi cạnh tranh, các tờ báo lá cải và tạp chí chuyên chính chỉ nhằm một số ít độc giả lại nổi lên như nấm và đang chiếm lĩnh thị trường.

Những tác động của Làn sóng thứ ba trên thông tin không phải chỉ nhằm vào báo chí và tạp chí. Số thính giả phát thanh sóng trung và sóng FM cũng bị giảm hẳn đi. Trong khi đó các đài mới và đối tượng là một nhóm nhỏ thính giả lại nổi lên nhiều như đài nhạc rock, đài cho người da đen, đài nhạc cổ điển, đài dành cho người nước ngoài, đài sóng CB. Hệ thống ti vi cũng bị ảnh hưởng với số người xem giảm đi 50% vào cuối năm 1980 ở Mỹ. Thế nhưng ti vi dây cáp lại tăng. Khi dây quang dẫn được đưa vào sử dụng rộng rãi thì ti vi dây cáp có thể chiếm lĩnh trận địa.

Những hệ thống khác đã làm các hệ thống ti vi lớn hoặc của Nhà nước bị mất chỗ đứng là trò chơi điện tử, dịch vụ tin học, đầu video, hệ thống vệ tinh kết hợp với ti vi dây cáp.

Những gì đang xảy ra trên bề mặt là các biến cố độc lập nhau, song chúng kết hợp lại thành một làn sóng những thay đổi có liên quan mật thiết với nhau đang quét qua các vị trí thông tin đại chúng từ báo chí và radio đến tạp chí và ti vi. Thông tin đại chúng, chúng ta bị tấn công. Thông tin mới phi đại chúng hóa đang tăng nhanh, đang thách thức, đang thay thế thông tin đại chúng mà một thời đã thống trị trong tất cả các xã hội Làn sóng thứ hai.

Như thế, Làn sóng thứ ba bắt đầu một kỷ nguyên mới, thời đại của thông tin phi đại chúng hóa. Một môi trường tin tức mới đang xuất hiện cùng với môi trường công nghệ. Và điều này sẽ có tác động mạnh vào môi trường quan trọng nhất là môi trường tâm lý. Gộp chung lại với nhau, những thay đổi này cách mạng hóa hình ảnh của chúng ta về thế giới và khả năng nhận thức nó của chúng ta.

VĂN HÓA ĐIỂM SÁNG

Việc phi đại chúng hóa thông tin đại chúng cũng làm phi đại chúng hóa tinh thần của chúng ta. Trong kỷ nguyên Làn sóng thứ hai, sự tấn công liên tục của các hình ảnh được tiêu chuẩn hóa do thông tin đại chúng phổ biến đã tạo ra cái mà các nhà phê bình gọi là “tinh thần đại chúng”. Ngày nay, thay vì đại chúng tất cả đều nhận cùng tin tức, thì các nhóm nhỏ thu phát số lượng lớn về hình ảnh riêng của họ cho nhau. Khi toàn bộ xã hội dịch chuyển về sự đa dạng Làn sóng thứ ba,

một phương tiện thông tin mới làm gia tăng quy trình.

Điều này giải thích tại sao những ý kiến về mọi việc từ nhạc dân gian đến chính trị đang trở thành ít thống nhất hơn. Sự nhất trí đã bị tan vỡ. Về phương diện cá nhân, chúng ta bị bao vây và bị tấn công bởi những đoạn hình ảnh trái ngược hoặc không liên quan với nhau, chúng làm lay động những tư tưởng cũ của chúng ta và bắn vào chúng ta dưới dạng các điểm sáng. Thực vậy, chúng ta đang sống trong nền “văn hóa điểm sáng”. Trong loại văn hóa mới này, với những hình ảnh chuyển tiếp và lừng mẫn, chúng ta có thể phân biệt sự khác nhau lớn giữa những người sử dụng thông tin đại chúng Làn sóng thứ hai và những người sử dụng thông tin Làn sóng thứ ba.

Những người Làn sóng thứ hai khát khao sự vững bền ý thức hệ và đạo đức của quá khứ, họ đã bị các tin tức làm cho khó chịu và mất định hướng tấn công dữ dội. Họ nuối tiếc những chương trình phát thanh của những năm 1930 hoặc phim ảnh của những năm 1940. Họ cảm thấy xa lạ với môi trường thông tin đại chúng mới, không phải những gì họ nghe là đe dọa họ, nhưng chính cái tin tức đến với họ là lạ lùng đối với họ.

Thay vì nhận được một dây tin tức dài, có liên quan với nhau, được tổ chức hoặc tổng hợp, thì chúng ta càng ngày càng phải nghe các mẫu tin tức ngắn và môđun – quảng cáo, lý thuyết, tin ngắn, tin lật vạt mà chúng không thể nào nhét vào hồ sơ tinh thần đã có sẵn của chúng ta. Hình ảnh

mối chống lại sự phân loại, một phần vì nó nằm ngoài các loại nhận thức cũ của chúng ta, nhưng cũng còn vì nó đến thành từng nhóm được định hình một cách lệch lạc, nhất thời và không có liên quan với nhau. Bị tấn công bởi những thông tin hỗn loạn và ào ạt của văn hóa đốm sáng, người Làn sóng thứ hai cảm thấy phải tìm lại cơn thịnh nộ đối với thông tin đại chúng.

Ngược lại những người Làn sóng thứ ba cảm thấy dễ chịu với loại thông tin đốm này, 90 giây tin tức xen với 30 giây quảng cáo, một đoạn nhạc và thơ, một đầu đề... Thay vì sắp xếp số liệu mô đun mới theo cách của Làn sóng thứ hai, họ học cách tự thành lập những dãy số liệu riêng cho họ từ những vật liệu từng mảnh mà thông tin đại chúng mới bắn cho họ.

Thay vì chỉ thu nhập về thực tế, chúng ta bị buộc phải sáng tạo và liên tục tái sáng tạo. Điều này đặt một gánh nặng lên trên chúng ta. Nhưng nó cũng đưa đến tính cá nhân lớn hơn, một sự phi đại chúng hóa về cá tính và về văn hóa. Một số người bị gãy dưới áp lực mới hoặc rút vào sự thờ ơ hoặc tức giận. Những người khác tiếp tục phát triển thành những cá nhân có đủ khả năng hoạt động ở mức cao hơn. Sự phi đại chúng hóa của nền văn minh tạo thành một bước nhảy trong lượng tin tức mà chúng trao đổi với nhau. Và chính điều này giải thích tại sao chúng ta đang trở thành một "xã hội tin tức".

Nền văn minh càng đa dạng bao nhiêu, nghĩa là công nghệ, năng lượng và con người càng khác

biết bao nhiêu, thì tin tức giữa các thành phần của nó càng phải nhiều bấy nhiêu, như vậy trạng thái toàn vẹn mới được bảo tồn, đặc biệt là dưới áp lực thay đổi nhiều. Một tổ chức phải dự đoán được nhiều hay ít những tổ chức khác phản ứng như thế nào đối với kế hoạch của họ. Con người cũng thế. Chúng ta càng đơn điệu thì chúng ta không cần biết nhiều về những người khác để có thể đoán trước được cách xử sự của họ. Khi những người xung quanh ta trở thành cá nhân hóa nhiều hơn hoặc phi đại chúng hóa nhiều hơn, chúng ta cần nhiều tin tức để dự đoán họ sẽ đối xử với ta như thế nào. Không dự đoán được như thế, chúng ta không thể sống hoặc làm việc với nhau được.

Chương mười bốn

MÔI TRƯỜNG THÔNG MINH

Ngày nay, khi chúng ta xây dựng một môi trường tin tức mới cho nền văn minh Làn sóng thứ ba, chúng ta đang truyền cho môi trường “chết” xung quanh chúng ta không phải cuộc sống mà là sự thông minh. Chìa khóa cho sự tiến bộ này là máy tính. Máy tính ngày càng hiện diện khắp nơi, từ cơ quan, văn phòng, trường học đến nhà ở. Đến lúc nào đấy, ngay cả trong từng gia đình cũng có máy tính.

NÂNG CAO BỘ NÃO

Trong khi thay đổi môi trường tin tức, chúng ta cũng biến đổi chính tinh thần của chúng ta, đó là cách mà chúng ta suy nghĩ, cách chúng ta tổng hợp tin tức và cách dự đoán những hậu quả của chính những hành động của mình. Chúng ta dường như sẽ thay đổi vai trò biết đọc biết viết trong cuộc sống của chúng ta. Kể cả việc chúng ta có thể biến đổi hóa chất trong bộ não của chúng ta.

Ngày nay hàng triệu người bị đào thải ra khỏi thị trường công việc vì họ mù chữ. Ngay cả những công việc đơn giản nhất cũng đòi hỏi khả năng biết

đọc như bấm nút tắt mở, kiểm tra đơn giản, hướng dẫn công việc v.v... Trong thế giới Làn sóng thứ hai, khả năng biết đọc là yêu cầu cơ bản nhất nếu muốn có việc làm. Thế nhưng mù chữ không đồng nghĩa với ngu dốt. Chúng ta biết rằng những người mù chữ trên thế giới có khả năng làm chủ những kỹ năng phức tạp cao trong những hoạt động khác nhau như nông nghiệp, xây dựng, săn bắn và âm nhạc. Nhiều người mù chữ có trí nhớ phi thường và có thể nói một vài ngoại ngữ. Tuy nhiên trong xã hội Làn sóng thứ hai, những người mù chữ bị kết án nghèo khổ.

Biết đọc đó là cánh cửa mở ra thế giới kỳ lạ và đầy thú vị. Thế nhưng trong môi trường thông minh, khi máy móc, đồ dùng được chương trình hóa để nói, thì việc biết đọc có thể không đáng gì đến việc làm như trong 300 năm vừa qua. Nhân viên nhận đăng ký vé máy bay, thủ kho, người vận hành máy bay và thợ sửa chữa có thể làm việc bằng nghe hơn là đọc, như một tiếng nói từ máy bảo họ từng bước phải làm gì.

Máy tính không phải là siêu nhân. Chúng cũng bị hỏng. Chúng phạm sai lầm, đôi khi là những sai lầm nguy hiểm. Chẳng có phép lạ gì về chúng cả, và chắc chắn chúng không phải là “linh hồn” hay “tinh thần” trong môi trường của chúng ta. Thế nhưng với tất cả những đặc tính của chúng, chúng là một trong những thành tựu kỳ diệu nhất của con người, vì chúng nâng cao sức mạnh trí óc như công nghệ Làn sóng thứ hai của con người, vì chúng mạnh hơn cơ bắp của chúng ta, và chúng ta

không biết trí óc của chúng ta sẽ đưa chúng ta đi đến đâu. Khi chúng ta quen thuộc hơn với môi trường thông minh, và học cách đối thoại với nó, chúng ta sẽ bắt đầu sử dụng máy tính dễ dàng hơn. Và máy tính sẽ giúp chúng ta suy nghĩ sâu hơn về chúng ta và về thế giới.

Ngày nay, khi có một vấn đề nổi lên thì ngay lập tức chúng ta tìm cách phát hiện ra nguyên nhân của nó. Ngay cả những nhà tư tưởng sâu sắc nhất cũng thường cố gắng giải thích sự việc theo các lực nguyên nhân. Vì với trí óc tốt nhất của con người cũng không thể thao tác nhiều biến số cùng một lúc. Do đó, khi đứng trước những vấn đề thực sự phức tạp, như tại sao trẻ con lại phạm tội, tại sao lạm phát tàn phá kinh tế, làm thế nào đô thị hóa ảnh hưởng sinh thái của con sông gần đó? Chúng ta có khuynh hướng tập trung trên hai hoặc ba nhân tố và quên những nhân tố khác có thể quan trọng hơn. Tệ hơn nữa là mỗi nhóm chuyên gia chỉ nhấn mạnh về tầm quan trọng, về lý do của nhóm họ và cho rằng lý do của nhóm khác không quan trọng. Đối diện với tình trạng suy tàn của đô thị nhóm Chuyên gia Nhà ở cho rằng đó là do dân cư đông đúc và thiếu nhà dự trữ, nhóm Chuyên gia Giao thông cho rằng đó là do việc thiếu phương tiện giao thông công cộng, nhóm Chuyên gia Phúc lợi cho rằng đó là do việc không đủ ngân sách cho các trung tâm chăm sóc xã hội, nhóm Chuyên gia Kinh tế cho rằng thuế cao làm giảm việc đầu tư, và cứ như thế mọi người đều đồng ý rằng tất cả những vấn đề có liên quan

với nhau. Nhưng không ai có thể nắm được tất cả những phức tạp trong khi cố gắng suy nghĩ sâu về giải pháp cho vấn đề. Đối với những vấn đề như thế không thể chỉ giải quyết bằng phân tích nguyên nhân và hậu quả mà còn phải phân tích cả sự phụ thuộc tương hỗ.

Có thể nhớ và tự tương quan một số lớn lực nguyên nhân, máy tính có thể giúp chúng ta đối phó với một số vấn đề. Nó có thể truy tìm số lượng lớn dữ liệu để phát hiện ra mô hình thích hợp. Nó có thể giúp tổng hợp các dạng rời rạc thành một tổng thể lớn có ý nghĩa hơn. Khi được cho biết các quyết định hoặc các mô hình, nó có thể làm. Nó có thể đề nghị những giải pháp tưởng tượng cho một số vấn đề bằng cách nhận biết những mối quan hệ không được chú ý đến trong con người và tài nguyên.

Trong những thập kỷ sắp đến, trí thông minh, sự tưởng tượng và trực giác của con người sẽ tiếp tục quan trọng hơn máy móc. Tuy nhiên, máy tính có thể đào sâu hơn toàn bộ quan điểm văn hóa về nguyên nhân, nâng cao sự hiểu biết của chúng ta về sự tương quan của sự việc, và giúp chúng ta tổng hợp "tổng thể" có ý nghĩa từ những số liệu rời rạc đang quay cuồng xung quanh chúng ta. Máy tính là một vị thuốc cho nền văn hóa đốm sáng.

Môi trường thông minh có thể bắt đầu thay đổi không phải chỉ cái cách mà chúng ta phân tích vấn đề và hợp nhất tin tức, mà còn là hóa chất trong não chúng ta. Thí nghiệm cho thấy trẻ em được nuôi dưỡng trong môi trường dân ồn thì chúng rất thụ

động, không biết nắm lấy cơ hội, chúng cẩn thận, bảo thủ và ít phải động não. Trong khi trẻ em được nuôi dưỡng trong môi trường thông minh thì tỏ ra có ý thức làm chủ sự việc, ít phụ thuộc vào cha mẹ hơn, chúng sáng tạo hơn, có óc tưởng tượng nhiều hơn và có cách giải quyết tốt hơn các vấn đề của cuộc sống. Một môi trường thông minh hơn có thể tạo ra những con người thông minh hơn.

BỘ NHỚ XÃ HỘI

Bộ nhớ có thể được chia thành hai loại: bộ nhớ của cá nhân và bộ nhớ của xã hội. Bộ nhớ cá nhân chết cùng với cá nhân. Bộ nhớ xã hội tồn tại mãi. Khả năng đáng kể của chúng ta về lưu trữ và lấy ra những bộ nhớ xã hội là bí mật của sự thành công tiến hóa của loài người. Và bất kỳ cái gì thay đổi cái cách mà chúng ta xây dựng, chứa, hoặc sử dụng bộ nhớ xã hội sẽ đụng đến chính vận mệnh xã hội. Trong lịch sử nhân loại đã có hai lần cách mạng hóa bộ nhớ xã hội. Ngày nay, trong khi xây dựng một môi trường tin tức mới, chúng ta đang chứng kiến một sự biến đổi khác.

Trong kỷ nguyên tiền sử và Làn sóng thứ nhất, con người chứa bộ nhớ xã hội cùng với bộ nhớ cá nhân. Những người già, những người thông thái và những người khác đã mang bộ nhớ xã hội dưới dạng lịch sử, huyền thoại, truyền thuyết, và họ đã truyền chúng cho con cháu họ dưới dạng kể chuyện, bài hát, bài ca và sự nêu gương. Như thế độ lớn của bộ nhớ xã hội rất giới hạn. Dù trí nhớ của người già tốt bao

nhiều, dù bài hát hay truyện kể nhiều bao nhiêu, thì vẫn có những khoảng trống trong bộ não của bất kỳ cư dân nào.

Nền văn minh Làn sóng thứ hai phá tan hàng rào bộ nhớ. Nó mở rộng sự xóa bỏ nạn mù chữ đại chúng. Nó lưu trữ hồ sơ kinh doanh có hệ thống. Nó xây dựng hàng ngàn thư viện và bảo tàng. Nó phát minh ra đủ tư liệu. Nói tóm lại, nó di chuyển bộ nhớ xã hội ra ngoài hộp sọ, tìm những cách mới để chứa và vượt qua những giới hạn chật hẹp. Bằng việc làm tăng sự chứa kiến thức tích lũy, nỗ gia tăng tất cả các quy trình đổi mới và thay đổi xã hội, làm cho nền văn minh Làn sóng thứ hai có một nền văn hóa phát triển và thay đổi nhanh mà thế giới chưa từng được biết.

Ngày nay chúng ta đang đến một giai đoạn mới về bộ nhớ xã hội. Sự phi đại chúng hóa của thông tin đại chúng, sự phát minh một phương tiện thông tin đại chúng mới, việc vệ tinh vệ bản đồ trái đất, việc theo dõi bệnh nhân bằng các bộ cảm ứng điện tử, việc máy tính hóa hồ sơ công ty - tất cả có nghĩa là chúng ta đang ghi lại những hoạt động của nền văn minh bằng những chi tiết tinh vi hơn. Nền văn minh Làn sóng thứ ba sẽ có tin tức sẵn sàng, tin tức được tổ chức tinh vi hơn.

Khi bộ nhớ xã hội được chứa trong bộ não con người, nó luôn bị xói mòn, bị thay đổi, bị khuấy động, bị tổng hợp đi tổng hợp lại bằng nhiều cách mới. Nó là năng động, nói một cách khác nó là sống động.

Khi nền văn minh công nghiệp di chuyển bộ

nhớ ra khỏi hộp sọ con người, bộ nhớ đó được khách quan hóa, nằm trong các chế tác, sách, báo chí, hình ảnh và phim. Nhưng một khi biểu tượng nằm trong trang báo trên màn hình của âm bản... thì biểu tượng đó hoàn toàn thụ động. Chỉ khi nào những biểu tượng đó được đưa trở lại bộ óc con người thì chúng mới sống lại, được thao tác hoặc được tổng hợp lại theo những cách mới. Trong khi nền văn minh Làn sóng thứ hai phát triển một cách cơ bản bộ nhớ xã hội, nó cũng làm tê cứng bộ nhớ xã hội.

Trong nền văn minh Làn sóng thứ ba, với việc xử lý số liệu đã được chứa, máy tính đã tạo ra một tình hình chưa bao giờ có trong lịch sử: nó làm cho bộ nhớ xã hội vừa bao quát vừa sống động. Và sự tổng hợp này là một lực đẩy.

Làm hoạt động bộ nhớ vừa mới phát triển này sẽ giải phóng những năng lượng văn hóa mới. Vì máy tính không những giúp chúng ta tổ chức và tổng hợp các nền văn hóa dõm thành một mô hình tương quan của thực tế, nó còn mở rộng các giới hạn hiểu biết. Không có thư viện hoặc hồ sơ tư liệu nào có thể suy nghĩ. Ngược lại, máy tính có thể được chúng ta hỏi về những điều không thể tưởng tượng được. Nó sẽ tạo ra những lý thuyết, tư tưởng, ý thức hệ, nghệ thuật, tiến bộ kỹ thuật, kinh tế và chính trị mới mà cho đến bây giờ chưa nghĩ được hoặc chưa tưởng tượng được. Trong cách này, nó sẽ làm tăng sự thay đổi lịch sử và đẩy đến sự đa dạng hóa xã hội Làn sóng thứ ba.

Trong tất cả những xã hội trước, môi trường

tin tức đã cung cấp phương tiện thông tin giữa con người với con người. Lần sóng thứ ba làm tăng những phương tiện này và lần đầu tiên trong lịch sử, nó cung cấp phương tiện thông tin giữa máy và máy, hoặc giữa máy và con người, nghĩa là giữa con người và môi trường thông minh xung quanh con người.

Chương mười lăm

VƯỢT QUA SẢN XUẤT HÀNG LOẠT

SỮA CHUỘT VÀ ÁO NGẮN TAY

Hiện nay số phần trăm công nhân làm việc ở các ngành sản xuất trong các quốc gia tiên tiến đã và đang giảm trong 20 năm qua. Và khi sự co lại này về sản xuất gia tăng trong thế giới công nghiệp, thì ngày càng có nhiều công nghệ sản xuất cũ được chuyển giao cho các nước được gọi là “đang phát triển” từ Angirê đến Mêhicô và Thái Lan. Giống như xe ô tô cũ bị rỉ, hầu hết công nghệ lạc hậu Làn sóng thứ hai được xuất khẩu từ các nước giàu đến các nước nghèo.

Vì những lý do chiến lược cũng như là kinh tế, các quốc gia giàu không thể bỏ ngành sản xuất hàng loạt cùng một lúc, và họ không thể trở thành các ví dụ đơn thuần về “xã hội dịch vụ” hoặc “nền kinh tế tin tức”. Hình ảnh các quốc gia giàu có sống ngoài sản xuất phi vật chất là quá đơn giản hóa. Thay vào đó, chúng ta thấy các quốc gia giàu có tiếp tục sản xuất các hàng hóa then chốt, nhưng cần ít công nhân hơn để làm việc đó. Vì chúng ta đang biến đổi chính cái cách mà hàng hóa được sản xuất.

Tính chất của sự sản xuất Làn sóng thứ hai là hàng triệu sản phẩm tiêu chuẩn hóa tương tự. Ngược lại, tính chất của sự sản xuất Làn sóng thứ ba là sản phẩm vì khách hàng từng phần hoặc hoàn toàn với giờ chạy máy ngắn.

Người ta vẫn có khuynh hướng nghĩ về sự sản xuất theo nghĩa sản xuất hàng loạt, và dĩ nhiên chúng ta tiếp tục sản xuất hàng triệu điều thuốc lá, hàng triệu mét vải, hàng triệu bóng đèn, bao diêm, gạch hoặc bugi. Chắc chắn chúng ta sẽ tiếp tục làm như thế trong một khoảng thời gian nữa. Thế nhưng đây là sản phẩm của những nền công nghiệp lạc hậu hơn là những nền công nghiệp tiên tiến, và ngày nay chúng chỉ chiếm chừng 5% số hàng hóa được sản xuất.

Ở Nhật, Đức, Mỹ và ngay cả ở Liên Xô, trong những ngành như sản xuất đồ điện, hóa chất, kỹ thuật không gian, điện tử, xe ô tô chuyên dụng, thông tin v.v... chúng ta thấy khuynh hướng tiến về phi đại chúng hóa được phát triển. Tại các công ty Western Electric, Hewlett Packard, IBM, Polaroid, Mc Donnell Douglas, Geural Electric ở Mỹ, công ty Plessey và ITT ở Anh, công ty Siemens ở Đức, công ty Ericsson ở Thụy Điển, người ta thấy rõ có sự dịch chuyển về sản xuất số lượng ít và sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng. Ở Na Uy, nhóm Aker đã chế tạo 45% số tàu cho cả nước, chuyển sang chế tạo thiết bị khai thác dầu mỏ ngoài khơi. Tức là chuyển từ "sản xuất hàng loạt" tàu bè sang sản xuất sản phẩm dùng ngoài khơi từng cái một.

Trong ngành hóa chất, công ty Exxon đang sản xuất số lượng ít các sản phẩm plastic về ống dẫn, panô, lớp ván ngoài dàn khung v.v... Một số lượng nhỏ rất nhỏ sản phẩm về paramin giống như sản xuất sữa cho chuột.

Trong công nghiệp quốc phòng, hầu hết mọi người vẫn nghĩ là sản xuất hàng loạt, nhưng thực tế là “không hàng loạt”. Chúng ta thấy hàng triệu bộ quân phục, mũ sắt, súng giống nhau. Thế nhưng những nhu cầu quân sự hiện đại lại không phải sản xuất hàng loạt. Máy bay phản lực chiến đấu có thể được sản xuất từ mười đến mười chiếc cùng một lúc. Mỗi chiếc có thể khác nhau một ít tùy theo mục đích và quân binh chủng. Và với những đơn đặt hàng nhỏ như thế, nhiều linh kiện trong máy bay cũng được sản xuất với số lượng nhỏ.

Ngay cả trong những ngành mà các thành phần vẫn còn được sản xuất hàng loạt với số lượng rất lớn, các thành phần được chế tạo dưới nhiều dạng khác nhau, và như thế các thành phần này được chế tạo với số lượng nhỏ. Các nhà sản xuất ô tô ở châu Âu, Mỹ và Nhật đang sản xuất hàng loạt các thành phần và các bộ phận phụ, sau đó lắp ráp chúng lại với nhau bằng hàng nghìn cách. Một thí dụ khác là áo phông ngắn tay. Áo này được sản xuất hàng loạt, những kỹ thuật in chữ trên áo lại làm cho có thể in vài chục cái áo bằng một hình ảnh này, in vài chục cái áo khác bằng dòng chữ kia v.v... Ô tô, áo phông ngắn tay và các loại sản phẩm khác biểu thị giai đoạn quá độ giữa sản xuất hàng

loạt và sản xuất không hàng loạt.

Dĩ nhiên bước tiếp theo là hoàn toàn vì khách hàng, nghĩa là sản xuất mỗi loại đơn chiếc. Và đây là hướng mà chúng ta đang tiến đến: sản phẩm sản xuất riêng cho mỗi người dùng. Sự dịch chuyển về phục vụ khách hàng được chứng minh rõ ràng nhất trong ngành may mặc với việc đưa máy cắt lade điều khiển bằng máy tính điện tử.

Những gì chúng ta đang nhìn thấy là sản xuất theo yêu cầu khách hàng trên cơ sở công nghệ cao chứ không phải như thời đại tiền công nghiệp. Đó chính là sự tái lắp đặt hệ thống sản xuất thịnh hành trước cuộc cách mạng công nghiệp, nhưng bây giờ được xây dựng trên cơ sở nền công nghệ tiên tiến nhất và phức tạp nhất. Giống như chúng ta đang phi đại chúng hóa thông tin đại chúng, chúng ta đang phi sản xuất hàng loạt sự sản xuất.

HIỆU ỨNG NHỊP RẤT NHANH

Khi một số công nghệ chuyển từ sản xuất hàng loạt sang sản xuất từng đợt nhỏ, một số công nghệ khác đã vượt quá khỏi điều đó tiến về cách sản xuất theo yêu cầu khách hàng hoàn toàn trên cơ sở thường xuyên. Thay vì bắt đầu sản xuất và ngừng sản xuất vào lúc bắt đầu và kết thúc của mỗi lần chạy máy ngắn, các nền công nghiệp đang tiến đến giai đoạn mà máy móc tự khởi động lại ngay từ đầu, do đó mỗi sản phẩm đầu ra đều khác nhau tiếp tục xuất ra không ngừng. Tóm lại, chúng ta đang tiến về việc khách hàng hóa máy móc trên

162

cơ sở liên tục 24 giờ một ngày.

Một sự thay đổi có ý nghĩa khác đưa khách hàng trực tiếp vào quy trình sản xuất. Trong một số ngành công nghiệp, công ty, khách hàng cung cấp chỉ tiêu trực tiếp vào máy tính của công ty sản xuất để kiểm soát đường dây sản xuất. Khi quy trình này trở thành phổ biến, khách hàng sẽ gia nhập quy trình sản xuất đến nỗi rất khó nói ai là người tiêu thụ ai là người sản xuất.

Sau cùng, trong khi sản xuất của Làn sóng thứ hai là thuộc về Đêcátơ theo nghĩa các sản phẩm được chia ra thành từng bộ phận, sau đó được lắp ráp cẩn thận, sản xuất của Làn sóng thứ ba là hậu Đêcátơ hoặc theo khối. Ví dụ trước đây đồng hồ đeo tay gồm hàng trăm bộ phận, bây giờ đồng hồ điện tử chỉ gồm một khối độc nhất chạy chính xác hơn. Tương tự như thế với máy vi tính, máy đánh chữ, máy chụp ảnh tự động...

Bằng việc can thiệp vào mức phân tử, bằng việc sử dụng máy tính để lập kế hoạch, bằng những công cụ sản xuất tiên tiến khác, chúng ta hợp nhất ngày càng nhiều chức năng vào các phần ngày càng ít đi, thay thế khối cho nhiều linh kiện rời. Những gì đang xảy ra có thể được so sánh với sự xuất hiện của nhiếp ảnh trong nghệ thuật hình ảnh. Thay vì tạo ra bức tranh bằng cách bôi các màu sơn lên vải vẽ, nhà nhiếp ảnh tạo ra toàn bộ hình ảnh bằng cách bấm một cái nút. Chúng ta đang chứng kiến "hiệu ứng nhịp rất nhanh" này trong sản xuất.

Do đó, dạng mô hình rất rõ ràng. Những thay

đổi rộng lớn trong môi trường công nghiệp và môi trường tin tức đã hội tụ để thay đổi cái cách mà chúng ta làm ra hàng hóa. Chúng ta đang nhanh chóng vượt qua sản xuất hàng loạt và sản xuất đơn chiếc. Mục tiêu cuối cùng của cố gắng này là rõ ràng: hàng hóa hoàn toàn theo yêu cầu của khách hàng, được thực hiện theo quy trình liên tục và theo khối toàn thể, dưới sự kiểm soát trực tiếp của người tiêu dùng.

CÁI CHẾT CỦA NGHỀ THƯ KÝ

Trong các quốc gia giàu có, khi lực lượng công nhân trực tiếp sản xuất giảm đi thì càng có nhiều người được cần đến để sản xuất tư tưởng, công thức toán học, kế hoạch tổ chức, hồ sơ, tư liệu, nghiên cứu thị trường, chào hàng, thư từ, sơ đồ, chỉ tiêu kỹ thuật, chương trình máy tính v.v... Việc gia tăng này trong hoạt động bàn giấy, kỹ thuật và hành chính trở thành phổ biến rộng rãi ở nhiều nước nên không cần những thống kê để làm rõ vấn đề. Một số nhà xã hội học đã nắm bắt quan điểm trừu tượng này về sản xuất như là bằng chứng về việc xã hội đã tiến vào giai đoạn “hậu công nghiệp”.

Sự việc thực ra phức tạp hơn nhiều. Vì sự phát triển lực lượng viên chức có thể được hiểu như là sự mở rộng chủ nghĩa công nghiệp chứ không phải là một bước nhảy đến hệ thống mới. Trong khi đúng là công việc trở nên trừu tượng hơn và ít cụ thể hơn, những văn phòng hiện nay mà trong đó

164

công việc đang được thực hiện là những mô hình của nhà máy Làn sóng thứ hai với những đặc tính như công việc được chia nhỏ, lặp đi lặp lại, buồn chán và không có tính con người. Ngay cả ngày nay, việc tổ chức lại các văn phòng chỉ là sự cố gắng làm văn phòng giống nhà máy hơn.

Trong “biểu tượng - nhà máy” này, nền văn minh Làn sóng thứ hai cũng đã tạo ra một hệ thống đẳng cấp giống nhà máy. Lực lượng lao động nhà máy được chia thành công nhân và viên chức. Văn phòng cũng chia thành loại “trừu tượng cao” và “trừu tượng thấp”. Ở mức trừu tượng cao, chúng ta thấy có các nhà khoa học, kỹ sư, quản lý mà hầu hết thời gian là họp hành, hội thảo hoặc thảo vấn bản, gọi điện thoại, ghi nhanh những điều cần phải làm và trao đổi tin tức. Một thăm dò gần đây cho thấy 80% thời gian của các nhà quản lý là thực hiện khoảng 150 đến 300 lượt “giao dịch tin tức” hàng ngày.

Ở mức trừu tượng thấp, chúng ta thấy có loại “vô sản viên chức” giống như công nhân nhà máy, họ phải thực hiện những công việc đơn giản và thường xuyên hàng ngày. Hầu hết họ là phụ nữ và không gia nhập công đoàn. Toàn bộ đẳng cấp và cấu trúc của văn phòng sẽ bị đảo lộn.

Cuộc cách mạng Làn sóng thứ ba trong văn phòng là kết quả của một số lực lượng va chạm với nhau. Nhu cầu tin tức đã bùng nổ đến mức không có lực lượng thư ký, đánh máy Làn sóng thứ hai nào có thể thích nghi nổi. Thêm vào đó, giá thành công việc giấy tờ tăng quá cao nên cần phải có

phương pháp để kiểm soát nó. Năng suất làm việc văn phòng chỉ tăng 4% trong thập kỷ qua.

Trong khi đó giá máy tính giảm đi rất nhanh nếu so với chức năng máy tính thực hiện. Trong 15 năm qua, đầu ra máy tính tăng 10.000 lần và giá thành chức năng giảm 100.000 lần. Một mặt, do giá thành tăng và năng suất công việc văn phòng dừng lại, mặt khác sự phát triển máy tính đã tạo ra một kết quả giống như “cuộc động đất về chữ”. Biểu tượng chính của sự biến động này là một loại thiết bị điện tử được gọi là “máy xử lý chữ” nó còn được gọi là “máy đánh chữ thông minh” hoặc “máy soạn thảo văn bản”. Máy này là một trong những nền công nghiệp mới, nó sẽ tràn ngập thế giới văn phòng.

Lấy một ví dụ về liên lạc thư từ trong một văn phòng Làn sóng thứ hai, khi một người quản lý gửi một bức thư, thư ký được gọi vào để viết theo ý của lãnh đạo. Sau đó bức thư được sửa chữa để loại bỏ sai lầm và có thể được đánh máy đi đánh máy lại. Sau khi bản cuối cùng được duyệt thì bản chính được sao chụp để lưu trữ và bản chính được gửi đi. Nếu không tính đến bước đầu tiên là ghi ý lãnh đạo, thì cần 5 bước rõ ràng để gửi đi một bức thư và bản sao được lưu trữ. Ngày nay, máy móc thực hiện 5 bước đó đồng thời cùng một lúc.

Hiện nay song song với việc tự động hóa văn phòng là hệ thống bưu chính điện tử dựa trên máy têlétíp, máy FAX, máy xử lý chữ và máy tính. Và nhờ sự phát triển hệ thống vệ tinh mà mỗi công ty có thể có hệ thống bưu chính riêng của họ, không cần thông qua hệ thống bưu chính Nhà nước. Khi

hệ thống nhận dạng tiếng nói được hoàn chỉnh thì công việc đánh máy cũng không cần đến nữa.

Khi hệ thống văn phòng của Làn sóng thứ ba va chạm với hệ thống văn phòng của Làn sóng thứ hai, nó sẽ sinh ra lo lắng và xung đột, đòi hỏi phải tổ chức lại và cấu trúc lại, những nghề mới và cơ hội mới sẽ xuất hiện. Những hệ thống mới này sẽ thách đố đẳng cấp quản trị cũ, hệ thống cấp bậc, vai trò giới tính và ranh giới các văn phòng của quá khứ. Nó cũng gây nên nhiều lo lắng như hàng triệu việc làm sẽ biến mất, và các nhà quản trị không thể tự ra quyết định nữa mà phải chia sẻ cho máy móc trách nhiệm ra quyết định. Điều đó có nghĩa là có viên chức cao cấp nhờ máy móc mà đi lên song cũng có người bị loại bởi máy móc.

Vậy thì việc gì đã xảy ra với những người này và với nền kinh tế nói chung? Cuối những năm 50 và đầu những năm 60 của thế kỷ XX, khi tự động hóa bắt đầu phát triển, các nhà kinh tế và các nhà công đoàn đã dự báo rằng sẽ có sự thất nghiệp ào ạt. Song, tình hình diễn ra trái hẳn dự báo, việc làm trong các nước công nghiệp cao phát triển mạnh. Vì mặc dù khu vực sản xuất lại bị suy tàn nhưng khu vực viên chức và dịch vụ lại phát triển. Thế nhưng việc gì sẽ xảy ra nếu cả khu vực sản xuất và khu vực văn phòng đều sa sút cả hai, công việc của ngày mai sẽ đến từ đâu?

Không ai biết được điều đó. Những dự báo và những bằng chứng thường mâu thuẫn với nhau. Những cố gắng để liên hệ việc đầu tư trong cơ khí hóa và tự động hóa với mức độ việc làm trong

ngành sản xuất cho thấy hầu như chẳng có sự tương quan. Từ năm 1963 đến 1973, nước Nhật đã đầu tư cao vào nền công nghệ mới, và nó cũng có mức phát triển cao nhất trong việc làm. Nước Anh đầu tư thấp trong nền công nghệ mới cho thấy việc làm bị mất nhiều nhất. Nước Mỹ có cùng kinh nghiệm như Nhật, nghĩa là cả công nghệ và việc làm mới đều tăng.

Rõ ràng là mức độ việc làm không phải là sự phản ánh của phát triển công nghệ. Nó không phải là vấn đề tăng hay giảm việc làm do tự động hóa hoặc không tự động hóa. Việc làm là kết quả rõ ràng của nhiều chính sách hội tụ. Những áp lực về thị trường lao động có thể tăng đáng kể trong những năm sắp đến. Nhưng sẽ rất ngây thơ nghĩ rằng nhà nước là nguồn gốc của hiện tượng đó.

Những gì chắc chắn khiến cho cả văn phòng lẫn nhà máy sẽ bị cách mạng hóa trong những thập kỷ sắp đến? Hai cuộc cách mạng trong khu vực hành chính và khu vực sản xuất sẽ tạo ra phương thức sản xuất mới cho xã hội, nghĩa là một bước khổng lồ cho nhân loại. Nó sẽ tạo ra những sự phức tạp không thể diễn ra được. Nó sẽ ảnh hưởng không chỉ đến những mặt như mức độ việc làm và cấu trúc công nghiệp, mà còn đến cả sự phân bố quyền lực kinh tế và chính trị, độ lớn của các đơn vị làm việc, sự phân công lao động quốc tế, vai trò của phụ nữ trong kinh tế, tính chất công việc, và sự chia tách người sản xuất và người tiêu thụ. Nó sẽ thay đổi một sự việc dường như rất đơn giản là công việc được làm “ở đâu”.

Chương mười sáu

NGÔI NHÀ ĐIỆN TỬ

Ngoài việc khuyến khích các đơn vị làm việc nhỏ hơn, ngoài việc phân quyền và phi đô thị hóa sản xuất, ngoài việc thay đổi tính chất hiện nay khỏi nhà máy và văn phòng để đưa chúng về lại chỗ bắt đầu: ngôi nhà ở. Nếu việc này xảy ra, mỗi thiết chế mà chúng ta biết từ gia đình đến trường học và công ty sẽ bị biến đổi.

Nhìn cảnh người nông dân cày cấy trên cánh đồng 300 năm trước đây, chỉ người diên mới mơ đến chuyện cánh đồng bớt người làm việc, người ta chen chúc nhau trong các nhà máy đô thị để kiếm sống. Và chỉ người diên mới là đúng. Ngày nay sẽ rất can đảm để đề nghị rằng những nhà máy và văn phòng lớn nhất của chúng ta có thể bị trống rỗng bớt đi một nửa, được biến thành nhà kho hoặc nhà ở. Thế nhưng chính xác đó là điều mà phương thức sản xuất mới sẽ tạo ra: việc quay trở lại công nghiệp gia đình trên cơ sở điện tử, cao hơn và hiện đại cùng với điều đó là sự nhấn mạnh về ngôi nhà là trung tâm xã hội.

Việc hàng triệu người chúng ta sẽ làm việc ở nhà chứ không phải ở văn phòng hoặc nhà máy sẽ gây ra ngay lập tức sự phản đối dữ dội. Và có

nhiều lý do để nghi ngờ. Như “người ta không muốn làm việc ở nhà ngay cả khi họ có thể. Hãy nhìn phụ nữ đấu tranh để ra khỏi nhà và đi làm”, “làm thế nào làm việc được khi trả còn chạy xung quanh?”, “người ta sẽ không tích cực nếu không có thủ trưởng giám sát họ”, “người ta cần tiếp xúc trực tiếp với người khác để phát triển sự tin cậy để làm việc với nhau” v.v... Ngay cả Các Mác cũng không đồng ý. Ông tin rằng làm việc ở nhà là một phương thức sản xuất phản động bởi vì “sự tích tụ lại trong một nhà máy là điều kiện cần thiết cho sự phân công lao động trong xã hội”. Nói tóm lại, đã có và đang có nhiều lý do xem đó là ngớ ngẩn.

LÀM VIỆC Ở NHÀ

Thế nhưng cũng có lý do chính đáng để tin 300 năm trước đây người ta không bao giờ nghĩ tới việc ra khỏi nhà và cánh đồng để làm việc trong nhà máy. Họ đã làm việc trong nhà riêng của họ và trên cánh đồng hơn 10.000 năm chứ không phải chỉ 300 năm. Toàn bộ cấu trúc cuộc sống gia đình, quy trình nuôi dạy con và sự hình thành cá tính, toàn bộ hệ thống sở hữu và quyền lực, văn hóa, chiến đấu hàng ngày để tồn tại, tất cả đều gắn với gia đình và đất đai bằng hàng ngàn sợi dây vô hình. Thế nhưng những sợi dây này đã bị phá tan trong một thời gian ngắn khi phương thức sản xuất mới xuất hiện.

Ngày nay lại xảy ra việc đó lần nữa, và toàn bộ các lực lượng xã hội và kinh tế đang tụ hội để

chuyển địa điểm làm việc.

Cách sản xuất tiên tiến hơn của Lò sóng thứ ba làm giảm số công nhân sản xuất hàng hóa. Điều này có nghĩa là ngay cả trong khu vực sản xuất, số lượng việc làm gia tăng có thể được thực hiện bất kỳ nơi nào, ngay cả trong phòng khách của nhà riêng. Đây không phải là khoa học viễn tưởng. Ở Mỹ, các công ty Western Electric, Hewlett - Packard, Ortho Pharmaceutical đã cho phép 35% đến 50% nhân công của họ làm việc tại nhà. Cách sản xuất của Lò sóng thứ ba không yêu cầu 100% lực lượng lao động phải tập trung ở nhà máy.

Nếu một số lượng đáng kể công nhân trong khu vực sản xuất có thể làm việc ở nhà thì dám nói chắc rằng số người đáng kể của khu vực hành chính cũng có thể làm việc tại nhà. Thực vậy, một số lượng lớn công việc được làm ở nhà với những người như người chào hàng làm việc bằng cách gọi điện thoại hoặc viếng thăm khách hàng, thỉnh thoảng họ mới đến văn phòng, như các kiến trúc sư và nhà thiết kế, các nhà cố vấn cho các công ty, các bác sĩ nội khoa hoặc tâm lý, các thầy giáo dạy nhạc và ngoại ngữ, các nhà buôn nghệ thuật, cố vấn đầu tư, nhân viên bảo hiểm, luật sư, nhà khoa học, và những người làm nghiệp vụ, kỹ thuật...

Hơn thế nữa, khả năng làm việc ở nhà được mở rộng một cách đáng kể nếu lắp đặt những thiết bị công nghệ mới cho "trạm làm việc ở nhà như máy xử lý chữ, máy đánh chữ thông minh, máy fax, máy tính và máy hội nghị viễn thông. Nếu được cung cấp những thiết bị như thế, ai sẽ là

những người đầu tiên chuyển việc làm từ cơ quan về “ngôi nhà điện tử”? Sẽ rất sai lầm nếu đánh giá thấp nhu cầu tiếp xúc trực tiếp trong kinh doanh, kể cả những thông tin tiềm thức mà không bằng lời nói đi cùng với sự tiếp xúc đó, thế nhưng cũng đúng là một số công việc không hề đòi hỏi một sự tiếp xúc nào với bên ngoài.

Như thế những người làm việc văn phòng “trừu tượng thấp” thường thực hiện những nhiệm vụ như cho số liệu vào máy tính, đánh máy, lấy số liệu ra, xếp các cột hoặc hình ảnh, chuẩn bị hóa đơn... thì họ cần rất ít sự tiếp xúc trực tiếp. Họ có thể được chuyển về làm trong ngôi nhà điện tử của họ. Những người làm việc “trừu tượng cao” như các nhà nghiên cứu, nhà kinh tế, nhà thảo chính sách, nhà thiết kế tổ chức, cần cả thời gian tiếp xúc với người thường và đồng nghiệp cũng như là thời gian làm việc một mình.

Nói tóm lại, khi Làn sóng thứ ba quét qua xã hội, càng ngày càng có nhiều công ty với nhiều người túm tụm xung quanh máy tính. Đặt máy tính vào nhà của họ thì họ không cần phải túm tụm nữa. Những người làm công việc hành chính Làn sóng thứ ba giống như nên sản xuất Làn sóng thứ ba không yêu cầu 100% lực lượng lao động tập trung ở nơi làm việc.

Cũng không nên đánh giá thấp những khó khăn đi theo việc chuyển nơi làm việc của Làn sóng thứ hai là ở nhà máy và văn phòng về nơi làm việc của Làn sóng thứ ba là ở nhà. Những vấn đề động cơ thúc đẩy, quản lý, tổ chức công ty và xã hội sẽ làm sự

dịch chuyển kéo dài và có thể rất đau khổ. Thông tin cũng không thay thế được hết mọi công việc. Một số công việc, đặc biệt đối với những công việc liên quan đến sự trao đổi sáng tạo với mỗi quyết định hoàn toàn đột xuất, thì việc tiếp xúc trực tiếp rất cần thiết.

NHỮNG NGƯỜI LÀM VIỆC VIỄN THÔNG

Những lực lượng hùng hậu đang hội tụ để đẩy mạnh mô hình ngôi nhà điện tử. Kết quả kinh tế rõ ràng nhất đối với việc làm ở nhà có liên quan đến giao thông và viễn thông. Hầu hết các quốc gia công nghiệp tiên tiến đang chịu sự khủng hoảng giao thông, với hệ thống giao thông công cộng làm việc căng thẳng, đường sá và đường cao tốc luôn bị tắc, chỗ đỗ xe thiếu, ô nhiễm là vấn đề nghiêm trọng, đình công và bãi công trở thành cơm bữa, giá cả tăng vọt.

Người làm việc phải chịu sự tăng giá của việc đi lại hàng ngày. Những giá tăng này được công ty bù chênh lệch bằng lương và đến lượt người tiêu dùng phải trả cho sự chênh lệch giá này. Một số công ty đã tính giá thành và năng lượng tiêu thụ cho nhân viên của họ đi làm hàng ngày. Với số người là 2.048 thì các công ty phải bù chênh lệch là 2.730.000 đô la cho tiền đi làm hàng ngày. Cũng cùng thống kê cho thấy một nhân viên đi làm hàng ngày tiêu thụ trung bình 64,4 KW năng lượng về dầu xăng. Trong khi đó một máy tính tiêu thụ chừng 100 đến 125W khi sử dụng, một máy điện

thoại tiêu thụ chừng 1W. Thống kê cho thấy tỉ số năng lượng tiêu thụ dùng để đi lại so với năng lượng tiêu thụ dùng hệ thống viễn thông là 29:1 nếu dùng ô tô riêng, 11:1 nếu cơ quan tổ chức chuyên chở và 2:1 nếu sử dụng hệ thống chuyên chở công cộng. Sử dụng thống kê trên để tính toán thì nước Mỹ có thể tiết kiệm 75 triệu thùng dầu năm 1975.

So với giá xăng dầu và giá năng lượng nói chung tăng trong những thập kỷ sắp đến, thì giá thành và giá năng lượng để vận hành máy xử lý chữ, máy Fax, máy điện thoại có hình ảnh, máy Computơ sẽ rất rẻ, và như thế tổng số năng lượng tiêu thụ dùng để đi lại so với năng lượng tiêu thụ để dùng hệ thống viễn thông càng tăng lên, ít nhất trong một số lĩnh vực sản xuất đang bị Làn sóng thứ hai thống trị.

Các công ty và Nhà nước nhận thấy rằng cho làm việc ở nhà có thể làm giảm nhiều số tiền chi phí và bất động sản. Nơi sản xuất và văn phòng càng nhỏ bao nhiêu thì tiền bất động sản càng ít bấy nhiêu, và chi phí, về làm nóng, làm mát, thấp sáng, bảo quản và bảo hiểm cũng càng ít bấy nhiêu.

Việc chuyển sang làm việc tại nhà và giảm đi lại hàng ngày cũng sẽ làm giảm ô nhiễm và do đó làm bớt chi phí cho việc làm trong sạch môi trường. Các nhà môi trường học càng thành công trong việc phạt các công ty làm ô nhiễm môi trường thì các công ty càng có lý do chuyển đổi sang những hoạt động ít ô nhiễm, và do đó họ có thể phân tán

chỗ làm việc lớn và tập trung thành những nơi làm việc nhỏ hơn.

Những nhân tố xã hội cũng giúp cho sự làm việc ở nhà. Nếu làm việc 8 giờ ở cơ quan thì người ta sẵn sàng ngồi xe một giờ để đi làm, nhưng nếu giờ làm việc giảm bớt đi thì ít có người chịu ngồi xe một giờ để đến cơ quan như thế. Vì như thế quy trình đi lại là quá vô lý và gây ra sự khó chịu. Người làm việc sẵn sàng chấp nhận lương ít hơn nhưng đỡ đi lại hơn là lương cao hơn nhưng thời gian đi đến cơ quan dài với nhiều bất tiện trên đường đi làm gây ra. Một lần nữa có lý do chính đáng để ủng hộ cho sự làm việc ở nhà.

Sau cùng, những thay đổi giá trị sâu đậm đang đi về cùng hướng, chúng ta đang chứng kiến sự di chuyển cơ bản trong thái độ đối với đơn vị gia đình. Gia đình hạt nhân là kiểu gia đình Làn sóng thứ hai đang bị khủng hoảng. Đang có khuynh hướng gắn chặt gia đình lại với nhau để cùng chia sẻ cùng một việc làm. Có những dấu hiệu cho thấy vợ chồng làm việc chung với nhau thì tỉ lệ li dị thấp hơn. Ngôi nhà điện tử có thể làm tăng khả năng chồng, vợ và có thể có cả con cái làm việc chung với nhau như là một đơn vị cơ sở. Trong tương lai, người làm việc có thể đấu tranh để được quyền làm việc ở nhà.

XÃ HỘI VỚI NHÀ LÀ TRUNG TÂM

Nếu ngôi nhà điện tử được phát triển, một loạt các hậu quả quan trọng sẽ ảnh hưởng đến xã

hội.

Ảnh hưởng đến cộng đồng: Làm việc ở nhà liên quan đến bất kỳ số lượng dân cư nào cũng sẽ giúp cho sự ổn định cộng đồng nhiều hơn. Nếu những người làm việc có thể thực hiện một số hoặc tất cả nhiệm vụ của họ ở nhà, họ không cần phải đi lại nhiều trong giờ làm việc, như hiện nay. Điều này có nghĩa là sự cơ động bắt buộc ít hơn, ít stress cho cá nhân hơn, ít mối quan hệ tạm thời hạn, và sự tham gia vào cộng đồng nhiều hơn.

Ảnh hưởng môi trường: Thay vì tập trung năng lượng cho các văn phòng hoặc nhà máy lớn, nghĩa là phải tạo ra nguồn năng lượng tập trung cao, hệ thống ngôi nhà điện tử sẽ phân tán nhu cầu năng lượng và do đó dễ dàng sử dụng mặt trời, gió và các công nghệ năng lượng khác. Các thiết bị tạo ra năng lượng quy mô nhỏ cho mỗi nhà có thể thay thế cho các năng lượng tập trung lớn hiện nay. Điều này có nghĩa là ô nhiễm bị giảm đi, vì việc chuyển sang các nguồn năng lượng phục hồi được trên cơ sở quy mô nhỏ làm giảm nhu cầu nhiên liệu ô nhiễm cao, và làm giảm chất gây ô nhiễm môi trường ở một vài nơi.

Ảnh hưởng kinh tế: Trong một hệ thống như thế, một số ngành kinh doanh sẽ bị suy giảm và một ngành khác lại phát triển. Rõ ràng, ngành điện tử, máy computơ và ngành viễn thông sẽ phát triển mạnh. Ngược lại các công ty dầu mỏ, công nghệ ô tô, ngành bất động sản sẽ bị ảnh hưởng nặng. Ngành máy vi tính và tin học sẽ tăng nhanh, trong khi đó ngành bưu điện sẽ bị suy thoái.

Ở mức độ cao hơn, nếu cá nhân sở hữu các thiết bị điện tử của riêng họ, có thể họ trở thành những người làm việc độc lập chứ không phải là nhân viên theo kiểu truyền thống, điều này có nghĩa là họ sở hữu “phương tiện sản xuất”. Chúng ta có thể thấy các nhóm những người làm việc ở nhà tự họ tổ chức thành các công ty nhỏ. Tất cả các loại hình thức quan hệ là tổ chức mới đều có thể.

Ảnh hưởng tâm lý: Hình ảnh của một thế giới việc làm phụ thuộc vào biểu tượng trừu tượng gọi lên một môi trường việc làm trí óc xa lạ với chúng ta, và ở một mức độ nào đó là khách quan hơn bây giờ. Nhưng ở mức độ khác, làm việc ở nhà cho thấy sự tăng lên về các mối quan hệ trực tiếp và tình cảm cả ở trong nhà và láng giềng.

Nhiều người sẽ làm việc ở nhà một thời gian sau đó làm việc ở ngoài một thời gian. Các trung tâm làm việc phân tán chắc chắn sẽ nảy nở khắp nơi. Dạng lãnh đạo và quản lý phải thay đổi. Các công ty nhỏ sẽ phát triển để ký hợp đồng những nhiệm vụ hành chính với các công ty lớn và chịu trách nhiệm về tổ chức, đào tạo, quản lý đội ngũ và những người làm việc ở nhà. Cũng chắc chắn còn có một số vấn đề chúng ta cần phải giải quyết như: việc gì sẽ xảy ra cho xã hội khi mối quan hệ trong công việc làm tạm thời và mối quan hệ tình cảm là thật khi ở nhà? Các thành phố sẽ ra sao? Việc gì sẽ xảy ra cho những con số thất nghiệp? Trong một hệ thống như thế, thì từ “có việc làm” và “thất nghiệp” có ý nghĩa gì? Sẽ rất ngây thơ nếu loại bỏ những câu hỏi và vấn đề như thế.

Ngày nay chúng ta không biết rằng làm việc ở nhà sẽ trở thành tiêu chuẩn trong tương lai hay không. Tuy nhiên, nếu dám thực hiện 10 đến 20% lực lượng lao động làm việc ở nhà trong các thập kỷ sắp đến, toàn bộ nền kinh tế của chúng ta, thành phố của chúng ta, sinh thái của chúng ta cấu trúc gia đình của chúng ta, các giá trị của chúng ta và ngay cả chính trị của chúng ta sẽ bị thay đổi vượt quá sự hiểu biết của chúng ta.

Chương mười bảy

GIA ĐÌNH CỦA TƯƠNG LAI

Trong thời gian đại khủng hoảng năm 1930, hàng triệu người bị mất việc làm. Thất nghiệp không phải là kết quả của sự lười biếng cá nhân hoặc sự thất bại đạo đức mà là kết quả của những lực lượng khổng lồ ngoài sự kiểm soát của cá nhân. Sự phân phối giàu có không công bằng, đầu tiên thiên cận, đầu cơ, chính sách kinh doanh ngu xuẩn, Chính phủ không có khả năng, tất cả những điều đó gây ra thất nghiệp chứ không phải do nhược điểm của người bị sa thải.

Ngày nay, một lần nữa gia đình bị đập vỡ giống như vỏ trứng. Tuy nhiên, lần này tội lỗi do từ sự rạn nứt của gia đình chứ không phải từ kinh tế. Khi hàng triệu người chịu sự đổ vỡ của hôn nhân, họ cảm thấy đau khổ. Và một lần nữa, hầu hết tội lỗi quy không đúng chỗ. Đối với một số người có liên quan, sự đổ vỡ của gia đình họ có thể phản ánh những thất bại cá nhân. Nhưng khi li dị, li thân, và những dạng khác về tai họa gia đình xảy ra cho hàng triệu người cùng một lúc ở nhiều nước, thì rất vô lý rằng đó là lý do đơn thuần cá nhân.

Sự đổ vỡ của gia đình ngày nay là một phần của cuộc khủng hoảng chung của chủ nghĩa công

nghiệp, sự sụp đổ của tất cả các thiết chế do Làn sóng thứ hai sinh ra. Đó là một bộ phận dọn đường cho môi trường xã hội Làn sóng thứ ba. Và đây là một quá trình tác động đến cuộc sống cá nhân của chúng ta, nó gây đau khổ cho mọi người và thay đổi hệ thống gia đình đến mức kỳ lạ. Ngày nay chúng ta thường nghe thấy rằng “gia đình” đang bị tan rã hoặc rằng “gia đình” là vấn đề số một. Các nhà truyền giáo, các Thủ tướng, báo chí... đều nói như nhau. Tuy nhiên, khi họ nói về “gia đình”, họ không muốn nói tất cả các dạng gia đình mà là một kiểu gia đình đặc biệt: gia đình Làn sóng thứ hai. Họ cho rằng người chồng là người kiếm sống, người vợ là người nội trợ và một vài đứa con. Trong khi có nhiều loại gia đình khác hiện hữu, đây là dạng gia đình đặc biệt - gia đình hạt nhân - mà nền văn minh Làn sóng thứ hai đã lý tưởng hoá. Loại gia đình này đã trở thành mô hình tiêu chuẩn đã được thế giới chấp nhận vì cấu trúc của nó hoàn toàn phù hợp với những nhu cầu xã hội sản xuất hàng loạt, với những giá trị và cách sống đã được phân phối rộng rãi, với quyền lực đẳng cấp và quan liêu, và với sự phân chia rõ ràng giữa cuộc sống gia đình với cuộc sống làm việc.

CHIẾN DỊCH ỦNG HỘ GIA ĐÌNH HẠT NHÂN

Nếu chúng ta thật sự muốn lập lại gia đình hạt nhân theo cách thống trị cũ của nó, thì chúng ta cần phải làm một số việc sau đây:

1. Duy trì tất cả công nghệ trong giai đoạn

Lần sóng thứ hai cho một xã hội sản xuất hàng loạt và dựa trên mô hình nhà máy. Phá huỷ máy computơ, vì máy computơ là một mối đe dọa cho gia đình Lần sóng thứ hai. Gia đình hạt nhân cần hệ thống sản xuất hàng loạt để duy trì sự thống trị của nó, và máy computơ đang đưa chúng ta vượt qua kiểu sản xuất hàng loạt đó.

2. Trợ cấp sản xuất và phong tỏa sự tăng khu vực dịch vụ trong kinh tế. Những người làm việc kỹ thuật, nghiệp vụ và hành chính dễ thích nghi với cái mới hơn, ít có thời gian quan tâm đến gia đình, năng động về trí thức và tâm lý hơn công nhân. Tỷ lệ ly dị tăng cùng với sự tăng các nghề dịch vụ.

3. Giải quyết khủng hoảng năng lượng bằng việc sử dụng hạt nhân và những quy trình năng lượng tập trung cao khác. Gia đình hạt nhân phù hợp với xã hội tập trung hơn là xã hội phân tán, và hệ thống năng lượng ảnh hưởng mạnh mức độ tập trung xã hội và chính trị.

4. Cấm tất cả các loại thông tin phi đại chúng hóa bên cạnh hệ thống ti vi cáp và cassette, chúng ta không nên xem thường các tạp chí địa phương và khu vực. Các gia đình hạt nhân chỉ hoạt động tốt ở nơi nào có sự đồng tâm nhất trí quốc gia về thông tin và giá trị, chứ không ở xã hội dựa trên sự đa dạng cao.

5. Bắt buộc phụ nữ quay về với bếp núc. Giảm lương của phụ nữ đến mức tối thiểu và làm cho phụ nữ luôn luôn bị bất lợi trong lực lượng lao động. Gia đình hạt nhân sẽ không có nhân khi

không có người lớn ở nhà.

6. Cắt bớt lương của thanh niên để làm họ phụ thuộc vào gia đình lâu dài hơn, và như thế là làm cho họ ít độc lập về tâm lý hơn. Gia đình hạt nhân bị phá vỡ khi thanh niên thoát khỏi sự kiểm soát của gia đình để đi làm việc.

7. Cấm việc ngừa thai và cấm nghiên cứu sinh học sinh sản. Vì những điều đó làm cho phụ nữ độc lập với sự ràng buộc của gia đình hạt nhân.

8. Giảm mức sống của toàn bộ xã hội xuống mức trước năm 1955, vì sự thịnh vượng sẽ giúp cho người độc thân, người ly dị, phụ nữ làm việc và những cá nhân không bị ràng buộc có thể tự kiếm sống. Gia đình hạt nhân cần sự nghèo khổ để giữ cho nó tồn tại.

9. Sau cùng chống lại tất cả những thay đổi trong chính trị, nghệ thuật, giáo dục, kinh doanh v.v... dẫn đến sự đa dạng, tự do tư tưởng, tự do cá nhân. Gia đình hạt nhân chỉ thống trị trong xã hội đại chúng.

LỐI SỐNG CỦA GIA ĐÌNH KHÔNG HẠT NHÂN

Làn sóng thứ ba xuất hiện không có nghĩa là chấm dứt gia đình hạt nhân, cũng giống như sự xuất hiện của Làn sóng thứ hai đã không có nghĩa là sự chấm dứt của gia đình mở rộng. Nó có nghĩa là gia đình hạt nhân không còn là mô hình phù hợp cho xã hội.

Nếu chúng ta định nghĩa gia đình hạt nhân gồm một người chồng làm việc, một người vợ trông

nhà và hai đứa con, thì hiện nay ở Mỹ bao nhiêu người đang sống theo kiểu gia đình như thế này? Câu trả lời rất đáng ngạc nhiên: 7% của toàn bộ dân số nước Mỹ, còn lại 93% dân số nước Mỹ không còn phù hợp với mô hình Làn sóng thứ hai nữa. Ngay cả nếu gia đình hạt nhân gồm cả hai vợ chồng đều đi làm, và số con ít hoặc nhiều hơn hai thì 3/4 dân số Mỹ sống ngoài mô hình gia đình hạt nhân đó. Hơn thế nữa, nhiều bằng chứng cho thấy kiểu gia đình hạt nhân đang suy tàn trong khi các dạng gia đình khác đang tăng lên nhanh chóng.

Chúng ta đang chứng kiến sự bùng nổ của những người sống độc thân. Ngày nay 1/5 số gia đình ở Mỹ là các hộ độc thân. Không phải tất cả những người này bị bắt buộc sống một mình, nhiều người trong số họ chọn cách sống như thế trong một khoảng thời gian nào đó. Đối với những người già sống độc thân thì đa số đã có một thời kỳ lấy vợ lấy chồng, nhưng bây giờ họ thích sống một mình. Sự phát triển của các nhóm như thế đã tạo ra các dịch vụ hoặc sản phẩm chỉ để phục vụ những cá nhân độc lập.

GIA ĐÌNH KHÔNG CON

Một sự thay đổi có ý nghĩa khác, đó là sự phát triển của các gia đình không con. Việc không muốn có con và sự miễn cưỡng có con đang phổ biến ở nhiều quốc gia công nghiệp. Năm 1960 chỉ 20% phụ nữ có chồng dưới 30 tuổi là không có con. Nhưng đến năm 1975 con số đó tăng lên 32%, tức

là tăng 60% trong 15 năm.

Đối với những gia đình có trẻ con, sự phá vỡ gia đình hạt nhân càng được thấy rõ với sự gia tăng của các gia đình chỉ có một người làm cha mẹ. Những năm gần đây tình trạng ly dị, ly thân, chia lìa trong các gia đình hạt nhân càng tăng lên! Ở Mỹ cứ 7 đứa trẻ thì có 1 đứa trẻ phải sống trong gia đình chỉ có một người làm cha mẹ, và tỉ lệ đó ở thành phố lại cao hơn đó là 1 trên 4. Sự phát triển các kiểu gia đình như thế đã mang đến sự thừa nhận rằng mặc dù có những vấn đề nghiêm trọng, loại gia đình chỉ có một bố hoặc mẹ là tốt cho trẻ con hơn là kiểu gia đình hạt nhân.

Một loại gia đình khác đang trở thành phổ biến là loại gia đình mà đôi vợ chồng đã ly dị rồi sau đó họ lập lại gia đình với các con riêng, con chung. Các quốc gia công nghệ tiên tiến còn chứng kiến các loại gia đình khác như gia đình đồng tính luyến ái, gia đình cộng đồng, gia đình những người già tụ tập với nhau để chia sẻ chi phí, gia đình ký hợp đồng, hôn nhân nối tiếp nhau v.v...

Câu hỏi thường được đặt ra là: "Tương lai của gia đình là gì?", "và khi gia đình hạt nhân Làn sóng thứ hai không còn thống trị thì dạng gia đình nào sẽ thay thế nó?". Dường như trong nền văn minh Làn sóng thứ ba sẽ không có dạng gia đình nào sẽ thống trị được lâu. Thay vào đó chúng ta sẽ thấy sự đa dạng cao về cấu trúc gia đình. Điều này không có nghĩa là sự loại bỏ hoàn toàn gia đình hạt nhân, nó chỉ có nghĩa là kể từ nay trở đi, gia đình hạt nhân chỉ là một trong những dạng gia đình mà

xã hội chấp nhận. Khi Làn sóng thứ ba tràn qua xã hội, hệ thống gia đình trở thành phi đại chúng hóa cùng với hệ thống sản xuất và hệ thống tin tức trong xã hội.

NHỮNG QUAN HỆ NÔNG

Dạng gia đình nào sẽ biến mất và dạng nào sẽ phát triển. Điều đó phụ thuộc vào những quyết định của chúng ta đối với công nghệ và việc làm. Bên cạnh những lực lượng ảnh hưởng đến cấu trúc gia đình như hệ thống thông tin, giá trị, thay đổi dân số, tôn giáo, thay đổi sinh thái, thì mối liên quan giữa dạng gia đình và sắp xếp việc làm đặc biệt quan trọng. Như thế, giống như gia đình hạt nhân đã được công việc nhà máy và văn phòng đẩy mạnh, thì bất kỳ sự dịch chuyển nào ra khỏi nhà máy và văn phòng cũng ảnh hưởng lớn đến gia đình. Một trong những sự dịch chuyển đó là làm việc ở nhà đã nói ở chương trước.

Trong những ngôi nhà điện tử như thế, dù cả vợ chồng đều làm một hoặc nhiều việc khác nhau, mỗi người cần thiết phải học hỏi lẫn nhau, cùng nhau giải quyết các vấn đề, tất cả những điều đó giúp làm sâu đậm thêm sự thân mật. Những đơn vị gia đình mở rộng của kỷ nguyên Làn sóng thứ nhất mà cũng là các đơn vị sản xuất kinh tế, đã là những mô hình về mối quan hệ giữa con người và sự hỗ trợ tâm lý lẫn nhau. Những gia đình như thế đã có những vấn đề về sự căng thẳng riêng của họ, nhưng không có nhiều mối quan hệ ràng buộc, đó

là các mối quan hệ “lạnh”. Làm việc với nhau sẽ đảm bảo các mối quan hệ cá nhân “nóng”, “phức tạp”, đó là mối quan hệ mà nhiều người ngày nay mong muốn.

Nói tóm lại, sự phát triển của làm việc tại nhà trên quy mô lớn không những chỉ ảnh hưởng đến cấu trúc gia đình mà còn biến đổi các mối quan hệ trong gia đình. Nó dịch chuyển mối quan hệ trong gia đình từ “lạnh” sang “nóng”.

TÌNH YÊU HƠN NỮA

Khi Làn sóng thứ hai tiến triển, đơn vị gia đình đã chuyển giao nhiều nhiệm vụ cho các thiết chế khác, giáo dục cho trường học, chăm sóc bệnh nhân cho bệnh viện v.v... Việc chuyển giao dần những nhiệm vụ của gia đình đã được đi cùng với sự xuất hiện của tình yêu lãng mạn.

Mỗi người Làn sóng thứ nhất tìm bạn đời có thể hỏi “người bạn đời của tôi có là một người làm việc tốt không? Một người chữa bệnh tốt không? Một thầy giáo tốt cho trẻ con? Chúng tôi có thể làm việc chung với nhau không? Người bạn đời của tôi là người có trách nhiệm hay là người vô trách nhiệm?”.

Khi các nhiệm vụ của gia đình được phân chia ra trong kỷ nguyên Làn sóng thứ hai, những câu hỏi đó đã thay đổi. Gia đình không còn là sự tổng hợp của đội sản xuất, trường học, bệnh viện, nhà an dưỡng. Thay vào đó là các chức năng tâm lý trở thành quan trọng hơn. Sự dịch chuyển trong

nhiệm vụ gia đình này được phản ánh trong những tiêu chuẩn mới để chọn bạn đời. Chúng được đúc kết trong một chữ độc nhất là “tình yêu”. Dĩ nhiên, cuộc sống thực tế ít khi được sống với sự tưởng tượng lãng mạn. Giai cấp, tình trạng xã hội, và thu nhập tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong sự chọn lựa xã hội, và thu nhập tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong sự lựa chọn bạn đời. Nhưng tất cả những yếu tố đó chỉ là phụ cho Tình yêu với chữ hoa T.

Ngôi nhà điện tử ngày mai có thể xóa bỏ logic đơn giản này. Những người làm việc ở nhà với bạn đời không chỉ thoả mãn tâm lý và sinh lý mà còn đòi hỏi bộ óc, nghĩa là tình yêu cộng thêm sự nhận thức, trách nhiệm, kỷ luật, hoặc những đức hạnh liên quan đến công việc.

CHIẾN DỊCH CHO SỰ LAO ĐỘNG CỦA TRẺ EM

Trẻ em ở Làn sóng thứ nhất khi bắt đầu nhận thức được đã nhìn thấy cha mẹ chúng làm việc. Ngược lại, trẻ em ở Làn sóng thứ hai được tách riêng ra để đưa vào trường học và xa cách với cuộc sống làm việc thực tế. Hầu hết trẻ em ngày nay chỉ có khái niệm mơ hồ về những gì cha mẹ chúng làm hoặc cha mẹ chúng sống như thế nào khi làm việc. Sự việc là trẻ em ngày nay hoàn toàn cách li với một trong những chiều quan trọng nhất của cuộc sống cha mẹ chúng.

Trong ngôi nhà điện tử, trẻ em không chỉ quan sát việc làm, mà ở độ tuổi nào đó chúng có

thể gắn bó với công việc của cha mẹ chúng. Những giới hạn của Làn sóng thứ hai đối với lao động trẻ em, lúc đầu có ý định tốt và cần thiết, nhưng bây giờ trở thành lỗi thời, đã ngăn cản thanh niên đi vào thị trường việc làm, nên rất khó khăn đưa vào sự sắp xếp gia đình. Một số dạng việc làm có thể được thiết kế cho thanh niên và ngay cả hợp nhất với giáo dục đối với họ.

Những hành động kỳ lạ của thanh niên hiện nay phần lớn là xuất phát từ việc áp đặt họ chấp nhận vai trò phi sản xuất trong xã hội trong một khoảng thời gian dài. Ngôi nhà điện tử sẽ trung hòa tình hình này. Thực vậy, hợp nhất thanh niên vào việc làm trong ngôi nhà điện tử có thể là giải pháp thực tế cho vấn đề thất nghiệp của thanh niên, vấn đề phạm tội của thanh thiếu niên và tình trạng bạo động mà nền kinh tế Làn sóng thứ hai không thể giải quyết được ngoài các biện pháp độc tài như gọi đi nghĩa vụ quân sự. Ngôi nhà điện tử mở ra một cách khác để đưa thanh niên trở lại với vai trò sản xuất kinh tế và xã hội.

GIA ĐÌNH ĐIỆN TỬ MỞ RỘNG

Như thế có thể tưởng tượng một dạng gia đình làm việc ở nhà trở thành một cái gì đấy khác biệt cơ bản: "gia đình điện tử mở rộng". Cũng có thể tưởng tượng gia đình làm việc ở nhà ngày mai có thể mời một hay hai người ngoài tham gia vào, hoặc đó là khách hàng đến liên hệ những công việc có liên quan, hoặc đó là một đứa trẻ lảng giềng

188

muốn học nghề v.v... Cũng có thể tưởng tượng một công ty hợp pháp của một gia đình như thế làm công việc kinh doanh nhỏ dưới các bộ luật đặc biệt thiết kế cho công ty cộng đồng hợp tác xã. Như thế đối với nhiều gia đình thì đó là dạng gia đình điện tử mở rộng.

Những gia đình điện tử mở rộng như thế không phải được thiết kế để áp đặt lối sống cho người khác để cho mục đích quảng cáo, mà là một bộ phận hợp nhất của hệ thống kinh tế, và do đó cơ hội cho sự tồn tại của họ sẽ được cải thiện rõ ràng. Thực vậy, các gia đình mở rộng như thế liên kết với nhau tạo thành một mạng lưới. Những mạng lưới như thế có thể cung cấp một số kinh doanh cần thiết hoặc dịch vụ xã hội, họ thiết lập các hiệp hội kinh doanh để đại diện cho họ trong quan hệ giao dịch với thị trường.

Chương mười tám

KHỦNG HOẢNG TÍNH ĐỒNG NHẤT CỦA CÔNG TY

Công ty lớn là tổ chức kinh doanh đặc trưng của kỷ nguyên công nghiệp. Ngày nay trên khắp thế giới có chừng vài ngàn “con vật” khổng lồ như thế của cả Nhà nước lẫn tư nhân, đang sản xuất một tỉ lệ lớn hàng hóa dịch vụ. Nhìn từ bên ngoài, chúng có vẻ đang điều khiển, vì chúng đang kiểm soát những tài nguyên rộng lớn, thuê hàng triệu người làm việc, và làm ảnh hưởng sâu đậm không chỉ đến kinh tế mà còn ảnh hưởng đến cả chính trị của thế giới. Máy computer và máy bay phản lực, khả năng lập kế hoạch, đầu tư, và thực hiện các đề án trên quy mô lớn – tất cả làm cho chúng dường như có thể lực hùng mạnh và vĩnh cửu. Vào lúc mà chúng ta cảm thấy bất lực, chúng dường như thống trị số phận của chúng ta.

Thế nhưng những người đang điều hành các tổ chức ấy không nhìn thấy được điều đó. Thực vậy, nhiều nhà quản lý cao cấp ngày nay cũng cảm thấy thất vọng và bất lực như chúng ta. Vì giống như gia đình hạt nhân, trường học, thông tin đại chúng, và những thiết chế then chốt khác của thời đại công nghiệp, công ty cũng bị tác động, bị lung lay và bị biến đổi do sự thay đổi của Làn sóng thứ ba.

TIỀN TỆ KABUKI

Thay đổi làm ảnh hưởng rõ nhất đến công ty là cuộc khủng hoảng trong kinh tế thế giới. Nền văn minh Làn sóng thứ hai đã tạo ra một thị trường toàn cầu hợp nhất, mặc dù đôi khi những cố gắng đó bị chững lại do chiến tranh, khủng hoảng và những thiên tai khác. Nhưng sau mỗi lần như thế, nền kinh tế thế giới lại hồi phục, trở nên lớn hơn và hợp nhất hơn trước.

Ngày nay một cuộc khủng hoảng mới đang xảy ra, nhưng cuộc khủng hoảng này khác, không giống như tất cả những cuộc khủng hoảng trước trong kỷ nguyên công nghiệp, nó liên quan không phải chỉ đến tiền mà còn đến toàn bộ cơ sở năng lượng của xã hội, nó gây ra lạm phát và thất nghiệp đồng thời cùng một lúc chứ không phải là nối tiếp nhau, nó liên kết trực tiếp với các vấn đề sinh thái cơ bản, với toàn bộ công nghệ mới và với hệ thống thông tin mới dùng trong sản xuất. Sau cùng, đây không phải chỉ là cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản mà cũng còn là của các quốc gia công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Nói tóm lại, đó là cuộc tổng khủng hoảng của nền văn minh công nghiệp.

Trong khi tất cả những điều đó xảy ra, công nghệ và thông tin đang cấu trúc lại thị trường thế giới, làm cho sự sản xuất xuyên quốc gia vừa có thể vừa cần thiết. Và để làm dễ dàng những hoạt động như thế, hệ thống tiền tệ thời đại máy bay phản lực đang hình thành. Mạng lưới ngân hàng điện tử

toàn cầu - không thể có được trước khi computer và vệ tinh - lập các đường liên lạc ngay tức thì giữa Hồng Kông, Manila, hoặc Singapor với Bahamat, New York... Hệ thống ngân hàng ngày này tạo ra một quả bóng "tiền tệ phi quốc gia", nghĩa là tiền tệ và tín dụng nằm ngoài sự kiểm soát của bất kỳ Chính phủ nào, đang đe dọa nổ tung.

Khối lượng lớn của hệ thống tiền tệ phi quốc gia này có cốt lõi là đồng đô la châu Âu. Chạy tán loạn từ nơi này sang nơi khác vượt qua cả biên giới quốc gia, nơi này đồng đô la châu Âu đóng góp vào sự lạm phát, nơi kia nó dịch chuyển cán cân thanh toán, nơi nọ nó phá hoại hệ thống tiền tệ. Năm 1978, tờ *Tuần báo kinh doanh* báo cáo về tình trạng không thể tưởng tượng nổi của hệ thống tài chính quốc tế và 180 tỉ phát triển thành thị giá 400 tỉ đô la của đô la châu Âu, mác châu Âu, franc châu Âu, yên châu Âu. Các ngân hàng đối phó với đồng tiền ngoài quốc gia, được tự do ban hành tín dụng không giới hạn và có thể cho vay với tỉ lệ gốc thoả thuận. Ước tính ngày nay tiền châu Âu lên đến 3.000 tỉ đô la.

Trong hệ thống kinh tế Làn sóng thứ hai các công ty phát triển được trên thị trường quốc gia, tiền tệ quốc gia, và Chính phủ quốc gia. Tuy nhiên hạ tầng cơ sở dựa trên quốc gia này không thể điều chỉnh hoặc chứa nổi quả bong bóng châu Âu điện tử và xuyên quốc gia mới này. Các cấu trúc được thiết kế cho thế giới Làn sóng thứ hai không còn thích ứng nữa.

Thực vậy, toàn bộ cơ sở điều hành các mối

quan hệ buôn bán thế giới cho các công ty khổng lồ đang có nguy cơ bị phá vỡ. Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) và Hiệp định chung về thuế quan và buôn bán (GATT) đang bị tấn công dữ dội. Người châu Âu muốn tạo ra một cấu trúc mới do họ kiểm soát. Các nước "kém phát triển" và các nước Ả rập với những đồng đô la đang phản đối âm ỉ để đòi có ảnh hưởng trong hệ thống tài chính tương lai và muốn thành lập IMF riêng của họ. Đồng đô la bị hạ bệ, những cú giạt và cú co thắt đang chạy qua nền kinh tế của thế giới. Tất cả những điều đó được tăng cường thêm bằng thái độ của người tiêu dùng, công nhân và người quản lý bằng sự dịch chuyển nhanh chóng về việc mất cân bằng buôn bán, và trên tất cả là bằng tính chiến đấu đang gia tăng của các quốc gia không công nghiệp.

Chính trong môi trường hỗn độn và hay thay đổi này, các công ty ngày nay đang chiến đấu để vận hành. Các nhà quản lý đang điều hành chúng không muốn từ bỏ quyền lực của các công ty. Họ tiếp tục chiến đấu vì lợi nhuận, sản xuất và sự thăng tiến cá nhân. Nhưng đối diện với những gì không tiên đoán được, với sự đấu tranh ngày càng tăng và những áp lực chính trị thù địch, các nhà quản lý thông minh nhất của chúng ta đang tự hỏi về mục tiêu, cấu trúc, trách nhiệm, và chính lý do tồn tại của các tổ chức của họ. Nhiều công ty lớn nhất đang chịu sự khủng hoảng về tính đồng nhất khi họ nhìn thấy cơ sở Làn sóng thứ hai một thời ổn định nay đang tan rã xung quanh họ.

NỀN KINH TẾ GIA TỐC

Sự khủng hoảng tính đồng nhất của công ty được tăng thêm tốc độ của các biến cố đang di chuyển. Vì chính tốc độ thay đổi đưa thêm một yếu tố mới vào quản lý, bắt buộc các nhà quản lý vốn đã bị căng thẳng trong môi trường không quen thuộc phải quyết định nhiều hơn với tốc độ ngày càng nhanh hơn. Thời gian phản ứng bị giảm đến mức tối thiểu. Ở lĩnh vực tài chính, tốc độ trao đổi đang gia tăng khi ngân hàng và các thể chế tài chính khác được computơ hóa. Một số ngân hàng phải di chuyển địa điểm nhằm có ưu thế về múi giờ khác nhau. Múi giờ được sử dụng như là một công cụ cạnh tranh.

Trong môi trường đang nóng dần lên này, các công ty lớn dù muốn hay không cũng buộc phải đầu tư và vay mượn các loại tiền tệ khác nhau không phải trên cơ sở hàng năm, 3 tháng, hàng tuần mà trên cơ sở từng đêm hoặc từng phút. Trong maketting, một sự gia tăng tương tự cũng giống như thế. Các nhà maketting phải phản ứng nhanh để đảm bảo sự tồn tại ngày mai. Trong kỹ thuật, trong sản xuất, trong nghiên cứu, trong chào hàng, trong đào tạo, trong tổ chức, trong mỗi phòng hoặc chi nhánh của công ty tất cả đều cần phải có những quyết định nhanh chóng và kịp thời.

Và một lần nữa chúng ta thấy quy trình song song, mặc dù ít tiến bộ hơn, trong các quốc gia công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Cứ mỗi kế hoạch 5 năm COMECON thường xem lại giá cả một lần, đã

bị buộc phải xem lại giá cả hàng năm trong cố gắng theo kịp nhịp điệu nhanh hơn. Sau đấy giảm xuống còn 6 tháng, rồi thì có thể ít hơn.

Sự tăng tốc này đã ảnh hưởng lớn đối với các công ty: chu kỳ tuổi thọ sản phẩm ngắn hơn, vay và mượn nhiều hơn, mua bán nhiều hơn, dạng tiêu thụ tạm thời nhiều hơn, thời gian đào tạo người làm việc lâu hơn, những thay đổi trong hợp đồng nhiều hơn, đàm phán và công việc luật pháp nhiều hơn, chuyển giao công việc nhiều hơn, phụ thuộc vào số liệu nhiều hơn, các tổ chức tạm thời nhiều hơn, - tất cả những cái đó bị lạm phát làm trầm trọng thêm.

Dưới những áp lực gia tăng này, rất dễ dàng nhận thấy tại sao nhiều nhà kinh doanh, nhiều ngân hàng, và các nhà quản trị công ty thắc mắc họ đang làm gì và tại sao. Được lớn lên trong sự ổn định của Làn sóng thứ hai, họ thấy thế giới mà họ biết đang bị phá vỡ dưới tác động của một làn sóng thay đổi gia tăng.

XÃ HỘI PHI ĐẠI CHÚNG HÓA

Các nhà quản lý Làn sóng thứ hai hiểu rằng sản xuất hàng loạt là phương thức sản xuất tiên tiến và hiệu quả nhất, rằng thị trường đại chúng muốn hàng hóa tiêu chuẩn hóa, rằng sự phân phối hàng loạt là thiết yếu, rằng khối công nhân đồng đều cơ bản giống nhau và có thể được thúc đẩy bằng các động cơ giống nhau. Người quản lý có khả năng biết rằng sự đồng bộ, sự tập trung, sự tối

ưu và sự tập quyền là cần thiết để thực hiện mục tiêu của ông ta. Và trong môi trường Làn sóng thứ hai, những giả thiết đó cơ bản là chính xác.

Ngày nay với sự xuất hiện của Làn sóng thứ ba, người quản lý công ty thấy tất cả những giả thiết cũ bị thách thức. Tự xã hội đại chúng, mà công ty được thiết kế, đang bắt đầu phi đại chúng hóa. Không phải chỉ tin tức, sản xuất, cuộc sống gia đình mà còn có thị trường và thị trường lao động đang bắt đầu chia thành từng mảnh nhỏ hơn. Thị trường hàng loạt bị chia thành các thị trường nhỏ với sự chọn lựa, mô đen, loại, kích cỡ, màu và khách, hàng hóa ngày càng mở rộng.

Sự đa dạng hàng hóa và dịch vụ trong các quốc gia công nghiệp cao thường được giải thích như là các công ty thao túng người tiêu dùng, tạo ra nhu cầu giả, và tạo thêm lợi nhuận bằng cách đưa ra nhiều sự lựa chọn tâm thường. Chắc chắn có sự thật trong những lời buộc tội đó, thế nhưng có gì đó sâu đậm hơn đang hoạt động, vì sự khác biệt ngày càng gia tăng về hàng hóa và dịch vụ phản ánh sự đa dạng của nhu cầu, giá trị và lối sống hiện nay trong xã hội Làn sóng thứ ba phi đại chúng hóa. Sự đa dạng xã hội càng được tăng cường bằng những phân chia trong thị trường lao động, như được phản ánh trong những nghề nghiệp mới, đặc biệt trong khu vực hành chính và dịch vụ.

Khi công việc của chúng ta trở thành ít có khả năng thay thế, thì con người cũng vậy. Không chịu bị đối xử như là có thể thay thế được, họ đến nơi làm việc với sự nhận thức rõ ràng những khác nhau về chủng tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, giới tính, và cá

nhân. Các nhóm trong kỷ nguyên Làn sóng thứ hai đấu tranh để “hợp nhất” hoặc để được “hòa nhập” vào xã hội đại chúng, thì bây giờ họ từ chối bị đánh mất sự khác biệt của họ. Thay vào đó họ nhấn mạnh đặc tính độc đáo của họ. Và các công ty Làn sóng thứ hai, vẫn còn được tổ chức để hoạt động trong xã hội đại chúng, đang mơ hồ về việc đối phó với sự đa dạng trong nhân viên và khách hàng của họ.

Những lực lượng đã tạo ra xã hội đại chúng bất ngờ bị đẩy ngược lại. Chủ nghĩa quốc gia trong bối cảnh công nghiệp cao trở thành chủ nghĩa địa phương. Các áp lực hỗn hợp nhiều nền văn hóa và chủng tộc khác nhau được thay thế bởi tính dân tộc mới. Thay vì tạo ra một nền văn hóa đại chúng, thông tin đại chúng lại phi đại chúng hóa. Đến lượt sự phát triển, nó tạo ra sự đa dạng về các dạng năng lượng và sự vượt qua sản xuất hàng loạt.

Tất cả những thay đổi có liên quan với nhau này tạo ra một bộ khung hoàn toàn mới mà trong đó các tổ chức sản xuất của xã hội, dù được gọi là công ty hoặc xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, sẽ hoạt động. Các nhà quản trị tiếp tục nghĩ theo cách xã hội đại chúng sẽ bị nhầm lẫn bởi một thế giới mà họ không còn nhận ra nữa.

ĐỊNH NGHĨA LẠI CÔNG TY

Làm nặng nề thêm cuộc khủng hoảng tính đồng nhất của công ty là sự nổi lên của một phong trào toàn thế giới đòi hỏi không phải chỉ những thay đổi khiêm tốn trong chính sách công ty này hoặc công ty kia mà là một sự định nghĩa lại mục

đích của công ty.

Trong suốt kỷ nguyên Làn sóng thứ hai, các công ty được xem như là các đơn vị kinh tế, và sự tấn công vào công ty tập trung chủ yếu vào các vấn đề kinh tế. Những lời phê bình tấn công chúng về việc trả lương thấp cho công nhân, bắt khách hàng trả giá cao, thành lập các cacten để ấn định giá, làm hàng hóa xấu, và hàng ngàn sự vi phạm kinh tế. Nhưng dù dữ dội như thế nào, hầu hết những lời phê bình này chấp nhận sự tự định nghĩa của công ty: họ chia sẻ quan điểm của công ty như là một thiết chế kinh tế.

Những lời tấn công các công ty ngày nay bắt đầu từ một tiền đề hoàn toàn khác. Họ tấn công sự chia tách nhân tạo kinh tế ra khỏi chính trị, đạo đức và những mặt khác của cuộc sống. Họ đổ cho các công ty chịu trách nhiệm từ hiệu suất kinh tế, hậu quả phụ đến ô nhiễm không khí và sự căng thẳng quản trị. Các công ty bị tấn công về việc gây ra nhiễm độc amiăng, về sử dụng người nghèo như là vật thí nghiệm để thử thuốc, về việc bóp méo sự phát triển của thế giới không công nghiệp, về kỳ thị chủng tộc và kỳ thị giới tính, về bí mật và lừa đảo. Họ bị bêu riếu về việc ủng hộ các chế độ ghê tởm hoặc đảng phái chính trị, từ các ông tướng phát xít ở Chi Lê và những người kỳ thị chủng tộc ở Nam Phi đến Đảng Cộng sản ở Ý.

Vấn đề ở đây là không phải những lời buộc tội đó có được lý giải hay không, điều quan trọng hơn là khái niệm về công ty mà những lời buộc tội đó muốn ám ảnh. Vì Làn sóng thứ ba mang cùng với

nó một yêu cầu cho một loại thiết chế mới - công ty không phải chỉ làm lãi hoặc sản xuất hàng hóa mà còn phải đóng góp giải quyết các vấn đề phức tạp về sinh thái, luân lý, chính trị, chủng tộc, giới tính và xã hội.

NĂM MŨI ÁP LỰC

Định nghĩa lại không phải là vấn đề chọn lựa mà là câu trả lời cần thiết cho 5 thay đổi cách mạng trong những điều kiện sản xuất hiện nay. Những thay đổi trong môi trường vật lý, trong đội ngũ lực lượng xã hội, trong vai trò tin tức, trong tổ chức Chính phủ, và trong đạo đức đang biến công ty thành dạng mới, nhiều mặt và vạn năng. Cái đầu tiên của những áp lực mới này đến từ môi trường sinh học.

Giữa những năm 50 của thế kỷ XX, khi Làn sóng thứ hai đạt đến giai đoạn trưởng thành ở Mỹ, dân số thế giới là 2,75 tỉ người. Ngày nay con số lên đến 4 tỉ người. Và cũng những năm đó, dân cư thế giới dùng 87 nghìn triệu BTU năng lượng mỗi năm. Ngày nay chúng ta sử dụng trên 260 nghìn triệu triệu. Những năm đó mức tiêu thụ của chúng ta về nguyên liệu then chốt như kẽm là 2,7 triệu tấn mỗi năm. Ngày nay con số đó là 5,6 triệu.

Nhu cầu của chúng ta trên hành tinh đang tăng dữ dội. Kết quả là môi trường sinh học đang gửi cho chúng ta một tín hiệu báo động ô nhiễm sa mạc hóa, nhiễm độc trong đại dương, khí hậu bị dịch chuyển - mà chúng ta quên mỗi nguy cơ thảm

họa. Những lời cảnh cáo này nói với chúng ta trong quá khứ Làn sóng thứ hai.

Vì công ty là người tổ chức chính về sản xuất kinh tế, nó cũng là “người sản xuất” chủ yếu về tác động môi trường, nên chúng ta muốn tiếp tục sự phát triển kinh tế – thực ra là nếu chúng ta muốn tồn tại – các nhà quản lý ngày mai sẽ phải chịu trách nhiệm biến đổi tác động môi trường của công ty từ tiêu cực sang tích cực. Họ phải tự nguyện có trách nhiệm hoặc họ sẽ bị bắt buộc làm như thế, vì những điều kiện thay đổi của môi trường sinh học làm cho điều đó trở thành cần thiết. Công ty đang bị biến đổi thành một thiết chế môi trường và kinh tế, không phải bởi những người có thiện tâm, những người cấp tiến, các nhà sinh thái học hoặc các viên chức quan liêu Chính phủ, mà bởi sự thay đổi chất trong mối quan hệ sản xuất với môi trường sinh học.

Áp lực thứ hai đến từ sự thay đổi ít được để ý, đó là môi trường xã hội của công ty. Môi trường đó tổ chức tốt hơn trước đây. Có một thời các công ty hoạt động trong một xã hội có thể nói là tổ chức kém. Ngày nay môi trường xã hội đã nhảy đến một cấp mới về tổ chức. Nó nằm trong một khối tác động qua lại được tổ chức tốt, được trợ cấp nhiều như hiệp hội, cơ quan, công đoàn v.v... Trong môi trường xã hội đông đúc này, mỗi hoạt động của công ty có tác động dội lại không phải chỉ lên cá nhân mà còn lên các nhóm có tổ chức, nhiều nhóm có nhân sự chuyên nghiệp, có báo riêng, có quan hệ với hệ thống chính trị, và có tài chính để thuê

chuyên gia, luật sư, và những người giúp việc khác. Trong môi trường xã hội căng thẳng này, các quyết định công ty được nghiên cứu cẩn thận “Ô nhiễm xã hội” do công ty sản xuất ra dưới dạng thất nghiệp, sự phá vỡ cộng đồng, tính cơ động bất buộc v.v... được phát hiện ngay lập tức, từ đó có những tác động lên công ty để công ty có trách nhiệm hơn so với trước đây đối với những “sản phẩm” xã hội và kinh tế của họ.

Áp lực thứ ba phản ánh trong môi trường tin tức thay đổi. Sự phi đại chúng hóa xã hội có nghĩa rằng nhiều tin tức hơn được trao đổi giữa các thể chế xã hội – gồm cả công ty - để duy trì các mối quan hệ cân bằng giữa chúng. Các phương pháp sản xuất Làn sóng thứ ba làm tăng thêm sự thèm khát của công ty về tin tức và nguyên liệu. Như thế công ty hút số liệu như máy hút bụi khổng lồ, xử lý số liệu, và phổ biến số liệu trong những cách phức tạp ngày càng tăng. Khi tin tức trở thành trung tâm đối với nền sản xuất, khi “các nhà quản lý tin tức” tăng nhanh trong công nghiệp, thì công ty tác động lên môi trường tin tức giống như nó tác động lên môi trường vật lý và xã hội. Sự quan trọng của tin tức dẫn đến xung đột về sự kiểm soát số liệu của các công ty – những cuộc đấu tranh về việc đưa tin tức ra công khai, yêu cầu công khai hóa kế toán (ví dụ về sản xuất công ty dầu và lợi nhuận), áp lực về quảng cáo chính xác hơn. Vì trong kỷ nguyên mới, “tác động tin tức” trở thành một vấn đề nghiêm trọng như tác động môi trường và xã hội, và công ty được xem như là một người sản xuất tin tức cũng

như là người sản xuất kinh tế.

Áp lực thứ tư đến từ chính trị và môi trường quyền lực. Sự đa dạng hóa nhanh xã hội và sự gia tăng thay đổi phản ánh khắp nơi trong sự phức tạp hóa về Chính phủ. Sự phân biệt xã hội được phản ánh trong sự phân biệt Chính phủ, và các công ty phải tác động lẫn nhau và với các đơn vị Chính phủ ngày càng chuyên môn hóa hơn. Những đơn vị này phối hợp với nhau rất kém và mỗi đơn vị đều có quyền lực riêng, hiện nay chúng luôn nằm trong sự rối loạn về tổ chức lại. Như thế các công ty đều bị phụ thuộc vào chính trị địa phương, khu vực, quốc gia hoặc xuyên quốc gia. Ngược lại, mỗi quyết định quan trọng của công ty đều tạo ra những hậu quả chính trị gián tiếp, và nó phải có trách nhiệm về những hậu quả đó.

Sau cùng, áp lực thứ 5 là áp lực đạo đức đang ảnh hưởng lớn tới tất cả các thiết chế. Những hành động một thời được chấp nhận là bình thường thì nay bị xem là tham nhũng, vô đạo đức hoặc xấu xa. Như thế hồi lộ của Lockheed lật nhào Chính phủ ở Nhật, công ty Olin bị buộc tội chở vũ khí đến Nam Phi v.v... Quan điểm đạo đức của công ty ngày càng được xem như là có tác động trực tiếp đến hệ thống giá trị của xã hội, giống như tác động của công ty trên môi trường vật lý hoặc hệ thống xã hội. Công ty ngày càng được xem như là người sản xuất các hậu quả đạo đức.

Dưới những điều kiện mới, công ty không thể còn hoạt động như một cái máy cho việc tối đa hóa một số nhiệm vụ kinh tế, dù là cho sản xuất hoặc

cho lợi nhuận. Chính định nghĩa về “sản xuất” đã được mở rộng gồm cả những hậu quả phụ cũng như hậu quả trung tâm, những hậu quả dài hạn cũng như những hậu quả tức thời của các hoạt động công ty. Nói một cách đơn giản, mỗi công ty có nhiều “sản phẩm” hơn về môi trường, xã hội, tin tức, chính trị và đạo đức chứ không phải đơn thuần về sản xuất kinh tế.

CÔNG TY VẠN NĂNG

Chúng ta lớn lên trong nền văn minh Làn sóng thứ hai, có cách suy nghĩ rất khó khăn về những thể chế như sau: Chúng ta khó tưởng tượng một bệnh viện vừa có nhiệm vụ y tế lại vừa có nhiệm vụ kinh tế, một trường học vừa có nhiệm vụ giáo dục vừa có nhiệm vụ chính trị hoặc một công ty vừa có nhiệm vụ xuyên kinh tế lại vừa có nhiệm vụ phi kinh tế. Nhưng trong khi những người bảo vệ Làn sóng thứ hai chống đối sự định nghĩa về tổ chức sản xuất, nhiều công ty đang biến đổi cả những lời phát biểu và chính sách của họ. Nhận thức lại về cấu trúc, mục tiêu và trách nhiệm của công ty đang xảy ra để đáp ứng với những áp lực mới do Làn sóng thứ ba mang đến. Các dấu hiệu của sự thay đổi này rất nhiều.

Các công ty đưa ra những chính sách đối với vị trí của nhà máy, thay thế sự đánh giá kinh tế thông thường bằng sự khai thác chi tiết những hậu quả xã hội. Họ xem xét nhiều nhân tố như tác động lên môi trường vật lý, tác động lên các

phương tiện công cộng, và tác động lên các điều kiện việc làm ở địa phương, đặc biệt đối với những nhóm thiểu số. Như thế, các nhà máy có vị trí khác nhau có cùng ý nghĩa kinh tế nhưng khác ý nghĩa về tác động xã hội, những nhân tố xã hội này có thể là quan trọng hơn. Trong nhiều công ty lớn hiện nay, chúng ta có thể thấy sự nâng cấp rõ ràng về vị trí và ảnh hưởng của các nhà quản trị liên quan đến các hậu quả môi trường của công ty. Một số công ty báo cáo trực tiếp với giám đốc. Những công ty khác thành lập ban đặc nhiệm nằm trong hội đồng quản trị để khẳng định những trách nhiệm mới của công ty.

Sự đáp ứng xã hội của công ty không phải tất cả là thực chất. Một số chỉ làm theo như kiểu quan hệ giao thiệp, một số như kiểu tự phục vụ. Nhưng hầu hết đều phản ánh sự nhận thức thay đổi về nhiệm vụ công ty. Do đó, các nhà quản lý đang bắt đầu chấp nhận những điều kiện mới về sản xuất và những quan điểm cho rằng công ty phải là vạn năng.

NHIỀU QUY TẮC CƠ BẢN

Công ty vạn năng đòi hỏi những nhà quản trị thông minh hơn. Nó ẩn ngấm sự quản lý có khả năng xác định nhiều mục tiêu, cân nhắc sự tác động qua lại giữa chúng, và tìm những chính sách để hoàn thành nhiều mục tiêu cùng một lúc. Nó yêu cầu những chính sách tối ưu hóa nhiều biến số cùng một lúc.

Một khi nhu cầu nhiều mục tiêu được chấp

nhận, chúng ta bị buộc phải phát minh những phép đo mới về sự hoàn thành. Thay vì một “quy tắc cơ bản” độc nhất mà hầu hết các nhà quản trị đã được dạy cho biết, công ty Làn sóng thứ ba yêu cầu chú ý nhiều quy tắc cơ bản – những quy tắc cơ bản về xã hội, môi trường, tin tức, chính trị, và đạo đức - tất cả chúng đều quan hệ mật thiết với nhau.

Đối diện với sự phức tạp mới này, nhiều nhà quản lý ngày nay hết sức ngạc nhiên. Họ thiếu những tri thức cần thiết cho sự quản lý Làn sóng thứ ba. Chúng ta biết làm thế nào đo được lợi nhuận của một công ty, và cũng làm thế nào đo hoặc đánh giá sự hoàn thành những mục tiêu phi kinh tế?

Người ta đã thiết kế một bộ các tiêu chuẩn nhiều chiều nhằm giám sát cách xử sự của công ty. Bộ này gồm 32 tiêu chuẩn khác nhau mà nhờ đó công ty có thể đo được tính hiệu quả của nó. Những tiêu chuẩn này gồm từ các mối quan hệ của công ty với người tiêu thụ, cổ đông, và công đoàn đến các tổ chức sinh thái và sự quản lý riêng của công ty. Nhưng trong 32 tiêu chuẩn này, có rất ít thông số mà công ty tương lai có thể dùng được để tự kiểm tra những hoạt động của công ty.

Với hạ tầng cơ sở kinh tế Làn sóng thứ hai đang ở trong tình trạng hỗn độn, với sự thay đổi gia tăng khi phi đại chúng hóa lan truyền, với môi trường sinh học phát đi tín hiệu nguy hiểm, với cấp tổ chức trong xã hội đang tăng lên, và những điều kiện tin tức, chính trị, đạo đức về sản xuất đang thay đổi thì các công ty Làn sóng thứ hai trở thành lỗi thời. Do đó, những gì xảy ra là sự nhận thức lại

về ý nghĩa của sản xuất và về thiết chế, đó là những nhận thức đang có trách nhiệm tổ chức lại công ty. Kết quả là một số dịch chuyển phức tạp đến một công ty kiểu mới của ngày mai. Thiết chế mới này sẽ tổng hợp những mục tiêu kinh tế và xuyên kinh tế. Nó sẽ có nhiều quy tắc cơ bản mới.

Chương mười chín

GIẢI NHỮNG LUẬT LỆ MỚI

Chúng ta đã thấy Làn sóng thứ hai áp đặt những luật lệ chi phối cách xử thế hàng ngày. Những nguyên tắc như đồng bộ hóa, tiêu chuẩn hóa, hoặc tối đa hóa được áp dụng trong kinh doanh, trong Chính phủ, và trong cuộc sống hàng ngày bị ám ảnh với tính đúng giờ và biểu thời gian. Ngày nay những luật lệ mới trái ngược đang xuất hiện, đó là những luật lệ mới cơ bản cho cuộc sống mới mà chúng ta đang xây dựng trên nền kinh tế phi đại chúng hóa, trên thông tin đại chúng phi đại chúng hóa, trên cấu trúc gia đình và công ty mới. Những bất đồng dường như vô nghĩa giữa trẻ và già, cũng như những xung khắc trong lớp học, trong phòng học, trong hậu trường chính trị thực tế là những va chạm do những luật lệ gây ra.

Những luật lệ mới tấn công trực tiếp vào những nguyên tắc cơ bản của Làn sóng thứ hai, từ sự quan trọng của tính đúng giờ và đồng bộ hóa đến nhu cầu phải tuân theo và tiêu chuẩn hóa. Chúng thách thức tính hiệu quả của việc tập trung hóa và chuyên môn hóa. Chúng buộc chúng ta phải xem xét lại lòng tin của chúng ta rằng to hơn là tốt hơn và xem xét lại khái niệm của chúng ta về “tập trung”.

CHẤM DỨT GIỜ LÀM VIỆC TỪ 9 GIỜ ĐẾN 17 GIỜ

Nền văn minh Làn sóng thứ hai đồng bộ hóa cuộc sống hàng ngày, ràng buộc nhịp điệu ngủ và thức, làm việc và chơi theo nhịp điệu của máy móc. Lớn lên trong nền văn minh này, người ta xem như là hiển nhiên rằng công việc phải được đồng bộ hóa, rằng mỗi người phải đến và làm việc cùng một lúc, rằng giao thông cao điểm là không tránh được, rằng giờ ăn phải được xác định, và rằng trẻ con ngay từ nhỏ đã phải có ý thức về thời gian và tính đúng giờ. Người lớn không hiểu được tại sao con cái họ lại cầu thả trong việc giữ lời hứa, và tại sao con cái họ không thể chấp nhận được giờ làm việc từ 9 giờ đến 17 giờ mà họ thấy tốt trong quá khứ.

Lý do là Làn sóng thứ ba đang tạo ra một ý thức hoàn toàn khác về thời gian. Nếu Làn sóng thứ hai gắn cuộc sống với nhịp điệu của máy, Làn sóng thứ ba thách thức sự đồng bộ hóa máy móc này, thay đổi nhịp điệu của xã hội cơ bản nhất của chúng ta, và trong khi làm như thế nó giải phóng chúng ta khỏi máy móc.

Một khi chúng ta hiểu được điều này, thì không có gì ngạc nhiên khi thấy một trong những cải tiến phát triển nhanh nhất trong công nghiệp là “thời gian linh hoạt” – một sự sắp xếp cho phép người làm việc chọn giờ làm việc của họ trong những giới hạn đã được định trước. Thay vì yêu cầu mọi người đến nhà máy hoặc văn phòng vào cùng một lúc, công ty hoạt động theo giờ linh hoạt, ấn định một số giờ mọi người phải có mặt và những

giờ khác là giờ linh hoạt. Mỗi nhân viên có thể chọn thời gian làm việc một cách linh hoạt.

Điều này có nghĩa là một “người ban ngày” – một người mà nhịp sinh học mạnh nhất vào buổi sáng sớm – có thể chọn giờ làm việc bắt đầu từ 8 giờ sáng, trong khi một “người ban đêm” có thể chọn giờ làm việc bắt đầu từ 10 giờ hoặc 10 giờ 30 phút sáng. Điều này có nghĩa là một nhân viên có thể có giờ làm việc nhà, hoặc đi sắm hàng, hoặc đưa trẻ con đi khám bệnh. Một nhóm những người làm việc có thể đặt thời gian biểu đi chơi thể thao với nhau vào sáng sớm hoặc vào buổi chiều. Nói tóm lại, thời gian tự nó đang bị phi đại chúng hóa.

NỮ THẦN TÓC RẮN KHÔNG NGỦ

Nhưng thời gian linh hoạt chỉ là một phần nhỏ của việc cấu trúc lại về thời gian mà Làn sóng thứ ba mang theo với nó. Chúng ta cũng đang thấy một sự dịch chuyển mạnh mẽ hướng về làm đêm. Điều này không phải xảy ra cho những nhà máy sản xuất có truyền thống làm ca đêm, mà là trong những công nghiệp dịch vụ và công nghiệp dựa trên máy tính tiên tiến.

Thành phố hiện đại là một nữ thần tóc rắn không bao giờ ngủ và trong thành phố có tỉ lệ đang tăng những người làm việc theo nhịp điệu ban đêm. Theo thống kê của các quốc gia công nghiệp, con số người làm đêm chiếm từ 15 đến 25% lực lượng lao động. Việc làm không trọn ngày công cũng đang phát triển mạnh. Thống kê cho thấy

hiện nay ở Mỹ cứ năm người làm việc thì có một người làm việc không trọn ngày công, và việc làm không trọn ngày công tăng 2 lần, nhanh hơn việc làm trọn ngày công kể từ năm 1954. Việc làm không trọn ngày công được phụ nữ, người già, người về hưu, thanh niên rất hoan nghênh, họ muốn có thời gian để có thể theo đuổi những thú tiêu khiển, thể thao, nghệ thuật hoặc chính trị của riêng họ.

Do đó, những gì chúng ta thấy là sự cắt đứt cơ bản với tính đồng bộ trong Làn sóng thứ hai. Sự tổng hợp của thời gian cơ động, việc làm không trọn ngày công, và làm đêm có nghĩa là càng ngày càng có thêm người làm việc ngoài hệ thống từ 9 giờ đến 17 giờ, và toàn bộ xã hội đang dịch chuyển đến những hoạt động suốt ngày đêm.

Điều này có nghĩa là chúng ta đang chứng kiến cái cách mà xã hội chúng ta nhận thức về thời gian, đó là sự dịch chuyển rất tế nhị nhưng rất mạnh mẽ ra khỏi nhịp điệu Làn sóng thứ hai và hướng về một cấu trúc thời gian song song với sự phi đại chúng hóa những tính chất khác của cuộc sống xã hội khi Làn sóng thứ ba tràn qua.

LẬP THỜI GIAN GẶP BẠN

Trong khi sự cá nhân hóa ngày càng tăng về thời gian biểu chắc chắn khiến cho công việc ít khó nhọc hơn, nó cũng làm tăng sự cô đơn và sự cách ly xã hội. Nếu bạn bè, người thân và gia đình đều làm việc vào các giờ khác nhau, và những dịch vụ

210

mới chưa thể giúp họ phối hợp thời gian biểu cá nhân, thì rất khó khăn cho họ sắp xếp tiếp xúc với xã hội. Các trung tâm xã hội cũ đang mất ý nghĩa truyền thống của chúng. Do đó, các thiết chế của Làn sóng thứ ba phải được phát minh để phù hợp với cuộc sống xã hội.

Việc phi đại chúng hóa thời gian cũng có những hậu quả khác. Chúng ta đã bắt đầu thấy hậu quả của nó trong giao thông. Sự cứng nhắc đưa Làn sóng thứ hai về thời gian biểu làm việc đại chúng đã tạo ra sự chen chúc đặc trưng vào giờ cao điểm. Sự phi đại chúng hóa thời gian đã phân phối lại các luồng giao thông trong cả không gian và thời gian. Thực vậy, một cách đơn giản để đánh giá Làn sóng thứ ba đã tiến xa đến đâu trong bất kỳ cộng đồng nào là xem các luồng giao thông. Nếu giờ cao điểm giao thông vẫn còn cao, nếu giao thông rải đều trong ngày, di chuyển khắp mọi hướng, thì có thể nói chắc rằng các công nghiệp Làn sóng thứ ba đã có cơ sở, người lao động dịch vụ đông hơn công nhân sản xuất, thời giờ linh hoạt đã bắt đầu phổ biến, việc làm không hết ngày công và việc làm đêm đang chiếm ưu thế và dịch vụ suốt ngày đêm sẽ không còn xa nữa. Sự dịch chuyển về hướng thời gian biểu linh hoạt và cá nhân hóa hơn cũng làm giảm giá thành năng lượng và ô nhiễm bằng việc loại bỏ được giờ cao điểm.

Dạng thời gian biểu mới sẽ ảnh hưởng đến nhịp điệu sống của chúng ta. Nó sẽ ảnh hưởng đến nghệ thuật của chúng ta. Nó sẽ ảnh hưởng đến đời sống sinh học của chúng ta. Vì khi dụng đến thời

gian, chúng ta đụng đến toàn bộ kinh nghiệm nhân loại.

COMPUTƠ VÀ CẦN SA

Những nhịp điệu Làn sóng thứ ba này nổi lên từ những lực tâm lý, kinh tế và kỹ thuật. Ở một mức độ nào đó chúng xuất hiện từ tính chất thay đổi của con người. Con người ngày nay giàu có và được giáo dục hơn cha mẹ của họ, họ đối diện với nhiều khả năng chọn lựa trong cuộc sống hơn nên đơn giản họ từ chối bị đại chúng hóa. Càng nhiều người khác đòi hỏi phải được đối xử như cá nhân, và họ càng chống lại thời gian biểu xã hội áp đặt cho họ.

Nhưng ở một cấp độ khác, những nhịp điệu mới và cá nhân hóa hơn của Làn sóng thứ ba đến từ những công nghệ mới đang đi vào cuộc sống của chúng ta. Ví dụ đầu video cho phép người xem ghi lại bất kỳ chương trình nào của ti vi và xem lại bất kỳ lúc nào họ muốn. Máy computơ cũng bắt đầu phân lại thời gian biểu của chúng ta và ngay cả nhận thức của chúng ta về thời gian. Thực vậy chính computơ giúp các tổ chức lớn thực hiện thời gian linh hoạt bằng cách sắp xếp hàng ngàn con người vào những thời gian biểu linh hoạt và cá nhân hóa hơn. Nhưng computơ cũng thay đổi dạng thông tin của chúng ta theo thời gian, cho phép chúng ta sử dụng và trao đổi số liệu theo “đồng bộ” và “không đồng bộ”.

Ngoài computơ ra chúng ta còn thấy những

công nghệ hoặc sản phẩm khác đi theo hướng phi đại chúng hóa thời gian. Các loại thuốc ảnh hưởng đến tâm tính (không nói về cần sa) thay đổi cả nhận thức về thời gian trong chúng ta.

Trong nền văn minh Làn sóng thứ hai, máy móc được đồng bộ với nhau, và người làm việc trên dây chuyền sản xuất được đồng bộ hóa với máy móc, điều đó đã gây ra nhiều hậu quả xã hội. Ngày nay, sự đồng bộ hóa máy móc đã đạt đến mức vô cùng tinh vi, đến nỗi tốc độ nhanh nhất của con người cũng không thể nào so sánh được, nên ưu điểm của công nghệ không phải từ việc gấn người làm việc với máy móc mà là tách con người khỏi máy móc. Nói một cách khác, trong nền văn minh Làn sóng thứ hai, sự đồng bộ hóa máy móc chế ngự con người theo khả năng của máy móc và định hình tất cả cuộc sống xã hội theo một khuôn khổ chung. Nó đã làm như thế cả trong xã hội tư bản và xã hội chủ nghĩa. Ngày nay khi sự đồng bộ hóa máy móc trở nên chính xác hơn, nhân loại thay vì bị trói buộc lại đang được giải phóng dần dần.

Một trong những hậu quả tâm lý của điều này là sự thay đổi ngay chính ý nghĩa về tính đúng giờ trong cuộc sống của chúng ta. Chúng ta đang chuyển từ tính đúng giờ bám máy sang tính đúng giờ chọn lọc hoặc theo tình hình. Sự đúng giờ không còn đúng nghĩa như đã từng có. Tính đúng giờ không phải là vô cùng quan trọng trong nền văn minh Làn sóng thứ nhất, bởi vì nông nghiệp không phụ thuộc lẫn nhau mấy. Trong làn sóng thứ hai, sự chậm trễ của một công nhân ảnh hưởng

ngay tức khắc công việc của nhiều người khác trong nhà máy hoặc văn phòng. Do đó đã có áp lực văn hóa lớn để đảm bảo tính đúng giờ.

Ngày nay, vì Làn sóng thứ ba mang cùng với nó thời gian biểu cá nhân hóa chứ không phải thời gian biểu đại chúng hóa, những hậu quả do đi làm muộn ít rõ ràng hơn. Sự trễ muộn có thể gây khó chịu cho bạn bè hoặc đồng nghiệp. Rất khó nói khi nào tính đúng giờ là quan trọng, khi nào nó chỉ là thói quen, phép lịch sự hoặc nghi thức. Tính đúng giờ vẫn còn quan trọng trong một số trường hợp, nhưng khi máy tính phát triển và người làm việc suốt ngày đêm thì hiệu quả của người làm việc phụ thuộc vào tính đúng giờ giảm đi nhiều.

"TINH THẦN HẬU" TIÊU CHUẨN HÓA

Làn sóng thứ ba tấn công một đặc tính cơ bản khác của cuộc sống công nghiệp: Sự tiêu chuẩn hóa. Xã hội làn sóng thứ hai khuyến khích tiêu chuẩn hóa nhiều thứ, từ giá trị, trọng lượng, khoảng cách, kích thước, thời gian, tiền bạc đến sản xuất và giá cả. Người kinh doanh ngày nay biết cách sản xuất sản phẩm vì khách hàng với giá thống nhất và tìm những cách áp dụng công nghệ mới nhất để cá nhân hóa sản phẩm và dịch vụ. Trong việc làm, số công nhân làm việc giống nhau ngày càng ít đi khi sự đa dạng nghề nghiệp tăng lên. Lương và phúc lợi thay đổi theo từng người làm việc. Bản thân người làm việc cũng khác nhau, và vì họ cũng là người tiêu thụ, nên sự khác nhau

tác động ngay đến thị trường.

Việc giảm sản xuất hàng loạt truyền thống đang tạo ra sự phi đại chúng hóa về marketing, sản xuất hàng hóa, và tiêu thụ. Người tiêu thụ bắt đầu chọn lựa không phải chỉ vì sản phẩm đáp ứng được nhu cầu cụ thể hoặc chức năng tâm lý, mà cũng bởi vì các cách mà sản phẩm thích ứng trong một tổng thể lớn hơn về sản phẩm và dịch vụ mà người tiêu dùng đang đòi hỏi. Những hình thể cá nhân hóa cao này là nhất thời, cũng giống như những cách sống mà các hình thể đang giúp xác định. Tiêu thụ giống như sản xuất, trở thành có hình thể. Sản xuất hậu tiêu chuẩn hóa mang cùng với nó sự tiêu thụ hậu tiêu chuẩn hóa.

Ngay cả giá cả cũng bắt đầu trở thành ít tiêu chuẩn hơn, vì sản phẩm theo khách hàng yêu cầu thì sự định giá cũng theo khách hàng. Giá một chiếc ô tô phụ thuộc vào những bộ phận lắp thêm vào theo sự chọn lựa của khách hàng, giá máy bay, dàn khoan ngoài biển, tàu thủy, computer, và những hàng công nghệ cao thay đổi theo từng chiếc một.

Trong chính trị chúng ta cũng thấy những khuynh hướng tương tự. Các quan điểm của chúng ta ngày càng ít đồng nhất hơn khi sự đồng tâm nhất trí tan vỡ từ quốc gia này sang quốc gia khác và hàng ngàn "các nhóm vấn đề" nổi lên, mỗi nhóm đang đấu tranh cho các mục tiêu chuẩn hóa ngày càng tăng. Sự phi đại chúng hóa về thông tin đại chúng đang phá tan hình ảnh được tiêu chuẩn hóa của thế giới do công nghệ thông tin Làn sóng thứ

hai truyền bá, và đang cung cấp vào xã hội sự đa dạng về hình ảnh, tư tưởng, biểu tượng, giá trị. Không phải chúng ta chỉ đang sử dụng sản phẩm được khách hàng hóa, mà chúng ta còn đang sử dụng những biểu tượng khác nhau để khách hàng hóa quan điểm của chúng ta về thế giới.

Chúng ta đang thấy sự xuất hiện của “tinh thần hậu tiêu chuẩn hóa” và “con người hậu tiêu chuẩn hóa”. Điều này sẽ đưa đến những vấn đề xã hội, tâm lý và triết học, một số vấn đề đó đã ảnh hưởng chúng ta như sự cô độc và cách ly xã hội xung quanh, nhưng những vấn đề này cơ bản khác với các vấn đề về sự phục tùng tập thể đã tác động lên chúng ta trong kỷ nguyên công nghiệp.

MA TRẬN MỚI

Nền văn minh Làn sóng thứ hai thiên nhiều về sự tập quyền hóa. Sự tiêu chuẩn hóa và sự tập quyền hóa đã giúp xây dựng nền công nghiệp quy mô lớn của nền văn minh Làn sóng thứ hai. Ngày nay, sự dịch chuyển theo hướng ngược lại là rõ ràng. Các đảng phái chính trị mới, các phương pháp quản lý mới, và các triết lý mới đang tấn công khai các dinh lũy trung ương của Làn sóng thứ hai. Phân quyền đã và đang trở thành một vấn đề chính trị nóng bỏng.

Triết lý phân quyền đang được truyền bá trong các trường học, nơi mà các sinh viên đang khai thác những công nghệ mới cho việc kiểm soát môi trường, sưởi bằng năng lượng mặt trời, hoặc

nông nghiệp hóa đô thị với mục đích giúp cho các cộng đồng tự cung tự cấp một phần trong tương lai. Tác động của những người lập kế hoạch và kiến trúc trẻ này sẽ được thấy rõ trong những năm sắp đến khi họ ở những vị trí có trách nhiệm.

Sự phân quyền cũng được áp dụng trong quản lý, và các công ty đang chia nhỏ các phòng ban ra thành những “trung tâm lợi nhuận” nhỏ hơn và có quyền tự trị hơn. Hàng ngàn công ty đang trong quy trình tổ chức lại và phân quyền liên tục với mục đích làm giảm sự kiểm soát của trung tâm trong những hoạt động hàng ngày.

Ở một mức độ sâu hơn, các tổ chức lớn đang thay đổi các dạng quyền hành từng làm nền tảng cho chế độ trung ương. Công ty hoặc cơ quan Chính phủ tiêu biểu của Làn sóng thứ hai được tổ chức theo nguyên tắc “một thủ trưởng”. Một người quản lý có thể có nhiều người dưới quyền, nhưng họ chỉ báo cáo cho một thủ trưởng cấp trên. Nguyên tắc này có nghĩa là các kênh mệnh lệnh đều tập trung về trung tâm.

Ngày nay hệ thống đó bị phá vỡ dưới sức nặng của chính nó trong các nền công nghiệp tiên tiến, trong các dịch vụ, trong các nghề nghiệp vụ và trong nhiều cơ quan Nhà nước. Sự việc là ngày nay chúng ta có nhiều thủ trưởng hơn.

Các tổ chức lớn đang tăng cường các đơn vị tạm thời như đặc nhiệm, uỷ ban liên ngành và tổ đề án để tạo ra một cấu trúc chính thức mới gọi là “Tổ chức ma trận”. Thay vì kiểm soát được tập trung, tổ chức ma trận sử dụng phương pháp “hệ

thống đa điều khiển". Trong hệ thống này, mỗi nhân viên được chỉ định ở một phòng và báo cáo cấp trên theo cách bình thường. Nhưng họ cũng được chỉ định cho một hay nhiều tổ mà công việc không thể chỉ do một phòng đảm nhiệm được. Như thế một tổ đề án tiêu biểu có thể có người từ phòng sản xuất, nghiên cứu, chào hàng, kỹ thuật, tài chính v.v... Các thành viên của tổ này tất cả đều báo cáo cho thủ trưởng đề án và các thủ trưởng trực tiếp của từng người. Hệ thống này giúp cho nhân viên chú ý nhiều nhiệm vụ cùng một lúc. Nó giúp đẩy nhanh luồng tin tức và giúp tránh cách nhìn vấn đề chỉ hạn hẹp trong lăng kính của một phòng. Nó giúp tổ chức đáp ứng những trường hợp khác nhau và thay đổi nhanh. Nhưng đồng thời nó cũng tích cực phá vỡ sự kiểm soát tập quyền.

Quan trọng hơn là kinh tế cũng bị phân quyền. Lần sóng thứ hai đã làm xuất hiện các thị trường quốc gia đầu tiên và chính khái niệm kinh tế quốc gia. Cùng với những việc đó là sự phát triển của các công cụ quốc gia để quản lý kinh tế, như Ủy ban kế hoạch Nhà nước trong các quốc gia xã hội chủ nghĩa, các ngân hàng trung ương, tiền tệ quốc gia và các chính sách tài chính trong các nước tư bản.

Ngày nay các nền kinh tế quốc gia đang bị chia thành các nền kinh tế vùng và khu vực với những vấn đề khác biệt, rõ ràng riêng của họ. Các khu vực bắt đầu khác lẫn nhau về nhu cầu năng lượng, tài nguyên, nghề nghiệp, trình độ văn hóa, và các nhân tố then chốt khác. Hơn thế nữa, nhiều

nền kinh tế khu vực này đang đạt đến quy mô kinh tế quốc gia chỉ cách đây một thế hệ. Nếu không nhận biết những thực tế trên thì tất cả mọi cố gắng của Chính phủ nhằm ổn định kinh tế, chống lạm phát và thất nghiệp, chỉ có thể gặp thất bại hoặc làm trầm trọng hơn tình hình.

Tất cả những khuynh hướng chống tập quyền trong chính trị, trong công ty hoặc tổ chức Nhà nước, trong kinh tế với sự phát triển thông tin đại chúng, trong sự phân phối tiềm năng computer, trong hệ thống năng lượng, và trong nhiều lĩnh vực khác, đang tạo ra một xã hội hoàn toàn mới và làm cho các luật lệ của ngày hôm qua trở thành lỗi thời.

CÁI NHỎ TRONG CÁI LỚN LÀ RẤT ĐẸP

Quy tắc tối đa hóa của Làn sóng thứ hai cũng đang bị tấn công. Chủ trương “lớn hơn là tốt hơn” đang bị tấn công dồn dập bởi “nhỏ là đẹp”. Các công ty lớn đang tích cực tìm cách thu nhỏ các đơn vị của họ. Các nền công nghệ mới và sự dịch chuyển về dịch vụ làm giảm rõ rệt quy mô vận hành. Các nhà máy hoặc văn phòng theo kiểu Làn sóng thứ hai với hàng ngàn người làm việc tại một chỗ sẽ trở thành hiếm có trong các quốc gia công nghệ cao.

Ngày nay, chúng ta đang bắt đầu nhận thức rằng cả to lớn lẫn nhỏ bé đều không đẹp, mà đẹp nhất là quy mô thích hợp và sự phối hợp thông minh của cả to lớn và nhỏ bé. Chúng ta đang thí

nghiệm những hình thức tổ chức mới tổng hợp ưu điểm của cả hai nhằm phối hợp các tổ chức quy mô lớn và quy mô nhỏ.

Sự tối đa hóa ở Làn sóng thứ hai đang ra đi. Quy mô phù hợp đang đến thay thế.

Xã hội cũng đang xem xét lại quy tắc "chuyên môn hóa" của Làn sóng thứ hai. Ngày nay, trong tất cả mọi lĩnh vực, kể cả chính trị, chúng ta thấy sự thay đổi cơ bản trong thái độ đối với chuyên gia. Một thời được xem như là nguồn đáng tin cậy về sự thông minh, các chuyên gia đang bị công chúng khinh rẻ. Họ bị phê phán liên tục về tệ theo đuổi tư lợi và về tầm nhìn hạn hẹp. Càng ngày càng có nhiều cố gắng giới hạn quyền lực của các chuyên gia bằng cách đưa thêm vào những người không có chuyên môn trong các cơ quan làm quyết định.

Nền văn minh Làn sóng thứ hai cũng khuyến khích một nguyên tắc khác: sự tập trung. Nó tập trung tiền bạc, năng lượng, tài nguyên và con người, nó đẩy dân cư tập trung ở thành phố. Ngày nay quy trình này đã bắt đầu đi ngược, chúng ta đang thấy sự phân tán địa lý ngày càng tăng. Về mặt năng lượng, chúng ta đang tách xa dần các nguồn nguyên liệu mỏ tập trung và đang dựa vào các hình thức phân tán năng lượng rộng hơn.

TỔ CHỨC CỦA TƯƠNG LAI

Khi tất cả những nguyên tắc Làn sóng thứ hai được kết hợp với nhau trong một tổ chức độc nhất, kết quả là chế độ quan liêu công nghiệp cổ

truyền: một tổ chức khổng lồ, cấp bậc, thường trực, từ trên xuống và máy móc, được thiết kế để sản xuất những sản phẩm giống nhau hoặc ra các quyết định lặp đi lặp lại trong một môi trường công nghiệp tương đối ổn định.

Chúng ta đang áp dụng những nguyên tắc mới và chúng ta cần có những loại tổ chức mới cho tương lai. Những tổ chức Làn sóng thứ ba này có hệ thống cấp bậc theo chiều ngang, ít nặng nề như kiểu theo chiều dọc từ trên xuống dưới. Chúng gồm các thành phần nhỏ liên kết với nhau theo những hình thể tạm thời. Mỗi thành phần này có mối quan hệ riêng của nó với thế giới bên ngoài, nó có chính sách đối ngoại riêng để tự quản mà không cần phải đi qua trung tâm. Các tổ chức này vận hành hầu như suốt ngày đêm.

Các tổ chức này cũng khác với tổ chức quan liêu ở một điểm cơ bản là chúng có thể đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nhau khi điều kiện cho phép. Chưa có từ ngữ để diễn tả tổ chức mới này của tương lai. Các từ “ma trận” hoặc “lâm thời” không diễn tả đầy đủ tổ chức mới. Nhưng dù chúng ta dùng từ nào chăng nữa, thì một điều gì đấy rất cách mạng vẫn đang xảy ra. Chúng ta đang tham dự không phải chỉ việc xuất hiện các dạng tổ chức mới, mà còn là sự xuất hiện của một nền văn minh mới. Những nguyên tắc mới Làn sóng thứ ba đang hình thành với những quy tắc cơ bản cho sự sống còn của xã hội.

Chương hai mươi

SỰ XUẤT HIỆN CỦA NGƯỜI "TIÊU SẢN"

NỀN KINH TẾ VÔ HÌNH

Trong Làn sóng thứ nhất, hầu hết mọi người tiêu thụ những gì họ tự sản xuất được. Họ không phải là người sản xuất cũng không phải là người tiêu thụ theo nghĩa thông thường. Họ có thể được gọi là “người tiêu sản”. Chính cuộc cách mạng công nghiệp đã chia tách hai chức năng này thành người tiêu thụ và người sản xuất. Sự chia tách này đã dẫn đến việc phát triển thị trường hoặc mạng lưới trao đổi buôn bán.

Chúng ta đã đi từ một xã hội nông nghiệp dựa trên “nền sản xuất để dùng” đến một xã hội công nghiệp dựa trên “nền sản xuất để trao đổi”. Tuy nhiên tình hình hiện nay phức tạp hơn, vì giống như đã có một số lượng nhỏ sản xuất để trao đổi trong Làn sóng thứ nhất, nên vẫn có một số lượng nhỏ sản xuất để tự dùng trong Làn sóng thứ hai. Do đó, cách rõ hơn để hiểu về kinh tế là xem nó gồm hai khu vực. Khu vực A gồm tất cả những công việc do người ta tự làm cho họ, cho gia đình họ, hoặc cho cộng đồng của họ. Khu vực B gồm tất cả những sản xuất về hàng hóa và dịch vụ để bán thông qua thị

trường hoặc mạng lưới trao đổi.

Như thế, chúng ta có thể nói rằng trong Làn sóng thứ nhất, khu vực A rất lớn và khu vực B rất nhỏ. Trong Làn sóng thứ hai, điều ngược lại là đúng. Thực vậy, sự sản xuất hàng hóa và dịch vụ cho thị trường phát triển đến nỗi các nhà kinh tế học Làn sóng thứ hai hầu như quên hẳn là đã có khu vực A. Chính từ ngữ “kinh tế” được định nghĩa để loại trừ tất cả các dạng công việc hoặc sản xuất không nhằm cho thị trường, và hình ảnh “người tiêu – sản” không còn nữa.

Điều này có nghĩa là công việc nội trợ trong nhà do phụ nữ đảm nhiệm bị xếp vào loại “phi kinh tế” dù rằng khu vực B - nền kinh tế có thể nhìn thấy được - sẽ không tồn tại nếu không có hàng hóa và dịch vụ được sản xuất trong khu vực A - nền kinh tế không nhìn thấy được. Nếu không ai ở nhà để chăm sóc trẻ em thì sẽ không có các hệ thống người làm việc được trả lương trong khu vực B, và như thế hệ thống sẽ tự sụp đổ. Các nhà kinh tế Làn sóng thứ hai quên rằng khả năng sản xuất của mỗi khu vực phụ thuộc lẫn nhau rất nhiều.

Ngày nay, khi các xã hội Làn sóng thứ hai đang gặp khủng hoảng, các nhà chính trị và chuyên gia vẫn còn đưa ra những con số thống kê kinh tế dựa hoàn toàn trên kinh doanh khu vực B. Họ lo lắng về “sự phát triển” và “sức sản xuất” đang suy thoái. Do đó chừng nào mà họ tiếp tục suy nghĩ theo cách Làn sóng thứ hai, chừng nào mà họ quên khu vực A và xem nó nằm ngoài nền kinh tế, thì họ không bao giờ có thể quản lý được

công việc kinh tế của chúng ta.

Nếu quan sát kỹ, chúng ta sẽ thấy có sự bất đầu thay đổi cơ bản trong mối quan hệ giữa hai khu vực này, chúng ta thấy đường phân chia đang mờ dần giữa người tiêu thụ và người sản xuất, và một điều nữa là vai trò ngày càng tăng của người tiêu sản. Và trên tất cả là sẽ có sự biến đổi vai trò của thị trường trong cuộc sống chúng ta và trong hệ thống thế giới.

CẤU TRÚC XÃ HỘI

Những người trong các xã hội công nghệ cao gặp khó khăn về tâm lý, sức khỏe, xã hội,... họ hình thành các nhóm để nói ra các vấn đề của mình và học hỏi lẫn nhau. Một số nhóm nghi ngờ các chuyên viên và họ tự làm các việc không cần chuyên gia, họ dựa hoàn toàn vào các lời khuyên lẫn nhau hoặc trên kinh nghiệm cuộc sống riêng của mình, chứ không dựa vào lời khuyên truyền thống của các chuyên gia. Một số thấy họ có bốn phận phải giúp đỡ những người gặp khó khăn. Một số người khác giữ vai trò chính trị nhằm vận động thay đổi trong các điều khoản luật pháp hoặc thuế má. Một số làm việc có tính chất như là tôn giáo. Còn những người khác nữa là những cộng đồng các thành viên sống chung với nhau.

Phong trào tự giúp đỡ lẫn nhau này đang cấu trúc lại môi trường xã hội. Những người nghiện thuốc, những người nói lắp, những người muốn tự tử, những người cờ bạc, gia đình đẻ con sinh đôi,

những người ăn quá nhiều, và những nhóm khác đang tạo thành mạng lưới dày đặc các tổ chức đan vào các gia đình Làn sóng thứ ba và cấu trúc công ty.

Dù ý nghĩa của các phong trào trên đối với tổ chức xã hội như thế nào đi nữa, chúng vẫn biểu lộ sự dịch chuyển cơ bản từ người tiêu dùng thụ động sang người tiêu – sản tích cực, và như thế là họ cũng nắm giữ ý nghĩa kinh tế. Mặc dù rất cuộc vẫn phụ thuộc vào thị trường và vẫn gắn bó với thị trường, họ đang chuyển hoạt động từ khu vực B sang khu vực A, từ khu vực trao đổi sang khu vực tiêu sản.

TỰ LÀM LẤY

Việc khách hàng tự làm lấy một phần công việc, tự phục vụ không phải là một điều mới mẻ. Các siêu thị đã thực hiện điều đó, trong hệ thống này người bán hàng được thay thế bằng chiếc xe đẩy, khách hàng tự làm lấy công việc mà trước đây người bán phải làm. Ngày nay hình thức này đang diễn ra khắp nơi, ví dụ các cửa hàng giảm giá đang phát triển là một bước đi theo hướng đó. Ngay cả trong cửa hàng giấy dép, từ lâu người bán hàng được xem như là cần thiết thì nay cũng được thay thế bởi khách hàng tự chọn lấy giấy dép.

Nguyên lý đó được áp dụng khắp nơi. Ngay trong lĩnh vực bảo quản các thiết bị máy móc dùng trong nhà cũng vậy, người sử dụng có thể tự chữa lấy những hỏng hóc nhỏ dưới sự hướng dẫn của nơi

bán máy móc thông qua hệ thống điện thoại, chứ không cần phải gọi thợ chuyên môn đến tận nhà để sửa chữa.

Như thế những gì thay đổi là mối quan hệ giữa người tự làm lấy và những người chuyên nghiệp về xây dựng, đồ gỗ, đồ điện. Ví dụ ở Mỹ trước đây 30% dụng cụ đồ điện được bán cho người tự làm lấy, 70% bán cho những người có tay nghề. Trong vòng 10 năm, con số đó bị đảo ngược: ngày nay 30% được bán cho người có tay nghề, hơn 70% bán cho người tự làm lấy.

Công nghiệp sản xuất đồ dùng tự làm lấy phát triển, điều dễ hiểu là vì giá thành nhiều dịch vụ tiếp tục leo thang, và khi giá thành dịch vụ càng cao thì chúng ta sẽ thấy càng ngày càng có nhiều người tự làm lấy. Điều đó có nghĩa là người ta sẽ được lợi hơn nếu tự sản xuất lấy những đồ dùng cho riêng của mình, và như thế là chuyển xa hơn hoạt động nền kinh tế từ khu vực A, từ sản xuất trao đổi sang tự tiêu - sản.

BÊN NGOÀI VÀ BÊN TRONG

Để nhìn thấy được tương lai dài hạn của sự phát triển này, chúng ta cần xem xét không phải chỉ dịch vụ mà còn là hàng hóa. Chúng ta sẽ thấy người tiêu thụ ngày càng bị lôi kéo vào trong quy trình sản xuất. Các nhà sản xuất ngày nay tuyển mộ, thậm chí trả lương khách hàng giúp thiết kế sản phẩm. Điều này không phải chỉ đúng cho các công nghiệp sản xuất sản phẩm bán trực tiếp cho

khách hàng như thức ăn, xà phòng, thuốc đánh răng v.v... mà còn đúng cho các công nghiệp tiên tiến như điện tử là ngành mà sự phi đại chúng hóa tiến triển nhanh nhất.

Tất cả các sản phẩm có thể chia thành 2 loại: sản phẩm “bên trong ra” và sản phẩm “bên ngoài vào”. Sản phẩm “bên ngoài vào” không do người sản xuất xác định mà do khách hàng xác định, và những sản phẩm bên ngoài này là rất lý tưởng. Chúng ta càng di chuyển hướng về sản xuất tiên tiến bao nhiêu, thì chúng ta càng phi đại chúng hóa và khách hàng hóa sản xuất bấy nhiêu, cùng với điều đó, sự tham gia của khách hàng vào quy trình sản xuất càng tăng lên bấy nhiêu.

Nói tóm lại, dù là phong trào tự giúp lẫn nhau, khuyến hướng tự làm lấy, hoặc công nghệ sản xuất mới, chúng ta đều thấy có sự dịch chuyển hướng về sự tham gia chặt chẽ hơn của người tiêu thụ vào quá trình sản xuất. Trong một thế giới như thế, những phân biệt truyền thống giữa người sản xuất và người tiêu thụ sẽ biến mất, “bên ngoài” trở thành “bên trong” và có nhiều sản xuất được dịch chuyển từ nền kinh tế khu vực B sang khu vực A ở nơi nào mà người tiêu sản chiếm ưu thế.

LỐI SỐNG CỦA NGƯỜI “TIÊU SẢN”

Các nhà văn thường định nghĩa thị trường như là một hiện tượng tư bản, dựa trên tiền bạc. Thế nhưng thị trường chỉ là một từ ngữ khác của mạng lưới trao đổi, và hiện đang có nhiều loại

mạng lưới trao đổi khác nhau. Ở phương Tây, dạng quen thuộc nhất là thị trường tư bản dựa trên tiền bạc, nhưng cũng có thị trường xã hội chủ nghĩa. Có thị trường dựa trên tiền bạc, nhưng cũng có thị trường dựa trên trao đổi. Thị trường không phải tư bản cũng không phải xã hội chủ nghĩa. Đó là hậu quả trực tiếp của sự tách biệt sản xuất ra khỏi tiêu thụ. Bất kỳ nơi nào sự tách biệt này xảy ra thì thị trường xuất hiện. Và bất kỳ nơi nào khoảng cách giữa tiêu thụ và sản xuất thu hẹp lại, thì toàn bộ chức năng, vai trò và quyền lực của thị trường bị đặt thành vấn đề. Do đó, việc xuất hiện của tiêu - sản ngày nay bắt đầu thay đổi vai trò của thị trường trong cuộc sống của chúng ta.

Chắc chắn thị trường hoặc khu vực B sẽ không biến mất. Chúng ta sẽ còn phụ thuộc nhiều và lâu dài vào thị trường. Tuy nhiên, vấn đề tiêu sản sẽ làm thay đổi nhận thức trong mối quan hệ giữa khu vực A và khu vực B, một mối quan hệ mà các nhà kinh tế Làn sóng thứ hai cho đến bây giờ hầu như quên mất.

Vì sự tiêu - sản liên quan đến việc phi thị trường hóa về một số hoạt động và do đó thay đổi rõ ràng vai trò thị trường trong xã hội. Có thể có một nền kinh tế của tương lai không giống như những gì mà chúng ta đã biết, một nền kinh tế không thiên về khu vực A hoặc khu vực B, nghĩa là một nền kinh tế không giống như nền kinh tế Làn sóng thứ nhất hoặc nền kinh tế Làn sóng thứ hai, mà thay vào đó có thể là sự hòa nhập các đặc tính của cả hai thành một sự tổng hợp lịch sử mới.

Do giá thành dịch vụ tăng, do sự phá vỡ hệ thống quan liêu dịch vụ Làn sóng thứ hai, do các công nghệ Làn sóng thứ ba, do các vấn đề thất nghiệp, và do những nhân tố khác đang tụ hội đã dẫn đến sự xuất hiện người tiêu sản cùng với lối làm việc và cách sắp xếp cuộc sống mới. Nếu chúng ta thừa nhận việc phi đồng bộ hóa và kiểu làm việc không hết ngày công, sự xuất hiện ngôi nhà điện tử, hoặc cấu trúc thay đổi về cuộc sống gia đình, chúng ta có thể bắt đầu phân biệt được một số những thay đổi trong lối sống này.

Như thế chúng ta đang tiến về một nền kinh tế tương lai với một số lớn người lao động có công việc không hết ngày công, hoặc ngày công được định nghĩa lại với tuần làm việc hoặc năm làm việc ngày càng ngắn hơn. Đã có một số lớn người lao động chỉ làm việc ba hoặc bốn ngày trong một tuần, họ có thể nghỉ sáu tháng để đi học hoặc giải trí. Điều này đặt lại vấn đề giải trí theo quan điểm mới. Một khi thừa nhận rằng hầu hết thời gian giải trí của chúng ta là để sản xuất hàng hóa và dịch vụ cho riêng chúng ta dùng - nghĩa là tiêu sản - thì sự phân biệt cũ giữa công việc và giải trí không còn tồn tại. Vấn đề không phải công việc so với giải trí, mà là công việc được trả lương cho khu vực B so với công việc không được trả lương, tự định hướng và tự giám sát cho khu vực A.

Trong bối cảnh Làn sóng thứ ba, lối sống với một nửa dựa trên sản xuất để trao đổi, một nửa dựa trên sản xuất để tiêu dùng thì lối sống đó cho thấy là thực tế hơn. Thật ra lối sống như thế đã là

phổ biến trong thời buổi đầu của cuộc cách mạng công nghiệp với số nông dân trong thời buổi đầu của cuộc sống thành phố. Trong một thời gian quá độ khá dài, hàng triệu người vừa làm việc ở nhà máy, vừa làm việc ở đồng ruộng, họ tự sản xuất thức ăn cho họ, họ mua vài thứ cần thiết, và tự làm những đồ dùng khác.

Có thể hình dung một thế hệ lớn lên trong môi trường làm việc không hết ngày công, rất nhiệt tình sử dụng đôi bàn tay của mình, được trang bị với nhiều thiết bị công nghệ nhỏ và không đắt tiền, họ đang tạo thành một bộ phận đáng kể của dân cư. Làm việc một thời gian chứ không phải cả năm, đôi khi nghỉ làm cả năm, họ có thể kiếm ít tiền hơn, nhưng bù lại họ tự cung cấp bằng lao động riêng của họ do đó khỏi phải mất tiền. Như thế có thể tạo ra các lối sống đa dạng và thay đổi luôn, ít đơn điệu hơn, tự thỏa mãn một cách sáng tạo hơn, ít tập trung thị trường hơn các lối sống do Làn sóng thứ hai tạo ra.

KINH TẾ HỌC LÀN SÓNG THỨ BA

Những thay đổi do sự xuất hiện của người tiêu sản tác động mạnh vào kinh tế học. Các nhà kinh tế học sẽ phải phát triển một khái niệm mới và tổng thể hơn về kinh tế, nghĩa là phải biết hai khu vực đó liên quan với nhau như thế nào.

Khi Làn sóng thứ ba bắt đầu cấu trúc lại nền kinh tế thế giới, ngành kinh tế học bị tấn công dữ dội vì sự bất lực của nó không giải thích được

230

những gì đang xảy ra. Những công cụ phức tạp nhất của nó, gồm cả các mô hình và ma trận computơ hóa, báo cho chúng ta biết ngày càng ít thông tin về nền kinh tế đang hoạt động như thế nào. Thực vậy, nhiều nhà kinh tế học kết luận rằng tư tưởng kinh tế truyền thống của cả tư bản lẫn mác xít đều không có quan hệ với thực tế đang thay đổi nhanh.

Một lý do then chốt có thể là vì ngày càng có nhiều thay đổi quan trọng nằm ngoài khu vực B, nghĩa là nằm ngoài toàn bộ quy trình trao đổi. Để đưa kinh tế học gắn lại với thực tế, các nhà kinh tế học Luân sồng thứ ba sẽ cần phát triển những mô hình mới, những biện pháp mới, những chỉ số mới cho việc diễn tả các quy trình trong khu vực A, và sẽ phải suy nghĩ lại nhiều giả thiết cơ bản từ sự xuất hiện của người tiêu sản.

Một khi chúng ta thừa nhận các mối quan hệ chặt chẽ liên kết sản xuất đo được (và sức sản xuất) ở khu vực B và sản xuất không đo được (và sức sản xuất) ở khu vực A (tức là nền kinh tế vô hình), thì chúng ta buộc phải định nghĩa lại những từ ngữ này. Kiến thức, kinh nghiệm, danh dự, và động cơ của người tiêu thụ ảnh hưởng đến sức sản xuất dịch vụ. Nhưng ngay cả trong những từ ngữ này, "sức sản xuất" của người tiêu thụ vẫn được nhìn theo khía cạnh của khu vực B, có nghĩa chỉ như là một phần đóng góp vào sản xuất để trao đổi. Như thế không có sự thừa nhận rằng sản xuất hiện nay cũng đang xảy ra ở khu vực A, nghĩa là hàng hóa và dịch vụ được sản xuất tự dùng là có

thật, và chúng có thể thay thế hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ở khu vực B. Các cơ sở đồ sản xuất truyền thống, đặc biệt là cơ sở đồ Tổng sản phẩm thu nhập quốc dân, càng ngày càng ít có ý nghĩa hơn cho đến khi chúng ta mở rộng sơ đồ cho phép bao gồm cả những gì xảy ra ở khu vực A.

Sự hiểu biết về việc xuất hiện người tiêu sản cũng giúp nhìn rõ hơn khái niệm giá cả. Chúng ta sẽ hiểu vấn đề tốt hơn nếu chúng ta thừa nhận rằng tính hiệu quả của người tiêu sản trong khu vực A có thể dẫn đến giá thành cao hơn hoặc thấp hơn cho các công ty hoặc cơ quan Nhà nước hoạt động trong khu vực B. Ví dụ, tỉ lệ cao về nghiện rượu, khủng hoảng tinh thần trong lực lượng lao động, tất cả đều cộng vào "giá thành hoạt động kinh doanh" như đã được đo trong khu vực B. Do đó nếu các nhóm tự giúp đỡ lẫn nhau làm giảm bớt những tình trạng như thế trong lực lượng lao động, thì giá thành hoạt động sẽ giảm. Hiệu suất tiêu sản ảnh hưởng hiệu suất sản xuất.

Những nhân tố tế nhị hơn cũng ảnh hưởng đến giá thành sản xuất trong kinh doanh. Khả năng biết đọc, biết viết của người lao động như thế nào? Họ nói cùng một ngôn ngữ không? Về văn hóa họ có đáp ứng được công việc không? Kỹ năng xã hội hóa được trong cuộc sống gia đình làm tăng thêm hay làm giảm bớt khả năng nghề nghiệp của họ? Tất cả những đặc tính, thái độ, giá trị, kỹ năng và động cơ cần thiết cho sức sản xuất cao trong khu vực B, được sản xuất, hay nói chính xác hơn được tiêu sản trong khu vực A. Sự xuất hiện của

người tiêu sản, nghĩa là sự hợp nhất người tiêu thụ vào sản xuất, sẽ bắt buộc chúng ta xem xét kỹ hơn những mối tương quan như thế.

Sự thay đổi đó cũng buộc chúng ta phải định nghĩa lại hiệu suất. Ngày nay trong việc định nghĩa hiệu suất, các nhà kinh tế học so sánh sự khác nhau trong việc sản xuất cùng một sản phẩm hoặc dịch vụ. Họ ít khi so sánh hiệu suất nó trong khu vực B đối với hiệu suất tiêu sản nó trong khu vực A. Thế nhưng đây chính là điều mà hàng triệu người đang làm. Một khi mức độ thu nhập được bảo đảm thì họ thấy rằng có lợi cả về kinh tế và tâm lý trong việc tiêu sản hơn là kiếm thêm tiền. Các nhà kinh tế học hoặc kinh doanh không thể phát hiện ảnh hưởng tiêu cực của hiệu suất khu vực B đối với khu vực A. Chúng ta có thể thấy rằng những gì dường như không có hiệu quả theo từ ngữ truyền thống khu vực B, lại vô cùng có hiệu quả khi chúng ta xem xét toàn bộ nền kinh tế chứ không phải một bộ phận của nó. Nói rõ hơn “hiệu suất” phải tính đến cả những ảnh hưởng phụ, và cho cả hai khu vực của nền kinh tế chứ không phải chỉ cho một khu vực.

Đối với khái niệm như “thu nhập”, “phúc lợi”, “nghèo khổ” hoặc “thất nghiệp” thì như thế nào? Nếu một người sống một nửa trong hệ thống và một nửa ngoài hệ thống thị trường, sản phẩm nào phải được xem như là một phần thu nhập của họ? Chúng ta định nghĩa phúc lợi như thế nào trong một hệ thống như thế? Người nhận phúc lợi có phải làm việc không? Nếu làm việc thì tất cả công

việc có cần ở trong khu vực B không? Hoặc có cần khuyến khích người nhận phúc lợi trở thành tiêu - sản không?

Ý nghĩa thật sự của “thất nghiệp” là gì? Một người công nhân xe ô tô bị thất nghiệp đang tự chữa ở nhà có cùng nghĩa với người thất nghiệp ngồi xem ti vi hay không? Sự xuất hiện người tiêu sản bắt buộc phải xem xét lại toàn bộ cách nhìn của chúng ta một mặt về vấn đề thất nghiệp, mặt khác về vấn đề phí phạm, quan liêu và sự hạn chế khối lượng công việc để khỏi có nạn thất nghiệp. Các xã hội Làn sóng thứ hai đã cố gắng đối phó với vấn đề thất nghiệp bằng những cách như chống lại công nghệ mới, đóng cửa không cho nhập cư, tạo ra sự trao đổi lao động, tăng xuất khẩu, giảm nhập khẩu, lập ra các chương trình tạo việc làm, cắt bớt giờ làm việc, tăng tính cơ động lao động, trục xuất cả một số dân cư, và ngay cả tiến hành chiến tranh để kích thích kinh tế. Thế nhưng vấn đề ngày càng trở nên phức tạp và khó khăn hơn. Có thể nào vấn đề cung cấp nguồn lao động được giải quyết thích hợp trong khuôn khổ xã hội Làn sóng thứ hai? Bằng cách xem nền kinh tế như là một tổng thể chứ không phải một phần của nó, chúng ta nhìn nhận lại vấn đề theo cách mới, điều đó liệu có giúp chúng ta giải quyết được vấn đề hay không?

Sự xuất hiện người tiêu sản chắc chắn sẽ làm thay đổi toàn bộ quan điểm kinh tế của chúng ta. Nó cũng sẽ làm biến đổi cơ sở của sự xung đột kinh tế. Mâu thuẫn giữa người công nhân - sản xuất và người quản lý sản xuất chắc chắn sẽ còn tiếp tục.

Nhưng điều đó sẽ trở thành ít quan trọng khi việc tiêu sản tăng lên và chúng ta tiến sâu vào xã hội Làn sóng thứ ba. Những xung đột xã hội mới sẽ xuất hiện.

CHẤM DỨT THỊ TRƯỜNG HÓA

Nhân loại đã bận rộn xây dựng một mạng lưới trao đổi rộng khắp thế giới - một thị trường ít nhất trong 10.000 năm. Trong 300 năm qua, kể từ khi Làn sóng thứ hai bắt đầu, quy trình này tiến mạnh với tốc độ cao. Nền văn minh Làn sóng thứ hai đã "thị trường hóa" thế giới. Ngày nay khi vấn đề tiêu sản xuất hiện, quy trình này đến lúc phải chấm dứt.

Ý nghĩa lịch sử to lớn của điều này sẽ không được đánh giá đúng nếu chúng ta không nhận thức rõ thị trường hoặc mạng lưới trao đổi là gì. Hãy tưởng tượng nó như là một ống dẫn dầu. Khi cuộc cách mạng công nghiệp mới xuất hiện trên trái đất, rất ít người trên hành tinh bị trói buộc vào hệ thống tiền tệ. Thương mại hiện hữu nhưng xã hội bị ảnh hưởng của thương mại rất ít. Những mạng lưới khác nhau của người bán buôn, người phân phối, người bác sĩ, chủ ngân hàng và các thành phần khác của hệ thống thương mại còn nhỏ và thô sơ, chỉ cung cấp một ít ống dẫn nhỏ mà thông qua đó hàng hóa và tiền bạc có thể lưu thông.

Trong 300 năm chúng ta đã rút năng lượng trái đất để xây dựng đường ống dẫn này. Nó được thực hiện theo ba cách. Đầu tiên, các nhà buôn và

những tên thực dân của nền văn minh Làn sóng thứ hai đi khắp trái đất, mời mọc hoặc ép buộc các dân cư khác gia nhập vào thị trường, nghĩa là sản xuất nhiều hơn và tiêu sản ít hơn. Các bộ lạc ở châu Phi sống bằng tự cung tự cấp bị quyến rũ hoặc bị buộc phải trồng trọt và đào mỏ đồng. Nông dân châu Á bị bắt làm việc ở các đồn điền, lấy mủ cao su. Người Nam Mỹ trồng cà phê để bán cho châu Âu và Hoa Kỳ. Với một sự phát triển như thế, đường ống dẫn được xây dựng hoặc được hình thành tinh vi hơn và càng ngày càng có nhiều người phụ thuộc vào nó.

Cách thứ hai mà thị trường phát triển là thông qua việc “tiện nghi hóa” cuộc sống. Không phải chỉ có phần lớn dân cư vướng víu vào thị trường, mà càng ngày càng có nhiều hàng hóa và dịch vụ được thiết kế cho thị trường, đòi hỏi một sự mở rộng liên tục về “dung lượng kênh” của hệ thống, nghĩa là sự mở rộng đường kính của đường ống.

Sau cùng, thị trường được mở rộng theo một cách khác. Khi xã hội và kinh tế phát triển phức tạp hơn, số trung gian chuyển hàng hóa từ người sản xuất đến người tiêu thụ tăng lên, nghĩa là các chi nhánh mọc ra càng nhiều. Sự phức tạp hóa ngày càng tăng này của hệ thống tự nó là một hình thức phát triển xa hơn, giống như việc lắp thêm các đường ống đặc biệt và vun vào ống dẫn.

Ngày nay tất cả các dạng phát triển thị trường này đang đạt đến giới hạn của chúng. Số người còn lại bị hút vào thị trường. Thị trường hết

khả năng phát triển bằng việc quyển rũ số dân cư mới. Dạng phát triển thứ hai vẫn còn có khả năng trên lý thuyết. Có thể có thêm dịch vụ hoặc hàng hóa để bán hoặc để trao đổi. Chính điểm này mà sự xuất hiện người tiêu sản trở thành có ý nghĩa. Các mối quan hệ giữa khu vực A và khu vực B là phức tạp, nhiều hoạt động của người tiêu sản phụ thuộc vào việc mua vật liệu hoặc dụng cụ ở thị trường. Nhưng sự gia tăng về việc tự giúp đỡ lẫn nhau, phi thị trường hóa nhiều hàng hóa và dịch vụ cho thấy sự kết thúc quá trình thị trường hóa.

Sau cùng, độ phức tạp về phân phối gia tăng, cấp trung gian sinh ra ngày càng nhiều, nghĩa là sự tỉ mỉ ngày càng tăng của đường ống dẫn hình như cũng đang đạt đến đỉnh. Giá thành trao đổi đang vượt quá giá thành sản xuất vật liệu trong nhiều lĩnh vực. Ở một điểm nào đấy, quy trình này đạt đến giới hạn. Trong khi đó máy computer và một số công nghệ khác cần hàng tồn kho nhỏ hơn và làm đơn giản đường dây phân phối. Một lần nữa, bằng chứng cho thấy sự chấm dứt thị trường hóa đang đến gần.

Nếu thị trường chấm dứt, điều này có ý nghĩa gì đối với công việc, giá trị và tâm lý của chúng ta? Thị trường là cấu trúc mà thông qua đó hàng hóa và dịch vụ được phân đường. Hơn thế nữa, đó không phải đơn giản là cấu trúc kinh tế, mà còn là cách tổ chức con người, cách suy nghĩ một đặc tính và sự mong chờ. Như thế thị trường là một cấu trúc tâm lý cũng như là thực tế kinh tế. Và những hậu quả của nó vượt quá xa khả năng kinh tế học.

Bằng việc hàng tỉ người quan hệ qua lại với nhau một cách có hệ thống, thị trường đã tạo ra một thế giới mà trong đó không ai, không quốc gia nào, không nền văn minh nào có thể khép kín số phận của mình. Nó dẫn đến niềm tin rằng sự hợp nhất vào thị trường là “tiến bộ” và tự cung tự cấp là “lạc hậu”. Nó truyền bá chủ nghĩa duy vật thông thường và niềm tin rằng kinh tế học và động cơ kinh tế là những động lực chính trong cuộc sống con người. Nó nuôi dưỡng quan điểm về cuộc sống như là sự nổi sống con người. Nó nuôi dưỡng quan điểm về cuộc sống như là sự nối tiếp nhau của việc thực hiện các hợp đồng, và về xã hội như được gắn bó với nhau “hợp đồng hôn nhân” hoặc “hợp đồng xã hội”. Như thế, thị trường hóa định hình tư tưởng và giá trị, và hành động của hàng tỉ người cũng như là phong thái của nền văn minh Làn sóng thứ hai.

Sự đầu tư to lớn về thời gian, năng lượng, vốn, văn hóa và nguyên liệu để tạo ra một tình hình trong đó người đại lý mua hàng ở châu Mỹ có thể hoạt động kinh doanh với một người bán hàng không nhìn thấy, không quen biết ở châu Á - mỗi người với một bàn tính hoặc máy computer riêng, mỗi người ở một hình ảnh chủ quan về thị trường, mỗi người với những mong chờ ở người kia, người nào thực hiện nhiệm vụ của người ấy như mỗi phần của một hệ thống toàn cầu khổng lồ liên quan hàng triệu, hàng tỉ người khác.

Nền văn minh Làn sóng thứ hai đã thị trường hóa thế giới. Ngày nay nhiệm vụ đó đã hoàn thành.

Thời đại xây dựng thị trường đã chấm dứt, cần phải thay thế bằng một giai đoạn mới với sự bảo quản và đổi mới đường ống dẫn. Chúng ta chắc chắn phải thiết kế lại các phần quan trọng của nó để thích ứng với luồng thông tin đang gia tăng. Nếu nền văn minh mới này sẽ phụ thuộc ngày càng nhiều vào điện tử, sinh học và các công nghệ xã hội mới, nó chắc chắn sẽ cần tài nguyên, trí tưởng tượng và vốn. Song so với cố gắng đã kiệt cạn trong việc thị trường hóa của Làn sóng thứ hai, thì chương trình tái sinh này cần thời gian, năng lượng, vốn và trí tưởng tượng ít hơn. Nó cần ít người và ít phần cứng hơn trong quy trình xây dựng đầu tiên. Tuy nhiên sự biến đổi phức tạp cho thấy rằng thị trường hóa không còn là đề án trung tâm của nền văn minh.

Chương hai mươi một

VŨNG NƯỚC XOÁY TRÍ TUỆ

Chưa bao giờ có nhiều người ở nhiều nước bị bối rối về tri thức như bây giờ, bị chìm ngập trong vũng nước xoáy của các tư tưởng xung đột và nhằm lẫn. Những tầm nhìn va chạm nhau đang làm rung chuyển thế giới trí tuệ của chúng ta.

Mỗi ngày lại có thêm các thú vui kỳ quái, phát minh khoa học, tôn giáo, phong trào, hoặc tuyên ngôn; sùng bái thiên nhiên, sinh - xã hội học, chủ nghĩa vô Chính phủ, thuyết cấu trúc, chủ nghĩa Mác mới, thuyết vật lý mới, thần bí phương Đông, thích công nghệ, ghét công nghệ, và hàng ngàn luồng tư tưởng như thế tràn qua nhận thức.

Hầu hết sự hỗn độn này là kết quả của một cuộc chiến tranh văn hóa dữ dội, sự xung đột của nền văn hóa Làn sóng thứ ba với những tư tưởng và giả thiết của xã hội công nghiệp. Vì giống như Làn sóng thứ hai đã truyền bá các quan điểm và hệ thống niềm tin, ngày nay chúng ta thấy sự bắt đầu của cuộc nổi loạn triết học nhằm lật nhào những nhận thức thống trị trong 300 năm qua. Những tư tưởng then chốt của giai đoạn công nghiệp đang bị giảm uy tín, bị coi nhẹ, bị thay thế, hoặc bị gộp vào trong những lý thuyết rộng lớn hơn

240

và mạnh hơn.

Những niềm tin cốt lõi của nền văn minh Làn sóng thứ hai không phải được chấp nhận dễ dàng mà không có sự đấu tranh dữ dội. Trong giáo dục, trong khoa học, trong tôn giáo, trong hàng ngàn lĩnh vực khác, những nhà tư tưởng “tiến bộ” của chủ nghĩa công nghiệp đã chiến đấu chống lại các nhà tư tưởng “phản động” của xã hội nông nghiệp. Ngày nay các nhà bảo vệ chủ nghĩa công nghiệp đang bị dồn đến chân tường khi một nền văn hóa mới Làn sóng thứ ba bắt đầu hình thành.

HÌNH ẢNH MỚI CỦA THIÊN NHIÊN

Không gì làm nổi bật sự xung đột tư tưởng này hơn hình ảnh thay đổi về thiên nhiên của chúng ta.

Trong thập kỷ qua, một phong trào môi trường rộng khắp thế giới đã xuất hiện để trả lời cho những thay đổi đầy nguy hiểm trong môi trường, sinh học của trái đất. Phong trào này không chỉ tấn công vào tình trạng ô nhiễm, chất phụ gia thực phẩm, lò phản ứng hạt nhân, đường cao tốc và thuốc xịt tóc, nó còn bắt buộc chúng ta phải suy nghĩ lại về sự phụ thuộc của chúng ta vào thiên nhiên. Do đó, thay vì tiến hành chiến tranh với thiên nhiên, chúng ta đang hướng về quan điểm mới nhấn mạnh sự cộng sinh hoặc sống hài hòa với thiên nhiên.

Tất cả những điều này được phản ánh trong thái độ của mọi người đối với thiên nhiên. Thơ ca,

phim ảnh ca ngợi thiên nhiên. Người sống ở thành phố chuyển ra ở nông thôn. Quan tâm đến thực phẩm tự nhiên, sinh đẻ tự nhiên, nuôi con bằng sữa mẹ, nhịp điệu sinh học v.v...

Từ khi Làn sóng thứ ba bắt đầu, cách đây chừng 25 năm, các nhà khoa học đã phát triển các công cụ mới để thăm dò thiên nhiên ở nơi xa nhất. Đến lượt các loại la de, tên lửa, gia tốc, plátma, computo... đã làm bùng nổ nhận thức của chúng ta về những gì xung quanh chúng ta. Chúng ta đang xem xét các hiện tượng lớn hơn, nhỏ hơn, và nhanh hơn theo độ lớn. Ngày nay người ta cho rằng trái đất không phải là hành tinh độc nhất có người ở.

Khi Làn sóng thứ ba xuất hiện, hành tinh của chúng ta dường như nhỏ hơn và mỏng manh hơn. Vị trí của chúng ta trong vũ trụ dường như bé đi. Và chúng ta không phải là độc nhất trong vũ trụ.

Hình ảnh của chúng ta đối với thiên nhiên không còn như cũ nữa.

THIẾT KẾ SỰ TIẾN HÓA

Hình ảnh của chúng ta đối với sự tiến hóa cũng không còn như cũ nữa. Các nhà sinh học, khảo cổ học, và nhân chủng học cố gắng phát hiện ra những bí mật của tiến hóa, lại thấy một thế giới lớn hơn và phức tạp hơn họ tưởng, họ phát hiện ra rằng những định luật một thời được xem như là phổ thông thì nay chỉ là những trường hợp đặc biệt.

Trong lĩnh vực sinh học, các nhà khoa học đang tự hỏi và phải có sự tiến hóa xã hội là sự đáp ứng với thay đổi và chọn lọc tự nhiên hay đó là sự tích lũy thay đổi ở cấp phân tử do “sự tiến triển gen” mà không có hoạt động của sự chọn lọc tự nhiên Đacuyn? Những nhận thức khác đều bị phá vỡ. Các nhà sinh học đã nói với chúng ta rằng eukaryotes (nhân loại và các dạng sống khác) đều xuất phát từ các tế bào đơn giản gọi là prokaryotes (trong đó có vi khuẩn). Những nghiên cứu mới đang đặt lại vấn đề lý thuyết đó, đang dẫn đến khái niệm rằng dạng sống đơn giản xuất phát từ những tế bào phức tạp hơn.

Hơn thế nữa, sự tiến hóa biệt đãi những thích nghi làm tăng sự tồn tại. Thế nhưng bây giờ chúng ta đang thấy những ví dụ về phát triển tiến hóa dường như chỉ ban cho những ích lợi dài hạn và phải trả giá bằng những bất lợi ngắn hạn. Vậy tiến hóa biệt đãi cái gì? Có tư tưởng cho rằng sự tiến hóa có thể xảy ra nhảy vọt cũng như là thông qua sự phát triển dần dần của những thay đổi nhỏ.

Thực vậy, thay vì xem biến hóa như là một quy trình nhịp nhàng nhiều nhà khoa học và khảo cổ ngày nay đang nghiên cứu “lý thuyết tai biến” để giải thích những “khe hở” và những “bước nhảy” trong các nhánh khác nhau của tiến hóa. Những người khác nghiên cứu những thay đổi nhỏ được tăng cường bằng hồi tiếp (Feedback) để biến đổi cấu trúc đột ngột. Những cuộc tranh luận nóng bỏng phân chia cộng đồng khoa học theo từng vấn đề này.

Nhưng tất cả những cuộc tranh luận như thế trở thành nhỏ đi bởi một sự kiện làm thay đổi lịch sử. Đó là cấu trúc của ADN được làm sáng tỏ. Ngày nay, các kỹ sư gen trong các phòng thí nghiệm khắp thế giới có khả năng tạo ra các dạng sống hoàn toàn mới.

Các nhà tư tưởng Làn sóng thứ hai nhận thức loài người như là cực điểm của một quy trình tiến hoá dài, các nhà tư tưởng Làn sóng thứ ba bây giờ phải đối diện với sự kiện rằng chúng ta sẽ trở thành những người thiết kế sự tiến hóa. Sự tiến hóa không còn giống như cũ nữa. Giống như khái niệm về thiên nhiên, sự tiến hóa cũng đang ở trong quy trình phải được nhận thức lại.

CÂY TIẾN BỘ

Khi những tư tưởng Làn sóng thứ hai về thiên nhiên và tiến hóa đang thay đổi, thì không có gì đáng ngạc nhiên nếu tư tưởng Làn sóng thứ hai về tiến bộ đang bị đánh giá lại. Mỗi khi có một phát minh khoa học mới hoặc một sản phẩm cải tiến mới thì kỷ nguyên công nghiệp xem đó như là bằng chứng về sự tiến lên không tránh được hướng về sự hoàn hảo nhân loại.

Những năm 50 và 60 phong trào hippie đã làm chủ đề văn hóa về con người trở nên bị quan. Những phong trào này đã thay thế sự lạc quan bằng sự tuyệt vọng. Nhưng ngay sau đó sự bị quan đã trở thành lịch sử một cách tích cực. Phim ảnh những năm đó đã thay thế các anh hùng ba hoa của

244

những năm 30 và 40 bằng những người chống anh hùng đáng ghét - những người nổi loạn không có lý do, găng tơ bảnh bao, người nghiện ngập có sức quyến rũ, người lái xe mô tô, và những tên lưu manh thô bạo (nhưng có tâm hồn). Cuộc sống là một trò chơi chẳng ai thắng cả. Tiểu thuyết, kịch và nghệ thuật cũng bị kích thích bởi sự tuyệt vọng thể thảm trong nhiều quốc gia Làn sóng thứ hai. Đầu những năm 50 Camus đã nói về những chủ đề mà vô số các nhà viết tiểu thuyết sau đó tiếp tục khai thác. Một nhà phê bình người Anh tóm tắt các chủ đề như sau: "Con người là sai lầm, lý thuyết chính trị là tương đối, tiến bộ tự động hóa là ảo vọng".

Công nghệ thay vì được diễn tả như là động cơ tiến bộ lại trở thành lực lượng tàn phá cả tự do con người lẫn môi trường vật lý. Khi xã hội Làn sóng thứ hai bước vào những năm 70, thì Câu lạc bộ Rome dự báo về "những giới hạn phát triển" với một giọng tang tóc về thập kỷ tiếp theo, họ nói đến một thảm họa cho thế giới công nghiệp. Lệnh cấm vận đầu năm 1973 làm gia tăng sự biến động, thất nghiệp và lạm phát, làm tăng thêm sự bi quan và sự bác bỏ về tư tưởng đối với tiến bộ nhân loại. Henry Kissinger đã nói về sự suy thoái của phương Tây càng làm lạnh xương sống thêm.

Ngày nay khắp thế giới lan truyền nhanh sự thừa nhận rằng sự tiến bộ không thể chỉ đo bằng công nghệ hoặc mức sống vật chất, rằng một xã hội suy thoái về đạo đức, thẩm mỹ, chính trị hoặc môi trường không phải là một xã hội tiến bộ, dù rằng xã hội đó giàu có hoặc công nghệ tiên tiến như thế

nào. Nói tóm lại, chúng ta đang ngày càng hiểu biết hơn về sự tiến bộ - sự tiến bộ không còn được thực hiện một cách tự động và không còn chỉ được xác định bởi tiêu chuẩn vật chất.

Chúng ta bắt đầu nghĩ về sự tiến bộ như là sự nở hoa của một cái cây với nhiều nhánh kéo dài vào tương lai, và chính sự đa dạng, phong phú, sự dịch chuyển văn hóa nhân loại là thước đo của sự tiến bộ. Theo nghĩa này, sự dịch chuyển ngày nay tiến về một thế giới đa dạng và phi đại chúng hóa có thể được xem như là một bước nhảy quan trọng, điều đó tương tự như trong khuynh hướng tiến về sự khác biệt và sự phức tạp của tiến hóa sinh học.

TƯƠNG LAI CỦA THỜI GIAN

Mỗi nền văn minh xuất hiện theo nó không chỉ những thay đổi về cách con người sử dụng thời gian trong cuộc sống hàng ngày, mà cả những thay đổi trong những bản đồ tinh thần về thời gian. Làn sóng thứ ba đang vẽ lại những bản đồ thời gian này.

Nền văn minh Làn sóng thứ hai từ Niu tôn trở đi cho rằng thời gian chạy trên một đường thẳng độc nhất từ quá khứ vào tương lai, rằng thời gian là tuyệt đối, đồng đều xuyên suốt vũ trụ, độc lập với vật chất và không gian và rằng mỗi thời điểm là giống với thời điểm sắp đến.

Vào đầu thế kỷ Anhxtanh đã chứng minh rằng thời gian có thể bị co ép và bị kéo dài, và đã phá huỷ hoàn toàn khái niệm cho rằng thời gian là tuyệt đối.

Để chứng minh điều đó, ông ta đã đưa ra một ví dụ cổ điển về hai người quan sát và đường sắt. Ví dụ đó đã làm rõ luận điểm của Anhxtanh cho rằng thứ tự thời gian của các biến cố - những gì đến đầu tiên, đến thứ hai, hoặc đến sau theo thời gian - phụ thuộc vào tốc độ của người quan sát. Thời gian không phải là tuyệt đối mà là tương đối.

Ngày nay mỗi khi các nhà vật lý học phát hiện ra các hạt cơ bản hoặc hiện tượng vật lý học thiên thể như quark, quasar, lỗ đen... đều bắt phải có những thay đổi trong nhận thức về thời gian của chúng ta. Ví dụ lỗ đen hấp thụ tất cả từ năng lượng cho đến ánh sáng, và một thời điểm cạnh lỗ đen tương đương với thời kỳ đồ đá trên trái đất.

Trong thế giới vi mô chúng ta cũng có những hiện tượng kỳ lạ như thế. Khái niệm vi mô về thời gian rất khác với thế giới vĩ mô. Do đó, "thời gian" không thể được nói theo số ít, dường như có "thời gian" số nhiều dưới những định luật khác nhau ở trong những khu vực khác nhau mà chúng ta cư trú. Như thế chúng ta đang cấu trúc lại một cách cơ bản việc sử dụng thời gian, như bằng việc đưa thời gian linh động vào công việc, bằng việc tách công nhân ra khỏi dây chuyền cơ khí v.v.. chúng ta cũng đang lập thành hệ thống hình ảnh lý thuyết của chúng ta về thời gian.

NGƯỜI DU HÀNH KHÔNG GIAN

Những thay đổi trong khái niệm của chúng ta về thời gian cũng ảnh hưởng đến khái niệm của

chúng ta về không gian vì cả hai gắn bó mật thiết với nhau. Nhưng chúng ta cũng biến đổi hình ảnh về không gian rất nhanh chóng. Chúng ta đang thay đổi không gian hiện nay mà trong đó tất cả chúng ta sống, làm việc và chơi. Chúng ta đi làm việc như thế nào, chúng ta phải đi bao xa, chúng ta sống ở đâu, tất cả những điều này ảnh hưởng kinh nghiệm của chúng ta về thời gian. Và tất cả những điều này đang thay đổi. Thực vậy, với Làn sóng thứ ba chúng ta đi vào giai đoạn mới trong mối quan hệ của con người với không gian.

Làn sóng thứ nhất đã phát triển nông nghiệp trên thế giới cùng với sự định cư canh tác thường trực mà trong đó hầu hết mọi người sống cả cuộc đời của họ cách nơi họ sinh ra chừng vài dặm. Nông nghiệp đã tạo ra cuộc sống tập trung về không gian cố định, và khuyến khích những tình cảm địa phương sâu đậm - tinh thần làng xã.

Ngược lại nền văn minh Làn sóng thứ hai đã tập trung số đông dân cư trong các thành phố lớn, và bởi vì nó cần lấy tài nguyên và phân phối hàng hóa ở nơi xa cách nên nó phải sinh sản những người cơ động. Nó tạo ra không gian bao quát là thành phố và quốc gia chứ không phải là làng mạc...

Nền văn minh Làn sóng thứ ba thay đổi kinh nghiệm không gian của chúng ta bằng sự phân tán chứ không phải tập trung dân cư. Trong khi tại các nước công nghiệp đang phát triển hàng triệu người tiếp tục đổ vào đô thị, thì tại các nước công nghiệp phát triển lại đang diễn ra sự đảo ngược, các đô thị đang mất dần dân cư thì các thành phố trung bình

và nhỏ đang được tăng thêm dân cư.

Sự phân phối và sự phân tán dân cư sẽ thay đổi nhận thức và mong chờ của chúng ta về không gian cá nhân và xã hội, về cự ly nơi làm việc chấp nhận được, về mật độ nhà cửa, và về nhiều việc khác.

THUYẾT TOÀN THỂ VÀ THUYẾT BÁN PHẦN

Những thay đổi trong quan điểm của chúng ta về thiên nhiên, tiến hóa, tiến bộ, thời gian và không gian đến cùng với nhau khi chúng ta chuyển từ nền văn minh Làn sóng thứ hai với cách nghiên cứu sự việc độc lập với nhau sang nền văn minh Làn sóng thứ ba với sự nhấn mạnh về bối cảnh, mối quan hệ và cái toàn thể.

Đầu những năm 50, các nhà lý thuyết và kỹ sư thông tin, các chuyên gia computer, các nhà vật lý ở Mỹ, Anh và Pháp đã tiến hành công việc “nghiên cứu tích cực”. Công việc này sinh ra cuộc cách mạng tự động hóa và một ngành công nghệ hoàn toàn mới làm nền tảng cho nền sản xuất Làn sóng thứ ba trong nhà máy và văn phòng. Cùng với việc đó là cách suy nghĩ mới, vì sản phẩm then chốt của cuộc cách mạng tự động hóa là “cách đặt vấn đề hệ thống”.

Trong khi các nhà tư tưởng Làn sóng thứ hai nhấn mạnh sự phân tích yếu tố mà bỏ qua hệ thống, các nhà tư tưởng hệ thống nhấn mạnh sự phân tích tổng thể. Cách suy nghĩ hệ thống chú

trọng đến các mối quan hệ hồi tiếp (Feedback) giữa các hệ thống nhỏ và toàn bộ hệ thống lớn, nó có tác động văn hóa thâm nhập khắp nơi, kể từ giữa những năm 50 khi nó bắt đầu ra khỏi các phòng thí nghiệm. Ngôn ngữ và khái niệm của nó đã được sử dụng bởi các nhà khoa học xã hội và các nhà tâm lý học, bởi các nhà triết học và các nhà phân tích chính sách đối ngoại, bởi các nhà logic học và các nhà ngôn ngữ học, bởi các kỹ sư và các nhà quản trị.

Nhưng những người ủng hộ lý thuyết hệ thống không phải là những người duy nhất đã thúc giục cách hợp nhất để xem xét vấn đề. Cuộc nổi loạn chống lại việc chuyên môn hóa hẹp cũng đã nhận được sự tán thành từ các chiến dịch môi trường của những năm 70, khi các nhà sinh thái học phát hiện ra mạng lưới của thiên nhiên, mối tương quan lẫn nhau của các loài, và tính toàn thể của hệ thống sinh thái. Cách đặt vấn đề sinh thái và cách đặt vấn đề hệ thống giống nhau và cùng tiến về sự tổng hợp và sự hợp nhất của kiến thức.

Trong khi đó ở các trường đại học đã có những đòi hỏi về đào tạo liên ngành chứ không phải từng ngành riêng biệt. Những thay đổi này trong đời sống trí thức cũng được phản ánh khắp nơi. Ví dụ các tôn giáo phương Đông nở hoa ở phương Tây với giáo lý “tính duy nhất”. Trong lĩnh vực y học, các nhà chữa bệnh tâm thần đã tìm cách chữa “toàn thể con người”. Trong y tế, phong trào “sức khỏe thánh thiện” đã xuất hiện dựa trên cơ sở khái niệm rằng hạnh phúc của cá nhân phụ thuộc vào

sự hợp nhất của cơ thể, tâm linh và tinh thần.

Mỗi phong trào và mỗi luồng văn hóa là khác nhau. Nhưng yếu tố chung của chúng là rõ ràng. Tất cả chúng đều tấn công vào nhận thức cho rằng tính toàn thể có thể hiểu được bằng cách nghiên cứu các thành phần riêng biệt. Sự tấn công này đối với thuyết từng đoạn, từng phần và sự phân tích dữ dội đến nỗi một số người cuồng nhiệt đã quên mất các yếu tố trong khi họ theo đuổi tính tổng thể. Kết quả là không có thuyết tổng thể gì cả mà là một thuyết khác về từng phần. Thuyết toàn thể của họ là thuyết bán phần.

PHÒNG CHƠI VŨ TRỤ

Nền văn minh Làn sóng thứ hai đã đảm bảo cho chúng ta rằng chúng ta biết nguyên nhân gì đã gây ra sự việc, rằng mỗi hiện tượng đã chiếm một vị trí độc nhất, có thể xác định được trong không gian và thời gian, rằng cùng những điều kiện như nhau luôn luôn cho cùng kết quả như nhau, rằng toàn bộ vũ trụ gồm nguyên nhân và kết quả.

Quan điểm thuộc thuyết máy móc này về nguyên nhân đã và đang rất có ích. Nó giúp chúng ta chữa bệnh, xây nhà chọc trời, thiết kế máy móc kỳ diệu và tập hợp các tổ chức lớn. Thế nhưng dù trong cách giải thích từng hiện tượng chắc chắn như thế nào đi nữa, nó đã cho thấy chẳng phù hợp tí nào trong việc giải thích những hiện tượng phát triển, suy tàn, bước nhảy đột ngột đến mức phức tạp mới, những thay đổi lớn biến đổi những biến cố

nhỏ thành những lực nổ bùng khổng lồ.

Ngày nay bàn chơi bia thời Niuton đang bị nhét vào một góc của phòng chơi vũ trụ. Thuyết nguyên nhân cơ học được xem như là một trường hợp đặc biệt áp dụng cho một số hiện tượng chứ không phải cho tất cả các hiện tượng. Các nhà học giả và khoa học trên khắp thế giới đang tập hợp một quan điểm mới về biến đổi và nguyên nhân để theo kịp với những quan điểm thay đổi nhanh của chúng ta về thiên nhiên, tiến hóa và tiến bộ, về thời gian, không gian và vật thể.

Thuyết nguyên nhân Làn sóng thứ ba đến từ khái niệm then chốt của lý thuyết hệ thống: khái niệm về hồi tiếp. Quy trình hồi tiếp bảo toàn sự cân bằng, huỷ bỏ thay đổi khi một mức đã cho nào đó bị đe dọa. Được gọi là “hồi tiếp âm”, nhiệm vụ của nó là duy trì sự ổn định.

Khi hồi tiếp âm được xác định và khai thác bởi các nhà lý thuyết thông tin và các nhà tư tưởng hệ thống ở đầu những năm 50, các nhà khoa học đã bắt đầu tìm những sự việc tương đương. Họ đã tìm thấy các hệ thống bảo vệ ổn định tương tự trong mọi lĩnh vực từ sinh lý học đến chính trị. Hồi tiếp âm dường như hoạt động khắp nơi xung quanh ta, gây ra việc duy trì ổn định hoặc cân bằng của chúng.

Đầu những năm 60 đã có những lời phê bình là đã chú trọng quá nhiều vào sự ổn định mà không chú ý đến sự thay đổi. Việc cần thiết là phải nghiên cứu thêm về “hồi tiếp dương”, nghĩa là quy trình không ngăn cản sự thay đổi mà khuếch đại

sự thay đổi, không duy trì sự ổn định mà thách đố nó, đôi khi còn lấn át cả sự ổn định. Hồi tiếp dương có thể sử dụng một độ lệch nhỏ trong hệ thống và khuếch đại nó thành một cấu trúc to lớn đáng ghê sợ.

Nếu loại hồi tiếp đầu tiên là giảm thay đổi hoặc “âm” thì loại hồi tiếp thứ hai là tăng cường thay đổi hoặc “dương”, cả hai đều cần được chú ý như nhau. Hồi tiếp dương có thể làm sáng tỏ nguyên nhân của một số quá trình không thể lý giải được trước đây. Vì hồi tiếp dương phá vỡ sự ổn định và tự nó cung cấp ngược lại cho nó, nên hồi tiếp dương giúp giải thích một số sự việc lẫn lộn và một số quá trình tự kích - ví dụ như cuộc chạy đua vũ trang, mỗi lần Liên Xô có vũ khí mới, Mỹ chế tạo một cái lớn hơn mà nó sẽ kích thích Liên Xô chế tạo một cái khác....

Khi chúng ta kết hợp hồi tiếp âm và dương lại với nhau, chúng ta sẽ thấy hai quy trình này tác động lẫn nhau phong phú như thế nào trong các cơ thể phức tạp từ bộ óc con người đến kinh tế. Thực vậy, một khi chúng ta thừa nhận bất kỳ hệ thống thật sự phức tạp nào, dù đó là cơ thể sinh học, một thành phố hoặc một trật tự quốc tế nào, thì hệ thống đó có cả bộ khuếch đại thay đổi và bộ giảm thay đổi tác động qua lại lẫn nhau, chúng ta bắt đầu nhìn thấy toàn bộ phức tạp trong thế giới chúng ta sống. Sự hiểu biết về nguyên nhân của chúng ta được tăng lên.

Chúng ta càng hiểu thêm nếu chúng ta thừa nhận rằng những bộ giảm và khuếch đại thay đổi

này không cần thiết có mặt ngay từ đầu trong hệ thống sinh học hoặc xã hội, đầu tiên chúng không có mặt, nhưng sau đó lại phát triển tại chỗ, và đôi khi chỉ là kết quả của sự may rủi. Một biến cố ngẫu nhiên có thể kích thích một loạt các hậu quả không ngờ đến. Đó là lý do tại sao một quá trình đều đặn và chậm chạp có thể đột ngột biến đổi thành sự thay đổi nổ bùng, hoặc ngược lại. Và điều này giải thích tại sao nhiều điều kiện bắt đầu tương tự có thể đưa đến những kết quả không giống nhau - một tư tưởng xa lạ đối với nhận thức Làn sóng thứ hai.

Thuyết nguyên nhân Làn sóng thứ ba đang dần dần hình thành cho thấy một thế giới phức tạp với những lực tác động qua lại lẫn nhau, một thế giới đầy ngạc nhiên với các bộ khuếch đại và bộ giảm thay đổi cũng như là các yếu tố khác. Đó là một thế giới rất xa lạ với thuyết cơ khí đơn giản ở Làn sóng thứ hai.

BÀI HỌC CON MỐI

Trong nhiều hệ thống phức tạp từ phân tử nước đến neuron não hoặc giao thông trong thành phố, các bộ phận của hệ thống luôn luôn chịu sự thay đổi quy mô nhỏ: chúng nằm trong sự thay đổi liên tục. Phần trong của bất kỳ hệ thống nào cũng đang rung theo sự dao động. Khi hồi tiếp âm hoạt động, những dao động này ngưng lại và sự cân bằng của hệ thống được duy trì. Nhưng khi hồi tiếp dương hoạt động, một số dao động này có thể được

khuyết đại rất lớn, đến mức nào đó thì sự cân bằng của toàn bộ hệ thống bị đe dọa. Những dao động đến từ môi trường bên ngoài có thể tác động vào đúng thời điểm này và như thế càng làm tăng sự rung động cho đến khi sự cân bằng của toàn bộ hệ thống bị phá vỡ và cấu trúc hiện tại bị phá huỷ.

Dù là dao động nội hoặc ngoại lực, hoặc cả hai, thì sự phá vỡ cân bằng cũng không phải cho kết quả hỗn độn hoặc tiêu huỷ, mà là sự tạo ra một cấu trúc hoàn toàn mới ở cấp cao hơn. Cấu trúc mới có thể khác biệt hơn, tác động qua lại bên trong nhiều hơn, và phức tạp hơn cấu trúc cũ, cần nhiều năng lượng và vật chất nhiều hơn để tự tồn tại.

Sự tiến hóa có thể được xem như là một quá trình tiến về các chỉnh thể ngày càng phức tạp và sinh học đa dạng thông qua sự xuất hiện của các cấu trúc mới. Tuy nhiên, sự tiến hóa này không thể được lập kế hoạch hoặc được xác định trước theo kiểu máy móc. Cho đến khi lý thuyết lượng tử ra đời, nhiều nhà tư tưởng tiên tiến Làn sóng thứ hai tin rằng ngẫu nhiên không có vai trò gì trong sự thay đổi, rằng các điều kiện đầu tiên của một quá trình xác định kết quả của nó. Ngày nay trong ngành vật lý vi nguyên tử, sự ngẫu nhiên chi phối sự thay đổi được tin tưởng rộng rãi.

Đã có nghiên cứu về sự kết hợp giữa ngẫu nhiên và tất yếu cùng với những điều kiện của mối quan hệ lẫn nhau giữa chúng. Nói tóm lại, vào một điểm chính xác thì cấu trúc “nhảy” đến một cấp phức tạp mới mà không thể đoán trước được nó sẽ có dạng gì. Nhưng một khi con đường đã được

chọn, một khi cấu trúc mới hình thành, thì quyết định luận lại chi phối thêm một lần nữa.

Một trong những ví dụ về điều trên là xem con mối tạo ra các tổ mối có cấu trúc cao từ hoạt động đường như chẳng có cấu trúc gì cả. Tổ mối cho thấy những gì bắt đầu với hoạt động ngẫu nhiên trở thành các cấu trúc không ngẫu nhiên tí nào và rất tinh tế. Đó là trật tự từ hỗn độn. Thay vì bị khóa vào trong một vũ trụ khép kín hoạt động giống như một đồng hồ cơ khí, chúng ta đang ở trong một hệ thống linh động mà trong đó luôn luôn có khả năng về sự mất ổn định dẫn đến thuyết cơ khí mới. Chúng ta thực sự có “một vũ trụ mở rộng”.

Khi chúng ta vượt qua cách suy nghĩ về nguyên nhân ở Làn sóng thứ hai, khi chúng ta bắt đầu nghĩ theo ảnh hưởng qua lại, nghĩ về khuếch đại và suy giảm, nghĩ về sự phá vỡ hệ thống và bước nhảy cách mạng đột ngột, nghĩ về cấu trúc tiêu tán và sự hợp nhất của ngẫu nhiên và tất yếu, thì chúng ta đang đi vào một nền văn hóa hoàn toàn mới, nền văn hóa của Làn sóng thứ ba. Nền văn hóa mới này được định hướng để thay đổi và phát triển đa dạng, nó cố gắng hợp nhất cái quan điểm mới về thiên nhiên, về tiến hóa và tiến bộ, những khái niệm mới, phong phú về thời gian và không gian, và sự hợp nhất về thuyết rút gọn với thuyết toàn thể, với thuyết nguyên nhân mới.

Chương hai mươi hai

SỰ TAN VỠ VỀ QUỐC GIA

Vào thời điểm khi những ngọn lửa chủ nghĩa quốc gia cháy bùng trên khắp thế giới, khi các phong trào giải phóng quốc gia xuất hiện ở những nơi như Êtiôpi và Philippin, khi các quần đảo nhỏ như Đôminica ở biển Caribee hoặc đảo Fiji ở Nam Thái Bình Dương tuyên bố độc lập và gửi phái đoàn đến Liên Hợp Quốc, thì một điều kỳ lạ đang xảy trong thế giới công nghệ cao: thay vì những quốc gia mới xuất hiện, các quốc gia cũ đang có mỗi nguy hiểm bị chia tách.

Khi Làn sóng thứ ba tràn trên trái đất, tổ chức chính trị then chốt của kỷ nguyên Làn sóng thứ hai là Nhà nước quốc gia bị gây áp lực từ trên xuống và từ dưới lên. Một số lực lượng tìm cách chuyển giao quyền lực chính trị hướng từ Nhà nước – quốc gia xuống các vùng và các nhóm quốc gia. Số khác tìm cách chuyển quyền lực hướng từ quốc gia lên cho các cơ quan hoặc tổ chức đa quốc gia. Các quá trình đó kết hợp với nhau đang biến sự tan vỡ của các quốc gia công nghệ cao thành những đơn vị nhỏ hơn và ít quyền lực hơn.

NGƯỜI ABKHAZIAN VÀ NGƯỜI TEXAS

Ở Pháp, đảo Corse đòi độc lập, vùng Bretagne đòi ly khai, vùng Alsace và Lorraine đòi tự quyết. Ở Anh, chủ nghĩa quốc gia Scotland nổi lên đòi tự trị, vùng Wales cũng thế. Ở Bỉ, sự căng thẳng giữa các nhóm Wallooa, Flemish và Bruxelloise đang tăng. Ở Đức người Sudeten Germans đòi quay trở về với Tiệp Khắc. Các nhóm Nam Tư ở Ý người Slvene ở Áo, người Basque và Catalan ở Tây Ban Nha, người Croatian ở Nam Tư, và hàng chục nhóm khác ở châu Âu đang gây áp lực liên tục.

Ở bên kia Đại Tây Dương, Canada có vấn đề Québec đòi ly khai. Bên kia Thái Bình Dương, Ôt-xtrây-li-a và Niu Dì-lân cũng gặp vấn đề các vùng đòi tự trị. Ở Liên Xô, các nước cộng hòa Armenia, Grudia... đòi tự trị. Ngay cả trong nước cộng hòa Grudia, nhóm Abkhazian cũng đòi quyền lợi của họ. Ở Mỹ, bang Texas đòi tự trị.

Những tiếng nói chống đối trên khắp thế giới có ý nghĩa gì, đây là chưa kể đến phản đối và bạo động. Câu trả lời không nhằm lẫn vào đâu được những căng thẳng nội bộ trong các quốc gia sinh ra từ cuộc cách mạng công nghiệp. Một số căng thẳng này rõ ràng xuất phát từ cuộc khủng hoảng năng lượng và nhu cầu dịch chuyển từ cơ sở năng lượng Làn sóng thứ hai sang cơ sở năng lượng Làn sóng thứ ba. Các căng thẳng khác xuất phát từ xung đột trong việc chuyển tiếp từ cơ sở công nghiệp Làn sóng thứ hai sang cơ sở công nghiệp Làn sóng thứ ba. Ở một số nơi thì phát triển các nền kinh tế

vùng quốc gia. Những điều đó tạo thành bộ phận kinh tế cho các phong trào ly khai hoặc đòi tự quyết.

Nhưng dù là dưới dạng chủ trương ly khai, chủ trương phân vùng, chủ trương hai ngôn ngữ hay chủ trương phân quyền đi nữa thì những lực ly tâm này vẫn được sự ủng hộ của quần chúng vì các Chính phủ quốc gia không thể đáp ứng linh hoạt sự phi đại chúng hóa nhanh chóng của xã hội.

Khi xã hội đại chúng của kỷ nguyên công nghiệp phân hóa dưới tác động của Làn sóng thứ ba, các nhóm tôn giáo, địa phương, dân tộc, xã hội phát triển ít giống nhau. Những điều kiện và nhu cầu khác nhau. Cá nhân cũng phát hiện được hoặc xác nhận lại sự khác biệt của họ.

Khi các công ty gặp các vấn đề trên, họ giải quyết việc giới thiệu sự đa dạng các sản phẩm của họ hoặc bằng chính sách "chia cắt thị trường". Ngược lại, các Chính phủ quốc gia thấy khó khăn đưa ra các chính sách theo nguyện vọng của nhân dân bị gắn chặt vào trong các cấu trúc khác nhau cho từng vùng, từng tôn giáo, từng dân tộc, từng xã hội, từng giới tính. Khi các điều kiện trở thành đa dạng, các nhà lãnh đạo quốc gia vẫn không hay biết gì về những nhu cầu địa phương thay đổi nhanh. Nếu họ thử xác định những nhu cầu đặc biệt hoặc địa phương hóa này, họ sẽ bị sa lầy trong các số liệu quá chi tiết và không thể tiêu hoá nổi.

Do đó, các Chính phủ quốc gia ở Oasinhton, Luân Đôn, Pari hoặc Matxcơva tiếp tục áp đặt các chính sách giống nhau, tiêu chuẩn hóa, được thiết

kế cho một xã hội đại chúng ngày càng chia cắt và khác nhau. Những nhu cầu địa phương và cá nhân thường hay bị quên hoặc không được biết đến, điều đó đã gây ra ngọn lửa phản uất. Khi sự phi đại chúng hóa tiến triển, thì các lực lượng ly khai tăng cường hoạt động và đe dọa sự thống nhất của nhiều quốc gia - Nhà nước.

Làn sóng thứ ba gây áp lực rất lớn đối với quốc gia - Nhà nước từ dưới lên.

TỪ TRÊN XUỐNG

Cùng lúc đó, chúng ta thấy có những áp lực mạnh mẽ tác động đến quốc gia - Nhà nước từ bên trên. Làn sóng thứ ba mang đến những vấn đề mới, cấu trúc mới về thông tin, và những diễn viên mới trên vũ đài thế giới, tất cả những cái đó làm giảm bớt quyền lực của từng quốc gia - Nhà nước.

Giống như nhiều vấn đề quá nhỏ hoặc mang tính địa phương quá hẹp, các Chính phủ quốc gia khó có thể xử lý có hiệu quả, đồng thời đang nổi lên nhiều vấn đề mới quá lớn mà bất kỳ quốc gia nào nếu chỉ một mình cũng không thể đối phó nổi. Nhà nước quốc gia vốn tự xem họ có quyền lực tuyệt đối, thì bây giờ tỏ ra quá nhỏ bé để có vai trò thật sự ở cấp toàn cầu. Không một Nhà nước nào trong số 28 Nhà nước châu Âu lại có thể đảm bảo quốc phòng, sự thịnh vượng, nguồn tài nguyên công nghệ, ngăn chặn chiến tranh nguyên tử và thảm họa sinh thái, Mỹ, Liên Xô và Nhật cũng vậy.

Những liên kết kinh tế chặt chẽ giữa các quốc gia làm cho từng Chính phủ quốc gia không thể quản lý nền kinh tế riêng của họ một cách độc lập hoặc hạn chế lạm phát được. Nếu một chính trị gia nào tuyên bố rằng các chính sách đối nội của họ có thể chặn đứng lạm phát hoặc “quét sạch thất nghiệp” thì họ hoặc là ngây thơ hoặc là nói dối, vì bây giờ hầu hết các căn bệnh “truyền nhiễm” kinh tế đang vượt qua các biên giới quốc gia. Cái vỏ kinh tế của quốc gia - Nhà nước càng ngày càng bị thâm nhập dễ dàng.

Hơn thế nữa, các biên giới quốc gia đã không thể ngăn chặn các luồng chảy kinh tế thì cũng không thể ngăn chặn các lực môi trường. Nếu nhà máy hóa chất Thụy Sĩ đổ chất thải vào sông Rhine, ô nhiễm sẽ chảy qua Đức, Hà Lan và ra biển Bắc. Cả Đức và Hà Lan không thể đảm bảo chất lượng đường sông của họ. Dầu tràn ra từ các tàu chở dầu, ô nhiễm không khí, thay đổi thời tiết không cố ý, phá rừng, và những hoạt động khác vượt qua các biên giới quốc gia.

Hệ thống thông tin mới toàn cầu giúp thâm nhập tin tức từ bên ngoài vào mỗi quốc gia. Nhưng hình thức thâm nhập văn hóa Làn sóng thứ hai này là nhỏ so với hình thức thâm nhập văn hóa Làn sóng thứ ba dựa trên vệ tinh, computơ, máy fax, hệ thống cáp tự động qua lại và đài mặt đất. Có thể tấn công một quốc gia bằng cách giới hạn luồng tin tức - cắt liên lạc giữa các trụ sở chính và chi nhánh ở nước ngoài của một công ty đa quốc gia, xây các bức tường tin tức xung quanh một

quốc gia. Một thuật ngữ mới đang ghi vào từ ngữ quốc tế: “chủ quyền tin tức”.

Biên giới quốc gia đóng cửa như thế nào và trong bao lâu? Sự di chuyển tiến về cơ sở công nghiệp Làn sóng thứ ba đòi hỏi sự phát triển hệ thống tin tức mở rộng và nhạy bén, sự ngăn chặn tin tức của một quốc gia có thể ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của họ. Hơn thế nữa, mỗi phát minh công nghệ đều có những cách riêng để thâm nhập vào các quốc gia.

Tất cả những phát triển như thế - những vấn đề kinh tế mới, những vấn đề môi trường mới, và những công nghệ thông tin mới - đang hội tụ để làm suy giảm vị trí quốc gia - Nhà nước.

CÔNG TY TOÀN CẦU

Một trong những lực lượng mới xuất hiện trên vũ đài thế giới thách thức quyền lực quốc gia là công ty xuyên quốc gia, thường được gọi là công ty đa quốc gia.

Những gì chúng ta thấy trong 25 năm vừa qua là sự toàn cầu hóa phi thường về sản xuất, không phải chỉ dựa trên việc xuất khẩu nguyên liệu hoặc hàng hóa sản xuất từ nước này sang nước khác, mà còn dựa trên việc tổ chức sản xuất vượt qua biên giới quốc gia. Công ty đa quốc gia có thể nghiên cứu ở một nước, sản xuất các yếu tố của sản phẩm ở một nước khác, lắp ráp chúng ở một nước thứ ba, bán hàng hóa được sản xuất tại một nước thứ tư, gửi tiền lãi ở một nước thứ năm v.v... Nó có

thể có chi nhánh ở hàng chục nước. Tầm vóc, sự quan trọng và quyền lực chính trị của tổ chức mới này trên phạm vi toàn cầu đã tăng tiến kể từ giữa những năm 50. Ngày nay có ít nhất 10.000 công ty ở các nước công nghệ cao không cộng sản có chi nhánh của họ ở nước ngoài. Trên 2.000 công ty có chi nhánh trong 6 hoặc nhiều nước khác.

Công ty đa quốc gia là phát minh tư bản, song lại có chừng 50 công ty đa quốc gia xã hội chủ nghĩa hoạt động ở các nước COMECON, đặt đường ống dẫn dầu, chế tạo hóa chất, chiết xuất kali cacbônát và amiăng, vận hành đường tàu biển. Hơn thế nữa, các ngân hàng và cơ quan tài chính xã hội chủ nghĩa, từ Ngân hàng quốc gia Matxcova đến Tổng công ty bảo hiểm Hắc Hải và Bantích, tiến hành kinh doanh ở Zurich, Viên, Luân Đôn, Frankfurt, hoặc Pari. Một số nhà lý thuyết mácxít xem việc “quốc tế hóa sản xuất” là tất yếu và “tiến bộ”.

Các công ty đa quốc gia không phải chỉ có ở các quốc gia giàu có, 25 nước trong hệ thống kinh tế châu Mỹ latinh gần đây đã thành lập các công ty đa quốc gia của riêng họ trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp, nhà ở giá thấp, và vốn hàng hóa. Sự xuất hiện của các công ty đa quốc gia làm thay đổi vị trí của quốc gia Nhà nước trên hành tinh.

Các nhà mácxít có khynh hướng xem các Chính phủ quốc gia như là dây tổ các công ty, và hay nhấn mạnh về quyền lợi chung giữa hai tổ chức trên, thế nhưng công ty đa quốc gia thường có

quyền lợi riêng và có thể chống lại quyền lợi của quốc gia gốc của họ, và ngược lại. Các công ty đa quốc gia Anh vi phạm lệnh cấm vận của Anh. Các công ty đa quốc gia Mỹ vi phạm điều lệ Mỹ liên quan đến sự tẩy chay của Ả Rập về các công ty Do Thái. Sự trung thành đối với quốc gia tan biến nhanh chóng khi cơ hội xuất hiện sang nước khác, tránh được những ràng buộc môi trường, kích động nước này chống nước khác.

Trong ma trận này, quyền lực một thời là độc quyền của quốc gia - Nhà nước thì nay bị giảm rõ ràng. Thực vậy, các công ty đa quốc gia phát triển quá lớn đến nỗi chúng có những đặc tính giống như quốc gia - Nhà nước, gồm cả bộ phận giống như ngoại giao đoàn và các cơ quan tình báo vô cùng hữu hiệu riêng của họ.

Đôi khi hợp tác với quốc gia "gốc" của họ, đôi khi lợi dụng nó, đôi khi thực hiện chính sách của nó, đôi khi dùng để thực hiện chính sách của họ, các công ty đa quốc gia không tốt cũng không xấu. Nhưng với khả năng ngăn chặn không cho hàng tỉ đô la chạy qua chạy lại giữa các quốc gia, với quyền lực triển khai và di chuyển nhanh công nghệ, các công ty đa quốc gia thường qua mặt các Chính phủ quốc gia.

Theo nghĩa hệ thống quyền lực toàn cầu, sự xuất hiện của các công ty đa quốc gia lớn đã làm giảm vai trò quốc gia - Nhà nước vào đúng lúc những áp lực ly tâm từ bên dưới khiến quốc gia - Nhà nước có nguy cơ tan rã.

MẠNG T XUẤT HIỆN

Ngoài công ty đa quốc gia, chúng ta còn thấy các nhóm khác xuất hiện như liên hiệp thương mại đa quốc gia, các phong trào tôn giáo, văn hoá và chủng tộc vượt qua biên giới quốc gia và liên kết với nhau, phong trào chống vũ khí hạt nhân đã tổ chức biểu tình ở nhiều nước châu Âu cùng một lúc, việc ra đời của các nhóm, các đảng phái chính trị đa quốc gia.

Song song với những phát triển này là sự sinh sôi nảy nở nhanh của các hội đa quốc gia phi Chính phủ. Những nhóm như thế quan tâm đến mọi thứ từ giáo dục đến khai thác đại dương, từ thể thao đến khoa học, từ nghề làm vườn đến cứu trợ thiên tai. Nếu Liên Hợp Quốc là một tổ chức thế giới thì những nhóm này tạo thành "tổ chức thế giới thứ hai". Chúng quan hệ với nhau theo ngành dọc, chúng quan hệ với địa phương, khu vực, quốc gia và các nhóm khác đến với nhau dưới cùng tổ chức đa quốc gia. Chúng cũng liên hệ ngang thông qua côngsoocstiom, uỷ ban liên tổ chức và lực lượng đặc nhiệm. Các tổ chức này tạo thành mạng đa quốc gia (hoặc mạng T) để thêm một chiều khác vào hệ thống thế giới Làn sóng thứ ba đang hình thành.

Vai trò quốc gia Nhà nước lại càng bị giảm khi các quốc gia buộc phải tự thành lập các cơ quan siêu quốc gia. Các Nhà nước - quốc gia đấu tranh để duy trì càng nhiều chủ quyền và khả năng tự do hành động càng tốt. Nhưng dần dần họ bị buộc phải chấp nhận những giới hạn mới về sự

độc lập của họ. Ví dụ các nước châu Âu bị buộc phải tạo ra thị trường chung, để dần dần tạo ra quốc hội châu Âu, hệ thống tiền tệ châu Âu, các cơ quan chuyên ngành châu Âu.

Thị trường chung châu Âu là một ví dụ về sức hút quyền lực cho một cơ quan siêu quốc gia. Nhưng đây không phải là ví dụ duy nhất. Các nhóm hoặc các côngsoocstiom của ba hoặc nhiều nước thành lập các tổ chức liên Chính phủ (IGO). Chúng gồm các tổ chức như Tổ chức khí tượng thế giới (WMO), Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA), Tổ chức cà phê quốc tế (ICO), hoặc Hội thương mại tự do châu Mỹ La tinh (LAFTA), hoặc OPEC.

Thông qua các tổ chức IGO này, quốc gia - Nhà nước tìm cách đối phó với những vấn đề lớn hơn vấn đề quốc gia, trong khi duy trì tối đa sự kiểm soát quyết định ở cấp quốc gia. Tuy nhiên, dần dần quyền lực được chuyển giao cho các tổ chức siêu quốc gia, nếu không thì các quyết định của quốc gia - Nhà nước cũng bị giới hạn rất nhiều.

Nói tóm lại, từ việc xuất hiện của các công ty đa quốc gia, các hiệp hội đa quốc gia, và sự thành lập các IGO, chúng ta thấy sự phát triển đều đi theo cùng một hướng. Các quốc gia ngày càng ít khả năng hành động độc lập, họ đang mất dần chủ quyền.

Ý THỨC TOÀN CẦU

Từ khi có Làn sóng thứ ba các quốc gia - Nhà nước bị thu hẹp, nó phản ánh sự xuất hiện của một

nền kinh tế toàn cầu kiểu mới. Quốc gia – Nhà nước đã là cái khuôn khổ chính trị cần thiết cho nền kinh tế tầm cỡ quốc gia. Ngày nay cái khuôn khổ đó không những bị rò rỉ mà còn bị lỗi thời bởi chính những thành công của nó. Đầu tiên là do sự lớn lên của các nền kinh tế khu vực khi nó kết hợp những nền kinh tế quốc gia. Thứ hai là do nền kinh tế thế giới đã nổ bùng trên quy mô lớn và đang có những hình thức mới kỳ lạ.

Như thế nền kinh tế toàn cầu mới bị các công ty đa quốc gia lớn thống trị. Nó được phục vụ bởi công nghệ tài chính và nhà băng hoạt động theo tốc độ điện tử. Nó sinh sản tiền bạc và tín dụng mà không quốc gia nào có thể điều chỉnh được. Nó tiến đến sử dụng các loại tiền tệ đa quốc gia, không phải duy nhất một thứ tiền tệ thế giới mà là sự đa dạng các loại tiền tệ. Nó bị xâu xé bởi một cuộc xung đột thế giới giữa những người cung cấp và những người sử dụng tài nguyên. Nó là một nền kinh tế hỗn hợp, với các công ty tư bản tư nhân và xã hội chủ nghĩa Nhà nước tạo thành các liên doanh và làm việc cạnh nhau. Và ý thức hệ của nó không phải là thuyết tự lực cánh sinh hoặc chủ nghĩa mác xít, mà là thuyết toàn cầu, đấy là thuyết làm cho chủ nghĩa quốc gia trở thành lỗi thời.

Giống như Làn sóng thứ hai đã tạo ra những người có quyền lợi lớn hơn quyền lợi địa phương và trở thành nền tảng cho ý thức hệ quốc gia chủ nghĩa, Làn sóng thứ ba cũng sinh ra các nhóm có quyền lợi lớn hơn quyền lợi quốc gia. Các nhóm

này tạo thành nền tảng của ý thức hệ toàn cầu đang hình thành và thường được gọi là “ý thức toàn cầu”.

Ý thức này được chia sẻ bởi các nhà quản trị đa quốc gia, những người đấu tranh bảo vệ môi trường, các nhà tài chính, các nhà cách mạng, các nhà trí thức, các nhà thơ và họa sĩ. Thuyết toàn cầu phát ngôn cho cả thế giới giống như chủ nghĩa quốc gia phát ngôn cả cho quốc gia. Và sự xuất hiện của nó được xem như là cần thiết cho sự tiến hóa, một bước gần hơn tới “ý thức vũ trụ” sẽ bao trùm tất cả.

Nói tóm lại, ở bất kỳ lĩnh vực nào, từ kinh tế và chính trị đến tổ chức và ý thức hệ, chúng ta đang chứng kiến một sự tấn công tàn phá từ bên trong và từ bên ngoài vào cột trụ của nền văn minh Làn sóng thứ hai: quốc gia – Nhà nước.

Vào đúng thời điểm lịch sử khi nhiều nước nghèo đang đấu tranh một cách tuyệt vọng để thành lập tính đồng nhất quốc gia vì tính chất là một quốc gia trong quá khứ đã là cần thiết cho việc công nghệ hóa thành công, thì các nước giàu đang chạy đua vượt qua chủ nghĩa công nghiệp, đang giảm bớt, đang thay thế, đang làm giảm cấp vai trò của quốc gia.

Chương hai mươi ba

GANDHI VỚI VỆ TINH

Vào giai đoạn cuối, nền văn minh công nghiệp bỏ lại phía sau một thế giới trong đó 1/4 nhân loại sống trong sự giàu có tương đối ba phần tư sống trong sự nghèo khổ tương đối - và 800 triệu người mà Ngân hàng thế giới gọi là “Vô cùng nghèo”, 700 triệu người thiếu ăn và 550 triệu người mù chữ. Chừng 1.200 triệu người không được chăm sóc y tế hoặc không có nước uống trong sạch.

Nó bỏ lại phía sau một thế giới chừng 20 đến 30 quốc gia công nghiệp phụ thuộc vào các nguồn năng lượng và nguyên liệu rẻ mạt để họ có được thành công kinh tế. Nó bỏ lại một hạ tầng cơ sở toàn cầu - Quỹ tiền tệ quốc tế, GATT, Ngân hàng thế giới và COMECON - đã điều hành kinh doanh và tài chính vì quyền lợi của các cường quốc Làn sóng thứ hai. Nó bỏ lại nhiều nước nghèo với nền kinh tế phục vụ nhu cầu của những nước giàu.

Làn sóng thứ ba không phải chỉ chấm dứt sự thống trị của Làn sóng thứ hai, nó còn làm bùng nổ tất cả những tư tưởng truyền thống của chúng ta về việc chấm dứt nghèo khổ trên hành tinh.

CHIẾN LƯỢC LÀN SÓNG THỨ HAI

Từ cuối những năm 40 của thế kỷ XX một chiến lược độc nhất đã tập trung hầu hết những cố gắng làm giảm khoảng cách giữa nước giàu và nghèo của thế giới. Có thể gọi đây là chiến lược Làn sóng thứ hai.

Chiến lược này bắt đầu với tiền đề rằng các xã hội Làn sóng thứ hai là đỉnh cao của sự tiến bộ, tiến hóa và rằng để giải quyết vấn đề của họ, tất cả những xã hội khác phải tiến hành cuộc cách mạng công nghiệp giống như đã xảy ra ở phương Tây, ở Liên Xô hoặc ở Nhật. Sự tiến bộ gồm việc di chuyển hàng triệu người ra khỏi nông nghiệp để đưa vào sản xuất hàng loạt. Sự tiến bộ yêu cầu đô thị hóa, tiêu chuẩn hóa, và các nguyên tắc khác của Làn sóng thứ hai. Nói tóm lại, sự phát triển liên quan đến sự bất chước trung thành của một mô hình đã thành công. Các Chính phủ từ nước này sang nước khác đã cố gắng thực hiện phương án này. Một số nước như Nam Triều Tiên hoặc Đài Loan, nơi có những điều kiện đặc biệt tác động mạnh, thì dường như thành công trong việc thiết lập một xã hội Làn sóng thứ hai. Nhưng các nước khác lại gặp phải thảm họa.

Những thất bại này trong một loạt nước đã bị bản cùng hóa thường được đổ cho nhiều lý do khác nhau. Chủ nghĩa thực dân mới. Kế hoạch sai. Tham nhũng. Tôn giáo lạc hậu. Chủ nghĩa bẽ phái. Công ty siêu quốc gia CIA. Trì trệ. Nóng vội. Thế nhưng, dù lý do gì đi nữa, sự việc là công nghiệp

hóa theo mô hình Làn sóng thứ hai thất bại nhiều hơn là thành công.

Iran là một ví dụ điển hình. Nhà vua Iran muốn cho Iran trở thành một quốc gia công nghiệp tiên tiến trong vùng Trung Đông bằng cách chạy theo chiến lược Làn sóng thứ hai từ năm 1975. Những gì xảy ra ở Iran là chung cho các nước khác đang theo đuổi chiến lược Làn sóng thứ hai từ châu Á, châu Phi đến châu Mỹ Latinh.

Sự sụp đổ của chế độ vua Ba Tư ở Têhêran đã gây ra những cuộc tranh luận rộng rãi ở các thủ đô từ Manila đến Mêhicô City. Một câu hỏi được đặt ra là nhịp điệu thay đổi. Nhịp điệu có phải quá nhanh hay không? Có phải người Iran đang bị cú sốc tương lai hay không? Với lợi nhuận về dầu hỏa, Chính phủ có thể nhanh chóng tạo ra một giai cấp trung lưu rộng lớn đủ để tránh được cuộc biến động cách mạng hay không? Nhưng thảm kịch Iran và sự thay thế chế độ vua Ba Tư bằng một chính trị thần quyền đàn áp buộc chúng ta phải xem lại các tiền đề cơ bản của chiến lược Làn sóng thứ hai. Sự công nghiệp hóa cổ điển có phải là con đường duy nhất dẫn đến tiến bộ hay không? Có nghĩa gì không trong việc bắt chước mô hình công nghiệp vào đúng lúc tự nền văn minh công nghiệp đang hấp hối?

MÔ HÌNH THÀNH CÔNG BỊ TAN VỠ

Chừng nào mà các quốc gia Làn sóng thứ hai vẫn còn “Thành công” nghĩa là ổn định, giàu có và

trở thành giàu có hơn, thì rất dễ xem họ như là một mô hình cho các nước còn lại trên thế giới. Tuy nhiên vào cuối những năm 60, cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa công nghiệp đã bùng nổ.

Đình công, mất điện, suy sụp tội ác và kiệt sức tâm lý lan tràn khắp thế giới Làn sóng thứ hai. Hệ thống năng lượng và gia đình bị lung lay. Hệ thống giá trị và cấu trúc đô thành sụp đổ. Ô nhiễm, tham nhũng, lạm phát, bất hòa, cô đơn, kỳ thị chủng tộc, quan liêu, ly dị, thuyết tiêu thụ vô tâm, tất cả đều bị tấn công dữ dội. Các nhà kinh tế cảnh cáo về khả năng sụp đổ hoàn toàn hệ thống tài chính.

Trong lúc đó phong trào môi trường toàn cầu cảnh cáo rằng ô nhiễm, năng lượng và giới hạn tài nguyên trong thời gian ngắn sẽ làm các nước Làn sóng thứ hai không thể nào tiếp tục hoạt động bình thường. Ngay cả nếu có phép lạ nào đó, chiến lược Làn sóng thứ hai thành công trong các quốc gia nghèo thì nó sẽ biến đổi cả hành tinh thành một nhà máy khổng lồ và tàn phá sinh thái.

Một sự phát triển khác cũng phá tan niềm tin, rằng chiến lược Làn sóng thứ hai là con đường duy nhất dẫn đến giàu có. Trong chiến lược này luôn luôn có nhận thức ẩn ngầm rằng “đầu tiên phải phát triển, sau đó là giàu có”. “Phồn vinh là kết quả của việc làm tận tụy, tiết kiệm, đạo đức tin lành và một quá trình lâu dài biến đổi kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, sự cấm vận của OPEC và sự tràn ngập đột ngột đô la đầu tư vào Trung Đông đã lật nhào chiến lược trên. Chỉ trong vài tháng hàng tỉ đô la đổ

vào Iran, Saudi, Arabia, Kwait, Cibiya và các nước Ả Rập khác, và thế giới đã thấy của cải vô tận đi trước chứ không phải đi sau sự biến đổi. Ở Trung Đông, chính tiền tạo ra sự “phát triển” chứ không phải sự “phát triển” đã tạo ra tiền. Trên một quy mô rộng lớn chưa bao giờ có chuyện như thế xảy ra.

CHIẾN LƯỢC LÀN SÓNG THỨ NHẤT

Do những thất bại của chiến lược Làn sóng thứ hai, do các nước nghèo đòi hỏi xem xét lại toàn bộ nền kinh tế toàn cầu, và do các nước giàu lo lắng về chính tương lai của họ, nên các nước giàu trong những năm 70 bắt đầu thiết kế một chiến lược mới cho các nước nghèo. Nhiều Chính phủ và “các cơ quan phát triển” gồm cả Ngân hàng thế giới, cơ quan phát triển quốc tế và Hội đồng phát triển nước ngoài đã lập phương án có thể gọi là chiến lược Làn sóng thứ nhất.

Chiến lược này gần như là sự đảo ngược của chiến lược Làn sóng thứ hai: Thay vì bòn rút nông dân và buộc họ phải vào các thành phố, sản phẩm nông nghiệp, nó thúc giục tự cung tự cấp. Thay vì thúc ép tăng tổng sản phẩm thu nhập quốc dân, hy vọng phúc lợi đến với các nước nghèo, nó tìm các nguồn tài nguyên thỏa mãn trực tiếp “các nhu cầu cơ bản của con người”. Thay vì đẩy mạnh sự phát triển các công nghệ tiết kiệm lao động, nó khuyến khích loại sản xuất cần nhiều lao động với các yêu cầu thấp về vốn, năng lượng và tay nghề. Thay vì xây dựng các nhà máy cán thép khổng lồ hoặc các

nhà máy quy mô lớn ở thành phố, nó cổ cũ các cơ sở phân tán và quy mô nhỏ được thiết kế cho làng xã.

Bằng việc làm đảo ngược các lập luận Làn sóng thứ hai, những người ủng hộ chiến lược Làn sóng thứ nhất, cho thấy rằng nhiều nền công nghiệp là một tai hoạ khi chuyển giao cho các nước nghèo. Máy móc bị hỏng và không được sửa chữa. Họ cần nguyên liệu nhập khẩu giá cao. Lao động được đào tạo không đủ. Do đó, những gì cần thiết là “công nghệ thích hợp”, hay còn được gọi là “công nghệ trung gian”. Các trung tâm của sự phát triển cho những công nghệ như thế nhanh chóng xuất hiện khắp nơi ở Mỹ và châu Âu. Nhóm phát triển công nghệ trung gian được thành lập năm 1965 ở Anh có thể được xem như là một mô hình đầu tiên. Nhưng các nước đang phát triển cũng tạo ra những trung tâm như thế và bắt đầu đưa ra những cải tiến công nghệ quy mô nhỏ.

Chiến lược Làn sóng thứ nhất cũng đã được áp dụng trên cơ sở rộng lớn hơn. Năm 1978 khi Chính phủ Ấn Độ đang còn bị quay cuồng vì giá dầu và phân bón tăng cùng với nỗi khát vọng của các chiến lược Làn sóng thứ hai do Nehru và Indira Gandhi đề xướng, thì họ cấm việc phát triển xa hơn công nghệ dệt cơ khí và thúc giục tăng sản xuất vải bằng khung cửi chứ không phải bằng máy móc. Ý đồ không những chỉ để tăng thêm việc làm mà còn làm chậm lại việc đô thị hóa bằng cách biệt đãi công nghiệp nông thôn.

Công thức mới này dường như có lý vô cùng. Vì nó làm chậm lại sự di dân ào ạt vào thành phố. Vì nó

làm cho làng xã có thể sống được. Vì nó nhạy cảm với các nhân tố sinh thái. Vì nó nhấn mạnh việc sử dụng các nguồn tài nguyên địa phương rẻ hơn là hàng nhập khẩu đắt giá. Vì nó thách thức khái niệm “hiệu quả” truyền thống và hẹp hòi. Vì nó đề nghị cách giải quyết vấn đề công nghệ cho sự phát triển bằng cách chú ý đến văn hóa và phong tục. Vì nó nhằm cải thiện các điều kiện của những nước nghèo hơn là đưa vốn qua tay những nước giàu.

Thế nhưng với những ưu điểm đã có, công thức Làn sóng thứ nhất vẫn giữ nguyên trạng, mặc dù là một chiến lược nhằm cải thiện các điều kiện Làn sóng thứ nhất, nhưng thực tế đã không quan tâm đến việc biến đổi chúng. Đây không phải là cách chữa bệnh tận gốc như nhiều Chính phủ trên thế giới nhận thức. Tổng thống Suharto của Indônêxia phát biểu quan điểm đã được thừa nhận rộng rãi khi ông ta tố cáo rằng một chiến lược như thế có thể là dạng đế quốc mới. Nếu phương Tây chỉ đóng góp cho những dự án cơ sở quy mô nhỏ thì hoàn cảnh của Indônêxia sẽ đỡ đi một chút, nhưng Indônêxia sẽ không bao giờ phát triển.

Tăng việc làm cũng bị tố cáo là phục vụ cho các nước giàu có. Các nước nghèo còn nằm trong tình trạng điều kiện Làn sóng thứ nhất càng lâu bao nhiêu thì hàng hóa cạnh tranh của họ trên thị trường thế giới càng ít bấy nhiêu. Họ gắn chặt với đất đai càng lâu bao nhiêu thì họ ít cần dầu khí và các nguồn tài nguyên hiếm bấy nhiêu, và họ càng yếu và càng ít rắc rối về chính trị bấy nhiêu. Cũng có một nhận thức gia trưởng được hình thành sâu

đậm trong chiến lược Làn sóng thứ nhất là trong khi những nhân tố sản xuất khác cần phải được tiết kiệm, thì thời gian và năng lượng của người lao động không cần phải tiết kiệm.

Tệ hơn nữa là Làn sóng thứ nhất xem thường vai trò của khoa học và công nghệ tiên tiến. Nhiều công nghệ được cho là “thích hợp” thực ra lại còn thô sơ hơn công nghệ cho nông dân Mỹ năm 1776. Hầu hết những gì mà chúng ta bây giờ gọi là “khoa học tiên tiến” đã được các nhà khoa học phát triển trong các nước giàu để giải quyết các vấn đề cho các nước giàu. Có rất ít những nghiên cứu cho các vấn đề hàng ngày của các nước nghèo.

Ở một số nơi và một thời điểm nào đó, chiến lược Làn sóng thứ nhất có thể cải thiện đời sống cho một số lớn dân cư. Thế nhưng có ít bằng chứng cho thấy rằng bằng cách sử dụng các phương pháp tiên cơ khí của Làn sóng thứ nhất không phải bất kỳ nước nào cũng có thể tạo ra những thay đổi. Thực vậy, rất nhiều bằng chứng cho thấy điều ngược lại. Nước Trung Quốc của Mao Trạch Đông là một ví dụ.

Nói tóm lại, công thức Làn sóng thứ nhất cũng chỉ là một phương pháp trì trệ và không thể áp dụng được cho tất cả các nước nghèo như chiến lược Làn sóng thứ hai.

CÂU HỎI LÀN SÓNG THỨ BA

Sự xuất hiện của Làn sóng thứ ba làm thay đổi tất cả mọi thứ, trong khi không có lý thuyết nào của thế giới công nghệ cao, dù là tư sản hay

276

mác xít để giải quyết các vấn đề của các nước “đang phát triển”, và không có mô hình sẵn có nào hoàn chỉnh để chuyển giao, thì một mối quan hệ mới kỳ lạ giữa các xã hội Làn sóng thứ nhất và nền văn minh Làn sóng thứ ba đang nhanh chóng hình thành.

Chúng ta đã nhìn thấy những cố gắng ngây thơ nhằm “phát triển” các nước Làn sóng thứ nhất bằng việc áp đặt các dạng Làn sóng thứ hai không thích hợp - sản xuất hàng loạt, thông tin đại chúng, giáo dục kiểu nhà máy, Chính phủ, nghị viện, và quốc gia - Nhà nước v.v... - mà không để cho những nước này hoạt động thành công thì truyền thống gia đình, phong tục, hôn nhân, tôn giáo và các cấu trúc vai trò, tất cả đều bị nghiền nát, toàn bộ nền văn hóa bị phá tan đến tận gốc rễ.

Ngược lại, nền văn minh Làn sóng thứ ba có nhiều tính chất giống các tính chất trong xã hội Làn sóng thứ nhất sản xuất phân quyền hóa, quy mô thích hợp, năng lượng có thể phục hồi, phi đô thị hóa, làm việc tại nhà, mức tiêu sản cao v.v... Có thể nói đó là sự quay lại biện chứng. Ngày nay điều đáng ngạc nhiên là các nền văn minh Làn sóng thứ nhất và Làn sóng thứ ba dường như có gì đó chung với nhau hơn là với nền văn minh Làn sóng thứ hai. Nói tóm lại là chúng hợp với nhau.

Với sự phù hợp kỳ lạ này, ngày nay liệu các nước Làn sóng thứ nhất có thể sử dụng một số tính chất của nền văn minh Làn sóng thứ ba mà không phải phá tan nền văn hóa của họ hoặc không cần đi qua giai đoạn phát triển Làn sóng thứ hai hay

không? Liệu có nước nào áp dụng các cấu trúc Làn sóng thứ ba tốt hơn là công nghiệp hóa theo cách cổ điển hay không?

Có thể nào một xã hội có thể đạt được mức sống cao mà không cần phải tập trung toàn bộ năng lượng của nó cho sản xuất để trao đổi không? Với những khả năng chọn lựa khác nhau của Làn sóng thứ ba, người ta có thể làm giảm tỉ lệ tử vong trẻ em, làm tăng tuổi thọ, làm giảm nạn mù chữ, làm tăng mức dinh dưỡng và chất lượng cuộc sống nói chung mà không cần phá tan tôn giáo hoặc giá trị của họ.

Các chiến lược “phát triển” của ngày mai sẽ không đến từ Oasinhton, Matxcova, Pari hoặc Giơnevơ, mà đến từ châu Phi, châu Á và châu Mỹ la tinh. Chúng sẽ là bản xứ, phù hợp với nhu cầu địa phương hiện tại. Chúng sẽ không quá nhấn mạnh kinh tế đến mức phải trả giá về sinh thái, văn hóa, tôn giáo hoặc cấu trúc gia đình và tâm lý về sự tồn tại. Chúng sẽ không bắt buộc bất kỳ mô hình bên ngoài nào cả. Làn sóng thứ ba sẽ cung cấp cho các nước nghèo nhất cũng như là các nước giàu nhất những cơ hội hoàn toàn mới.

MẶT TRỜI VÀ MẠCH VI ĐIỆN TỬ

Sự phù hợp đáng ngạc nhiên giữa nhiều tính chất cấu trúc của các nền văn minh Làn sóng thứ nhất và Làn sóng thứ ba cho thấy rằng có thể kết hợp các yếu tố của quá khứ và tương lai để tạo ra một hiện tại mới tốt hơn trong những thập kỷ sắp

278

đến.

Ví dụ vấn đề năng lượng. Với cuộc khủng hoảng năng lượng trong những nước đang chuyển tiếp vào nền văn minh Làn sóng thứ ba, người ta thường quên rằng các xã hội Làn sóng thứ nhất cũng đang gặp cuộc khủng hoảng năng lượng của riêng họ. Bắt đầu từ một cơ sở cực kỳ thấp, họ sẽ tạo ra loại hệ thống năng lượng nào? Chắc chắn họ cần những nhà máy năng lượng lớn dựa vào hầm mỏ tập trung của loại Làn sóng thứ hai. Nhưng thực tế, ngày nay trong nhiều xã hội, nhu cầu bức thiết nhất là năng lượng phân tán cho nông thôn chứ không phải nguồn năng lượng tập trung rộng lớn cho thành phố.

Những nghiên cứu về nhu cầu năng lượng nông thôn cho thấy mỗi làng xã chỉ cần một nhà máy khí sinh học nhỏ, rẻ tiền sử dụng chất thải của người và súc vật trong làng. Hàng ngàn nhà máy như thế có ích hơn, tiết kiệm hơn và đảm bảo sinh thái hơn so với các nhà máy phát điện to lớn và tập trung. Một loại nhà máy điện khác là nhà máy năng lượng mặt trời đang được sử dụng rộng rãi ở Ấn Độ...

Cuộc khủng hoảng năng lượng là một phần thất bại của nền văn minh Làn sóng thứ hai, nó đang tạo ra nhiều tư tưởng mới cho việc sản xuất năng lượng cả quy mô nhỏ và quy mô lớn, cả tập trung và phân tán trong các nước nghèo. Có sự giống nhau rõ ràng về một số vấn đề mà các xã hội Làn sóng thứ nhất và Làn sóng thứ ba đang gặp phải. Cả hai xã hội không thể dựa vào hệ thống

năng lượng đã được thiết kế cho kỷ nguyên Làn sóng thứ hai.

Đối với nông nghiệp, người ta có thể tưởng tượng hầu hết nông nghiệp dành cho các nông trại năng lượng - nghĩa là trồng các loại cây để sản xuất năng lượng. Chúng ta cũng có thể thấy sự tụ hội của việc thay đổi thời tiết, máy computơ, vệ tinh giám sát, và công nghệ gen để cách mạng hóa nguồn thực phẩm của thế giới. Các Chính phủ Làn sóng thứ nhất phải xem xét những tiềm năng này trong việc lập kế hoạch nông nghiệp dài hạn của họ và phải tìm cách kết hợp cái cuộc với máy computơ.

Những công nghệ mới gắn với nền văn minh Làn sóng thứ ba cũng mở ra những khả năng mới. Sự xuất hiện của các nền công nghệ sinh học Siêu tiên tiến rất có triển vọng biến đổi các xã hội Làn sóng thứ nhất. Những nền công nghệ như thế bao gồm mọi thứ từ khai thác đại dương đến việc sử dụng côn trùng và những sinh vật khác cho công việc sản xuất, xử lý chất thải xenlulôza thành thịt bằng vi sinh vật và sự biến đổi loại cây như giống cây đại kích thành nhiên liệu không có chất sunphua.

Những tiến bộ trong các lĩnh vực khác cũng đặt lại vấn đề trong cách suy nghĩ truyền thống về phát triển. Một vấn đề nóng bỏng cho các quốc gia. Làn sóng thứ nhất là sự thất nghiệp và tình trạng thiếu việc làm. Điều này đã gây ra cuộc tranh luận toàn cầu giữa những người ủng hộ Làn sóng thứ nhất với những người ủng hộ Làn sóng thứ hai.

Một bên cho rằng công nghiệp sản xuất hàng loạt không dùng hết lao động, và rằng sự phát triển dựa trên các nhà máy quy mô nhỏ và công nghệ thô sơ sử dụng nhiều người hơn, ít vốn và năng lượng hơn. Phía kia thúc giục việc đưa các công nghiệp Làn sóng thứ hai ra khỏi các quốc gia công nghệ tiên tiến - thép, ô tô, giày, dệt v.v...

Xây dựng một nhà máy cán thép Làn sóng thứ hai là rất tốn kém. Xây dựng một nhà máy cán thép có thể đó là một chiến lược, song ngày nay với những vật liệu tổng hợp mới có thể bền hơn, cứng hơn và nhẹ hơn nhôm, với vật liệu trong suốt cũng cứng như thép, với ống nhựa thay thế cho ống nước mạ, thì nhu cầu thép còn cần trong bao lâu nữa? Do đó, thay vì vay tiền hoặc yêu cầu nước ngoài đầu tư để xây dựng nhà máy thép, các nước nghèo phải chuẩn bị từ bây giờ cho "thời đại vật liệu".

Làn sóng thứ ba đưa đến nhiều khả năng khác. Các nước nghèo có thể bỏ qua công nghiệp quy mô nhỏ Làn sóng thứ nhất hoặc công nghiệp quy mô lớn, tập trung Làn sóng thứ hai để tập trung vào một trong những công nghiệp then chốt Làn sóng thứ ba: vi điện tử.

Việc nhấn mạnh thái quá về nền công nghiệp cần nhiều lao động với sức sản xuất thấp có thể là cái bẫy cho các nước nghèo. Hiện nay sức sản xuất đang tăng mạnh trong công nghiệp mạch vi điện tử máy computơ, do đó chắc chắn có lợi cho các nước đang phát triển ít vốn sẽ có được lãi lớn so với vốn đầu tư. Hơn thế nữa, sự đa dạng sản phẩm trong ngành vi điện tử có nghĩa là các nước đang phát

triển có thể sử dụng nền công nghiệp cơ sở và thích nghi nó dễ dàng hơn với nhu cầu xã hội riêng của họ hoặc nguyên liệu. Công nghệ vi điện tử giúp cho việc phân tán sản xuất. Điều này có nghĩa là số dân ở các thành phố lớn sẽ giảm và giá thành giao thông cũng giảm.

Làn sóng thứ ba cũng đưa nhu cầu giao thông và thông tin vào một viễn cảnh mới. Trong thời kỳ cách mạng công nghiệp, đường sá là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển xã hội, chính trị và kinh tế, ngày nay, một hệ thống thông tin điện tử là cần thiết.

Giá thành thông tin giảm do thấy có thể sử dụng thông tin thay thế cho nhiều chức năng giao thông. Lắp đặt một hệ thống thông tin tiên tiến mới về lâu dài có thể rẻ hơn, tiêu thụ năng lượng ít hơn và phù hợp là xây dựng hệ thống đường sắt đất giá. Rõ ràng đường sá giao thông là cần thiết, nhưng ở một mức độ nào đó vì sản xuất được phân tán, nên giá thành giao thông có thể được giảm đến mức tối thiểu mà không cô lập các làng mạc với nhau.

Vấn đề đối với các nước Làn sóng thứ nhất là làm thế nào phân chia nguồn tài nguyên giới hạn giữa viễn thông và giao thông. Nếu có các phương tiện hiện đại Làn sóng thứ ba như vệ tinh, đài mặt đất, máy computơ... các xã hội Làn sóng thứ nhất có thể tránh được những khoản chi tiêu khổng lồ dành cho giao thông mà các nước Làn sóng thứ hai đã phải trả. Cách đây không lâu, Tổng thống Suharto của Indônêxia đã ấn nút khánh thành hệ

282

thống viễn thông vệ tinh nối các quần đảo của Indônêxia lại với nhau. Làm như thế, ông ta đã biểu tượng hóa những cách chọn lựa mới mà Lán óng thứ ba hiến dâng cho các nước đang đi tìm sự biến đổi.

Những phát triển giống như thế trong năng lượng, công nghệ và thông tin cho thấy đã có những xã hội mới dựa trên sự hòa nhập của quá khứ và tương lai, của Lán sóng thứ nhất và Lán sóng thứ ba. Như thế có một chiến lược biến đổi dựa trên sự phát triển của các công nghiệp nông thôn, vốn rẻ, thiên về làng xã và một số các công nghệ cao được lựa chọn cẩn thận. Ngày càng có nhiều các nhà tư tưởng có tầm nhìn xa, các nhà phân tích xã hội, các nhà học giả, và các nhà khoa học tin rằng một sự biến đổi như thế đang xảy ra và đang đưa chúng ta đến sự tổng hợp mới rất cơ bản: Gandhi với vệ tinh.

NHỮNG NGƯỜI TIÊU "SẢN"

Tiềm ẩn trong cách đặt vấn đề này là một sự tổng hợp khác ở mức độ sâu hơn. Điều này liên quan đến toàn bộ mối quan hệ kinh tế của con người với thị trường, dù đó là thị trường tư bản hay xã hội chủ nghĩa. Nó buộc chúng ta phải đặt ra vấn đề thời gian toàn bộ và lao động của bất kỳ cá nhân nào dành cho sản xuất là bao nhiêu và dành cho việc "tiêu sản" là bao nhiêu, nghĩa là thời gian làm việc ăn lương là bao lâu và thời gian làm việc cho chính mình là bao lâu.

Hầu hết những người Làn sóng thứ nhất đã bị hút vào trong hệ thống tiền tệ. Họ đã bị “thị trường hóa”. Nhưng trong khi thu thập tiền bạc do những người nghèo nhất của thế giới kiếm được có thể là thiết yếu cho sự tồn tại của họ, sản xuất để trao đổi chỉ là một phần thu nhập của họ, sự tiêu sản cung cấp phần còn lại.

Làn sóng thứ ba khuyến khích chúng ta xem xét lại vấn đề theo cách hoàn toàn mới. Từ nước này sang nước khác, hàng triệu người thất nghiệp. Nhưng việc làm đủ ngày công trong những xã hội này có phải là một mục tiêu thực hiện không? Sự tổng hợp những chính sách nào có thể cung cấp công ăn việc làm cho hàng triệu người thất nghiệp? Có phải chính khái niệm “thất nghiệp” là một khái niệm của Làn sóng thứ hai? Sự xuất hiện đáng chú ý của người tiêu-sản trong các quốc gia giàu có ngày nay - một hiện tượng nổi bật của Làn sóng thứ ba - khiến chúng ta phải đặt lại vấn đề về nhận thức và mục tiêu của hầu hết các nhà kinh tế Làn sóng thứ hai.

Có thể đây là một sai lầm khuyến khích cuộc cách mạng công nghiệp ở phương Tây đem chuyển giao hầu hết hoạt động kinh tế khu vực A (khu vực tiêu sản) vào khu vực B (khu vực thị trường). Có thể tiêu sản phải được xem như là một lực lượng tích cực chứ không phải là sự nuối tiếc quá khứ. Có thể người ta cần loại công việc không làm hết ngày công được trả lương cộng với các chính sách mới sáng tạo nhằm làm cho sự tiêu sản trở thành “sản

xuất” nhiều hơn. Thực vậy, liên kết hai dạng hoạt động kinh tế này một cách thông minh có thể là chìa khóa sống còn cho hàng triệu người.

Làn sóng thứ ba cũng buộc chúng ta phải nhìn lại giáo dục bằng con mắt hoàn toàn mới. Mọi người đều công nhận rằng giáo dục là trung tâm để phát triển, nhưng loại giáo dục nào?

Khi các cường quốc thực dân đưa giáo dục chính trị thúc vào châu Phi, Ấn Độ và các nơi khác của thế giới Làn sóng thứ nhất là họ đã “xuất khẩu” trường học kiểu nhà máy của họ. Ngày nay các mô hình giáo dục Làn sóng thứ hai đang bị đặt thành vấn đề ở khắp mọi nơi. Làn sóng thứ ba tấn công vào khái niệm của Làn sóng thứ hai cho rằng giáo dục cần thiết phải ở trong phòng học. Ngày nay chúng ta cần kết hợp giáo dục với công việc, đấu tranh chính trị, phục vụ cộng đồng v.v... Tất cả những nhận thức truyền thống của chúng ta về giáo dục cần phải được xem xét lại cả trong các nước giàu và nghèo.

Ví dụ biết đọc biết viết có phải là một mục tiêu thích hợp không? Nó có nghĩa là gì? Có phải nó có nghĩa cả đọc và viết? Đọc dễ hiểu hơn có ích hơn viết, nên không phải tất cả mọi người đều cần phải biết viết. Nền công nghệ tổng hợp tiếng nói mở rộng những khả năng vô cùng to lớn. Một máy công cụ có thể hướng dẫn người nông dân mù chữ cách thao tác máy thông qua mạch vi tổng hợp tiếng nói lắp sẵn vào trong máy. Theo nghĩa này, ngay cả định nghĩa chức năng biết đọc biết viết cũng cần phải xem xét lại.

Sau cùng Làn sóng thứ ba cũng khuyến khích chúng ta xem lại khái niệm của Làn sóng thứ hai về động cơ thúc đẩy. Việc dinh dưỡng tốt đường như làm tăng trí thông minh và khả năng tay nghề của hàng triệu trẻ em, đồng thời nó cũng làm tăng động cơ thúc đẩy và sự kích thích.

Những người Làn sóng thứ hai thường nói về tính thụ động và thiếu động cơ thúc đẩy ở những người Làn sóng thứ nhất. Bỏ qua những yếu tố làm nhụt ý chí như suy dinh dưỡng, khí hậu, sự kiểm soát chính trị, đàn áp, thì việc thiếu động cơ thúc đẩy dường như là sự thiếu thiện chí. Phải xé nát nhà cửa, gia đình và cuộc sống của một người hiện nay để trong vài năm có một cuộc sống tốt hơn là điều đáng nghi ngờ. Chẳng nào mà “sự phát triển” có nghĩa là sự áp đặt một nền văn hóa hoàn toàn xa lạ lên trên nền văn hóa hiện đại, và chẳng nào mà những cải thiện tình cảm hiện nay không đạt được, thì có mọi lý do để người ta bám chặt vào cái đang có.

ĐƯỜNG XUẤT PHÁT

Nền văn minh Làn sóng thứ ba không cho sẵn mô hình thi đua. Nền văn minh Làn sóng thứ ba chưa phát triển hoàn chỉnh. Nhưng đối với các nước nghèo cũng như nước giàu, nó mở ra những khả năng mới. Vì nó gợi sự chú ý không phải về sự yếu kém, sự nghèo khổ và sự khốn khổ của thế giới Làn sóng thứ nhất, mà về sức mạnh vốn có của Làn sóng thứ nhất. Chính những tính chất của nền

văn minh cổ này dường như là lạc hậu đối với quan điểm Làn sóng thứ hai lại xuất hiện như là những lợi thế tiềm tàng so với mô hình Làn sóng thứ ba.

Chỗ phù hợp của hai nền văn minh làm biến đổi quan điểm của chúng ta về các mối quan hệ giữa nước giàu và nước nghèo trên trái đất. Nước nghèo cũng như nước giàu đã ở vị trí lấy đà tại đường xuất phát của cuộc chạy đua mới vào tương lai.

Chương hai mươi bốn

ĐOẠN CUỐI: SỰ HỢP DÒNG VĨ ĐẠI

Mỗi nền văn minh hoạt động trong và trên vũ trụ sinh học, phản ánh và làm thay đổi sự trộn lẫn về dân cư và tài nguyên. Mỗi nền văn minh có một môi trường công nghệ đặc trưng - một cơ sở năng lượng gắn với hệ thống sản xuất mà hệ thống này lại gắn với hệ thống phân phối. Mỗi nền văn minh có một môi trường xã hội gồm các thiết chế xã hội tương quan và có tác động qua lại lẫn nhau. Mỗi nền văn minh có một môi trường tin tức - các kênh thông tin mà tin tức cần thiết chảy qua. Mỗi nền văn minh có phạm vi quyền lợi riêng của nó. Mỗi nền văn minh có mối quan hệ đặc trưng với thế giới bên ngoài - bóc lột, cộng sinh, chiến đấu hoặc hòa bình. Và mỗi nền văn minh có ý nghĩa hệ riêng của nó - những nhận thức văn hóa, cấu trúc quan điểm về thực tế và biện hộ những hoạt động của nó.

Làn sóng thứ ba đang mang đến những thay đổi cách mạng và tự tăng cường ngay tức thì ở các cấp độ khác nhau. Hậu quả không phải chỉ là sự phân hóa xã hội cũ mà còn là việc tạo ra nền tảng cho xã hội mới.

Khi các thiết chế Làn sóng thứ hai sụp đổ, khi tội ác gia tăng, khi gia đình hạt nhân tan rã, khi

các hệ thống quan liêu một thời đáng tin cậy hoạt động chệch choạc, khi hệ thống y tế sụp đổ và các nền kinh tế công nghiệp lung lay một cách nguy hiểm, chúng ta chỉ thấy sự đổ nát và suy sụp xung quanh chúng ta. Thế nhưng sự suy sụp xã hội là lớp phân trộn của nền văn hóa mới. Trong năng lượng, công nghệ, cấu trúc gia đình, văn hóa, và những lĩnh vực khác, chúng ta đang lắp đặt cấu trúc cơ bản xác định những tính chất chủ yếu của nền văn minh mới đó.

Thực vậy, lần đầu tiên chúng ta có thể xác định những tính chất chính này và các mối tương quan lẫn nhau giữa chúng. Nền văn minh phối thai Làn sóng thứ ba không những chỉ chặt chẽ và có thể thực hiện được theo nghĩa sinh thái và kinh tế, mà còn hợp với khuôn phép và dân chủ hơn nền văn minh Làn sóng thứ hai.

Chắc chắn giai đoạn giao thời sẽ đẩy những mâu thuẫn xã hội, rối loạn kinh tế, các phe phái đụng độ, ly khai, lộn xộn về công nghệ hoặc thẩm họa, hỗn loạn chính trị, bạo động, chiến tranh và nguy cơ chiến tranh. Trong một bối cảnh với các thiết chế và giá trị đang phân hóa, những kẻ mị dân và các phong trào sẽ tìm cách cầm quyền. Sự đụng độ của hai nền văn minh sẽ tạo ra những mối nguy hiểm thê thảm.

NHỮNG CƠ SỞ CỦA NGÀY MAI

Nền văn minh Làn sóng thứ ba không giống như những nền văn minh trước, nó sẽ lấy năng

lượng từ nhiều nguồn khác nhau, những nguồn năng lượng tự lực và có thể hồi phục được chứ không phải những nguồn tài nguyên kiệt cạn.

Nền văn minh Làn sóng thứ ba cũng sẽ dựa trên cơ sở công nghệ khác nhau như sinh học, công nghệ gen, điện tử, khoa học vật liệu, kỹ thuật vũ trụ và đại dương học. Trong khi một số công nghệ cần năng lượng cao, hầu hết công nghệ Làn sóng thứ ba được thiết kế để sử dụng ít năng lượng. Các nền công nghệ Làn sóng thứ ba cũng không đại chúng hoặc nguy hiểm về sinh thái như những nền công nghệ quá khứ. Nhiều công nghệ sẽ là quy mô nhỏ, vận hành đơn giản, với chất thải sẽ được tái sinh để trở thành vật liệu cho một công nghiệp khác.

Đối với nền văn minh Làn sóng thứ ba, nguyên liệu cơ bản nhất là tin tức, gồm cả trí tưởng tượng. Với tin tức trở nên quan trọng hơn trước đây, nền văn minh mới sẽ cấu trúc lại giáo dục, định nghĩa lại nghiên cứu khoa học và tổ chức lại thông tin. Thay vì bị một số thông tin đại chúng thống trị, nền văn minh làn sóng thứ ba sẽ dựa trên thông tin tác động qua lại với nhau và phi đại chúng hóa, nền thông tin này sẽ chuyển hình ảnh đa dạng và cá nhân hóa cao ra vào dòng trí tuệ của xã hội.

Sự dịch chuyển lên một xã hội điện tử cao, dựa trên cơ sở tin tức sẽ làm giảm nhu cầu của chúng ta đối với năng lượng giá thành cao. Việc computơ hóa xã hội sẽ không phi cá nhân hóa các mối quan hệ con người. Sự hòa nhập về các dạng

năng lượng, công nghệ, và tin tức Làn sóng thứ ba sẽ làm tăng tốc những thay đổi cách mạng trong lao động. Các nhà máy vẫn còn tiếp tục được xây dựng, nhưng nhà máy Làn sóng thứ ba không giống như những nhà máy chúng ta biết và số người làm việc trong các nhà máy sẽ tiếp tục giảm.

Nhà máy Làn sóng thứ ba sẽ không còn là mô hình cho những loại thiết chế khác phỏng theo. Nó sẽ sản xuất những sản phẩm phi đại chúng hóa. Nó sẽ dựa trên những phương pháp sản xuất tiên tiến. Nó sẽ dùng ít năng lượng, ít lãng phí nguyên vật liệu, sử dụng ít linh kiện hơn, và đòi hỏi thiết kế thông minh hơn. Các nhà máy Làn sóng thứ ba sẽ được đặt ở ngoài các thành phố. Chúng cũng nhỏ hơn các nhà máy của quá khứ, với các đơn vị tổ chức nhỏ hơn, mỗi đơn vị được quyền tự quản lớn hơn. Tương tự như thế, văn phòng Làn sóng thứ ba sẽ không còn giống như văn phòng ngày nay. Công việc bàn giấy của văn phòng sẽ được thay thế bằng máy computơ. Nhiệm vụ của thư ký cũng sẽ thay thế bằng máy computơ. Văn phòng sẽ được tự động hóa hoàn toàn.

Để điều hành những nhà máy và văn phòng này của tương lai, các công ty Làn sóng thứ ba sẽ cần những công nhân giàu sáng kiến và tháo vát. Để chuẩn bị cho những người làm việc như thế, trường học sẽ dần dần loại bỏ những phương pháp giáo dục hiện nay đã tạo ra những công nhân Làn sóng thứ hai với những công việc lặp đi lặp lại.

Sự thay đổi rõ nét nhất trong nền văn minh Làn sóng thứ ba có thể là chuyển việc làm từ văn

phòng về nhà. Không phải tất cả mọi công việc đều được làm tại nhà. Nhưng khi thông tin giá thành thấp được thay thế cho giao thông giá thành cao, khi chúng ta tăng vai trò của thông tin và trí tưởng tượng trong sản xuất, thì vai trò lao động đơn điệu cũng giảm và một bộ phận lớn lực lượng lao động trong các xã hội Làn sóng thứ ba sẽ thực hiện ít nhất một phần công việc ở nhà, nhà máy được dành cho những người phải điều khiển các loại máy móc lớn.

Sự xuất hiện người tiêu sản, sự phát triển của ngôi nhà điện tử, sự phát minh ra những cấu trúc tổ chức mới trong kinh doanh, sự tự động hóa và phi đại chúng hóa của sản xuất - tất cả đều hướng về ngôi nhà ở như là một đơn vị trung tâm trong xã hội ngày mai, một đơn vị với những chức năng kinh tế, y tế, giáo dục và xã hội được nâng cao. Thế nhưng chẳng có thiết chế nào, dù là ngôi nhà sẽ giữ vai trò trung tâm như nhà thờ hoặc nhà máy trong quá khứ. Vì xã hội dường như sẽ được xây dựng xung quanh một mạng lưới chứ không theo đẳng cấp của các thiết chế mới.

Điều này có nghĩa là các công ty không còn là biểu tượng cho các thiết chế xã hội khác. Trong các xã hội Làn sóng thứ ba, công ty vẫn được công nhận như là tổ chức phức tạp, và sẽ đáp ứng đồng thời cùng một lúc nhiều mục tiêu, chứ không phải chỉ cho lợi nhuận hoặc chỉ tiêu sản xuất. Các công ty hoặc tự nguyện hoặc bị buộc phải đáp ứng với những gì mà ngày nay được xem như là phi kinh tế và với những nhân tố như sinh thái, chính trị, xã

hội, văn hóa và đạo đức.

Giống như những tổ chức khác, công ty sẽ chịu sự cấu trúc lại khi những luật lệ của nền văn minh Làn sóng thứ ba có hiệu lực. Thay vì một xã hội đồng bộ hóa với nhịp điệu của dây chuyền sản xuất, xã hội Làn sóng thứ ba sẽ có nhịp điệu và thời gian biểu linh động, thay vì tiêu chuẩn hóa xã hội đại chúng về cánh xử thế, tư tưởng, ngôn ngữ và cách sống, xã hội Làn sóng thứ ba sẽ được xây dựng trên sự đa dạng. Thay vì một xã hội tập trung dân cư, năng lượng và những tính chất khác của cuộc sống, xã hội Làn sóng thứ ba sẽ phi tập trung hóa và phân tán. Thay vì chấp nhận nguyên tắc “lớn hơn là tốt hơn” xã hội Làn sóng thứ ba sẽ hiểu được ý nghĩa “quy mô thích hợp”. Thay vì một xã hội tập quyền cao, xã hội Làn sóng thứ ba sẽ thừa nhận giá trị quyết định của phân quyền.

Tất cả các xã hội trong thời kỳ chuyển tiếp Làn sóng thứ ba đều gặp phải vấn đề thất nghiệp. Từ năm 1950 trở đi, công việc bàn giấy và dịch vụ đã giải quyết việc làm cho hàng triệu người lao động bị khu vực sản xuất đang phá sản sa thải. Ngày nay, khi công việc bàn giấy đến lượt được tự động hóa, thì câu hỏi đặt ra là khu vực dịch vụ truyền thống có thể đảm nhiệm nổi vấn đề trên không? Một số nước đã che đậy vấn đề bằng việc hạn chế khối lượng công việc để khỏi có nạn thất nghiệp, nới rộng cơ chế quan liêu, xuất khẩu lao động dứa thừa vv... Nhưng vấn đề vẫn không thể giải quyết được chừng nào vẫn còn trong khuôn khổ của các nền kinh tế Làn sóng thứ hai.

Điều này giải thích tầm quan trọng của việc hòa nhập giữa người sản xuất và người tiêu thụ. Nền văn minh Làn sóng thứ ba sẽ tạo ra khu vực kinh tế dựa trên sản xuất để tiêu dùng chứ không phải để trao đổi, một khu vực dựa trên việc “tự làm lấy” chứ không phải “làm cho thị trường”. Sau 300 năm “thị trường hóa”, bước ngoặt đột ngột này sẽ đòi hỏi và tạo ra tư tưởng hoàn toàn mới về các vấn đề kinh tế của chúng ta, từ thất nghiệp và thịnh vượng đến giải trí và vai trò công việc.

Con người Làn sóng thứ ba sẽ chấp nhận những nhận thức mới về thiên nhiên, tiến bộ, tiến hóa, thời gian, không gian, vật chất và nguyên nhân. Tư tưởng của họ sẽ ít bị máy móc ảnh hưởng, được định hình nhiều hơn những khái niệm như quy trình, hồi tiếp, và mất cân bằng. Họ sẽ biết rõ hơn về tính gián đoạn trực tiếp từ tính liên tục. Những tôn giáo mới, những nhận thức mới về khoa học, những hình ảnh mới về bản chất con người, những dạng về nghệ thuật mới sẽ xuất hiện, đa dạng hơn so với thời kỳ công nghiệp.

Sự khác biệt ngày càng tăng của xã hội cũng có nghĩa là vai trò Nhà nước - quốc gia bị giảm. Nền văn minh Làn sóng thứ ba sẽ dựa trên sự phân phối lại quyền lực mà trong đó quốc gia không còn quyền lực tuyệt đối như trong quá khứ, trong khi đó các thiết chế khác như công ty đa quốc gia hoặc thành phố - Nhà nước sẽ có quyền lực lớn hơn.

Các khu vực sẽ có quyền lực lớn hơn khi thị trường và kinh tế quốc gia bị chia nhỏ, một số khu vực có thị trường và kinh tế lớn hơn thị trường và

kinh tế quốc gia. Những liên minh mới hình thành không phải theo cự ly địa lý mà là trên các mối quan hệ chung về văn hóa, sinh thái, tôn giáo hoặc kinh tế. Do đó một vùng ở Bắc Mỹ có thể phát triển các mối quan hệ chặt chẽ với vùng ở châu Âu hoặc ở Nhật, chứ không phải với vùng láng giềng cạnh họ, hoặc ngay cả với Chính phủ quốc gia của họ. Liên kết các vùng lại với nhau không có nghĩa là sẽ có một Chính phủ – thế giới độc lập nhất mà là một mạng lưới dày đặc của các tổ chức xuyên quốc gia mới.

Ngoài các quốc gia giàu có ra, ba phần tư các nước không công nghiệp của nhân loại sẽ chiến đấu chống lại nghèo khổ với những công cụ mới chứ không phải bắt chước xã hội Làn sóng thứ hai hoặc trở về những điều kiện Làn sóng thứ nhất. Những “chiến lược phát triển” mới và cơ bản sẽ xuất hiện, phản ánh đặc tính văn hóa và tôn giáo đặc biệt của mỗi vùng.

KHÁI NIỆM VỀ “THỰC TẾ – LÝ TƯỞNG”

Những gì chúng ta thấy ở đây là những nét phác họa một cách hoàn toàn mới về cuộc sống, nó ảnh hưởng không chỉ đến cá nhân mà đến cả hành tinh. Nền văn minh mới được phác thảo ở đây không thể nào là điều không tưởng. Vấn đề cá nhân và cộng đồng, vấn đề chính trị, vấn đề bình đẳng, công bằng và đạo đức, vấn đề nền kinh tế mới, đặc biệt là mối quan hệ giữa việc làm, phúc lợi, và tiêu sản - Tất cả những vấn đề đó và các vấn

đề khác nữa sẽ khuấy động những nhiệt tình say mê đấu tranh.

Làn sóng thứ ba mang theo nó những thách thức sâu sắc đối với nhân loại, từ nguy cơ sinh thái đến mối nguy hiểm về chủ nghĩa khủng bố nguyên tử và chủ nghĩa phát xít điện tử, nó không phải đơn giản là sự kéo dài đầy ác mộng của chủ nghĩa công nghiệp. Ở đây, chúng ta thấy nổi lên cái có thể được gọi là “thực tế - lý tưởng” tức là cái không tốt nhất cũng không xấu nhất của tất cả thế giới mà là cái vừa thực tế hơn vừa được ưa thích hơn những cái mà chúng ta đã có. Không giống như thuyết không tưởng, thuyết thực tế - lý tưởng không phải là không có khuyết điểm, không có sự kinh tởm chính trị, và không có những cái xấu. Không giống như hầu hết thuyết không tưởng, thuyết thực tế - lý tưởng không phải là tĩnh hoặc bị hạn định trong sự hoàn hảo không thực tế.

Nói tóm lại, thuyết thực tế - lý tưởng tạo ra một khả năng cách mạng và tích cực mà vẫn nằm trong khoảng cách có thể đạt được một cách thực tế.

Theo nghĩa này, nền văn minh Làn sóng thứ ba chính là một tương lai thực tế - lý tưởng. Người ta có thể nhìn thấy trong nó một nền văn minh cho phép sự khác biệt cá nhân, chấp nhận sự đa dạng về chủng tộc, khu vực, tôn giáo và văn hóa. Một nền văn minh đầy sáng tạo và có khả năng tạo ra sự ổn định tương đối cho những người cần hoặc muốn có sự ổn định. Một nền văn minh có khả năng hướng niềm say mê lớn vào nghệ thuật. Một

nền văn minh đang đối diện với những chọn lựa lịch sử chưa từng có về công nghệ gen và tiến hóa, tạo ra những tiêu chuẩn đạo đức và luân lý để đối phó với những vấn đề phức tạp. Sau cùng, một nền văn minh rất dân chủ và nhân đạo, ở thế cân bằng với vũ trụ sinh học và không còn phụ thuộc một cách nguy hiểm vào các nguồn trợ cấp có thể khai thác được của phần còn lại của thế giới. Công việc khó thực hiện, nhưng không phải là không thể thực hiện.

CÂU HỎI ĐẶT SAI

Tại sao điều này xảy ra? Tại sao Làn sóng thứ hai đột ngột không hoạt động được nữa? Tại sao cơn sóng văn minh mới này lại va chạm với nền văn minh cũ? Không ai biết cả. Ngay cả ngày nay, 300 năm sau sự việc, các nhà lịch sử cũng không thể xác định “lý do” của cuộc cách mạng công nghiệp. Mỗi nhóm các nhà hàn lâm hoặc trường phái triết học có cách giải thích riêng của họ.

Trong thế giới ngày nay cũng thế, chúng ta có thể xác định nhiều nguyên nhân. Nhiều chuyên gia cho rằng nhu cầu tăng về năng lượng trong khi nguồn dầu khí kiệt cạn, sự phát triển dân số thế giới hoặc nguy cơ ô nhiễm toàn cầu đó là những lực then chốt làm thay đổi cấu trúc trên quy mô hành tinh. Còn những người khác cho rằng chính sự tiến bộ không tưởng tượng nổi trong khoa học và công nghệ kể từ cuối Thế chiến II cùng những thay đổi chính trị và xã hội đang kéo theo sự việc. Những

người khác nữa lại cho rằng do sự thức tỉnh của thế giới không - công nghiệp và những biến động chính trị đe dọa lối sống của chúng ta gắn liền với năng lượng và nguyên liệu rẻ.

Chúng ta có thể tìm thấy hàng trăm dòng thay đổi chảy vào nơi hợp lưu vĩ đại, tất cả chúng đều tương quan qua lại và tác động lẫn nhau. Còn nguyên nhân của Làn sóng thứ ba theo nghĩa một biến số độc lập độc nhất hoặc mất xích kéo cả dây xích thì chúng ta không thể tìm được. Thực vậy, hỏi “nguyên nhân là gì?” có thể là câu hỏi sai hoặc cách đặt câu hỏi sai. “Nguyên nhân của Làn sóng thứ ba là gì?” có thể là câu hỏi của Làn sóng thứ hai.

Điều này không có nghĩa là loại bỏ nguyên nhân mà là thừa nhận sự phức tạp của nó. Nên văn minh Làn sóng thứ hai có thể bị tan vỡ và không thể hoạt động nữa, nhưng điều đó không có nghĩa là nên văn minh Làn sóng thứ ba được phác họa ra ở đây nhất thiết phải hình thành. Bất kỳ một lực nào cũng có thể thay đổi một cách cơ bản viễn cảnh. Những quyết định của cá nhân, nhóm hoặc Chính phủ có thể làm chệch hướng những dòng thay đổi. Trong các nước cũng thế. Những thay đổi nhỏ có thể kéo theo những hệ quả lớn.

Trong các nước công nghiệp tiên tiến, các vùng lạc hậu đấu tranh để hoàn thành công việc công nghiệp hóa. Vùng đó, họ cố gắng bảo vệ các nhà máy Làn sóng thứ hai và công việc dựa vào chúng. Điều này đặt họ vào vị trí xung đột trực tiếp với các vùng đã tiến xa trong việc xây dựng cơ

298

sở công nghệ cho các hoạt động Làn sóng thứ ba. Những cuộc chiến đấu như thế xé nát xã hội ra từng mảnh, nhưng cũng mở ra nhiều cơ hội cho hoạt động chính trị và xã hội.

Cuộc siêu đấu tranh đang được tiến hành trong mỗi cộng đồng giữa những người Làn sóng thứ hai và những người Làn sóng thứ ba, điều đó không có nghĩa là những cuộc đấu tranh khác mất đi sự quan trọng của chúng. Xung đột giai cấp, xung đột chủng tộc, xung đột thế hệ, xung đột khu vực, xung đột giới tính, xung đột tôn giáo – tất cả những xung đột này vẫn tiếp tục. Nhưng tất cả xung đột đó được định hình hoặc bị phục tùng theo cuộc siêu đấu tranh. Chính cuộc siêu đấu tranh xác định một cách cơ bản tương lai.

Trong lúc đó, có hai sự việc đụng đến mọi thứ khi Làn sóng thứ ba tràn qua. Một là sự di chuyển hướng về mức đa dạng hóa cao hơn trong xã hội - sự phi đại chúng hóa của xã hội đại chúng. Hai là gia tốc - nhịp điệu biến đổi lịch sử diễn ra nhanh hơn. Kết hợp với nhau, những sự việc này gây ra những căng thẳng khổng lồ và tác động lên cả cá nhân và thể chế, làm tăng cường cuộc siêu đấu tranh.

Đã quen đối phó với sự đa dạng thấp và thay đổi chậm, cá nhân và thể chế đột ngột thấy họ phải đối phó với sự đa dạng cao và thay đổi tốc độ nhanh. Những áp lực thường xuyên làm họ không đủ khả năng quyết định nữa. Kết quả là gây ra một cú sốc tương lai.

Chương hai mươi lăm

MÔI TRƯỜNG TÂM LÝ MỚI

Trong các quốc gia giàu có, những hình ảnh sau đây quá quen thuộc: tỉ lệ thanh thiếu niên tự tử tăng, nạn nghiện rượu cao, suy sụp tâm lý phổ biến, phá hoại công trình công cộng và tội ác. Những định nghĩa khiếm khuyết về những hiện tượng trên và những con số thống kê không đáng tin cậy đã làm cho các thế hệ ngày nay nghi ngờ sự việc, cũng rất đáng ngờ là những xã hội trước kia đã có những mô hình tinh thần lành mạnh. Thế nhưng chắc chắn ngày nay có điều gì đó không ổn. Hàng triệu cá nhân tìm kiếm một cách điên cuồng cho sự đồng nhất của riêng họ hoặc cho một số phương pháp chữa bệnh kỳ quái để hợp nhất lại nhân tính của họ, nhằm tạo ra sự thân mật hoặc trạng thái xuất thần chốc lát, nhằm đưa họ đến trạng thái nhận thức cao hơn.

Làn sóng khó chịu này không tấn công các nước công nghiệp với những lực bằng nhau. Do đó, người ở châu Âu và ở các nơi khác cho rằng đó là hiện tượng Mỹ, trong khi ở Mỹ lại cho rằng đó là hiện tượng ở bang Caliphóocnia. Những quan điểm đó đều xa sự thật. Nếu sự suy sụp tâm lý và sự phân hóa nổi bật rõ ràng ở Mỹ và đặc biệt ở

Caliphóocnia thì điều đó chỉ phản ánh sự việc rằng Làn sóng thứ ba đã và đang đến nơi đó sớm hơn ở những nơi khác, gây ra tình trạng các cấu trúc Làn sóng thứ hai bị lật nhào sớm hơn và ngoạn mục hơn.

Thực vậy, một loại hoang tưởng từng phần đã tác động vào nhiều cộng đồng chứ không phải chỉ riêng ở Mỹ. Ở Roma và Turin, các tên khủng bố đi hiên ngang trên đường phố. Ở Pari và Luân Đôn, nạn cướp và phá hoại công trình công cộng tăng lên. Ở Chicagô, người già sợ ra đường ban đêm v.v...

Có mùi bệnh hoạn trong không khí. Đó là mùi của nền văn minh Làn sóng thứ hai đang chết.

TẤN CÔNG VÀO CÔ ĐƠN

Để tạo ra một cuộc sống tình cảm trong sáng và một vũ trụ tâm lý lành mạnh cho nền văn minh ngày mai, chúng ta phải thừa nhận ba yêu cầu cơ bản của bất kỳ cá nhân nào: những nhu cầu cho cộng đồng, cấu trúc và ý nghĩa. Hiểu được làm thế nào sự sụp đổ của xã hội Làn sóng thứ hai phá hoại ba yêu cầu này sẽ cho phép chúng ta thiết kế một môi trường tâm lý lành mạnh hơn cho chúng ta và cho con cái của chúng ta trong tương lai.

Bất kỳ xã hội nào cũng phải tạo ra tình thần cộng đồng. Cộng đồng bù đắp sự cô đơn. Nó tạo ra cho con người một ý thức tập thể. Thế nhưng ngày nay các thiết chế ràng buộc cộng đồng đang sụp đổ trong các xã hội công nghệ. Kết quả là tai họa lan

tràn về sự cô đơn. Sự cô đơn không phải là vấn đề mới. Nhưng ngày nay cô đơn quá phổ biến đến nỗi nó trở thành một kinh nghiệm được chia sẻ.

Cộng đồng đòi hỏi nhiều hơn chứ không phải chỉ có mối quan hệ tình cảm giữa các cá nhân. Nó cũng đòi hỏi các mối ràng buộc vững chắc về lòng trung thành giữa các cá nhân với tổ chức của họ. Thiếu tình bè bạn hàng triệu người này cảm thấy bị cách biệt với những thiết chế mà họ là một bộ phận trong đó. Họ ước mong tha thiết những thiết chế xứng đáng với sự kính trọng, tình cảm và sự trung thành của họ.

Công ty là một ví dụ. Khi các công ty phát triển lớn hơn và làm đa dạng nhiều hoạt động khác nhau, những người làm việc ít có ý thức về nhiệm vụ được chia sẻ. Tinh thần cộng đồng không có. Trung thành với một công ty được nhiều người xem như là sự phản bội đối với bản thân mình. Các mối quan hệ công việc ngày càng tạm thời và không thỏa mãn tình cảm. Ngay cả khi công ty tạo điều kiện cho người làm việc hoạt động tập thể, hầu hết các mối quan hệ công việc chỉ là hời hợt.

Vì lý do đó, ngày nay ít người có ý thức gắn bó với một cái gì đó lớn hơn và tốt hơn bản thân họ. Điều này kích thích tinh thần tham gia đôi khi tự phát trong những đợt khủng hoảng, căng thẳng, thảm họa hoặc nổi loạn quần chúng. Ví dụ, các cuộc bãi khóa lớn của sinh viên vào những năm 60 và các cuộc biểu tình chống vũ khí nguyên tử ngày nay đã tạo ra sự sôi nổi của tinh thần cộng đồng.

Một nguyên nhân của tai họa cô đơn nằm

trong mức độ đang gia tăng của sự đa dạng hóa xã hội. Bằng việc phi đại chúng hóa xã hội, bằng việc nhấn mạnh những khác nhau chứ không phải những tương tự, chúng ta giúp con người tự họ cá tính hóa. Chúng ta đã tạo ra cho chính mình một tiềm lực riêng và do đó cũng làm cho sự tiếp xúc con người trở nên khó khăn hơn. Vì chúng ta càng cá tính hóa bao nhiêu thì càng khó gặp được bạn hoặc người thương yêu có chung những quyền lợi, giá trị, thời gian biểu hoặc thị hiếu. Mỗi người trở thành người độc đáo trong các mối quan hệ xã hội. Và những người khác cũng thế. Kết quả là các mối quan hệ không thuần nhất hoặc không hề có một mối quan hệ nào cả.

Do đó, trong khi từ chối sự hứa hẹn về việc tự hoàn thành cá nhân nhiều hơn, xã hội đại chúng tan rã làm lan tràn nỗi đau khổ về cô đơn. Nếu xã hội Làn sóng thứ ba không lạnh lùng như kim loại với trái tim trống rỗng, thì nó phải đương đầu với vấn đề này. Nó phải lập lại cộng đồng.

Một khi chúng ta thừa nhận rằng sự cô đơn không còn là một vấn đề cá nhân mà là vấn đề xã hội do sự phân hóa của các thiết chế Làn sóng thứ hai gây ra, thì chúng ta có rất nhiều việc làm. Chúng ta có thể bắt đầu từ nơi mà cộng đồng thường bắt đầu - nghĩa là trong gia đình, bằng việc phát triển những chức năng đã bị thu hẹp.

Từ khi có cách mạng công nghiệp, gia đình không ngừng giải phóng khỏi gánh nặng về người già. Nếu chúng ta đã tước bỏ trách nhiệm gia đình này, có thể đã đến lúc phải lập lại nó từng phần.

Có thể phải khuyến khích bằng kinh tế cho các gia đình chăm sóc người già. Và tại sao không khen thưởng những người duy trì và củng cố các mối quan hệ gia đình giữa các thế hệ khác nhau? Gia đình cũng cần được khuyến khích giữ vai trò nhiều hơn trong việc giáo dục trẻ em. Cha mẹ muốn dạy tốt con cái của họ ở nhà phải được trường học giúp đỡ, chứ không phải bị xem như là vi phạm luật lệ. Và cha mẹ phải kết hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục con cái.

Trường học cũng có thể tạo ra ý thức tập thể. Thay vì điểm học sinh theo học lực cá nhân, một số điểm cho học sinh là điểm chung cho cả lớp. Điều này ủng hộ công khai tư tưởng là mỗi người chúng ta có trách nhiệm với người khác. Nếu được khuyến khích, các nhà giáo dục sẽ có những cách tốt hơn để đẩy mạnh ý thức cộng đồng.

Các công ty cũng có thể bắt đầu xây dựng lại các mối quan hệ con người. Sản xuất Làn sóng thứ ba tạo ra sự phân quyền, các đơn vị làm việc nhỏ hơn và có tính cá nhân hơn. Các công ty có thể xây dựng ý thức về cái chung bằng cách yêu cầu người làm việc tự tổ chức các công ty nhỏ hoặc hợp tác xã và ký hợp đồng trực tiếp với những nhóm này để thực hiện công việc. Sự chia tách các công ty khổng lồ thành các đơn vị nhỏ và tự quản không những giải phóng năng lượng sản xuất mới to lớn mà đồng thời còn tạo ra cộng đồng.

Công ty cũng có thể xem lại vấn đề về hưu. Thay vì cho về hưu đột ngột, có thể lập các kế hoạch cho về hưu từ từ, hoặc vừa làm việc cho công

ty vừa làm việc cho cộng đồng. Có thể đề nghị những người về hưu làm cố vấn giúp đỡ cho các thế hệ trẻ học nghề. Trong nhiều trường hợp, mối quan hệ lành mạnh phát triển giữa “cố vấn” và “người được cố vấn” sẽ vượt qua giới hạn hướng dẫn nghề nghiệp.

CỘNG ĐỒNG VIỄN THÔNG

Đối với chính sách xã hội dài hạn, chúng ta phải tiến nhanh về hướng “cộng đồng viễn thông”. Những người muốn cộng đồng được lập lại phải tập trung chú ý về tác động phân vùng xã hội, về việc đi lại và tính cơ động cao. Một trong những bước để xây dựng ý thức cộng đồng trong Làn sóng thứ ba là sự thay thế có chọn lọc của thông tin cho giao thông.

Nỗi lo phổ biến cho rằng máy computơ và viễn thông sẽ tước đoạt của chúng ta việc tiếp xúc mặt đối mặt và làm cho mối quan hệ con người bị máy móc thay thế, nỗi lo đó là ngây thơ và đơn giản. Thực vậy, điều ngược lại mới là đúng. Trong khi các mối quan hệ ở nhà máy và văn phòng bị suy giảm, thì mối quan hệ trong nhà và trong cộng đồng có thể được tăng cường bởi những công nghệ mới này. Máy computơ và viễn thông có thể giúp chúng ta tạo ra cộng đồng. Các nền công nghiệp hiện đại này có thể giúp cho một số lớn người lao động làm việc tại nhà, nên chúng có thể làm cho các gia đình ấm cúng hơn, gắn bó hơn, và tạo ra một cuộc sống cộng đồng thân mật hơn.

Thông tin khi được áp dụng một cách có chọn lọc có thể phục vụ mục tiêu của cộng đồng viên thông. Nói tóm lại, khi chúng ta xây dựng nền văn minh Làn sóng thứ ba, có nhiều điều chúng ta có thể làm để duy trì và làm phong phú cộng đồng chứ không phải huỷ diệt cộng đồng.

CẤU TRÚC CUỘC SỐNG

Tuy nhiên việc xây dựng lại cộng đồng được xem như là một phần nhỏ của một quy trình lớn hơn. Vì sự sụp đổ của các thiết chế, Làn sóng thứ hai cũng phá vỡ cấu trúc và ý nghĩa trong cuộc sống của chúng ta. Các cá nhân cần cấu trúc cuộc sống. Việc thiếu cấu trúc cuộc sống là một sự tan vỡ và không có mục đích.

Cấu trúc cung cấp những điểm chuẩn tương đối cố định mà chúng ta cần. Đó là lý do tại sao đối với nhiều người làm việc về mặt tâm lý lại quan trọng hơn cả tiền lương. Một yếu tố cấu trúc để cuộc sống của họ có thể được tổ chức đó là việc làm rõ những nhu cầu về thời gian và năng lượng. Những nhu cầu tuyệt đối do đứa trẻ đòi hỏi ở cha mẹ, trách nhiệm chăm sóc người tàn tật, kỷ luật chặt chẽ trong một đảng - tất cả những điều đó có thể áp đặt một cấu trúc đơn giản vào cuộc sống.

Một số thanh niên đối diện với việc thiếu cấu trúc nên họ sử dụng ma túy. Vì sống không có mục đích kéo dài, nên cấu trúc cuộc sống của họ chỉ gồm việc làm thế nào thoát khỏi cảnh sát, làm thế nào có tiền, ở đâu có người cho họ tiền - tất cả

những điều này giúp cho họ có năng lượng thể vào chỗ của thế giới không cấu trúc trước đây.

Gia đình hạt nhân, thời gian biểu do xã hội áp đặt, vai trò được xác định rõ ràng, phân biệt trạng thái nhìn thấy được, ranh giới, quyền lực có thể nhận thức được - tất cả những nhân tố đó đã tạo ra cấu trúc cuộc sống đúng mực cho hầu hết mọi người trong kỷ nguyên Làn sóng thứ hai.

Ngày nay sự suy sụp của Làn sóng thứ hai đang làm tan rã cấu trúc trong cuộc sống nhiều cá nhân trước khi các thiết chế tạo ra cấu trúc mới của tương lai Làn sóng thứ ba hình thành. Điều này giải thích tại sao ngày nay đối với hàng triệu người cuộc sống hàng ngày phải chịu sự vô trật tự không thể chấp nhận được.

Với việc mất trật tự này, chúng ta cảm thấy cuộc sống giảm ý nghĩa. Ý nghĩa cuộc sống của chúng ta đến từ các mối quan hệ lành mạnh với xã hội xung quanh - từ gia đình, công ty, nhà thờ, hoặc phong trào chính trị. Nó cũng phụ thuộc vào khả năng tự nhìn thấy chúng ta là một phần của sự sắp xếp có hệ thống của sự việc.

Ngày nay, sự di chuyển đột ngột các luật lệ cơ sở xã hội, sự mờ nhạt của vai trò, của phân biệt trạng thái, và của ranh giới quyền lực, đặc biệt sự suy sụp của hệ thống tư tưởng lớn thực tế công nghiệp, tất cả làm tan vỡ hình ảnh thế giới trong bộ não chúng ta. Do đó, hầu hết mọi người ngày nay thấy thế giới xung quanh họ chỉ là hỗn độn. Họ đang chịu đựng cảm giác bất lực và mất định hướng cá nhân.

BÍ MẬT CỦA CÁC GIÁO PHÁI

Tại sao có hàng ngàn người bề ngoài thông minh và thành công trong cuộc sống lại bị cuốn hút vào vô số giáo phái đang sinh sôi trong những đồ võ của hệ thống Làn sóng thứ hai? Ở Mỹ người ta đánh giá có chừng 3 triệu người Mỹ thuộc khoảng 1.000 giáo phái. Các giáo phái có các tên như: Nhà thờ Thống nhất, Nhiệm vụ khai minh Thần Thánh, Hare Khrish Na, Đạo... Mỗi giáo phái có chùa hoặc chi nhánh hầu hết các thành phố lớn, không phải giáo phái xuất hiện chỉ ở Mỹ, mà ở châu Âu cũng có đủ loại giáo phái nhưng số lượng ít hơn.

Câu hỏi đặt ra là tại sao những nhóm như thế có thể điều khiển hầu như hoàn toàn sự hiến dâng và sự tuân theo của các thành viên? Bí mật của họ thật đơn giản. Họ hiểu được nhu cầu về cộng đồng, cấu trúc và ý nghĩa. Vì đó chính là những thứ mà giáo phái đang rao bán.

Đối với những người cô đơn, các giáo phái đưa ra tính bằng hữu không phân biệt. Các giáo phái cũng đưa ra cấu trúc bằng việc áp đặt những hạn chế chặt chẽ trong cách xử thế. Họ yêu cầu và tạo ra kỷ luật khắc nghiệt. Sau cùng, sản phẩm được giáo phái bán ra thị trường là "ý nghĩa". Mỗi giáo phái có một mô hình với một mục đích về thực tế - tôn giáo, chính trị hoặc văn hóa. "Ý nghĩa" do giáo phái phổ biến nghe rất vô lý đối với người ngoài. Nhưng điều đó không quan trọng. Quyền lực của nó nằm trong việc cung cấp sự tổng hợp, trong việc

đưa ra cái thay thế cho các loại văn hóa linh tinh xung quanh chúng ta. Một khi giáo lý được các tín đồ của nó chấp nhận, nó giúp tổ chức các tín tức hỗn độn từ bên ngoài đang tấn công vào họ. Do đó, nó giúp giải phóng các tín đồ của nó khỏi sự căng thẳng do quá tải và lầm lẫn. Nó cung cấp không phải là sự thật, mà là trật tự, và từ đó là ý nghĩa.

Bằng việc giúp cho thành viên giáo phái có ý thức rằng thực tế là có ý nghĩa, giáo phái tạo ra mục đích và sự cố kết trong một thế giới dường như rời rạc. Tuy nhiên, giáo phái rao bán cộng đồng, cấu trúc và ý nghĩa một số giá cực cao - đó là sự đầu hàng không chú ý của cái tôi. thay cho sự phân hóa cá nhân. Nhưng đối với hầu hết chúng ta thì cái cách thoát ra bằng con đường giáo phái là quá đắt.

Để làm cho nền văn minh Làn sóng thứ ba lành mạnh và dân chủ chúng ta cần phải tạo ra cộng đồng, cấu trúc và ý nghĩa chứ không phải chỉ tạo ra nguồn cung cấp năng lượng mới và công nghệ mới.

Chương hai mươi sáu

NHÂN CÁCH TƯƠNG LAI

Khi nhìn lại sự suy tàn và sự phân hóa xung quanh chúng ta, liệu chúng ta có thấy xuất hiện những hình ảnh của nhân cách tương lai hay nói cách khác là “con người mới” không? Đã có những dự báo về các loại con người mới. Ví dụ cuối thế kỷ XVIII có “A đam người Mỹ” - người sinh ra ở Bắc Mỹ, không có những thói hư tật xấu và nhược điểm của người châu Âu. Đến giữa thế kỷ XX có con người siêu nhân của Hitler - ngược thuộc chủng tộc Arian với một phần là nông dân, một phần là lính chiến, một phần là thiên thần.

Hình ảnh “con người mới” này cũng ám ảnh những người cộng sản. Người Liên Xô vẫn còn nói về “con người xã hội chủ nghĩa”. Nhưng chính Trotsky đã diễn tả sống động về con người tương lai. Con người sẽ trở thành khỏe hơn, khôn ngoan hơn và nhạy cảm hơn. Cơ thể của họ sẽ trở thành hài hòa hơn, những động tác của họ nhịp nhàng hơn, tiếng nói của họ êm dịu hơn. Cách sống của họ sẽ có những đặc tính gây cảm xúc mạnh mẽ. Con người bình thường sẽ đạt đến trình độ của một Ariste, của một Goethe, của một Marx.

Cách đây một hai thập kỷ, Frantz diễn tả con

người mới là người có “tinh thần mới”. Che Guevara thấy con người lý tưởng của ông trong tương lai có cuộc sống nội tâm phong phú. Tất cả các hình ảnh đó đều khác nhau.

Thế nhưng rất ngu xuẩn nếu báo trước một lần nữa sự ra đời của “con người mới” được coi là mô hình lý tưởng độc nhất mà toàn bộ nền văn minh phải cố gắng tích cực noi gương. Và trong một xã hội đang nhanh chóng hướng về sự phi đại chúng hóa, thì điều đó chẳng có gì hứa hẹn cả.

Cũng rất ngu xuẩn nếu tin rằng những điều kiện vật chất của cuộc sống bị thay đổi một cách cơ bản lại không ảnh hưởng gì đến nhân cách hay nói chính xác hơn là đến đặc tính xã hội của con người. Khi chúng ta thay đổi cấu trúc của xã hội, chúng ta cũng biến đổi con người.

Do đó, những gì mà Làn sóng thứ ba đang làm là không phải tạo ra con người siêu nhân lý tưởng hoặc loại anh hùng mới nào cả, mà là tạo ra những thay đổi trong nhân cách thông qua xã hội – không phải một con người mới mà là một tính cách xã hội mới. Nhiệm vụ của chúng ta là không phải tìm kiếm con người huyền thoại mà là những nét tính cách con người được nền văn minh ngày mai coi trọng.

Những đặc tính này không phải được tạo nên do áp lực bên ngoài đối với con người. Chúng hình thành từ sự thôi thúc nội tâm của các cá nhân và ảnh hưởng của xã hội. Nhưng một khi được tạo thành thì những nét tính cách này có tác động đối với sự phát triển kinh tế và xã hội.

Làn sóng thứ hai đã mang theo nó những

tính cách tiết kiệm, làm việc không ngừng và ban thưởng chậm – những nét đó nhằm hướng nghị lực khổng lồ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế. Làn sóng thứ hai cũng mang theo những thay đổi trong tính khách quan – tính chủ quan, trong chủ nghĩa cá nhân, trong thái độ với quyền lực, trong khả năng suy nghĩ trừu tượng, khả năng làm nổi bật và khả năng tưởng tượng.

Đối với người nông dân được đưa vào lực lượng lao động công nghiệp, họ phải biết đọc biết viết. Họ phải được giáo dục, được thông tin và được uốn nắn. Họ phải hiểu rằng có thể có một cách sống khác. Tư tưởng của họ phải được giải phóng khỏi hiện tại gần nhất. Như thế, giống như chủ nghĩa công nghiệp phải dân chủ hóa thông tin và chính trị, nó cũng bị buộc phải dân chủ hóa trí tưởng tượng.

Ngày nay, một lần nữa chúng ta đang ở bờ biến động về văn hóa tâm lý. Chúng ta có thể hình dung những thay đổi mạnh mẽ chúng dường như ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý trong xã hội Làn sóng thứ ba. Những thay đổi này sẽ ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con cái, đến giáo dục, đến công việc và đến sự hình thành tính cách của mỗi người. Và cũng không thể thay đổi tất cả những điều này nếu không biến đổi cơ bản toàn bộ đặc tính xã hội của tương lai.

TRƯỞNG THÀNH KHÁC NHAU

Sự lão hóa của dân cư trong tất cả các nước công nghiệp cao ẩn ngấm sự chú ý nhiều vào nhu

cầu của người già và giảm bớt sự tập trung vào thanh thiếu niên. Hơn thế nữa, khi phụ nữ làm việc trong nền kinh tế thị trường, nhu cầu truyền thống hướng toàn bộ nghị lực của họ vào nhiệm vụ làm mẹ bị giảm đi. Trong thời kỳ Làn sóng thứ hai, những người làm cha làm mẹ mơ ước con cái của họ có được cuộc sống kinh tế và xã hội tốt hơn họ. Sự mong muốn hướng thượng này đã khuyến khích cha mẹ tập trung những năng lượng tâm lý khổng lồ vào con cái họ. Ngày nay, nhiều cha mẹ thuộc giai cấp trung lưu bị vỡ mộng khi con cái họ đi xuống chứ không phải đi lên trên bậc thang kinh tế - xã hội.

Ngày nay hàng triệu đứa trẻ phải chịu cảnh hoặc cha hoặc mẹ độc thân nuôi nấng. Chúng cũng có thể được nuôi trong các gia đình mà cả cha mẹ làm việc ở nhà, nghĩa là các gia đình ngôi nhà điện tử. Như thế trẻ con có thể tham gia vào nhiệm vụ công việc của gia đình ở tuổi rất sớm.

Những điều đó cho thấy thời thơ ấu và thời thiếu niên sẽ ngắn hơn nhưng trách nhiệm và sức sản xuất sẽ tăng lên. Trẻ con làm việc chung với người lớn trong những ngôi nhà như thế sẽ ít bị áp lực từ bên ngoài xã hội. Chúng có thể trở thành những người thành công của ngày mai. Do đó, chúng ta có thể thấy sự tương phản rõ ràng giữa thanh niên trưởng thành nhanh vì có trách nhiệm công việc sớm trong ngôi nhà điện tử và thanh niên trưởng thành chậm hơn ở ngoài xã hội.

Chúng ta cũng có thể hy vọng giáo dục sẽ

thay đổi. Trẻ em học bên ngoài nhiều hơn ở trường học. Năm học bắt buộc sẽ ngắn hơn chứ không phải dài hơn. Giáo dục sẽ trở thành phân tán hơn và liên kết với công việc chặt chẽ hơn. Và công việc, dù là sản xuất cho thị trường hoặc cho tiêu-sản để dùng ở nhà, sẽ bắt đầu sớm hơn trong cuộc đời. Vì những lý do như thế, nền văn minh Làn sóng thứ ba có thể phát huy những nét khác nhau trong thanh niên.

Dù điều trên có xảy ra hay không, song một điều chắc chắn là sự trưởng thành sẽ khác nhau. Và từ đó nhân cách cũng khác nhau.

NGƯỜI LAO ĐỘNG MỚI

Khi thanh niên trưởng thành và đi vào thị trường công việc, sẽ có những lực lượng mới tác động lên tính cách của họ.

Trong kỷ nguyên Làn sóng thứ hai, công việc trong nhà máy và văn phòng cứ lặp đi lặp lại, chuyên môn hóa, chặt chẽ về thời gian, các ông chủ muốn người làm việc phục tùng, đúng giờ và vui vẻ thực hiện những nhiệm vụ quen thuộc. Các đặc điểm tương ứng cũng đã được đào tạo ở trường học và được các công ty khuyến khích.

Khi Làn sóng thứ ba tràn qua xã hội chúng ta, công việc ít lặp đi lặp lại hơn, công việc ít tỉ mỉ hơn, với mỗi người làm một nhiệm vụ lớn hơn. Thời gian linh hoạt và nhịp điệu riêng thay thế cho việc đồng bộ hóa đại chúng về hành động. Người làm việc bị buộc phải đối phó với những thay đổi

thường xuyên hơn trong nhiệm vụ của họ, cũng như là phải đối phó với sự thay đổi vị trí cá nhân, thay đổi sản phẩm và sự tổ chức lại.

Do đó, những gì mà các ông chủ Làn sóng thứ ba ưa thích là những người chấp nhận trách nhiệm, hiểu được làm thế nào công việc của họ ăn khớp với công việc của những người khác, có thể xử lý những nhiệm vụ lớn hơn, nhanh chóng thích nghi với các tình huống thay đổi và hòa nhập được với những người xung quanh.

Công ty Làn sóng thứ hai trả công xứng đáng cho thái độ quan liêu. Công ty Làn sóng thứ ba yêu cầu những con người phức tạp, có cá tính rõ rệt, hãnh diện với những tính cách mà họ khác với mọi người. Họ tiêu biểu cho lực lượng lao động phi đại chúng hóa được công nghiệp Làn sóng thứ ba cần đến.

Trong các công ty Làn sóng thứ hai, mỗi người làm việc có một thủ trưởng độc nhất. Cuộc tranh luận giữa những người làm việc thường phải đưa đến thủ trưởng để giải quyết. Trong các tổ chức ma trận mới, phong cách hoàn toàn mới. Người làm việc có nhiều thủ trưởng cùng một lúc. Những người với cấp bậc khác nhau và kỹ năng khác nhau sẽ làm việc chung với nhau trong các nhóm lâm thời.

Hệ thống này sẽ phạt những người làm việc phục tùng một cách mù quáng. Nó sẽ cho phép mọi người dám nói ngược lại trong giới hạn cho phép. Những người làm việc ham tìm tòi, dám đấu tranh với những người quản lý, muốn làm việc có suy xét

hoặc muốn công việc của họ có trách nhiệm với xã hội đã bị công nghiệp Làn sóng thứ hai không thể hoạt động gây rối, thì ngược lại công nghiệp Làn sóng thứ ba không thể hoạt động nếu không có họ. Do đó, chúng ta đang thấy một sự thay đổi tế nhị nhưng sâu sắc trong các nét cá tính được hệ thống kinh tế mới coi trọng, một sự thay đổi định hình đặc tính xã hội đang xuất hiện.

ĐẠO ĐỨC CỦA NGƯỜI "TIÊU SẢN"

Nền kinh tế gồm hai khu vực, khu vực sản xuất để trao đổi và khu vực tiêu sản. Mỗi khu vực đều có những tác động tâm lý riêng lên chúng ta. Mỗi khu vực đều khuyến khích đạo đức riêng của nó, các giá trị riêng của nó và định nghĩa riêng về thành công của nó.

Trong Làn sóng thứ hai, sự phát triển rộng lớn của kinh tế thị trường trong các nước tư bản và xã hội chủ nghĩa đã khuyến khích đạo đức háms lợi. Nó đã sinh ra đã định nghĩa kinh tế hẹp hòi và sự thành công cá nhân. Ngược lại, Làn sóng thứ ba sẽ đẩy mạnh nền kinh tế tiêu-sản. Sự sản xuất để dùng này dường như sẽ có ý nghĩa kinh tế lớn hơn. Và khi nó bắt đầu chiếm nhiều thời gian và nghị lực của chúng ta hơn, nó sẽ định hình cuộc sống chúng ta và tạo ra đặc tính xã hội.

Đạo đức thị trường xếp loại con người theo của cải họ có, đạo đức tiêu-sản sẽ đánh giá con người căn cứ theo những gì con người làm được. Có nhiều tiền bạc vẫn còn được coi trọng, song những

316

đặc tính khác' cũng được xem trọng. Những đặc tính này có thể là tinh thần tự lực khả năng thích nghi và tồn tại trong những điều kiện khó khăn, và khả năng tự làm cái việc với chính bàn tay của mình. Hơn thế nữa, trong khi đạo đức thị trường khuyến khích sự theo đuổi một mục đích duy nhất thì đạo đức tiêu-sản lại khuyến khích sự đa dạng mục đích.

Một số lớn người làm việc trong sản xuất cho thị trường hàng ngày phải giải quyết với sự trừu tượng về chữ nghĩa, con số, mô hình mà họ biết rất ít về những điều đó. Đối với họ, công việc trí thức rất hấp dẫn nhưng nó lại không gắn với cuộc sống hàng ngày. Vậy nên những sự cổ vũ ngày nay về thủ công nghiệp, làm vườn... nghĩa là những gì làm bằng tay chân có thể là sự bù đắp vào tính trừu tượng trong khu vực sản xuất.

Ngược lại, trong tiêu-sản chúng ta thường phải đối phó với thực tế cụ thể và ngay tức thì, nghĩa là sự tiếp xúc trực tiếp với sự việc và con người. Khi có nhiều người chia thời gian của họ cho sản xuất và cho tiêu-sản, thì họ ở vị trí vừa làm việc cụ thể, vừa làm việc trừu tượng, nghĩa là vừa làm việc trí óc vừa làm việc chân tay. Đạo đức tiêu-sản làm cho lao động thủ công được tôn trọng trở lại sau 300 năm bị xem thường. Và sự cân bằng này dường như sẽ ảnh hưởng đến việc phân phối những nét cá tính.

Trong nền văn minh công nghiệp, công việc nhà máy đều phụ thuộc lẫn nhau một cách phổ biến, điều đó khiến cho đàn ông trở thành khách

quan, trong khi những nhiệm vụ ít phụ thuộc lẫn nhau được phụ nữ làm tại nhà đã khiến cho phụ nữ trở thành chủ quan. Ngày nay có nhiều phụ nữ tham gia sản xuất cho thị trường, họ được khuyến khích suy nghĩ như đàn ông, nghĩa là họ được “khách quan hóa”. Ngược lại, khi có nhiều đàn ông làm nhiều công việc nội trợ tại nhà, nhu cầu của họ làm việc cho “khách quan” giảm bớt, có nghĩa là họ bị “chủ quan hóa”. Trong tương lai, khi nhiều người Làn sống thứ ba phải chia cuộc sống của họ giữa làm việc không hết ngày công trong các công ty hoặc tổ chức lớn phụ thuộc lẫn nhau với làm việc cho mình cùng với gia đình trong các đơn vị tiêu-sản tự chủ, thì chúng ta có thể hy vọng có sự cân bằng giữa khách quan và chủ quan trong cả hai giới tính nam và nữ.

Nói tóm lại, với sự tiêu-sản trở thành quan trọng trong toàn bộ nền kinh tế, chúng ta đang tiến về một sự thay đổi tâm lý khác. Sự tác động tổng hợp của những thay đổi cơ bản trong sản xuất và tiêu sản cùng với những thay đổi cơ bản trong nuôi dạy con cái và giáo dục sẽ có thể cải biến đặc tính xã hội của chúng ta cũng quyết liệt như Làn sống thứ hai đã làm 300 năm trước đây.

CUỘC CÁCH MẠNG THÔNG TIN

Mối liên hệ giữa thông tin và các đặc tính của con người là phức tạp, nhưng không phải không phá vỡ được. Một cuộc cách mạng trong phương diện thông tin có nghĩa là một cuộc cách mạng tâm lý.

Trong thời kỳ Làn sóng thứ hai, con người bị chìm đắm trong hình ảnh sản xuất hàng loạt.

Cá nhân được khuyến khích liên tục tự so sánh họ với một ít mẫu hình nhân cách và sự đánh giá lối sống của họ theo các tiêu chuẩn chọn lọc. Do đó, phạm vi các kiểu cá tính được xã hội thừa nhận là tương đối hạn hẹp.

Việc phi đại chúng hóa thông tin đại chúng ngày nay tạo ra sự đa dạng về mô hình nhân cách và lối sống mà người ta có thể tự so sánh. Thay vì phải chọn trong những cá tính giống nhau, chúng ta buộc phải chọn cái riêng cho mình. Điều này rất khó thực hiện, nó giải thích tại sao hàng triệu người đang tìm kiếm một cách tuyệt vọng cho cá tính.

Trong cố gắng đó, chúng ta nâng cao sự hiểu biết về tính cách riêng của mình, nghĩa là những nét không giống ai cả. Như thế hình ảnh riêng của chúng ta thay đổi. Chúng ta đòi hỏi phải được nhìn nhận, được đối xử như là cá nhân và điều này xảy ra đúng vào lúc hệ thống sản xuất mới yêu cầu có những người lao động cá nhân hóa hơn.

Ngoài việc giúp chúng ta kết tinh những gì là đơn thuần cá nhân trong chúng ta, các phương tiện thông tin mới của Làn sóng thứ ba sẽ biến chúng ta thành người sản xuất ra chính bản thân mình. Trong Làn sóng thứ hai, những người thông tin chuyên nghiệp sản xuất ra những tin tức cho khán thính giả. Khán thính giả không thể phản ứng trực tiếp hoặc tác động qua lại với truyền tin. Ngược lại, tính chất cách mạng nhất của các phương tiện thông tin mới là khả năng tác động

qua lại cho phép cá nhân người dùng có thể thu phát hình ảnh vào ra với thế giới bên ngoài. Dây cáp hai chiều, video, casset, máy photocopy, và máy ghi âm – tất cả đều là phương tiện thông tin của cá nhân.

Cuộc cách mạng thông tin cho chúng ta một hình ảnh phức tạp hơn về cái tôi. Nó làm chúng ta khác biệt nhiều hơn. Nó làm tăng tốc chính quy trình mà chúng ta thử tìm các hình ảnh khác nhau của cái tôi và gia tăng sự di chuyển của chúng ta qua các hình ảnh liên tiếp nhau. Nó giúp chúng ta phóng chiếu hình ảnh của mình ra thế giới bằng điện tử. Và chưa có ai đánh giá được hết tác động của nó đối với cá tính mỗi người. Vì trước đây chúng ta chưa hề có một công cụ nào mạnh mẽ như thế. Chúng ta càng ngày càng có thêm công nghệ nhận thức.

Chương hai mươi bảy

LÃNG TẮM CHÍNH TRỊ

Không thể nào làm nổ bùng đồng thời cùng một lúc cuộc cách mạng trong năng lượng, cuộc cách mạng trong công nghệ, cuộc cách mạng trong cuộc sống gia đình, cuộc cách mạng trong vai trò giới tính và cuộc cách mạng trên khắp thế giới trong thông tin mà không phải đối mặt sớm hay muộn với cuộc cách mạng chính trị.

Tất cả các đảng phái chính trị trong thế giới công nghiệp, tất cả các Quốc hội và Nghị viện, các Tổng thống và Thủ tướng, các tòa án và cơ quan tư pháp, các Chính phủ quan liêu - nói tóm lại, tất cả các công cụ chúng ta phải dùng để vạch ra và duy trì các quyết định chung - đang lỗi thời và phải được biến đổi. Nên văn minh Làn sóng thứ ba không thể hoạt động với một cấu trúc chính trị như Làn sóng thứ hai. Cũng giống như các nhà cách mạng đã tạo ra kỷ nguyên công nghiệp không thể cai trị với bộ máy phong kiến, ngày nay một lần nữa chúng ta cần phát minh ra những công cụ chính trị mới.

LỖ HỔNG ĐEN

Ngày nay mặc dù sự nghiêm trọng chưa được thừa nhận, chúng ta đang chứng kiến một cuộc

khủng hoảng sâu sắc không phải của Chính phủ này hoặc Chính phủ kia, mà là chính nền dân chủ đại nghị trong tất cả các hình thức của nó. Từ nước này sang nước khác, nền công nghệ chính trị của Làn sóng thứ hai đang hoạt động chệch choạc một cách nguy hiểm.

Ở Mỹ chúng ta thấy một sự tê liệt hầu như hoàn toàn về những quyết định chính trị đối với các vấn đề sống chết của xã hội. Sáu năm sau sự cấm vận của OPEC, bộ máy chính trị Mỹ vẫn quay tròn trên cái trục của nó, không thể sản xuất ra được cái gì đấy giống như một chính sách năng lượng phù hợp.

Lỗi trống chính trị này không phải là duy nhất. Mỹ cũng không có chính sách đô thị, chính sách môi trường, chính sách công nghệ, chính sách gia đình toàn diện hoặc rõ ràng. Nó cũng không có chính sách đối ngoại rõ ràng. Hệ thống chính trị Mỹ cũng không có khả năng hợp nhất hoặc ưu tiên hóa những chính sách như thế ngay cả khi chúng đã hiện hữu.

Tuy nhiên sự phá sản của hệ thống quyết định này không phải là do một đảng hoặc một tổng thống gây ra. Nó đã nặng nề từ những năm 60 song không một tổng thống nào dù là cộng hòa hay dân chủ có thể vượt qua nỗi khuôn khổ của hệ thống hiện nay. Những vấn đề chính trị này đang tác động xấu đến các thiết chế xã hội khác như gia đình, trường học và công ty.

Hàng tá bộ luật với tác động trực tiếp vào cuộc sống gia đình đã huỷ bỏ và gây mâu thuẫn

lấn nhau, làm xấu thêm sự khủng hoảng gia đình. Hệ thống giáo dục được cấp đầy ngân quỹ xây dựng vào đúng lúc số trẻ em đến tuổi đi học giảm xuống, như thế gây ra việc xây dựng vô ích trường học, và như thế lại phải cắt giảm ngân quỹ đang rất cần cho những mục đích khác. Trong khi đó công ty bị buộc phải hoạt động trong môi trường chính trị pháp phù đến nỗi họ không thể nói ngày mai Chính phủ muốn gì ở họ.

Cùng lúc đó, bộ máy luật lệ tạo ra một mạng lưới những quy định không thể nào chấp nhận được - chỉ trong một năm cho ra 45.000 trang những quy định phức tạp, 27 cơ quan Chính phủ khác nhau giám sát 5.600 điều lệ liên bang chỉ liên quan đến sản xuất thép. Sự phức tạp qua lại này đã kéo nền kinh tế xuống, trong khi đó những phản ứng thất thường của những người quyết định chính quyền làm tăng thêm ý thức vô Chính phủ đang thất thế. Hệ thống chính trị làm phức tạp thêm cuộc chiến đấu của các thể chế chính trị cho sự tồn tại.

Sự tan rã về cơ chế quyết định này không phải chỉ có ở Mỹ. Các Chính phủ Pháp, Đức, Nhật, Anh và Ý có cùng triệu chứng. Bộ máy quyết định chính trị trong tất cả các nước đó không ngừng bị căng thẳng, bị quá sức, quá tải, bị chìm ngập trong các số liệu không thích hợp và đối mặt với những mối nguy hiểm mới. Do đó, những gì chúng ta đang thấy là những người lãnh đạo Chính phủ không có khả năng ra những quyết định ưu tiên cao, trong khi họ lao đầu đổi theo những quyết định ít quan

trọng. Đó là lý do tại sao nhiều người, gồm cả tầng lớp thượng lưu, cảm thấy quá bất lực.

Sự tan vỡ về khả năng ra những quyết định đúng lúc và có hiệu lực đang thay đổi các mối quan hệ quyền lực trong xã hội. Bình thường thì các nhà cầm quyền trong bất kỳ xã hội nào cũng sử dụng hệ thống chính trị để củng cố luật lệ và mục đích của họ. Quyền lực của họ được xác định bởi khả năng làm cho một số việc xảy ra hoặc ngăn chặn một số việc không cho xảy ra. Điều này có nghĩa là khả năng của họ tiên đoán và kiểm soát được các biến cố.

Ngày nay các nhà lãnh đạo không còn có thể đoán trước được kết quả của chính hành động của họ. Họ hoạt động trong một hệ thống chính trị không hợp thời, bị các biến cố bỏ quá xa, đến nỗi ngay cả khi được kiểm soát chặt chẽ vì các quyền lợi riêng tư của họ, các kết quả thường đem lại những điều ngược lại sự mong đợi. Nhưng cũng đừng tưởng rằng quyền lực mà các nhà lãnh đạo bị mất sẽ chuyển về cho xã hội. Quyền lực không được chuyển giao, nó càng ngày càng bị ngẫu nhiên hóa, đến nỗi chẳng ai biết ai chịu trách nhiệm về việc gì, ai có quyền hành thật sự hoặc quyền hành đó kéo dài trong bao lâu. Trong tình trạng nửa vô Chính phủ này, người dân bình thường hoài nghi một cách đáng cay không chỉ đối với các nhà “đại biểu” của họ, mà còn đối với chính tình trạng được đại diện.

Kết quả là “nghi thức đảm bảo” về bầu cử bắt đầu mất quyền lực của nó. Càng ngày càng có ít người đi bỏ phiếu bầu cử trong các nước công

nghiệp cao. Các cử tri có ít lòng tin vào Chính phủ của họ, họ cảm thấy xa cách với những người lãnh đạo của họ.

Không phải chỉ ở Mỹ mà cả các nước Làn sóng thứ hai cũng bị sự thay đổi của Làn sóng thứ ba đụng đến, ở các nước này xuất hiện một lỗ hổng lớn về quyền lực – một “lỗ hổng đen” trong xã hội.

QUÂN ĐỘI RIÊNG

Những mối nguy hiểm từ lỗ hổng quyền lực này có thể được đánh giá bởi những gì xảy ra vào giữa những năm 70. Đó là sự cấm vận OPEC ảnh hưởng đến năng lượng và nguyên liệu, lạm phát và thất nghiệp bùng lên, đồng đô la bị giảm giá mạnh và châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh bắt đầu đòi sự thỏa thuận kinh tế mới, những dấu hiệu về bệnh lý chính trị xuất hiện từ nước này sang nước khác trong các quốc gia Làn sóng thứ hai.

Ở Anh, nơi nổi tiếng về sự khoan dung và lịch sự, các vị tướng về hưu bắt đầu tuyển mộ quân đội riêng để lập lại trật tự, và một phong trào phát xít - Mặt trận quốc gia - đã đưa ứng cử viên ra tranh cử trong 90 khu vực bầu cử nghị viện. Những người phát xít và những người cánh tả, đánh nhau ở đường phố Luân Đôn. Ở Ý, nhóm phát xít cánh tả - Lữ đoàn Đỏ - đã gia tăng bắt cóc và ám sát. Ở Ba Lan, cố gắng của Chính phủ tăng giá thực phẩm để theo kịp lạm phát đã đưa đất nước đến bờ nổi loạn...

Đúng là những dấu hiệu này về sự mất ổn

định chính trị đã lu mờ khi các nền kinh tế công nghiệp hồi phục lại một phần vào cuối những năm 70. Tuy nhiên, những bằng chứng về sự mất ổn định làm chúng ta tự hỏi là hệ thống chính trị Làn sóng thứ hai thực hiện nay trong mỗi quốc gia công nghiệp có thể tồn tại trong các cuộc khủng hoảng sắp đến không. Vì những cuộc khủng hoảng của những năm 80 và 90 dường như nghiêm trọng hơn và nguy hiểm hơn các cuộc khủng hoảng trong quá khứ.

Thực vậy, các hệ thống chính trị Làn sóng thứ hai ngày nay còn tệ hơn những năm 70, các Chính phủ ít tham quyền hơn, ít có tầm nhìn chiến lược hơn và ít nhìn xa trông rộng hơn trong việc đối phó với các cuộc khủng hoảng của những năm 80 và 90. Và khiến chúng ta phải xem xét lại từ gốc những ảo tưởng chính trị.

PHÚC HỆ VỊ CỨU TINH

Phúc hệ vị cứu tinh là ảo tưởng mà chúng ta tự cứu lấy mình bằng việc thay đổi người cao nhất. Thấy các nhà chính trị Làn sóng thứ hai sai lầm trong việc giải quyết các vấn đề do Làn sóng thứ ba gây ra, hàng triệu người đi đến lời giải thích độc nhất, đơn giản, dễ hiểu là: "Thất bại do sự lãnh đạo".

Ngày nay sự khao khát có những người lãnh đạo siêu việt được những người thiện chí nhất lên tiếng khi thế giới của họ bị sụp đổ, khi môi trường của họ ngày càng không thể nói trước được và khi

326

sự ước mong tha thiết của họ trật tự, cấu trúc và sự dự đoán được tăng lên. Ở Anh, thủ tướng bị kết án là “người đàn bà thép”. Ngay cả trong các nước công nghiệp cộng sản, nơi mà sự lãnh đạo là bất kỳ cái gì đó trừ sự rụt rè, áp lực để có “sự lãnh đạo mạnh hơn” đang tăng cường. Ở Nhật, các nhóm cánh hữu đòi trở lại chủ nghĩa độc đoán trước chiến tranh...

Nói tóm lại, sự dấy lên của yêu cầu “lãnh đạo mạnh hơn” trùng hợp với sự bùng nổ của các nhóm độc tài hy vọng có lợi trong sự tan rã của hệ thống Chính phủ đại nghị. Bùn nhui và ngọn lửa đang ở cạnh nhau một cách nguy hiểm.

Tiếng la hét mãnh liệt này đòi hỏi sự lãnh đạo được dựa trên ba khái niệm sai, khái niệm đầu tiên là huyền thoại và tính hiệu quả độc đoán. Một số ít tư tưởng vẫn duy trì quan điểm cho rằng các nhà độc tài “làm cho tàu hỏa chạy đúng giờ”. Ngày nay có nhiều thiết chế đang tan rã và việc không có khả năng dự báo là phổ biến đến nỗi hàng triệu người sẵn sàng đổi một ít tự do để làm cho các con tàu kinh tế, xã hội và chính trị chạy đúng giờ.

Thế nhưng sự lãnh đạo mạnh, và ngay cả với chủ nghĩa độc đoán, đều không dính dáng gì đến tính hiệu quả. Thực ra là cần nhiều thứ khác chứ không phải chỉ riêng lãnh đạo mạnh để làm cho con tàu chạy đúng giờ.

Khái niệm sai thứ hai là việc cho rằng kiểu lãnh đạo đã hoạt động được trong quá khứ, thì ngày nay hoặc tương lai cũng vẫn sẽ hoạt động

được. Khi chúng ta nghĩ về sự lãnh đạo thì chúng ta đang lần lượt nhớ lại những hình ảnh từ quá khứ - Rudơven, Sốc sin, Đờ gôn. Thế nhưng các nền văn minh khác nhau đòi hỏi phẩm chất lãnh đạo vô cùng khác nhau. Và những gì là mạnh trong một nền văn minh này thì có thể lại là bất lực và yếu kém, thậm hại trong một nền văn minh khác.

Trong nền văn minh nông nghiệp của Làn sóng thứ nhất, sự lãnh đạo bắt nguồn từ dòng dõi, chứ không phải là từ thành đạt trí thức. Một vị vua cần một số kỹ xảo thực tế có giới hạn như khả năng lãnh đạo trong sự tính toán trong hôn nhân vụ lợi. Biết đọc biết viết và khả năng tư duy trừu tượng không phải là những quyền lực cá nhân một cách kỳ quái nhất mà không bị hiến pháp, tư pháp hoặc nhân dân kiểm tra. Nếu sự chuẩn y là cần thiết, thì điều đó chỉ do một nhóm nhỏ các quý tộc, các quan đại thần. Các lãnh chúa có thể huy động được sự ủng hộ này và điều đó được xem là “mạnh”.

Ngược lại, người lãnh đạo Làn sóng thứ hai phải làm việc với quyền lực khách quan và ngày càng trừu tượng. Ông ta phải ra nhiều quyết định về các sự việc rộng lớn, từ việc đối phó với thông tin đại chúng đến việc quản lý kinh tế vĩ mô. Quyết định của ông ta phải được thực hiện thông qua một loạt các tổ chức và cơ quan với các mối quan hệ phức tạp mà ông ta phải biết và có sự phối hợp. Ông ta phải biết đọc biết viết và phải có

khả năng lý luận trừu tượng. Thay vì chỉ có một nhóm nhỏ các nam tước, ông ta phải đối phó với các nhà lãnh đạo cấp trên và cấp dưới. Hơn thế nữa, quyền lực của ông ta - ngay cả khi ông ta là một nhà độc tài chuyên chế - bị giới hạn bởi hiến pháp, bởi tiền lệ luật pháp, bởi những yêu cầu chính trị của đảng, và bởi sức mạnh dư luận quần chúng.

Với những tương phản này, người lãnh đạo Làn sóng thứ nhất “mạnh nhất” nếu được đưa vào bộ khung chính trị Làn sóng thứ hai sẽ trở thành cực kỳ yếu, rất dễ nhầm lẫn, sai lầm và không có khả năng giải quyết vấn đề so với một người lãnh đạo “yếu kém nhất” của Làn sóng thứ hai.

Tương tự như thế, khi chúng ta tiến về một nền văn minh mới, thì các nhà lãnh đạo “mạnh” của xã hội công nghiệp không thể giữ được vị trí của mình vì không có khả năng giải quyết các vấn đề mới. Sự tìm kiếm các nhà lãnh đạo cả quyết, khẳng khái bám giữ ý kiến của mình chỉ là sự nuối tiếc quá khứ, một sự tìm kiếm dựa trên những giả thiết lỗi thời. “Sự yếu kém” của các nhà lãnh đạo ngày nay không phản ánh phẩm chất cá nhân mà đó là hậu quả của sự sụp đổ của các thiết chế tạo nên quyền lực của họ.

Khi Làn sóng thứ ba tiếp tục biến đổi xã hội, đưa xã hội phát triển đến mức cao hơn về tính đa dạng, về tính phức tạp thì tất cả các nhà lãnh đạo trở nên phụ thuộc nhiều hơn vào số người giúp họ soạn thảo và thực hiện các quyết định. Lãnh đạo càng có những công cụ hùng mạnh bao nhiêu như

máy bay chiến đấu phản lực, vũ khí nguyên tử, máy computer, viễn thông, thì lãnh đạo càng bị phụ thuộc.

Đây là mối quan hệ không thể phá vỡ được vì nó phản ánh độ phức tạp đang tăng mà trên đó quyền lực đang dựa vào. Điều này giải thích tại sao tổng thống Mỹ ngồi cạnh nút bấm nguyên tử có thể phá tung hành tinh, mà vẫn cảm thấy bất lực. Công suất và không công suất là hai mặt đối nhau của một mạch vi điện tử.

Vì những lý do trên, nên văn minh Làn sóng thứ ba đòi hỏi một kiểu lãnh đạo mới hoàn toàn. Những phẩm chất cần thiết của các nhà lãnh đạo Làn sóng thứ ba chưa thật sự rõ ràng. Có thể sức mạnh của người lãnh đạo nằm trong việc lắng nghe người khác, nằm trong trí tưởng tượng, nằm trong sự thừa nhận về tính bị giới hạn của sự lãnh đạo trong thế giới mới. Các nhà lãnh đạo ngày mai có thể phải đối phó với một xã hội phân quyền và đa dạng hơn ngày nay. Sự lãnh đạo ngày mai có thể là tạm thời hơn, ứng biến hơn.

Ngay cả khi có các ông thánh, các thiên tài, các anh hùng cứu chúng ta ra khỏi thảm họa, chúng ta vẫn phải đối diện với sự khủng hoảng về Chính phủ đại nghị - nghĩa là nền công nghệ chính trị của kỷ nguyên Làn sóng thứ hai.

MẠNG THẾ GIỚI

Nếu chỉ phải lo lắng chọn lãnh đạo “giỏi nhất” thì vấn đề có thể được giải quyết ngay trong khuôn

khổ của hệ thống chính trị hiện nay. Tuy nhiên vấn đề còn sâu sắc hơn nhiều. Các nhà lãnh đạo, dù là những người "giỏi nhất" cũng bị tê liệt bởi những thể chế lỗi thời mà họ phải cùng nhau làm việc.

Các cấu trúc Chính phủ và chính trị đã được thiết kế vào thời kỳ Nhà nước - quốc gia đang hình thành. Mỗi Chính phủ có thể ra những quyết định ít nhiều độc lập. Ngày nay điều đó không thể được nữa mặc dù chúng ta vẫn duy trì huyền thoại chủ nghĩa. Lạm phát trở thành một căn bệnh truyền nhiễm quốc tế đến nỗi ông Brêgionhép hoặc người kế vị cùng không thể ngăn chặn được căn bệnh vượt qua biên giới. Các quốc gia công nghiệp thuộc Xã hội chủ nghĩa mặc dù chỉ bị nền kinh tế thế giới ảnh hưởng một phần và được kiểm soát chặt chẽ bên trong, song vẫn phải phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên bên ngoài về dầu khí, thực phẩm, công nghệ, tín dụng và những nhu cầu khác. Năm 1979, Liên Xô bị buộc tăng giá nhiều mặt hàng tiêu dùng. Tiệp khắc tăng gấp đôi giá xăng dầu. Hunggari tăng giá điện lên 51%.

Pháp xây dựng nhà máy xử lý nguyên tử ở một nơi nếu bụi phóng xạ thoát ra sẽ bay sang Anh. Rò rỉ dầu ở Mêhicô ảnh hưởng đến bờ biển Texas cách đó 500 dặm. Và nếu Saudi Arabia hoặc Libi tăng hoặc giảm quôta sản xuất dầu thì điều đó sẽ ảnh hưởng lâu dài hoặc tức khắc đến nền sinh thái của nhiều nước.

Trong cái mạng liên kết chặt chẽ với nhau

này giữa các nước, các nhà lãnh đạo quốc gia mất nhiều tính hiệu quả của họ dù có nói gì đi chăng nữa. Nhưng quyết định của họ có thể gây ra những ảnh hưởng đắt giá, không được mong muốn, nguy hiểm ở mức độ thế giới và khu vực. Quy mô của Chính phủ và sự phân bổ quyền lực quyết định là hoàn toàn không phù hợp với thế giới ngày nay.

Tuy nhiên, đây chỉ là một trong những lý do giải thích tại sao cấu trúc chính trị hiện nay đã lỗi thời.

VẤN ĐỀ HÀI HÒA CÁC MẶT

Các thiết chế chính trị của chúng ta cũng phản ánh sự lỗi thời về kiến thức tổ chức. Mỗi Chính phủ có các bộ chuyên về các lĩnh vực riêng biệt như tài chính, ngoại giao, quốc phòng, nông nghiệp, thương mại, bưu điện hoặc giao thông. Không một Chính phủ Làn sóng thứ hai nào kể cả Chính phủ độc tài hoặc tập quyền nhất, có thể giải quyết vấn đề hài hòa các mặt: làm thế nào hợp nhất những hoạt động của tất cả các đơn vị này để chúng có thể tạo ra các chương trình tổng thể và trật tự, chứ không phải là những hậu quả mâu thuẫn và tự huỷ lẫn nhau.

Những gì chúng ta học được trong các thập kỷ qua là các vấn đề chính trị xã hội qua lại với nhau, ví dụ năng lượng ảnh hưởng tới kinh tế, kinh tế ảnh hưởng tới y tế, y tế ảnh hưởng tới giáo dục, việc làm, cuộc sống gia đình và hàng ngàn thứ khác. Tìm cách đối phó với các vấn đề riêng

biệt, tự nó vốn là sản phẩm của tâm tình công nghiệp, chỉ tạo ra sự hỗn độn và tai họa. Thế nhưng cấu trúc tổ chức Chính phủ đó đã phản ánh chính xác cách đặt vấn đề về thực tế của Làn sóng thứ hai.

Cấu trúc lỗi thời này dẫn đến tranh chấp quyền lực không bao giờ dứt, đến việc các cơ quan giải quyết vấn đề riêng của mình mà không chú ý đến cơ quan khác và đến việc tạo ra những hiệu quả ngược lại. Điều này giải thích tại sao mỗi lần Chính phủ cố gắng giải quyết một vấn đề lại đưa đến một loạt các vấn đề mới, thường là xấu hơn vấn đề cũ.

Các Chính phủ cố gắng giải quyết vấn đề liên kết các mặt bằng cách tập quyền nhiều hơn. Nhưng tập quyền không còn hoạt động được nữa. Một biện pháp tuyệt vọng khác là tạo ra vô số các uỷ ban liên bộ để phối hợp và xem xét các quyết định. Kết quả là tăng thêm các bộ phận gây cản trở trên con đường mà các quyết định phải đi qua và làm phức tạp hóa hơn nữa những trạng thái phiền phức quan liêu. Các Chính phủ và cấu trúc chính trị hiện nay của chúng ta lỗi thời vì chúng nhìn thế giới thông qua lăng kính Làn sóng thứ hai.

SỰ TĂNG TỐC QUYẾT ĐỊNH

Các Chính phủ Làn sóng thứ hai và các thiết chế nghị viện đã được thiết kế để quyết định với tốc độ chậm chạp, phù hợp với một thế giới mà

trong đó tin tức có thể cần cả tuần để đi từ tỉnh này sang tỉnh khác. Ngày nay khi Iran bắt giữ con tin ở Têhêran, các viên chức ở Oasinhton, Matxcova, Pari hoặc Luân Đôn có thể quyết định trong vòng vài phút. Tốc độ thay đổi cực nhanh các Chính phủ và các nhà chính trị mất cảnh giác và làm cho họ nhiều khi dễ cảm thấy hoang mang và bối rối.

Sự thay đổi xã hội cũng gia tăng và gây thêm áp lực đối với những người ra quyết định chính trị. Nghề chính trị chuyên nghiệp cũng tăng tốc và thường gây cho họ những bất ngờ. Đầu năm 1970, bà Thatcher tiên đoán rằng cho đến khi hết cuộc đời bà ta, sẽ không có phụ nữ được bổ nhiệm vào chức cao nhất trong nội các Anh. Năm 1979, bà giữ chức Thủ tướng. Ở Mỹ, khi Carter đắc cử Tổng thống nhưng chưa nhận chức, chính ông ta chứ không phải Ford đối phó với các vấn đề về Trung Đông, khủng hoảng năng lượng và các vấn đề khác trước khi các hòm phiếu được đếm hết. Thời gian chính trị quá gấp gáp, lịch sử chuyển động quá nhanh không cho phép được chậm trễ.

Việc tăng tốc đời sống chính trị phản ánh sự tăng tốc những biến đổi xã hội nói chung làm tăng sự tan vỡ các Chính phủ và các chính sách. Nói một cách đơn giản là các nhà lãnh đạo của chúng ta bị buộc phải làm việc thông qua các thiết chế Làn sóng thứ hai được thiết kế cho một xã hội trì trệ hơn, họ không thể có được những quyết định thông minh như các biến cố nhanh đòi hỏi. Hoặc là

quyết định ra quá muộn hoặc không có quyết định gì cả.

Sự tăng tốc thay đổi áp đảo khả năng quyết định của các thiết chế của chúng ta, làm cho cấu trúc chính trị ngày nay lỗi thời dù đó là ý thức hệ hoặc sự lãnh đạo. Những thiết chế này không tương xứng về quy mô cấu trúc và tốc độ.

Chương hai mươi tám

DÂN CHỦ THẾ KỶ XXI

Việc xây dựng một nền văn minh mới trên đồng đổ nát của nền văn minh cũ liên quan đến sự thiết kế các cấu trúc mới, thích ứng hơn trong nhiều quốc gia đồng thời cùng một lúc. Đây là một đề án khó khăn nhưng cần thiết, và chắc chắn cần nhiều thập kỷ để hoàn thành.

Có nhiều khả năng sẽ phải có cuộc đấu tranh kéo dài để xem xét lại toàn bộ một cách cơ bản quốc hội Mỹ, Trung ương Đảng và Bộ Chính trị của các quốc gia công nghiệp Xã hội chủ nghĩa, Hạ nghị viện và Thượng nghị viện Anh, Quốc hội Pháp, Đức, Nhật các bộ khổng lồ và các cơ quan dân sự của nhiều quốc gia, hiến pháp, và hệ thống tòa án – nói tóm lại, hầu hết các bộ máy ngày càng không hoạt động được nữa của các Chính phủ coi như mang tính đại nghị.

Làn sóng đấu tranh chính trị này cũng không dừng lại ở cấp quốc gia. Trong những thập kỷ sắp đến, toàn bộ “bộ máy luật pháp toàn cầu”, từ Liên Hợp Quốc đến Hội đồng thành phố, sẽ đối mặt với sự đòi hỏi không chống lại được về việc phải cấu trúc lại.

Tất cả những cấu trúc này sẽ bị thay đổi một

cách cơ bản, không phải vì chúng có hại, cũng không phải vì chúng bị giai cấp này hoặc nhóm nọ kiểm soát, mà vì chúng không còn phù hợp với những nhu cầu của một thế giới đang thay đổi.

Nhiệm vụ này liên quan đến hàng trăm triệu người. Nếu sự xem xét lại toàn bộ này bị cản trở thô bạo, nó có thể gây ra cảnh đổ máu. Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến diễn biến và kết quả của quá trình này như các nhà lãnh đạo linh hoạt hoặc không ngoan nhượng, sự thay đổi có được giúp sức bằng sự phá sản kinh tế hay không. Rõ ràng các mối nguy hiểm là lớn. Thế nhưng còn nguy hiểm hơn nếu không xem xét lại toàn bộ các thiết chế chính trị và chúng ta càng bắt đầu sớm chừng nào thì càng an toàn chừng ấy.

Để xây dựng các Chính phủ mới hoàn toàn để tiến hành nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất, chúng ta sẽ phải lột bỏ sự dập khuôn tích lũy suốt kỷ nguyên Làn sóng thứ hai. Và chúng ta cũng sẽ phải suy nghĩ lại đời sống chính trị theo ba nguyên tắc then chốt.

QUYỀN LỰC THIỂU SỐ

Nguyên tắc đầu tiên của Chính phủ Làn sóng thứ ba là quyền lực thiểu số. Nguyên tắc đa số là nguyên tắc hợp pháp then chốt của kỷ nguyên Làn sóng thứ hai đang ngày càng lỗi thời. Không phải đa số mà là thiểu số được quan tâm đến. Và các hệ thống chính trị của chúng ta phải phản ánh sự việc đó.

Ngày nay chúng ta đang rời bỏ chủ nghĩa công nghiệp và đang nhanh chóng trở thành một xã hội phi đại chúng hóa. Do đó, càng ngày càng khó khăn huy động một đa số hoặc một liên minh cầm quyền. Đây là lý do tại sao Italia trong 6 tháng và Hà Lan trong 5 tháng không có Chính phủ. Các nhà cai trị Làn sóng thứ hai luôn luôn tự cho là phát ngôn nhân danh đa số, vì tính hợp pháp của họ phụ thuộc vào nó. Chính phủ Mỹ là "của dân... do dân... vì dân". Đảng Cộng sản Liên Xô phát ngôn cho "giai cấp lao động" Ông Nixon nhận là đại diện cho "đa số thâm lặng" Mỹ. Và ở Mỹ ngày nay các nhà trí thức tân - bảo thủ tấn công những đòi hỏi của các nhóm thiểu số như da đen, phụ nữ, hoặc người Chicago, và nhận là phát ngôn cho quyền lợi của đa số rộng lớn, vững chắc, ôn hòa. Thế nhưng các nhà tân bảo thủ có thể đang khéo che đậy các chính sách chống thiểu số của họ trong vỏ bọc của một đa số huyền thoại chứ không phải là thực tế.

Thay vì một xã hội nhiều tầng lớp mà trong đó một số các lực lượng liên minh để tạo ra đa số, chúng ta có một xã hội tổng thể - nghĩa là một xã hội với hàng ngàn nhóm thiểu số tạo thành các mô hình tạm thời, ít khi đạt được sự nhất trí 51% về các vấn đề chính. Như thế nền văn minh Làn sóng thứ ba làm yếu đi chính tính hợp pháp của nhiều Chính phủ hiện nay.

Làn sóng thứ ba cũng thách thức tất cả những nhận thức truyền thống của chúng ta về mối quan hệ giữa nguyên tắc đa số và công bằng

xã hội. Trong suốt kỷ nguyên nền văn minh Làn sóng thứ hai, cuộc chiến đấu cho nguyên tắc đa số đã có ý nghĩa nhân đạo và giải phóng. Trong các xã hội Làn sóng thứ hai, nguyên tắc đa số luôn luôn có nghĩa là sự thay đổi tốt hơn cho người nghèo. Vì người nghèo đã là đa số. Song, ngày nay chính sự ngược lại mới thật sự nghèo không còn chiếm con số lớn nữa. Ở nhiều nước họ trở thành thiểu số. Do đó, nguyên tắc đa số không còn là một nguyên tắc hợp lý nữa, nó cũng không còn nhân đạo hoặc dân chủ nữa trong các xã hội đang đi vào Làn sóng thứ ba.

Các nhà tư tưởng của Làn sóng thứ hai thường xuyên than vãn về sự tan rã của xã hội đại chúng. Thay vì xem sự đa dạng phong phú này là một cơ hội cho sự phát triển nhân loại, họ phê phán nó là “tủn mủn” và quy cho nó là “sự ích kỷ” của các nhóm thiểu số. Lời giải thích tâm thường này coi hậu quả là nguyên nhân. Vì sự hoạt động gia tăng của các nhóm thiểu số không phải là kết quả của sự bất đầu đột ngột về ích kỷ, nó phản ánh những nhu cầu của một hệ thống sản xuất mới đòi hỏi một xã hội đa dạng, cởi mở và khác nhau.

Những tiềm ẩn của sự việc này là vô cùng lớn. Khi người ta cố gắng huỷ diệt sự đa dạng mới hoặc ngăn chặn sự đa nguyên chính trị, họ “kiềm chế phương tiện sản xuất” - nghĩa là họ làm chậm lại sự biến đổi kinh tế và công nghệ của xã hội. Chúng ta phải đối diện với sự chọn lựa, hoặc chúng ta chống lại bước tiến về đa dạng trong một cố gắng vô ích cuối cùng để cứu vãn các thiết chế chính trị

Làn sóng thứ hai của chúng ta, hoặc chúng ta chấp nhận sự đa dạng và thay đổi những thiết chế cho phù hợp.

Sự chọn lựa thứ nhất chỉ có thể được thực hiện bằng các phương pháp độc đoán và sẽ gây ra sự đình trệ kinh tế, văn hóa, sự chọn lựa thứ hai đưa đến sự tiến hóa xã hội và nền dân chủ thế kỷ XXI dựa trên thiểu số.

Để xây dựng lại dân chủ trong Làn sóng thứ ba, chúng ta cần phải vứt bỏ nhận thức sai lầm cho rằng sự đa dạng tăng lên sẽ đưa đến căng thẳng và khủng hoảng tăng lên trong xã hội. Điều ngược lại mới là đúng. Xung đột trong xã hội không chỉ là cần thiết mà nó còn đáng mong muốn trong những giới hạn nào đó. Nếu có được những sắp xếp xã hội phù hợp, sự đa dạng có thể tạo ra một nền văn minh an toàn và ổn định.

Ngày nay chính việc không có các thiết chế chính trị phù hợp làm trầm trọng một cách không cần thiết sự xung đột giữa các nhóm thiểu số để dẫn đến bờ bạo động. Chính việc không có những thiết chế như thế làm các nhóm thiểu số không khoan nhượng và làm cho ngày càng khó tìm được đa số. Câu trả lời cho những vấn đề này là cho cạnh ngày càng khó tìm được đồng quan điểm hoặc buộc tội các nhóm thiểu số là ích kỷ. Câu trả lời nằm trong những giải pháp hóa giải mới cho sự đa dạng hợp pháp và phù hợp – nghĩa là những thiết chế mới nhạy cảm với những nhu cầu dịch chuyển nhanh chóng của các nhóm thiểu số đang thay đổi và đang tăng lên.

Sự xuất hiện của nền văn minh phi đại chúng hóa đặt tương lai của nguyên tắc đa số và toàn bộ hệ thống bầu cử thành vấn đề. Chúng ta cần những cách đặt vấn đề mới được thiết kế cho nền dân chủ của các nhóm thiểu số. Chúng ta cần hiện đại hóa toàn bộ hệ thống để tăng cường vai trò của các nhóm thiểu số khác nhau nhằm cho phép họ tạo thành đa số. Tuy nhiên, để làm điều đó sẽ cần những thay đổi cơ bản trong các cấu trúc chính trị của chúng ta, bắt đầu với chính biểu tượng của dân chủ là thùng phiếu.

Trong các xã hội Làn sóng thứ hai, bầu cử để xác định nguyện vọng, nhân dân đã cung cấp một hậu thuẫn (hay một nguồn tiếp sức) quan trọng cho các nhà lãnh đạo. Vì lý do này hay lý do khác, khi các điều kiện trở thành không thể chấp nhận được cho đa số, và 51% người bầu cử biểu lộ sự mệt mỏi của họ, các nhà lãnh đạo có thể thay đổi đảng phái, thay đổi chính sách hoặc tạo ra một số liên minh khác. Tuy nhiên, ngay cả trong xã hội đại chúng của ngày hôm qua, nguyên tắc 51% rõ ràng là một công cụ đơn thuần về lượng. Bầu cử để xác định đa số cho thấy gì về chất lượng những quan điểm của một người.

Trong một xã hội đại chúng, những điểm yếu cơ bản của nguyên tắc đa số được bỏ qua vì hầu hết các nhóm thiểu số thiếu quyền lực chiến lược để phá vỡ hệ thống. Trong xã hội liên kết tinh vi ngày nay mà tất cả chúng ta là thành viên của các nhóm thiểu số thì điều trên không còn đúng nữa. Với một

xã hội Làn sóng thứ ba phi đại chúng hóa, hệ thống hậu thuẫn của quá khứ công nghiệp là quá thô thiển, nên chúng ta sẽ phải sử dụng bầu cử theo một cách cơ bản mới.

Có nhiều cách nhằm tăng quyền lực cho các nhóm thiểu số, nhưng điều quan trọng ở đây không phải là những đề nghị cụ thể. Điều quan trọng là con đường chúng ta chọn để đi. Hoặc chúng ta chiến đấu chống lại các nhóm thiểu số đang nổi lên, hoặc chúng ta xây dựng lại hệ thống chính trị của chúng ta để thích ứng với sự đa dạng mới. Chúng ta có thể tiếp tục sử dụng các công cụ đàn áp thô thiển của hệ thống chính trị Làn sóng thứ hai, hoặc chúng ta có thể thiết kế những công cụ mới cho một nền dân chủ dựa trên thiểu số của ngày mai.

Khi Làn sóng thứ ba phi đại chúng hóa xã hội đại chúng Làn sóng thứ hai, những áp lực của nó sẽ bức chế sự chọn lựa đó. Vì nếu chính trị đã là “tiền đa số” trong Làn sóng thứ nhất, và “đa số” trong Làn sóng thứ hai, thì nó dường như sẽ là “tiểu-đa số” ngày mai – một sự hợp nhất của nguyên tắc đa số với quyền lực thiểu số.

DÂN CHỦ BÁN – TRỰC TIẾP

Cột trụ thứ hai của các hệ thống chính trị ngày mai là nguyên tắc “dân chủ bán - trực tiếp” - sự thay thế các đại biểu cho chúng ta. Sự kết hợp giữa dân chủ đại diện với dân chủ trực tiếp là nền dân chủ bán - trực tiếp.

Sự nhất trí bị phá vỡ làm phá sản chính khái niệm đại diện. Không có sự nhất trí trong các cử tri ở khu vực bầu cử, thì đại biểu thực sự “đại diện” cho ai? Đồng thời các nhà lập pháp ngày càng dựa vào bộ máy giúp việc và các chuyên gia bên ngoài cố vấn trong việc làm luật pháp, nghĩa là có sự dịch chuyển quyền lực khỏi quốc hội đến các cơ quan dân sự không được bầu cử. Các đại biểu trúng cử của chúng ta ngày càng hiểu biết ít hơn về các việc mà họ phải quyết định, họ bị buộc phải dựa ngày càng nhiều vào sự phán đoán của những người khác. Thậm chí đại biểu không còn đủ tiêu chuẩn để đại diện cho chính họ.

Các nghị viện, các quốc hội là những nơi mà theo lý thuyết thì những tranh chấp giữa các nhóm thiểu số đối lập có thể được đưa ra giải quyết. “Đại biểu” của các nhóm có thể ngồi lại đàm phán với nhau. Nhưng ngày nay không nhà lập pháp nào có thể giám sát quá nhiều nhóm thiểu số mà họ đại diện, do đó để mặc cho các nhóm tự họ giải quyết với nhau. Các quốc hội càng quá tải bao nhiêu thì tình hình càng xấu thêm bấy nhiêu. Điều này giải thích tại sao những nhóm áp lực chính trị cho một vấn đề độc nhất trở thành không khoan nhượng. Các nhóm thấy cơ hội cho sự hòa giải phức tạp thông qua quốc hội hoặc cơ quan lập pháp là bị giới hạn, những đòi hỏi của họ đối với hệ thống trở thành không thương lượng được. Lý thuyết coi Chính phủ đại nghị như là một người hòa giải cũng phá sản.

Đàn áp không đem lại kết quả, các quyết định

không được thực hiện, sự tê liệt tệ hại của các thiết chế đại nghị cho thấy về lâu dài, nhiều quyết định, hiện nay được thực hiện bởi một số nhỏ các nhà giả đại biểu, có thể phải chuyển về lại cho cử tri. Nếu các đại biểu trúng cử không thể đàm phán thay cho chúng ta thì chúng ta sẽ phải tự làm việc đó. Nếu luật lệ họ định ra xa rời những nhu cầu của chúng ta, thì chúng ta phải tự làm lấy luật lệ cho mình. Tuy nhiên để thực hiện điều này, chúng ta cũng sẽ cần các thiết chế mới và các công nghệ mới.

Các nhà cách mạng Làn sóng thứ hai đã phát minh ra các thiết chế đại biểu đều hiểu về những khả năng dân chủ đại biểu trực tiếp đã có những dấu vết về nền dân chủ trực tiếp trong Hiến pháp cách mạng Pháp năm 1793. Mác và các đồ đệ của ông thường dẫn chứng Công xã Pari như là một mô hình về sự tham gia của nhân dân vào việc làm và thi hành luật pháp. Nhưng những nhược điểm và giới hạn của dân chủ trực tiếp cũng được biết rất rõ và vào thời điểm đó cũng có sức thuyết phục.

Những nhược điểm của dân chủ trực tiếp là phản ứng tình cảm của nhân dân và thông tin. Các đại biểu do bầu cử được coi như là ít bị xúc động và thận trọng hơn quần chúng. Vấn đề phản ứng qua tình cảm của quần chúng có thể được khống chế bằng nhiều cách khác nhau. Những điểm về thông tin cũng không còn nữa trong điều kiện dân chủ trực tiếp phát triển. Lần đầu tiên, những tiến bộ ngoạn mục trong nền công nghệ thông tin mở ra những khả năng cho sự tham gia trực tiếp của quần chúng vào các quyết định chính trị. Sử dụng

máy computơ, vệ tinh, điện thoại, kỹ thuật bỏ phiếu.v.v... quần chúng có học có thể bắt đầu ra những quyết định chính trị của riêng họ.

Vấn đề không phải hoặc thế này hoặc thế kia. Đây không phải là lựa chọn hoặc dân chủ trực tiếp, hoặc dân chủ gián tiếp, hoặc tự đại diện hoặc đại diện bởi người khác. Vì cả hai hệ thống đều có ưu điểm, và có nhiều cách sáng tạo để kết hợp sự tham gia trực tiếp của quần chúng với "đại diện" trong một hệ thống mới về dân chủ bán - trực tiếp.

Có những cách thức thích ứng để mở lối ra và dân chủ hóa một hệ thống gần sụp đổ và trong hệ thống đó ít người cảm thấy được đại diện đầy đủ. Chúng ta không thể nào giải quyết vấn đề của chúng ta với các ý thức hệ, các mô hình, các cấu trúc của quá khứ Làn sóng thứ hai. Nền dân chủ bán - trực tiếp dường như rất nguy hiểm và kỳ lạ đối với một số người, nhưng nó là một nguyên tắc ôn hòa có thể giúp chúng ta thiết kế những thiết chế mới có thể hoạt động được cho tương lai.

SỰ PHÂN CẤP, PHÂN CÔNG QUYẾT ĐỊNH

Nguyên tắc sống còn thứ ba đối với nền chính trị tương lai là nhằm phá vỡ tác nghẽn cơ chế quyết định và giao quyền quyết định vào đúng chỗ của nó. Điều này không phải đơn giản chỉ cần cải tổ lãnh đạo mà còn là vấn đề tìm thuốc chữa bệnh tê liệt chính trị - Đó là sự phân cấp và phân công quyết định.

Một số vấn đề không thể giải quyết ở cấp địa

phương. Một số khác không thể giải quyết ở cấp quốc gia. Một số khác đòi hỏi hành động ở nhiều cấp đồng thời cùng một lúc. Hơn thế nữa, nơi thích hợp để giải quyết vấn đề cũng thay đổi theo thời gian. Để giải tỏa sự tắc nghẽn quyết định do việc quá tải về thiết chế, chúng ta phải thực hiện việc phân công và phân cấp quyết định.

Những thỏa thuận chính trị ngày nay vi phạm nguyên tắc này một cách nghiêm trọng. Vấn đề đã di chuyển, nhưng quyền lực quyết định không di chuyển. Thật vậy, quá nhiều quyết định vẫn còn tập trung và kiến trúc thiết chế vẫn phức tạp nhất ở quốc gia. Ngược lại, thiếu những quyết định cần thiết ở cấp đa quốc gia và cấu trúc ở cấp đó lại chậm phát triển một cách kinh khủng. Thêm vào đó, quá ít quyền quyết định dành cho cấp dưới quốc gia như: khu vực, tiểu bang, tỉnh, địa phương hoặc các nhóm xã hội không theo khu vực địa lý.

Nhiều vấn đề mà các Chính phủ quốc gia vật lộn là vượt quá khả năng của họ. Do đó, chúng ta cần phát minh những thiết chế mới ở cấp đa quốc gia để nhiều quyết định có thể được chuyển giao. Chúng ta cần những thỏa thuận đa quốc gia mới để thiết lập các luật lệ về hoạt động công ty ở cấp toàn cầu. Chúng ta cần những côngsoóctiom và các tổ chức phi Chính phủ để xử lý các vấn đề toàn cầu khác nhau. Chúng ta cần các cơ quan điều chỉnh tiền tệ không kiểm soát được. Chúng ta cần sự biến đổi hoàn toàn quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, COMECON, NATO và các thiết chế khác giống như thế....

Ngày nay ở cấp đa quốc gia, chúng ta cũng ấu trĩ và chậm phát triển về chính trị giống như ở cấp quốc gia khi cuộc cách mạng công nghiệp bắt đầu cách đây 300 năm. Bằng việc chuyển một số quyết định ở cấp Nhà nước – quốc gia lên trên, chúng ta không chỉ làm cho cấp giải quyết vấn đề có thể hành động một cách có hiệu quả, và đồng thời làm giảm gánh nặng quyết định cho trung tâm đang bị quá tải là cấp Nhà nước – quốc gia. Sự phân cấp quyết định là thiết yếu.

Nhưng không phải chỉ chuyển quyền quyết định lên trên, mà còn phải chuyển nó xuống dưới. Lại một lần nữa đây không phải là vấn đề hoặc thế này hoặc thế kia. Đây không phải là vấn đề phân quyền đối với tập quyền theo nghĩa tuyệt đối. Vấn đề là phân cấp lại cho hợp lý quyền quyết định trong một hệ thống quá nặng về tập quyền.

Phân quyền chính trị có thể không đảm bảo dân chủ. Chính trị địa phương thường là bê bối hơn chính trị quốc gia. Tuy nhiên, không thể củng cố ý thức, trật tự và hiệu quả quản lý đối với nhiều Chính phủ mà không thực sự uỷ thác bớt quyền lực trung ương. Chúng ta cần phân chia gánh nặng quyết định và di chuyển một phần đáng kể quyết định xuống dưới.

Hơn thế nữa, các thiết chế Chính phủ phải tương quan với cấu trúc của kinh tế, của hệ thống tin tức và của những lĩnh vực khác của nền văn minh. Ngày nay, chúng ta đang chứng kiến một sự phân quyền cơ bản về sản xuất và hoạt động kinh tế. Thực vậy, có thể về cơ bản không còn là nền

kinh tế quốc gia nữa.

Những gì chúng ta thấy là sự nổi lên của các nền kinh tế khu vực trong mỗi nền kinh tế quốc gia. Các chính sách kinh tế giống nhau được nặn ra ở Oasinhton, Pari, hoặc Bon có những tác động khác nhau trên những nền kinh tế khu vực này. Cùng một chính sách kinh tế quốc gia có thể giúp vùng hoặc ngành công nghiệp này phát triển, song lại có thể có tác dụng phá hoại với vùng hoặc ngành công nghiệp khác. Do đó, một số lớn chính sách kinh tế phải được phi quốc gia hóa và phân quyền. Điều đó cho thấy dòng thông tin trong xã hội phải được lưu thông và sự phân quyền thông tin là cần thiết.

Một xã hội phải phân quyền hoạt động kinh tế, thông tin và nhiều lĩnh vực khác, điều đó dẫn đến sớm hay muộn cũng buộc phải phân quyền việc vạch ra quyết định của Chính phủ. Tất cả những điều trên đòi hỏi nhiều thay đổi trong các thiết kế chính trị hiện nay. Nó ẩn giấu các cuộc chiến đấu để kiểm soát ngân sách, thuế má, đất đai, năng lượng và những nguồn tài nguyên khác. Phân cấp quyết định sẽ không đến dễ dàng, nhưng chắc chắn không tránh được những nước tập quyền và quá tập quyền.

NHỮNG NGƯỜI LÃNH ĐẠO ĐANG PHÁT TRIỂN

Khái niệm “gánh nặng quyết định” là quan trọng đối với bất kỳ sự hiểu biết nào về dân chủ. Tất cả các xã hội đều đòi hỏi phải có các quyết định

chính trị phù hợp để có thể hoạt động. Mỗi xã hội có cơ hội quyết định riêng.

Các quyết định được yêu cầu càng nhiều, thay đổi thường xuyên và phức tạp bao nhiêu để vận hành xã hội, thì “gánh nặng quyết định” chính trị càng tăng thêm bấy nhiêu. Và gánh nặng này được phân chia ra sao, điều đó ảnh hưởng một cách cơ bản đến mức độ dân chủ trong xã hội.

Trong các xã hội tiền công nghiệp, với sự phân công lao động thô sơ và nhịp điệu thay đổi chậm chạp, số các quyết định chính trị và hành chính để giữ cho mọi việc hoạt động là ở mức tối thiểu. Gánh nặng quyết định nhỏ. Một nhóm ít các nhà cầm quyền với học vấn trung bình và không có chuyên môn cũng đủ để điều hành công việc mà không cần sự giúp đỡ từ dưới, tự họ gánh hết toàn bộ gánh nặng quyết định.

Những gì mà bây giờ chúng ta gọi là sự bùng nổ dân chủ chỉ xảy ra khi gánh nặng quyết định đột ngột vượt qua khả năng của các nhóm lãnh đạo cũ. Làn sóng thứ hai làm cho thương mại phát triển, phân công lao động gia tăng và đạt đến mức độ phức tạp hoàn toàn mới trong xã hội. Nó đã gây ra một sự bùng nổ bên trong cơ chế quyết định. Ngày nay Làn sóng thứ ba cũng đang gây ra điều đó. Do vậy, những khả năng quyết định của các nhóm lãnh đạo cũ bị vượt quá các nhà lãnh đạo mới phải được tuyển mộ để đối phó với gánh nặng quyết định. Các thiết chế chính trị cách mạng mới phải được thiết kế cho mục đích đó.

Khi xã hội nông nghiệp phát triển trở thành

phức tạp hơn, những người ưu tú của nó – các kỹ thuật viên quyền lực - đến lượt họ bị buộc phải tuyển mộ thêm người mới để giúp họ đảm đương gánh nặng quyết định đang tăng lên.

Chính quá trình vô hình này đã đưa giai cấp trung lưu lên vũ đài chính trị. Tuy nhiên, vào bất kỳ thời điểm nào cũng có một giới hạn rõ ràng về số lượng được nhận vào tầng lớp lãnh đạo. Và giới hạn này được quy định bởi tầm cỡ của gánh nặng quyết định.

Mặc dù có những nguyện vọng chính đáng của xã hội Làn sóng thứ hai, vẫn có một số nhóm dân cư bị loại trừ do phân biệt chủng tộc, do giới tính và vì các lý do khác tương tự. Khi xã hội đạt đến một mức mới về độ phức tạp và gánh nặng quyết định tăng lên, các nhóm bị loại trừ cảm nhận được những cơ hội mới nên đã đấu tranh quyết liệt cho quyền bình đẳng của họ, các nhà lãnh đạo buộc phải mở rộng ra sự bình đẳng, và xã hội được hưởng thêm dân chủ.

Do đó, chừng nào mà gánh nặng quyết định của hệ thống xã hội phát triển, dân chủ không phải là vấn đề chọn lựa mà là điều tất yếu của tiến hóa. Hệ thống không thể nào hoạt động mà không có dân chủ.

CUỘC SIÊU - ĐẤU TRANH ĐANG ĐẾN

Nhu cầu về những thiết chế chính trị mới đi cùng với nhu cầu của chúng ta về các thiết chế gia đình, giáo dục và công ty mới. Nó gắn liền với sự

tìm kiếm của chúng ta về một cơ sở năng lượng mới, những công nghệ mới, và những công nghiệp mới. Nó phản ánh sự biến động trong thông tin và nhu cầu cấu trúc lại các mối quan hệ với thế giới không công nghiệp. Nói tóm lại, đó là sự phản ánh chính trị của những thay đổi đang gia tăng trong tất cả các lĩnh vực khác nhau. Nếu không thấy được những sự liên kết này, thì không thể hiểu được những gì xảy ra xung quanh chúng ta. Vì ngày nay cuộc xung đột chính trị quan trọng nhất không còn là giữa giàu và nghèo, giữa các nhóm chủng tộc hoặc giữa tư bản và cộng sản. Cuộc chiến đấu quyết định ngày nay là giữa những người cố gắng bảo vệ phát triển xã hội công nghiệp và những người sẵn sàng vượt qua xã hội công nghiệp. Đây là cuộc siêu - đấu tranh ngày mai.

Những xung đột truyền thống khác giữa giai cấp, chủng tộc và ý thức hệ sẽ không biến mất. Chúng có thể trở nên dữ dội hơn, đặc biệt là nền kinh tế bị rối loạn quy mô lớn. Nhưng tất cả những xung đột này sẽ bị hút vào cuộc siêu - đấu tranh khi nó đụng đến mỗi hoạt động con người từ nghệ thuật, giới tính đến kinh doanh và bầu cử.

Điều này giải thích tại sao chúng ta thấy có hai cuộc đấu tranh chính trị đang đồng thời diễn ra ác liệt xung quanh chúng ta. Một mặt, chúng ta thấy sự xung đột chính trị giữa các nhóm Làn sóng thứ hai đang chống đối lẫn nhau vì lợi ích trước mắt. Mặt khác, sâu sắc hơn, các nhóm Làn sóng thứ hai truyền thống hợp tác cùng nhau chống lại những lực lượng chính trị mới của Làn sóng thứ ba.

Nói một cách khác, sự phát triển chính trị quan trọng nhất của thời đại chúng ta là có hai phe cơ bản, một phe gắn với nền văn minh Làn sóng thứ hai, phe kia gắn với Làn sóng thứ ba. Một phe nhằm duy trì các thiết chế cốt lõi của xã hội đại chúng công nghiệp – gia đình hạt nhân, hệ thống giáo dục đại chúng, công ty lớn, công đoàn, Nhà nước – quốc gia tập quyền về chính trị, và Chính phủ giả đại diện. Phe kia thừa nhận những vấn đề bức thiết nhất hiện nay, từ năng lượng, chiến tranh, nghèo đói đến suy thoái sinh thái và tan vỡ quan hệ gia đình. Họ cho rằng, tất cả những điều đó không thể giải quyết trong khuôn khổ nền văn minh công nghiệp.

Những người bảo vệ Làn sóng thứ hai chống lại quyền lực thiểu số, họ chế giễu dân chủ trực tiếp như là “chủ nghĩa dân túy” họ chống lại phân quyền, thuyết khu vực hóa và đa dạng, họ cản trở những cố gắng phi đại chúng hóa trường học, họ chiến đấu để duy trì một hệ thống năng lượng lạc hậu, họ thần thánh hóa gia đình hạt nhân, xem thường nỗi lo lắng sinh thái, tuyên truyền chủ nghĩa quốc gia kỷ nguyên công nghiệp truyền thống và ngăn cản quá trình tiến về một trật tự kinh tế thế giới đúng mức.

Ngược lại, những người bảo vệ Làn sóng thứ ba ủng hộ nền dân chủ của quyền lực thiểu số phân tán, họ chuẩn bị thực hiện nền dân chủ trực tiếp nhiều hơn, họ ủng hộ thuyết đa quốc gia và sự uỷ thác cơ bản về quyền lực, họ kêu gọi phá vỡ quan liêu nặng nề, họ yêu cầu một hệ thống năng

lượng có thể phục hồi và ít tập trung hơn, họ muốn hợp pháp hóa những khả năng thay thế cho gia đình hạt nhân, họ chiến đấu để bớt tiêu chuẩn hóa, mà chủ trương cá nhân hóa nhiều hơn trong trường học, họ ưu tiên cho các vấn đề môi trường, họ thừa nhận sự cần thiết phải cấu trúc lại kinh tế thế giới trên một cơ sở cân bằng hơn.

Đây mới là một phần quan điểm và sự khác nhau giữa hai phe, còn rất nhiều vấn đề khác biệt giữa hai phe đã nói ở các chương trước. Nói tóm lại, cuộc siêu đấu tranh giữa các lực lượng Làn sóng thứ hai và thứ ba giống như cắt một đường ngang qua giai cấp và đảng, ngang qua tuổi tác và chủng tộc, giới tính và văn hóa. Nó tổ chức và sắp xếp lại đời sống chính trị của chúng ta. Thay vì một xã hội tương lai không ý thức sẽ không xung đột, không giai cấp và hài hòa, nó hướng về những xung đột ngày càng tăng, tình trạng bất ổn định trong tương lai rất gần. Cuộc siêu - đấu tranh này sẽ ảnh hưởng đến chính trị ngày mai và đến chính hình thức của nền văn minh mới.

SỐ PHẬN LÀ TẠO RA

Một số thế hệ sinh ra để sáng tạo, một số khác duy trì văn minh. Các thế hệ đã phát động Làn sóng thứ hai bị buộc trở thành những người sáng tạo. Họ phát minh những hình thức chính trị mà chúng ta vẫn còn xem như là hiển nhiên. Bị kẹt giữa hai nền văn minh, số phận của họ là sáng tạo.

Ngày nay trong mỗi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong gia đình của chúng ta, trường học của chúng ta, công việc của chúng ta, trong hệ thống năng lượng và thông tin của chúng ta, chúng ta đang đối diện với nhu cầu tạo ra các dạng mới của Làn sóng thứ ba, và hàng triệu người trong nhiều nước đã bắt đầu làm như thế. Tuy nhiên, không nơi nào mà sự lỗi thời quá rõ và quá nguy hiểm hơn đời sống chính trị ở Mỹ.

Sự hình thành các cấu trúc chính trị mới cho nền văn minh Làn sóng thứ ba sẽ không đến bằng một cuộc biến động độc nhất, mà bằng hàng loạt sáng kiến và xung đột ở nhiều cấp và tại nhiều nơi khác nhau trong một khoảng thời gian vài thập kỷ. Điều này không loại bỏ khả năng bạo động trên con đường tiến về ngày mai. Sự chuyển tiếp từ nền văn minh Làn sóng thứ nhất sang Làn sóng thứ hai là một bi kịch dài dăm máu của chiến tranh, nổi loạn, đói kém, di dân cưỡng bức, đảo chính và thảm họa. Ngày nay các bi kịch dữ dội hơn, thời gian ngắn hơn, gia tốc nhanh hơn, nguy hiểm nhiều hơn.

Tất cả phụ thuộc vào tính linh hoạt và trí thông minh của các nhà lãnh đạo ngày nay. Nếu các nhà lãnh đạo không có tầm nhìn chiến lược, không có trí tưởng tượng và không có tính quyết đoán, thì họ sẽ chống lại Làn sóng thứ ba và do đó sẽ làm tăng các mối nguy cơ về bạo động và sự huỷ diệt chính họ. Ngược lại, nếu họ đi theo làn sóng thứ ba, nếu họ thừa nhận nhu cầu về một nền dân chủ rộng lớn hơn, thì họ có thể tham gia quá trình

tạo ra nền văn minh Làn sóng thứ ba, giống như những nhà ưu tú thông minh nhất Làn sóng thứ nhất đã đi trước xã hội công nghiệp và tham gia vào việc tạo ra nó.

Chúng ta càng bắt đầu sớm bao nhiêu để thiết kế các thiết chế chính trị dựa trên ba nguyên tắc đã trình bày ở trên - quyền lực thiểu số, dân chủ bán trực tiếp và phân cấp quyết định - chúng ta càng có khả năng chuyển tiếp hòa bình nhiều hơn. Chính sự cố gắng ngăn chặn những thay đổi như thế sẽ làm tăng mức độ nguy hiểm. Chính sự cố gắng mù quáng bảo vệ sự lỗi thời tạo ra mối nguy hiểm đổ máu.

Do đó, trách nhiệm thay đổi thuộc về chúng ta. Giống như thế hệ cách mạng đã chết, chúng ta có số phận sáng tạo.

MỤC LỤC

	Trang
Lời Nhà xuất bản	5
Lời nói đầu	7
Chương một:	15
SỰ VA CHẠM CỦA CÁC LÀN SÓNG	15
Siêu đầu tranh	15
Tiền đề cách mạng	18
Đầu ngọn sóng	19
Làn sóng của tương lai	22
Những con bọt vàng và kẻ sát nhân	25
Chương hai:	28
LÀN SÓNG THỨ HAI	28
Kiến trúc của văn minh	28
Giải pháp dữ dội	30
Ác quy sống	32
Dạ con công nghệ	33
Ngôi chùa đỏ son	34
Gia đình được tổ chức hợp lý	36
Chương trình giảng dạy che đậy	37

Sinh vật bất tử	38
Nhà máy âm nhạc	39
Trận bão tuyết báo chí	41

Chương ba:	45
MŨI NHỌN VÓ HÌNH	45

Ý nghĩa của thị trường	47
Sự chia tách giới tính	52

Chương bốn:	57
MỞ TUNG TRÍ TUỆ	57

Tiêu chuẩn hóa	27
Chuyên môn hóa	59
Đồng bộ hóa	61
Tập trung hóa	63
Tối đa hóa	65
Tập quyền hóa	67

Chương năm:	69
CÁC NHÀ CHUYÊN MÔN CỦA QUYỀN LỰC	69

Những người phối hợp	69
Guồng máy hợp nhất	72
Kim tự tháp quyền lực	75
Nhóm siêu ưu tú	76

Chương sáu:	79
BẢN KẾ HOẠCH BÍ MẬT	79

Say mê cơ khí	81
---------------	----

Bộ lắp ráp đại biểu	82
Nhà máy luật toàn cầu	83
Nghi lễ làm yên tâm	84
Chương bảy:	89
SỰ DIỄN CUỒNG CỦA CÁC QUỐC GIA	89
Thay ngựa	89
Đinh đóng đường ray bằng vàng	92
Chương tám:	94
CUỘC CHẠY ĐUA ĐẾN QUỐC	94
Máy bơm xăng dầu trong khu vườn	97
Đồn điền Macgarin	99
Hợp nhất theo kiểu Mỹ	102
Sự hợp tác xã hội chủ nghĩa	105
Chương chín:	109
Thực tế công nghiệp	109
Nguyên tắc tiến bộ	111
Phân mềm của thời gian	114
Kết hợp không gian thành đơn vị	116
Chuyện vớ vẩn của thực tế	117
Chương mười:	120
ĐOẠN CUỐI CON LŨ ĐỘT NGỘT	120
Chương mười một:	127
LÀN SÓNG THỨ BA	127
Sự tổng hợp mới	127

Chương mười hai:	131
NHỮNG ĐỈNH CAO ĐIỀU KHIỂN	131
Mặt trời và những nguồn năng lượng khác	131
Những công cụ của ngày mai	134
Máy móc trong vũ trụ	136
Đi vào đại dương	137
Công nghiệp gen	137
Những người chống đối công nghệ	138
 Chương mười ba:	 142
PHI ĐẠI CHÚNG HÓA THÔNG TIN ĐẠI	
CHÚNG	142
Nhà kho hình ảnh	143
Thông tin đại chúng bị phi đại chúng hóa	145
Văn hóa điểm sáng	147
 Chương mười bốn:	 151
MÔI TRƯỜNG THÔNG MINH	151
Nâng cao bộ não	151
Bộ nhớ xã hội	155
 Chương mười lăm:	 159
VƯỢT QUA SẢN XUẤT HÀNG LOẠT	159
Sửa chuột và áo ngắn tay	159
Hiệu ứng nhịp rất nhanh	162
Cái chết của nghề thư ký	164
 Chương mười sáu:	 169
NGÔI NHÀ ĐIỆN TỬ	169
	359

Làm việc ở nhà	170
Những người làm việc viễn thông	173
Xã hội với nhà là trung tâm	175
Chương mười bảy:	179
GIA ĐÌNH CỦA TƯƠNG LAI	179
Chiến dịch ủng hộ gia đình hạt nhân	180
Lối sống của gia đình không hạt nhân	182
Gia đình không con	183
Những quan hệ nóng	185
Tình yêu hơn nữa	186
Chiến dịch cho sự lao động của trẻ em	187
Gia đình điện tử mở rộng	188
Chương mười tám:	190
KHỦNG HOẢNG TÍNH ĐỒNG NHẤT CỦA CÔNG TY	190
Tiền tệ Kabuki	191
Nền kinh tế gia tốc	194
Xã hội phi đại chúng hóa	195
Định nghĩa lại công ty	197
Năm mũi áp lực	199
Công ty vạn năng	203
Nhiều quy tắc cơ bản	204
Chương mười chín:	207
GIẢI NHỮNG LUẬT LỆ MỚI	207
Chấm dứt giờ làm việc từ 9 giờ đến 17 giờ	208

Nữ thần tóc rắn không ngủ	209
Lập thời gian gấp bàn	210
Computơ và cần sa	212
Tiêu chuẩn hóa	214
Ma trận mới	216
Cái nhỏ trong cái lớn là rất đẹp	219
Tổ chức của tương lai	220
Chương hai mươi:	222
SỰ XUẤT HIỆN CỦA NGƯỜI "TIÊU SẢN"	222
Nền kinh tế vô hình	222
Cấu trúc xã hội	224
Tự làm lấy	225
Bên ngoài và bên trong	226
Lối sống của người "tiêu sản"	227
Kinh tế học Làn sóng thứ ba	230
Chấm dứt thị trường hóa	235
Chương hai mươi mốt:	240
VŨNG NƯỚC XOÁY TRÍ TUỆ	240
Hình ảnh mới của thiên nhiên	241
Thiết kế sự tiến hóa	242
Cây tiến bộ	244
Tương lai của thời gian	246
Người du hành không gian	247
Thuyết toàn thể và thuyết bán phần	249
Phòng chơi vũ trụ	251
Bài học con mối	254

Chương hai mươi hai:	257
SỰ TAN VỠ VỀ QUỐC GIA	257
Người Abkhazian và người Texas	258
Từ trên xuống	260
Công ty toàn cầu	262
Mạng T xuất hiện	265
Ý thức toàn cầu	266
Chương hai mươi ba:	269
GANDHI VỚI VỆ TINH	269
Chiến lược Làn sóng thứ hai	270
Mô hình thành công bị tan vỡ	271
Chiến lược Làn sóng thứ nhất	273
Câu hỏi Làn sóng thứ ba	276
Mặt trời và mạch vi điện tử	278
Những người "tiêu sản" thực thụ	283
Đường xuất phát	286
Chương hai mươi bốn:	288
ĐOẠN CUỐI: SỰ HỢP DÒNG VĨ ĐẠI	288
Những cơ sở của ngày mai	289
Khái niệm về "Thực tế - lý tưởng"	295
Câu hỏi đặt sai	297
Chương hai mươi lăm:	300
MÔI TRƯỜNG TÂM LÝ MỚI	300
Tấn công vào cô đơn	301
Cộng đồng viễn thông	305

Cấu trúc cuộc sống	305
Bí mật của các giáo phái	308
Chương hai mươi sáu:	310
NHÂN CÁCH TƯƠNG LAI	310
Trưởng thành khác nhau	312
Người lao động mới	314
Đạo đức của người tiêu sản	316
Cuộc cách mạng thông tin	318
Chương hai mươi bảy:	321
LĂNG TẨM CHÍNH TRỊ	321
Lỗ hổng đen	321
Quân đội riêng	325
Phức hệ vị cứu tinh	326
Mạng thế giới	330
Vấn đề hài hòa các mặt	332
Sự tăng tốc quyết định	333
Chương hai mươi tám:	336
DÂN CHỦ THỂ KỶ XXI	336
Quyền lực thiểu số	337
Dân chủ bán - trực tiếp	342
Sự phân cấp, phân công quyết định	345
Những người lãnh đạo đang phát triển	348
Cuộc siêu - đấu tranh đang đến	350
Số phận là tạo ra	353

LÀN SÓNG THỨ BA

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
MAI THỜI CHÍNH

PHỤ TRÁCH BÀN THẢO: PHẠM ĐỨC
BIÊN TẬP: KHÁNH VÂN - QUANG VŨ
TRÌNH BÀY: TRƯỜNG GIANG
BÌA: TRẦN ĐẠI THẮNG
SỬA BÀN IN: KHÁNH VÂN - QUANG VŨ

In 800 cuốn, khổ 13 x 19cm. In tại Công ty in Ba Đình
Thanh Hóa. Giấy phép xuất bản số: 35/168 CXB
In xong và nộp lưu chiểu quý III - 2002.

ALVIN
TOFFLER

LÀN SÓNG THỨ BA

T H E T H I R D W A V E



GIÁ : 31.500Đ